BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG PHỐI HỢP GIỮA NHÀ TRƯỜNG VÀ GIA ĐÌNH TRONG GIÁO DỤC TRẺ Ở CÁC TRƯỜNG MẦM NON QUẬN 2, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

Luận văn 24

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG PHỐI HỢP GIỮA NHÀ TRƯỜNG VÀ GIA ĐÌNH TRONG GIÁO DỤC TRẺ Ở CÁC TRƯỜNG MẦM NON QUẬN 2, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Chuyên ngành : Quản lí giáo dục

Mã số

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam kết đề tài nghiên cứu "Quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở các trường mầm non Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh" là của cá nhân tôi, không sao chép của bất cứ ai. Khi thực hiện đề tài, tôi có tham khảo một số tài liệu, nhận xét, đánh giá, nghiên cứu của các tác giả khác tôi đều có trích dẫn cụ thể. Tôi xin chịu mọi trách nhiệm về công trình nghiên cứu của mình.

Người cam kết

LỜI CẢM ƠN

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành và sâu sắc nhất đến Tiến sĩ Lê Quỳnh Chi, cô đã tận tình hướng dẫn, giúp đỡ tôi hoàn thành tốt bài luận văn cuối khóa. Tôi cũng xin gửi lời cám ơn đến các thầy, các cô trong suốt quá trình học, cũng như trong quá trình nghiên cứu thực hiện luận văn đã cung cấp cho tôi rất nhiều các kiến thức hữu ích, phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu khoa học giúp tôi có những định hướng nhất định để thực hiện tốt bài luận văn.

Tôi xin chân thành cảm ơn Ban giám hiệu, giáo viên và phụ huynh các trường mầm non đã hỗ trợ cho tôi trong quá trình khảo sát thực trạng, khảo sát tính cần thiết và khả thi của các biện pháp.

Xin cảm ơn Phòng Sau Đại học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh đã giúp đỡ và tạo điều kiện hoàn thành đúng kế hoạch học tập, đạt được kết quả tốt nhất.

Tôi xin cảm ơn gia đình, bạn bè, đồng nghiệp và các bạn trong lớp Quản lý giáo dục A đã động viên, giúp đỡ tôi trong suốt quá trình học tập.

Tôi rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của quý thầy, cô để luận văn của tôi được hoàn thiện hơn.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

MỤC LỤC

Trang phụ bìa
Lời cam đoan
Lời cảm ơn
Mục lục
Danh mục các chữ viết tắt
Danh mục các bảng
Danh mục các hình vẽ, đồ thị
MỞ ĐẦU 1
Chương 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG PHỐI HỢP GIỮA NHÀ TRƯỜNG VÀ GIA ĐÌNH TRONG GIÁO DỤC TRẺ Ở TRƯỜNG MẦM NON 8
1.1. Lịch sử nghiên cứu vấn đề 8
1.1.1. Trên thế giới 8
1.1.2. Tại Việt Nam 9
1.2. Các khái niệm 13
1.2.1. Khái niệm về hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ 13
1.2.2. Khái niệm về quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ 18
1.3. Hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở các trường mầm non 24
1.3.1. Vai trò của giáo dục nhà trường và giáo dục gia đình 24
1.3.2. Mục đích hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ 28
1.3.3. Nội dung hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ 29
1.3.4. Hình thức, phương pháp phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo

dục trẻ 31
1.3.5. Kiểm tra, đánh giá hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ 34
1.3.6. Các điều kiện thực hiện hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ 34
1.4. Quản lý hoạt động động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở trường mầm non 35
1.4.1. Mục đích quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ 35
1.4.2. Phân cấp quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ 35
1.4.3. Chức năng quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ 37
1.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ 39
1.5.1. Về phía nhà trường 39
1.5.2. Về phía gia đình 40
Chương 2. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG PHỐI HỢP GIỮA NHÀ TRƯỜNG VÀ GIA ĐÌNH TRONG GIÁO DỤC TRẺ Ở CÁC TRƯỜNG MẦM NON QUẬN 2, TP. HCM 42
2.1. Khái quát tình hình địa bàn nghiên cứu 42
2.1.1. Vị trí địa lý 42
2.1.2. Tình hình kinh tế 42
2.1.3. Cơ sở hạ tầng 42
2.1.4. Văn hóa, xã hội 43
2.1.5. Giáo dục 43
2.2. Tổ chức nghiên cứu thực trạng 46
2.2.1. Mục đích nghiên cứu 46
2.2.2. Phương pháp nghiên cứu thực trạng 46
2.2.3. Vài nét về đối tượng khảo sát 51

2.3. Thực trạng hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở các trường mầm non Quận 2, TP. HCM 53
2.3.1. Thực trạng nhận thức về vai trò của giáo dục nhà trường và giáo dục gia đình 53
2.3.2. Thực trạng về thái độ của CB-GV đối với hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ 63
2.3.3. Thực trạng về hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ 64
2.4. Thực trạng về quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở các trường mầm non Quận 2, TP. HCM 81
2.4.1. Thực trạng đánh giá về tầm quan trọng của việc quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ 81
2.4.2. Thực trạng đánh giá về phân cấp quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ 83
2.4.3. Thực trạng đánh giá về mục đích của việc quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ 84
2.4.4. Thực trạng lập kế hoạch quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ 85
2.4.5. Thực trạng tổ chức thực hiện hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ 88
2.4.6. Thực trạng chỉ đạo thực hiện hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ 90
2.4.7. Thực trạng kiểm tra, đánh giá việc quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ 92
2.4.8. Đánh giá về thực trạng thực hiện các chức năng quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ 94
2.4.9. Đánh giá chung về thực trạng quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ 95
2.4.10. Mối tương quan giữa nhận thức của CB-GV với thực trạng quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ 96

2.5. Kết quả nghiên cứu các yếu tốt ảnh hưởng đến quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ 97
2.5.1. Các yếu tố từ phía nhà trường 97
2.5.2. Các yếu tố từ phía gia đình 99
Chương 3. BIỆN PHÁP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG PHỐI HỢP GIỮA NHÀ TRƯỜNG VÀ GIA ĐÌNH TRONG GIÁO DỤC TRẺ Ở CÁC TRƯỜNG MẦM NON QUẬN 2, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH 103
3.1. Cơ sở đề xuất biện pháp 103
3.1.1. Cơ sở lý luận 103
3.1.2. Cơ sở pháp lý 103
3.1.3. Cơ sở thực tiễn 105
3.2. Các nguyên tắc đề xuất biện pháp 106
3.2.1. Nguyên tắc đảm đảo tính mục tiêu 106
3.2.2. Nguyên tắc đảm bảo tính thực tiễn 107
3.2.3. Nguyên tắc đảm bảo tính hiệu quả 108
3.2.4. Nguyên tắc đảm bảo tính khả thi 108
3.3. Các biện pháp 109
3.3.1. Nâng cao nhận thức của CBQL, GV và CMHS về hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ 109
3.3.2. Xây dựng kế hoạch quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình 113
3.3.3. Đổi mới việc tổ chức, chỉ đạo hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ 118
3.3.4. Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ 122
3.3.5. Đảm bảo các điều kiện hỗ trợ công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở các trường mầm non 125
3.4. Mối liên hệ giữa các biện pháp 128

3.5. Khảo sát tính cần thiết và khả thi của của một số biện pháp nâng cao chất lượng công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ 129
3.5.1. Mô tả cách thức khảo sát 129
3.5.2. Vài nét về khách thể nghiên cứu 130
3.5.3. Khảo sát tính cần thiết một số biện pháp nâng cao chất lượng công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ 132
3.5.4. Khảo sát tính khả thi của một số biện pháp nâng cao chất lượng công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ 135
KẾT LUẬN - KHUYẾN NGHỊ 142
TÀI LIỆU THAM KHẢO 147
PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	VIẾT ĐẦY ĐỦ	CHỮ VIẾT TẮT
1	Cán bộ quản lý	CBQL
2	Cán bộ, giáo viên	CB-GV
3	Cha mẹ học sinh	CMHS
4	Đại học Sư phạm	ĐHSP
5	Điểm trung bình	ĐTB
6	Giáo dục mầm non	GDMN
7	Giáo viên	GV
8	Hiệu quả thực hiện	HQ
9	Mặt trận tổ quốc	MTTQ
10	Mức độ thực hiện	MĐ
11	Nhân viên	NV
12	Phụ huynh	PH
13	Quản lý giáo dục	GLGD
14	Thành phố Hồ Chí Minh	TP.HCM

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1. Thống kê số trường tại Quận 2 tính đến năm học 2018 - 2019 44

Bảng 2.2. Thống kê số lớp, học sinh và nhân sự tại Quận 2 tính đến năm học 2018 - 2019 44

Bảng 2.3. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh các trường mầm non công lập Quận 2 tính đến năm học 2018 - 2019 45

Bảng 2.4. Cách quy đổi điểm các mức độ cho thang đo 48

Bảng 2.5. Vài nét về đối tượng khảo sát 52

Bảng 2.6. Nhận thức về tính cần thiết của hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ 54

Bảng 2.7. Nhận thức của CB-GV về bản chất của hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ 56

Bảng 2.8. Nhận thức của CB-GV về vai trò của hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ 57

Bảng 2.9. Nhận thức của CB-GV về mục đích của hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ 60

Bảng 2.10. Nhận thức chung của CB-GV về hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ 62

Bảng 2.11. Thái độ của CB-GV đối với hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ 64

Bảng 2.12. Thực trạng liên hệ của gia đình với nhà trường trong giáo dục trẻ 65

Bảng 2.13. Lý do gia đình phối hợp với nhà trường trong giáo dục trẻ 66

Bảng 2.14. Thực trạng CB-GV thực hiện các nội dung phối hợp với cha mẹ trẻ 68

Bảng 2.15. Thực trạng cha mẹ trẻ thực hiện các nội dung phối hợp với nhà trường 70

Bảng 2.16. Thực trạng CB-GV thực hiện các hình thức phối hợp với cha mẹ trẻ 73

Bảng 2.17. Thực trạng thực hiện các phương pháp phối hợp với cha mẹ trẻ 78

Bảng 2.18. Thực trạng thực hiện việc kiểm tra, đánh giá hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình 79

Bảng 2.19. Đánh giá về điều kiện để thực hiện hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình 80
Bảng 2.20. Đánh giá về tầm quan trọng của việc quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình 82
Bảng 2.21. Thực trạng về phân cấp quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình 83
Bảng 2.22. Đánh giá về mục đích của việc quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình 84
Bảng 2.23. Thực trạng lập kế hoạch quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình 85
Bảng 2.24. Thực trạng tổ chức thực hiện hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình 88
Bảng 2.25. Thực trạng chỉ đạo thực hiện hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình 90
Bảng 2.26. Thực trạng kiểm tra, đánh giá hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình 92
Bảng 2.27. Đánh giá về thực trạng thực hiện các chức năng quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình 94
Bảng 2.28. Đánh giá chung về thực trạng quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình 95
Bảng 2.29. Kết quả mối tương quan giữa nhận thức của CB-GV với thực trạng quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ 96
Bảng 2.30. Thực trạng các yếu tố từ nhà trường ảnh hưởng đến quản lý hoạt động phối hợp 97
Bảng 2.31. Thực trạng các yếu tố từ gia đình ảnh hưởng đến quản lý hoạt động phối hợp 99
Bảng 3.1. Cách quy đổi điểm các mức độ cho thang đo 130
Bảng 3.2. Vài nét về khách thể tham gia khảo sát 131

Bảng 3.3: Mức độ cần thiết của một số biện pháp nâng cao chất lượng công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ 132

Bảng 3.4. Mức độ khả thi của một số biện pháp nâng cao chất lượng công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ 135

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ, ĐỒ THỊ

Biểu đồ 2.1. Nhận thức của CMHS về tính cần thiết của hoạt động phối hợp 55
Biểu đồ 2.2. Nhận thức chung của CB-GV về hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ 63

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Giáo dục là một trong những lĩnh vực có vai trò quan trọng đối với mọi quốc gia, trong mọi thời đại khác nhau. Như chúng ta thấy, nước Nhật trước nay luôn quan niệm con người là yếu tố quan trọng của đất nước, muốn đất nước phát triển không có cách nào khác ngoài đào tạo nguồn nhân lực hùng hậu và chất lượng. Đối với Việt Nam, nhận thức rõ vai trò của Giáo dục và Đào tạo đối với sự phát triển đất nước tại Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ hai (khóa VIII), Đảng ta đã khẳng định "thực sự coi Giáo dục - Đào tạo là quốc sách hàng đầu" (Ban chấp hành Trung ương đảng, 1996). Đến Hội nghị Trung ương tám (khóa XI) Đảng ta một lần nữa nhấn mạnh luận điểm "Giáo dục và Đào tạo là quốc sách hàng đầu" (Ban chấp hành Trung ương đảng, 2013).

Việc giáo dục, bồi dưỡng, rèn luyện các phẩm chất và năng lực nhằm giúp trẻ em phát triển nhân cách một cách toàn diện là một quá trình lâu dài, liên tục, diễn ra ở nhiều môi trường khác nhau, liên quan đến nhiều mối quan hệ xã hội phức tạp. Vì thế việc giáo dục nói chung và giáo dục trẻ em ở lứa tuổi mầm non nói riêng luôn luôn đòi hỏi sự phối hợp, kết hợp chặt chẽ của nhiều lực lượng xã hội khác nhau và nhất là đòi hỏi sự quan tâm đúng mức của nhà trường và gia đình.

Nhà trường là nơi chăm sóc và giáo dục trẻ một cách khoa học vì nhà trường mầm non được trang bị cơ sở vật chất phù hợp với việc giáo dục trẻ mầm non, đội ngũ giáo viên đã qua đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ và nhất là chương trình giáo dục trong nhà trường là chương trình khoa học đã được nghiên cứu theo đặc điểm và yêu cầu cần đạt của lứa tuổi. Gia đình là nơi trẻ được sinh ra và lớn lên. Trẻ được nuôi dưỡng, giáo dục trong tình yêu thương của các thành viên trong gia đình. Để việc giáo dục trẻ đạt kết quả tốt nhất thì cần có sự phối hợp giữa nhà trường và gia đình để tránh tình trạng "trống đánh xuôi, kèn thổi ngược" gây hoang mang cho trẻ. Do đó, nhà trường cần chủ động tổ chức các hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình. Bên cạnh đó, gia đình cần chủ động liên hệ, phối hợp với nhà trường trong việc giáo dục trẻ nhằm mục đích mang lại lợi ích tốt nhất cho trẻ, giúp hình thành và phát triển nhân cách cho trẻ.

Trong lý luận cũng như trong thực tiễn giáo dục, việc phối hợp giữa nhà trường và gia đình đối với việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ là một trong những nguyên tắc cơ bản nếu muốn có sự thành công. Công tác phối hợp giữa nhà trường và gia đình cũng được thể hiện trong các văn bản của Đảng và Nhà nước như: Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 về ban hành điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo có hướng dẫn tổ chức và hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh làm cầu nối giữa cha mẹ trẻ với nhà trường, hỗ trợ nhà trường trong việc vận động phụ huynh tham gia thực hiện tốt các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ; Quyết định số 04/VBHN-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2015 về Ban hành điều lệ trường mầm non của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo trong đó có quy định về trách nhiệm của nhà trường, nhà trẻ, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập và trách nhiệm của gia đình trong việc phối hợp để chăm sóc giáo dục trẻ tại điều 46, 47; Luật Giáo dục của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 38/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 tại điều 93 đã quy định "Nhà trường có trách nhiệm chủ động phối hợp với gia đình và xã hội để thực hiện mục tiêu, nguyên lý giáo dục".

Việc phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình trong giáo dục trẻ nhằm giúp tạo sự thống nhất về nội dung, phương pháp, khắc phục những thiếu sót trong quá trình giáo dục, đa dạng các môi trường giáo dục góp phần hình thành nhân cách, phát triển toàn diện cho trẻ.

Để hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ đạt được kết quả như mong muốn thì việc phải quản lý nó là một điều tất yếu và công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ phải được thực hiện thường xuyên, khoa học và có hiệu quả. Việc quản lý tốt hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ sẽ góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ của Đảng và Nhà nước đã giao. Nhưng trên thực tế công tác này chưa nhận được sự quan tâm đúng mức của nhà trường bên cạnh những công tác khác. Việc quản lý các hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ chưa thật sự hiệu quả, còn nhiều bất cập, một số trường mầm non chưa có kế hoạch cụ thể, riêng biệt về công tác phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục

trẻ mà chủ yếu dựa vào kế hoạch hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh, kế hoạch chuyên môn, công tác kiểm tra, đánh giá còn mang tính hình thức…

Từ những vấn đề nêu và trên cơ sở tiếp cận các nghiên cứu có liên quan, tôi đã chọn nghiên cứu và thực hiện đề tài **"Quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở các trường mầm non Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh"**

2. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở hệ thống hóa lý luận, xác định thực trạng quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở các trường mầm non Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh (TP. HCM), từ đó, đề tài đề xuất một số biện pháp góp phần nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở các trường mầm non Quận 2.

3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu

3.1. Khách thể nghiên cứu

Quản lý hoạt động giáo dục ở các trường mầm non.

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở các trường mầm non Quận 2, TP. HCM

4. Giả thuyết khoa học

Công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở các trường mầm non Quận 2, TP. HCM đã thực hiện các khâu, lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo. Tuy nhiên, công tác này còn hạn chế về các vấn đề như sau: một số trường chưa có kế hoạch cụ thể, riêng biệt cho công tác phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong việc giáo dục trẻ. Việc tổ chức, chỉ đạo chưa đồng bộ, chưa chú trọng đến công tác kiểm tra, đánh giá. Nếu khảo sát và đánh giá đúng thực trạng quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở các trường mầm non Quận 2, TP. HCM thì sẽ đề xuất được một số biện pháp khả thi góp phần nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ tại các trường này.

5. Nhiệm vụ nghiên cứu

5.1. Hệ thống hóa cơ sở lý luận về hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ; quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở trường mầm non.

5.2. Khảo sát và đánh giá thực trạng hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ; quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở các trường mầm non Quận 2, TP. HCM.

5.3. Đề xuất một số biện pháp góp phần nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở các trường mầm non Quận 2, TP. HCM.

6. Giới hạn nghiên cứu

6.1. Về nội dung

Đề tài tập trung nghiên cứu thực trạng quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở các trường mầm non công lập Quận 2, TP. HCM.

6.2. Về đối tượng

Đề tài tiến hành khảo sát đối với cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên (GV), phụ huynh (PH) ở 7 trường công lập, thuộc 7 phường khác nhau trên địa bàn quận 2 dựa trên cơ sở thuận tiện đi lại, bao gồm các trường: Trường mầm non An Phú, mầm non Bình An, mầm non Cát Lái, mầm non Thạnh Mỹ Lợi, mầm non Vành Khuyên, mầm non Sen Hồng và mầm non Thảo Điền.

6.3. Về thời gian

Từ tháng 9 năm 2018 đến tháng 9 năm 2019

7. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

7.1. Phương pháp luận

7.1.1. Tiếp cận lịch sử - logic

Nghiên cứu thực trạng quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở các trường mầm non Quận 2, TP. HCM trên cơ sở tiếp cận các nghiên cứu có liên quan từ trước đến nay.

Nghiên cứu theo trình tự: từ việc xác định thực trạng quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ hiện tại sẽ đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ tại các trường mầm non này và trình bày công trình nghiên cứu theo một trình tự logic phù hợp.

7.1.2. Tiếp cận hệ thống - cấu trúc

Đề tài nghiên cứu vấn đề trong một hệ thống nhất định, thống nhất, phát triển. Quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ là một công tác quản lý nằm trong toàn bộ hệ thống quản lý chung của nhà trường

Quản lý sự phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ được xem như quản lý một hệ thống gồm: mục đích phối hợp, nội dung phối hợp, chủ thể phối hợp, hình thức và phương pháp phối hợp, các điều kiện phối hợp. Bản thân quản lý sự phối hợp cũng là một hệ thống bao gồm: mục tiêu quản lý, chủ thể quản lý, nội dung quản lý, phương pháp quản lý, kết quả quản lý.

Các biện pháp quản lý sự phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở các trường mầm non không tồn tại độc lập mà có mối quan hệ tác động qua lại với nhau.

7.1.3. Tiếp cận thực tiễn

Khảo sát thực trạng quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở các trường mầm non Quận 2, TP. HCM, từ đó phát hiện ra những tồn tại, các khâu thực hiện chưa hiệu quả, những mâu thuẫn, khó khăn, cản trở trong việc quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ. Trên cơ sở đó đề xuất một số biện pháp nhằm góp phần nâng cao hiệu quả quản lý sự phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở các trường mầm non Quận 2, TP. HCM.

7.2. Phương pháp nghiên cứu

7.2.1. Phương pháp nghiên cứu lý luận

Thu thập, phân tích, tổng hợp các tài liệu, các công trình nghiên cứu, sách, báo, tạp chí… có liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu nhằm hệ thống hóa các cơ sở lý

luận về quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở trường mầm non.

Phân tích, phân loại, xác định các khái niệm cơ bản

7.2.2. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn

7.2.2.1. Phương pháp điều tra khảo sát bằng bảng hỏi

Mục đích: Sử dụng bảng hỏi để nhằm thu thập những thông tin về nhận thức, thái độ và đánh giá của CBQL, GV, phụ huynh tại một số trường mầm non Quận 2, TP.HCM về thực trạng quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ. Ngoài ra, đề tài cũng sử dụng phiếu hỏi để khảo sát sự cần thiết và tính khả thi của các biện pháp.

Nội dung: Thực trạng quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở các trường mầm non Quận 2 TP.HCM; Khảo sát sự cần thiết và tính khả thi của các biện pháp đề xuất.

Mẫu điều tra: sử dụng 2 mẫu phiếu hỏi, 1 phiếu dành cho CBQL và GV, 1 phiếu dành cho PH. Đề tài tiến hành khảo sát 7 trường, số lượng khảo sát cụ thể như sau:

- 20 CBQL: khảo sát tất cả CBQL ở 7 trường (trong đó, 6 trường có 3 CBQL và 1 trường có 2 CBQL).
- 70 GV: mỗi trường khảo sát 10 GV.
- 180 CMHS: 4 trường có sỉ số trên 250 học sinh, khảo sát mỗi trường 30 CMHS và 3 trường có sỉ số dưới 250 học sinh, khảo sát mỗi trường 20 CMHS.

7.2.2.2. Phương pháp phỏng vấn sâu

Mục đích: Sử dụng phương pháp phỏng vấn nhằm trao đổi, xin ý kiến trực tiếp của CBQL, GV và PH về thực trạng hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ nhằm làm rõ hơn những vấn đề từ bảng hỏi.

Nội dung: thực trạng quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở các trường mầm non Quận 2, TP.HCM

Mẫu điều tra: 07 CBQL, 10 GV và 10 PH

7.2.2.3. Phương pháp quan sát

Mục đích: Ghi nhận, thu thập thông tin phục vụ cho việc nghiên cứu về thực trạng quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở các trường mầm non Quận 2, TP.HCM.

Nội dung: quan sát hoạt động của CBQL, các kế hoạch của nhà trường về hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ.

Mẫu điều tra: 7 Hiệu trưởng, các kế hoạch của nhà trường về công tác phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ.

7.2.3. Phương pháp thống kê toán học

Phương pháp này nhằm xử lý kết quả điều tra và các số liệu thu được bằng phần mềm SPSS. Từ đó phân tích, đánh giá nhằm đưa ra những kết luận phù hợp.

8. **Cấu trúc luận văn** Phần mở đầu Phần nội dung

- Chương 1: Cơ sở lý luận về quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở các trường mầm non.
- Chương 2: Thực trạng quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở các trường mầm non Quận 2, TP.HCM.
- Chương 3: Biện pháp quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở các trường mầm non Quận 2, TP.HCM.

Kết luận và khuyến nghị

Tài liệu tham khảo

Phụ lục

Chương 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG PHỐI HỢP GIỮA NHÀ TRƯỜNG VÀ GIA ĐÌNH TRONG GIÁO DỤC TRẺ Ở TRƯỜNG MẦM NON

1.1. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ đã được đề cập đến từ rất lâu. Khi xã hội ngày càng phát triển thì vấn đề này ngày càng được quan tâm nhiều hơn, nhất là đối với lứa tuổi mầm non. Tục ngữ nước ta có câu "tre non dễ uốn" nghĩa là một đứa trẻ được dạy dỗ từ nhỏ sẽ dễ dàng hơn và hiệu quả hơn, hay ca dao của nước ta cũng có câu "Uốn cây từ thuở còn non, dạy con từ thuở con còn ngây thơ, dạy con, dạy thuở còn thơ …" từ đó cho thấy việc giáo dục trẻ ngay từ nhỏ là vô cùng quan trọng. Việc giáo dục trẻ không thể diễn ra độc lập, đơn lẻ mà cần có sự phối hợp của nhiều môi trường, nhiều đối tượng và lực lượng khác nhau để đạt được kết quả tốt nhất. Đối với trẻ ở lứa tuổi mầm non thì môi trường có ảnh hưởng đến trẻ nhiều nhất đó chính là gia đình và nhà trường. Do đó, việc phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ mầm non đóng vai trò vô cùng quan trọng.

Có rất nhiều nghiên cứu về hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ trên thế giới và tại Việt Nam như:

1.1.1. Trên thế giới

Theo J.A.Comenxki (1592 – 1670), nhà giáo dục vĩ đại người Tiệp Khắc, khẳng định "Các bậc cha mẹ, giáo viên nhà trường, bản thân môn học, phương pháp dạy học phải thống nhất, làm thức tỉnh và duy trì khát vọng học tập trong học sinh" (Tạ Thị Thanh An, 2013).

Theo V.A.Xukhomlinxki (1918 – 1970), nhà giáo dục lỗi lạc của Liên Xô, ông đã nêu lên tầm quan trọng của việc phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong việc đạt được mục đích giáo dục cho những người công dân là tương lai của đất nước. V.A.Xukhomlinxki đã khẳng định "nếu gia đình và nhà trường không có sự hợp tác để thống nhất mục đích, nội dung giáo dục thì sẽ dẫn đến tình trạng gia đình một đường, trường học một nẻo" (Nguyễn Thị Kim Anh, 2018).

Bộ trưởng Bộ Giáo dục Anh, trong bài phát biểu tại hội nghị diễn ra ở London về việc "đề cao vai trò của cha mẹ trong giáo dục trẻ", ông cho rằng "cha mẹ không nên phó thác việc chăm sóc, giáo dục con em mình cho nhà trường". Ông khẳng định "vai trò của các bậc phụ huynh rất quan trọng, thậm chí sẽ mang lại một sự "khác biệt lớn" so với những kết quả mà trẻ đã đạt được từ trường học" (Alan Johnson, 2006).

Theo tác giả người Nga Ubanxkaia với tác phẩm "Giáo viên và công tác với gia đình" đề cập đến công tác Hiệu trưởng với công tác phụ huynh như: công tác quản lý hoạt động phối hợp với gia đình, công tác tư vấn, giao tiếp trực tiếp với phụ huynh và bồi dưỡng đội ngũ giáo viên trong công tác phối hợp với phụ huynh (Lê Thị Trâm Anh, 2015).

Một dự án nghiên cứu về gia đình của trường đại học Harvard (Harvard Family Researeh project) khẳng định "Sự tham gia của gia đình trong giáo dục mầm non nâng cao thành công của mỗi trẻ trong mọi độ tuổi". Dự án đã nêu được tầm quan trọng của giáo dục gia đình trong giai đoạn lứa tuổi mầm non. Sự tham gia vào các hoạt động ở cơ sở giáo dục mầm non bao gồm: các buổi họp phụ huynh, tham quan lớp học, tham gia giúp đỡ các hoạt động của lớp học cũng như duy trì mối liên hệ định kỳ giữa cha mẹ và giáo viên là những yếu tố ảnh hưởng, tác động đến chất lượng giáo dục trẻ (Lê Thị Trâm Anh, 2015).

1.1.2. Tại Việt Nam

Mối quan hệ giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ đã được đề cập đến từ lâu trong lịch sử giáo dục Việt Nam. Ca dao nước ta có câu "muốn sang thì bắc cầu Kiều, muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy" đã phản ánh được mối quan hệ này.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh , trong buổi nói chuyện tại Hội nghị cán bộ Đảng ngành giáo dục (6/1957) Bác đã nói "Phải mật thiết liên hệ với gia đình học trò. Bởi vì giáo dục trong nhà trường chỉ là một phần, còn có sự giáo dục ngoài xã hội và trong gia đình để giúp cho việc giáo dục trong nhà trường được tốt hơn. Giáo dục trong nhà trường dù tốt mấy nhưng thiếu giáo dục trong gia đình và ngoài xã hội thì kết quả cũng không hoàn toàn" cho thấy Bác cũng rất đề cao việc phối hợp các lực

lượng trong giáo dục nhằm đem lại kết quả tốt nhất cho quá trình giáo dục trẻ (Trích bài phát biểu của Bác tại Hội nghị cán bộ Đảng trong ngành giáo dục tháng 6/1957 trong cuốn Hồ Chủ tịch bàn về giáo dục năm 1962).

Những tác phẩm, sách viết về giáo dục trẻ, về hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong việc giáo dục trẻ như:

- Đinh Văn Vang (2008) trong chương 4 tác giả viết về giáo dục gia đình, ý nghĩa của giáo dục gia đình đối với lứa tuổi mầm non, sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong việc giáo dục trẻ em (ý nghĩa và các hình thức phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ em) trong đó có ý nêu "giáo dục gia đình và giáo dục nhà trường bổ sung cho nhau trong việc giáo dục trẻ em. Gia đình củng cố, mở rộng và rèn luyện cho trẻ em những nội dung được tiếp nhận ở trường. Ngược lại, nhà trường phát huy vốn kinh nghiệm của trẻ trong gia đình vào việc giáo dục, rèn luyện những kỹ năng, thói quen cần thiết cho trẻ".
- Tác giả tài liệu "Hướng dẫn thực hành áp dụng quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm trong trường mầm non", đã xây dựng bộ tiêu chí về "thực hành áp dụng quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm trong hợp tác với cha mẹ chăm sóc, giáo dục trẻ em" gồm 12 tiêu chí và 27 chỉ số. Tầm quan trọng và cách thức phối hợp với gia đình trong chăm sóc, giáo dục trẻ thể hiện rõ qua 12 tiêu chí như: xây dựng mối quan hệ giữa giáo viên, trường mầm non và cha mẹ trẻ; có các biểu hiện giao tiếp tốt với cha mẹ trẻ; đa dạng các hình thức giao tiếp với cha mẹ trẻ; tổ chức cuộc họp với cha mẹ trẻ đạt hiệu quả; giải quyết các vấn đề xảy ra một các có hiệu quả; chăm sóc, giáo dục trẻ tại gia đình; giao tiếp với cha mẹ trẻ tại gia đình; thông tin về sự phát triển của trẻ cho cha mẹ. Trong từng tiêu chí có các chỉ số cụ thể và các gợi ý để thực hiện cũng như đánh giá việc thực hiện (Hoàng Thị Dinh và các cộng sự, 2017).
- Nguyễn Ánh Tuyết (2005) đã chỉ ra rằng để đáp ứng nhu cầu phát triển của trẻ thì cần có sự phối hợp của nhiều môi trường, "để sự kết hợp có hiệu quả thì giáo viên mầm non và cha mẹ trẻ nên thường xuyên liên hệ với nhau để trao đổi về mục tiêu, nội dung, phương pháp chăm sóc, giáo dục trẻ, đồng thời thông tin kịp thời cho

nhau biết những đặc điểm, những biến đổi về tính tình, khả năng cũng như về sức khỏe của các cháu cùng với những biện pháp chăm sóc và giáo dục cụ thể".

Một số bài báo khoa học nghiên cứu về hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ như:

- Bài báo "Hình thức phối hợp giữa cha mẹ với trường mầm non trong chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non có rối loạn phổ tự kỉ", trang 1 - 8, được in trên Thông tin khoa học giáo dục nhà trường và thực tiễn giáo dục, số 21 tháng 2 năm 2018 của trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương TP. HCM, tác giả Nguyễn Thị Kim Anh có nêu "để nâng cao chất lượng giáo dục mầm non, đáp ứng nhu cầu của cha mẹ và lợi ích của trẻ mầm non nói chung và trẻ mầm non có rối loạn phổ tự kỷ nói riêng cần tạo ra không gian giáo dục thống nhất cho trẻ, cần phát triển hệ thống tương tác giữa trường mầm non và cha mẹ trẻ".
- Bài báo "Hợp tác với cha mẹ trẻ trong chăm sóc giáo dục trẻ mầm non", trang 9 - 13, in trên Thông tin khoa học giáo dục nhà trường và thực tiễn giáo dục, số 21 tháng 2 năm 2018, trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương TP. HCM của tác giả Nguyễn Thị Kim Hoa khẳng định "sự hợp tác giữa trường mầm non với cha mẹ trẻ được xem là vấn đề có tính nguyên tắc đảm bảo cho mọi hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non có điều kiện đạt kết quả tốt".
- Bài báo "Phối hợp giữa gia đình với nhà trường trong giáo dục - chăm sóc trẻ mầm non", trang 52 - 62, được in trên Thông tin khoa học giáo dục nhà trường và thực tiễn giáo dục, số 22 tháng 6 năm 2018, trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương TP. HCM của tác giả Đinh Văn Mãi có chỉ ra rằng "công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình trong giáo dục - chăm sóc trẻ mầm non sẽ mang lại lợi ích cho tất cả các bên liên quan nhất là hướng tới lợi ích tốt nhất cho trẻ".
- Bài báo Phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non, trang 138 - 142, được in trên Tạp chí giáo dục trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An, số đặc biệt kỳ 1 tháng 5 năm 2018 của tác giả Hoàng Hải Quế có nêu về tầm quan trọng và một số biện pháp thực hiện công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong chăm sóc giáo dục trẻ.

Các tài liệu nghiên cứu về hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong việc tư vấn cho phụ huynh về kiến thức chăm sóc, giáo dục trẻ, những kiến thức, kỹ năng cần thiết cho trẻ như:

- Modun "Phối hợp với gia đình để giáo dục trẻ mầm non" giúp CBQL, GV hiểu rõ hơn ý nghĩa, vai trò và mục tiêu của việc phối hợp giáo dục giữa nhà trường với gia đình trong việc giáo dục trẻ trên cơ sở hiểu rõ các nội dung cần thiết phải phối hợp với gia đình để dạy trẻ một cách thống nhất, từ đó có hình thức và phương pháp phối hợp thích hợp. Trong đó tác giả khẳng định "sự phối hợp giữa trường mầm non và gia đình là mối quan hệ hai chiều mật thiết, cùng chung một mục đích; cũng có thể coi đó là con đường cơ bản, chính yếu, có sự thống nhất chung về mục đích, lợi ích và phương pháp giáo dục để giúp trẻ phát triển toàn diện" (Nguyễn Thị Sinh Thảo, 2011).

- Modun "Tư vấn về chăm sóc, giáo dục mầm non" giúp GV xác định đúng vai trò, mục đích, hình thức, phương pháp và nội dung tư vấn, biết lựa chọn nội dung, phương pháp tư vấn phù hợp với từng cha mẹ trẻ trong đó nội dung khẳng định "gia đình có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc phối hợp cùng nhà trường để giúp trẻ phát triển toàn diện" (Hoàng Thị Thu Hương, 2011).

- Modun "Phương pháp tư vấn về chăm sóc, giáo dục mầm non cho các bậc cha mẹ có con 3 - 36 tháng" có nêu "tư vấn, tuyên truyền, hướng dẫn cho các bậc cha mẹ về kiến thức và kỹ năng chăm sóc và giáo dục trẻ là một trong những nhiệm vụ của trường mầm non nói chung và của giáo viên mầm non nói riêng" (Lương Thị Bình và Nguyễn Thị Quyên, 2011).

- Modun "Phương pháp tư vấn về chăm sóc, giáo dục mầm non cho các bậc cha mẹ có con 3 - 6 tuổi" giúp GV nắm được mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tư vấn về chăm sóc giáo dục trẻ từ 3 - 6 tuổi, trong đó có nêu "sự phát triển của trẻ 3 - 3 tuổi có ảnh hưởng rõ tới sức khỏe, khả năng học tập, cách ứng xử để thích nghi với môi trường sống sau này. Do đó, GV cần lựa chọn những nội dung tư vấn cho các bậc cha mẹ để nuôi dưỡng những khả năng ấy của trẻ được phát triển tốt và đúng hướng" (Hoàng Thị Hương, 2011).

Những nghiên cứu khoa học về quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ:

- Luận văn "Thực trạng quản lý sự phối hợp giữa nhà trường - gia đình trong công tác giáo dục học sinh ở các trường trung học phổ thông huyện Cần Đước, tỉnh Long An" của tác giả Hồ Văn Thơm (2009); luận văn "Thực trạng quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình ở các trường mầm non Quận 3 TP. HCM" của tác giả Tạ Thị Thanh An (2013); luận văn "Quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong việc chăm sóc - giáo dục trẻ 5 - 6 tuổi tại Trường Mầm non Tuổi hoa - Quận Ba Bình - thành phố Hà Nội" của tác giả Lê Thị Trâm Anh (2015); luận văn "Quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình ở các trường Trung học cơ sở ngoài công lập tại Quận 7 TP. HCM" của tác giả Tăng Thị Tuyết Trinh (2016), các công trình nghiên cứu về quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình nêu trên đã đưa ra những lý luận cơ bản và tầm quan trọng của công tác phối hợp nhà trường, gia đình. Các nghiên cứu đã làm rõ chức năng quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình, đồng thời đưa ra được một số biện pháp nhằm tăng cường hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình.

Nhìn chung, hoạt động phối hợp nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ và quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ đã được quan tâm, đề cập đến từ rất lâu cả trong nước và ngoài nước. Đã có rất nhiều sách, công trình, đề tài nghiên cứu viết về vấn đề trên. Tuy nhiên, cho đến hiện tại vẫn chưa có đề tài nào nghiên cứu về quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở các trường mầm non Quận 2, TP. HCM.

1.2. Các khái niệm

1.2.1. Khái niệm về hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ

1.2.1.1. Nhà trường

Theo từ điển tiếng Việt, nhà là "thứ công trình kiến trúc có mái, có tường bao quanh, có cửa ra vào để ở hoặc dùng vào một mục đích nào đó" (Nguyễn Kim Thản, Hồ Hải Thụy, Nguyễn Đức Dương, 2006, tr.844). Nhà trường là "trường học;

những người làm công tác quản lý, giảng dạy trong trường học" (Nguyễn Kim Thản và các công sự, 2006, tr.847).

Nhà trường là một dạng thiết chế tổ chức chuyên biệt và đặc thù của xã hội, được thiết lập do nhu cầu tất yếu khách quan của xã hội, nhằm thực hiện chức năng truyền thụ các kinh nghiệm xã hội cần thiết cho mọi người ở từng nhóm cư dân nhất định trong cộng đồng và xã hội để tồn tại và phát triển cá nhân, phát triển cộng đồng và phát triển xã hội. hay nói một cách khác, nhà trường là một thiết chế tổ chức chuyên biệt trong hệ thống tổ chức xã hội thực hiện chức năng tái tạo nguồn nhân lực phục vụ cho sự duy trì và phát triển của xã hội (Nguyễn Sỹ Thư, tài liệu môn học Đổi mới giáo dục và quản lý nhà trường).

Nhà trường có tổ chức, có nội dung và chương trình giáo dục cụ thể. Bản chất giai cấp, văn hóa dân tộc được thể hiện trong hoạt động của nhà trường.

Theo tôi, chúng ta có thể hiểu *nhà trường là cơ sở giáo dục, là nơi đào tạo, bồi dưỡng cho con người về một lĩnh vực cụ thể hay giáo dục toàn diện con người về đạo đức, trí tuệ, thẩm mỹ, thể chất, lao động và nghề nghiệp.*

Nhà trường xuất hiện từ rất lâu, trải qua thời gian từ chế độ Chiếm hữu nô lệ đến nay, nhà trường đã thay đổi rất nhiều từ mô hình, hình thức giáo dục, nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục… để ngày càng phù hợp hơn với nhu cầu thực tế của xã hội hiện đại.

Nhà trường có thể là một căn phòng, một ngôi nhà nhỏ hay một công trình quy mô nhưng mục đích chính vẫn là để giáo dục con người.

Chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy và công nhận chức năng giáo dục của nhà trường như các trường mầm non, các trường phổ thông giúp giáo dục học sinh phát triển về thể chất, thẩm mỹ, trí tuệ, đạo đức, lao động hay nói cách khác là giúp người học phát triển về cả năng lực lẫn phẩm chất. Chức năng đào tạo, và bồi dưỡng thể hiện qua các loại hình nhà trường như: trường đại học, trường nghề, trường cao đẳng, trung tâm bồi dưỡng… các loại hình nhà trường này nhằm đào tạo hoặc bồi dưỡng cho người học một lĩnh vực cụ thể nào đó nhưng mục đích cuối cùng của nhà trường vẫn hướng đến nhằm giúp con người phát triển toàn diện đáp ứng nhu cầu xã hội hiện đại.

Nhà trường góp phần phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội của một đất nước nhưng đồng thời cũng chịu sự quản lý của nhà nước và sự điều chỉnh của các quy định xã hội.

1.2.1.2. Gia đình

Có rất nhiều khái niệm khác nhau về gia đình, tùy theo lĩnh vực nghiên cứu mà người ta đưa ra các khái niệm tương ứng.

Theo từ điển tiếng Việt, gia đình là "tập hợp những người cùng sống chung thành một đơn vị nhỏ nhất trong xã hội, gắn bó với nhau bằng quan hệ máu mủ và hôn nhân" (Nguyễn Kim Thản và các cộng sự, 2006, tr.482).

> Dưới góc độ văn hóa học, gia đình là một thiết chế xã hội mang màu sắc dân tộc và đánh dấu tiến trình phát triển về văn hóa. Đó là thiết chế cơ sở nằm cạnh các thiết chế xã hội khác như họ, làng, xóm, phường, hội, nhà nước …, có những cá nhân và công đồng mà cá nhân đó tham giao (như họ, làng, các tổ chức xã hội, dân tộc, quốc gia).
>
> Dưới góc độ xã hội học, gia đình được xem là một nhóm nhỏ xã hội, gắn bó với nhau bằng quan hệ hôn nhân và huyết thống, thường gồm vợ chồng, cha mẹ, con cái sống chung với nhau dưới một mái nhà và có một vốn kinh tế chung.
>
> Dưới góc độ tâm lý học xã hội, gia đình được xem là một nhóm xã hội, được tồn tại và phát triển dựa trên các mối quan hệ cơ bản là quan hệ hôn nhân và tình cảm huyết thống sâu sắc, trong đó mỗi cá nhân hình thành và phát triển nhân cách.
>
> Dưới góc độ giáo dục, gia đình là một nhóm nhỏ xã hội, các thành viên trong nhóm có quan hệ gắn bó với nhau trên cơ sở hôn nhân hoặc huyết thống sâu sắc sinh sống, lớn lên và hình thành nhân cách của mình. Gia đình là cơ sở để duy trì nòi giống và là cơ sở của việc giáo dục thế hệ đang lớn lên (Đinh Văn Lang, 2008, tr.243-244).

Theo khoản 2, điều 3, luật hôn nhân và gia đình: "gia đình là tập hợp những người gắn bó với nhau do hôn nhân, quan hệ huyết thống hoặc quan hệ nuôi dưỡng, làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ giữa họ với nhau theo quy định của luật này" (Quốc hội, 2014).

Từ các khái niệm về gia đình đã nêu ở trên, theo tôi, *gia đình là một tế bào của xã hội, gia đình bao gồm những người cùng chung sống với nhau trên quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống hoặc quan hệ nuôi dưỡng*.

Gia đình là một tế bào của xã hội. Tế bào đó có thể là một gia đình nhỏ bao gồm vợ, chồng, con cái hay một gia đình lớn gồm rất nhiều thế hệ như ông bà, cha mẹ, con cái, cháu, chắt … nhiều gia đình như thế hợp lại tạo nên một xã hội vô cùng đa dạng với nhiều màu sắc khác nhau.

Các thành viên trong gia đình thường chung sống với nhau trong một ngôi nhà. Khi đến tuổi trưởng thành, người nam và người nữ kết hôn với nhau tạo thành một gia đình nhỏ. Đó là gia đình dựa trên quan hệ hôn nhân.

Gia đình bao gồm những người trong cùng một dòng họ như: cụ, ông bà, cha mẹ, con cái, cháu, chắt … sống cùng với nhau hoặc không sống cùng nhau nhưng có quan hệ ruột thịt, họ hàng. Gia đình còn thể là những người chỉ dựa trên quan hệ nuôi dưỡng như con nuôi, cha mẹ nuôi … Dù dựa trên quan hệ huyết thống hay nuôi dưỡng thì gia đình cũng có nhiệm vụ và trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các thành viên trong gia đình khôn lớn, trở thành người có ích cho xã hội.

1.2.1.3. Hoạt động giáo dục trẻ

Theo từ điển tiếng Việt, hoạt động có nghĩa là "tiến hành những việc làm có quan hệ với nhau chặt chẽ nhằm một mục đích nhất định trong đời sống xã hội" (Nguyễn Kim Thản và các cộng sự, 2006, tr.562).

Giáo dục là "hoạt động nhằm tác động một cách có hệ thống đến sự phát triển tinh thần, thể chất của một đối tượng nào đó, để họ dần dần có được những phẩm chất và năng lực như yêu cầu đề ra" (Nguyễn Kim Thản và các cộng sự, 2006, tr.495).

Huỳnh Văn Sơn, Lê Thị Hân, Trần Thị Thu Mai, Nguyễn Thị Uyên Thy (2016) đã nêu, giáo dục là là hoạt động chuyên biệt, có mục đích, có kế hoạch, có chương trình và sử dụng những hình thức, phương pháp tác động dựa trên cơ sở khoa học nhằm hình thành nhân cách con người theo yêu cầu của xã hội (tr.219).

Từ các khái niệm về hoạt động và giáo dục, theo tôi, *hoạt động giáo dục trẻ là một trong những hoạt động chủ đạo của nhà trường và là hoạt động thường xuyên,*

liên tục của gia đình. Hoạt động giáo dục trẻ ở nhà trường được tổ chức có mục đích, có kế hoạch, có nội dung cụ thể, sử dụng các phương pháp khoa học và hoạt động giáo dục trẻ ở gia đình chủ yếu dựa trên những kinh nghiệm nhưng đều nhằm mục tiêu giúp trẻ phát triển toàn diện.

Giáo dục là một hoạt động đặc biệt. Hoạt động giáo dục là quá trình truyền đạt và lĩnh hội kinh nghiệm, lịch sử xã hội của thế hệ đi trước cho thế hệ sau. Nhờ có hoạt động giáo dục mà con người có thể tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại trên cơ sở kế thừa, phát triển những điểm mạnh và khắc phục những hạn chế để nó phù hợp với điều kiện thực tế của xã hội hiện đại.

Hoạt động giáo dục trẻ của nhà trường có mục đích cụ thể, rõ ràng thể hiện qua chương trình dạy, mục tiêu và kết quả mong đợi của từng độ tuổi, kế hoạch giảng dạy của giáo viên. Hoạt động giáo dục trẻ sử dụng những phương pháp đặc thù trong giáo dục nhưng linh hoạt tùy vào từng đối tượng trẻ khác nhau. Các phương tiện giáo dục trẻ phải được lựa chọn và sử dụng một cách khoa học.

Hoạt động giáo dục trẻ ở gia đình diễn ra một cách tự nhiên giữa các thành viên trong gia đình với nhau nhằm giúp cho trẻ lĩnh hội những cách ứng xử, giao tiếp với nhau, những hiểu biết ban đầu về thế giới xung quanh.

Hoạt động giáo dục trẻ phải được diễn ra thường xuyên, liên tục, mọi lúc mọi nơi và cần có sự phối hợp của nhiều lực lượng khác nhau. Đối với lứa tuổi mầm non thì môi trường quan trọng nhất tác động đến hoạt động giáo dục trẻ là gia đình và nhà trường.

Hoạt động giáo dục trẻ trong trường mầm non góp phần định hướng cho sự hình thành và phát triển nhân cách của trẻ trong tương lai. Cung cấp cho trẻ những tri thức khoa học phù hợp với độ tuổi. Giúp phát huy những điểm mạnh và khắc phục những hạn chế của trẻ.

1.2.1.4. Hoạt động phối hợp

Theo từ điển tiếng Việt phối hợp là "cùng hành động hoặc hoạt động hỗ trợ lẫn nhau" (Nguyễn Kim Thản và các cộng sự, 2006, tr.940).

Theo tôi, *hoạt động phối hợp là hoạt động cùng nhau của hai hay nhiều người, của những tổ chức, đơn vị nhằm tiến hành những việc làm có quan hệ với nhau chặt chẽ nhằm một mục đích nhất định trong đời sống xã hội.*

Hoạt động phối hợp nhằm tạo ra sức mạnh và sự gắn kết giữa các thành viên với nhau nhằm đạt tới một mục tiêu hoặc giải quyết những vấn đề mà đòi hỏi sự kết hợp của nhiều nguồn lực khác nhau.

1.2.1.5. Hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ

Phối hợp trong giáo dục là quá trình liên kết các lực lượng, các đơn vị hay các cá nhân với nhau để cùng tiến hành các hoạt động nhằm đạt được mục tiêu giáo dục.

Theo tôi, *Hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ là hoạt động mà nhà trường và gia đình cùng nhau thực hiện theo nội dung, kế hoạch và mục đích chung đã đề ra nhằm giúp cho quá trình giáo dục được thống nhất và hướng đến mang lại lợi ích tốt nhất cho trẻ.*

Đối với GDMN, hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình có ý nghĩa rất quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giáo dục trẻ. Việc phối hợp giữa nhà trường và gia đình sẽ tạo ra sự liên kết và thống nhất về nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục trẻ. Tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của trẻ về tất cả các mặt (thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, thẩm mỹ, tình cảm, giao tiếp ứng xử) góp phần thực hiện tốt mục tiêu giáo dục trẻ đã được đề ra, không để xảy ra tình trạng "trống đánh xuôi, kèn thổi ngược" tạo sự hoang mang nơi trẻ. Trẻ phát triển tốt, thông minh, nhanh nhẹn sẽ làm cho cha mẹ ngày càng quan tâm, tin tưởng và ủng hộ nhà trường, tạo nên nguồn lực vật chất, tinh thần và con người giúp cho việc giáo dục trẻ ngày càng tốt hơn và nhà trường ngày càng phát triển.

1.2.2. Khái niệm về quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ

1.2.2.1. Quản lý

Quản lý là "tổ chức và điều khiển các hoạt động theo những yêu cầu nhất định" (Nguyễn Kim Thản và các cộng sự, 2006, tr.957).

"Quản lý có nghĩa là tiến hành một công việc, làm cho một sự kiện nảy sinh, là quá trình lôi cuốn tất cả mọi người vào hoạt động của họ trong tổ chức. Quản lý là hoạt động chung của toàn bộ tổ chức" (Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Đặng Quốc Bảo, Nguyễn Trọng Hậu, Nguyễn Quốc Chí, Nguyễn Sỹ Thư, 2015, tr.13)

Trong (F.W. Taylor, 1991) đã chỉ ra rằng "Quản lý là biết chính xác điều muốn người khác làm và sau đó thấy rằng họ đã hoàn thành công việc một cách tốt hnhất và chi phí thấp nhất".

"Quản lý là một hoạt động thiết yếu, nó đảm bảo phối hợp những nỗ lực hoạt động cá nhân nhằm đạt được các mục đích của nhóm. Mục tiêu của mọi nhà quản lý là nhằm hình thành một môi trường mà trong đó con người có thể đạt được các mục đích của nhóm với thời gian, tiền bạc, vật chất và sự bất mãn cá nhân ít nhất" (Harold Koontz, Cyril O'Donnell, Heinz Weihrich, 1992, tr.33).

Quản lý là sự tác động có tổ chức, có hướng đích của chủ thể quản lý tới đối tượng quản lý nhằm đạt mục tiêu đề ra (Bùi Minh Hiển, Vũ Ngọc Hải, Đặng Quốc Bảo, tr.10).

Từ những ý chung của các khái niệm về quản lý, chúng ta có thể hiểu *quản lý là quá trình tác động có mục đích, có kế hoạch, phù hợp với quy luật khách quan của chủ thể quản lý đến đối tượng quản lý nhằm đạt được mục tiêu quản lý đã đề ra.*

Quản lý là hoạt động khách quan, tất yếu, xuất phát từ nhu cầu thực tế và gắn liền với nhu cầu của con người. Quản lý cần thiết cho mọi lĩnh vực, mọi hoạt động trong đời sống của con người. Ở đâu có sự tạo lập nên nhóm xã hội (lớp học, nhà trường, gia đình, tổ chức…) ở đó sẽ xuất hiện yếu tố quản lý dù nhóm xã hội đó to hay nhỏ, chính thức hay không chính thức, nội dung hoạt động của nhóm là gì.

Quản lý là một yếu tố của sự phát triển xã hội. Quản lý đã trở thành một hoạt động phổ biến diễn ra trong mọi lĩnh vực và liên quan đến mọi người. Quản lý bắt nguồn từ tính chất cộng đồng dựa trên sự phân công và hợp tác để nhằm đạt được mục tiêu chung. Có thể nói, quản lý vừa là hoạt động khoa khọc vừa là hoạt động nghệ thuật, quản lý điều khiển tất cả mọi hoạt động trong đời sống xã hội từ hoạt động lớn (quản lý nhà nước) đến những hoạt động nhỏ nhất (gia đình, lớp học).

Quản lý luôn là tác động có mục đích, có mục tiêu xác định (ví dụ như quản lý lớp học giúp lớp học ổn định, nề nếp, các hoạt động của lớp diễn ra suôn sẻ; quản lý tài chính gia đình nhằm giúp việc chi tiêu khoa học…).

Quản lý thể hiện mối quan hệ giữa chủ thể quản lý và đối tượng quản lý. Những tác động của chủ thể quản lý đến đối tượng quản lý hầu như mang tính khách quan của chủ thể quản lý nhưng những tác động đó phải phù hợp với quy luật khách quan và nhằm hướng đến đạt được mục đích đã đề ra. Quản lý bao giờ cũng là quản lý con người.

1.2.2.2. Quản lý giáo dục

"Quản lý giáo dục là quá trình thực hiện có định hướng và hợp quy luật các chức năng kế hoạch hóa, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra nhằm đạt tới mục tiêu giáo dục đã đề ra". Hoặc "Quản lý giáo dục là quá trình tác động có kế hoạch, có tổ chức của các cơ quan quản lý giáo dục các cấp tới thành tố của quá trình dạy học - giáo dục nhằm làm cho hệ giáo dục vận hành có hiệu quả và đạt tới mục tiêu giáo dục nhà nước đề ra " (Nguyễn Thị Mỹ Lộc và các cộng sự, 2015, tr.15-16).

Quản lý giáo dục là quản lý hoạt động dạy và học nhằm đưa nhà trường từ trạng thái này sang trạng thái khác và dần đạt tới mục tiêu giáo dục đã xác định (Phạm Minh Hạc, 1986, được trích dẫn trong Nguyễn Thị Mỹ Lộc và các cộng sự, 2015, tr.16)

Có rất nhiều quan niệm khác nhau về QLGD nhưng đều nhằm đến một mục tiêu chung là đạt được những mục tiêu giáo dục đã đề ra. Do đó, có thể hiểu *Quản lý giáo dục là quá trình tác động có mục đích, có kế hoạch, phù hợp với quy luật khách quan của chủ thể quản lý giáo dục đến đối tượng quản lý giáo dục nhằm phục vụ cho sự phát triển của hệ thống giáo dục.*

Chủ thể quản lý giáo dục ở tầm vĩ mô là Nhà nước và các cơ quan quản lý trực tiếp như: Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo và Phòng Giáo dục và Đào tạo. Quản lý giáo dục ở cấp vi mô là quản lý của Hiệu trưởng nhà trường.

Đối tượng quản lý của quản lý giáo dục là giáo viên, nhân viên, trẻ em trong nhà trường, cơ sở vật chất nhà trường, chương trình giảng dạy...

Quản lý giáo thực chất là những tác động của chủ thể quản lý vào quá trình giáo dục được tiến hành bởi tập thể giáo viên, học sinh với sự hỗ trợ của nhân viên nhà trường cùng với phụ huynh và các lực lượng xã hội nhằm hình thành và phát triển toàn diện nhân cách học sinh theo mục tiêu đào tạo của nhà trường.

1.2.2.3. Quản lý nhà trường

Quản lý nhà trường là hệ thống tác động, có mục đích, có kế hoạch, hợp quy luật của chủ thể quản lý nhà trường làm cho nhà trường vận hành theo đường lối, quan điểm giáo dục của Đảng, thực hiện được các tính chất của nhà trường, mà tiêu điểm hội tụ là quá trình dạy học - giáo dục, đưa nhà trường tới mục tiêu dự kiến, tiến lên trạng thái mới về chất, góp phần thực hiện mục tiêu chung của giáo dục: nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước (Hà Thế Ngữ, Đặng Vũ Hoạt, Giáo dục học, được trích dẫn trong Nguyễn Sỹ Thư, tài liệu môn học Đổi mới giáo dục và quản lý nhà trường)

Quản lý nhà trường là hệ thống những tác động có chủ đích, có kế hoạch, hợp quy luật của chủ thể quản lý (có thể là chủ thể quản lý cấp trên; có thể là chủ thể quản lý trong nhà trường) đến tập thể giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và các lượng xã hội trong và ngoài nhà trường nhằm thực hiện có chất lượng và hiệu quả mục tiêu giáo dục (Nguyễn Sỹ Thư, tài liệu môn học Đổi mới giáo dục và quản lý nhà trường)

Từ các khái niệm về quản lý nhà trường nêu trên, có thể hiểu *quản lý nhà trường là hệ thống những tác động có mục đích, có kế hoạch, phù hợp với quy luật khách quan của chủ thể hoạt động quản lý nhà trường đến tập thể giáo viên, nhân viên, học sinh, phụ huynh và lực lượng xã hội nhằm thực hiện có hiệu quả mục tiêu, nhiệm vụ của nhà trường.*

Quản lý nhà trường là một hoạt động thực hiện dựa trên cơ sở những quy luật chung của hoạt động quản lý nhưng đồng thời cũng mang nét đặc trưng riêng. Quản lý nhà trường được quy định bởi bản chất hoạt động sư phạm của người thầy, bản chất của quá trình dạy học, quá trình giáo dục. Sản phẩm tạo ra của nhà trường là

phẩm chất và năng lực của người học được hình thành trong quá trình học tập và rèn luyện tại trường.

Quản lý nhà trường là quản lý tất cả các công việc trong nhà trường và liên quan đến các hoạt động của nhà trường như:

- Quản lý việc dạy và học trong nhà trường bao gồm các công tác tuyển sinh; chương trình dạy trong nhà trường; các động dạy của giáo viên và hoạt động học của học sinh; các phương tiện, hình thức giảng dạy, quản lý việc kiểm tra đánh giá các hoạt động dạy và học như dự giờ, thăm lớp, hội thi …
- Quản lý việc xây dựng các quy định, nội quy, văn bản, chế độ, chính sách trong nhà trường và việc thực hiện các quy định, nội quy, chế độ chính sách của nhà trường song song với việc đảm bảo tất cả các hoạt động của nhà trường được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật
- Quản lý việc xây dựng bộ máy và phát triển đội ngũ nhà trường cả về số lượng lẫn chất lượng. Quy hoạch, tuyển dụng và sử dụng đội ngũ nhà trường hợp lý, phù hợp với chuyên môn và điểm mạnh của từng người. Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà trường để đáp ứng yêu cầu của giáo dục đề ra
- Quản lý tốt các nguồn lực trong nhà trường như cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, tài chính, con người, huy động các nguồn lực trong và ngoài nhà trường để nhằm mục tiêu phát triển nhà trường.
- Quản lý môi trường giáo dục đảm bảo tạo cho trẻ môi trường giáo dục tốt nhất, thuận lợi nhất để trẻ học tập, vui chơi, trải nghiệm và tiếp thu những kiến thức khoa học. Quản lý tốt mối quan hệ giữa gia đình - nhà trường - xã hội, làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục.
- Quản lý việc ứng dụng công nghệ thông tin trong nhà trường giúp nâng cao hiệu quả hoạt động của nhà trường, đáp ứng yêu cầu của xã hội hiện đại. Người quản lý cần xây dựng hệ thống thông tin trong việc quản lý trường học, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và giảng dạy tại nhà trường.

1.2.2.4. Quản lý trường mầm non

Quản lý trường mầm non có chung hầu hết các đặc điểm, quy luật, hình thức, biểu hiện, công việc của quản lý nhà trường. Tuy nhiên, quản lý trường mầm non

cũng mang những nét đặc trưng riêng. Trường mầm non thực hiện việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ nhằm giúp trẻ hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1.

Đối tượng chính là trẻ em trong độ tuổi từ 6 tháng đến 6 tuổi. Độ tuổi của trẻ còn rất nhỏ, thể chất và tinh thần chưa phát triển hoàn thiện nên mọi hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ đều phải được tiến hành cẩn thận. Người quản lý phải đảm bảo cho mọi hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ diễn ra một cách tốt nhất. Trẻ còn nhỏ nên công tác phối hợp giữa nhà trường và phụ huynh cần được quan tâm và lưu ý hơn.

Do đó, *Quản lý trường mầm non là hệ thống những tác động có mục đích, có kế hoạch, phù hợp với quy luật khách quan của chủ thể quản lý trường mầm non đến tập thể giáo viên, nhân viên, trẻ em, phụ huynh và lực lượng xã hội thông qua việc quản lý chương trình, hoạt động giảng dạy của giáo viên, cơ sở vật chất, nhân sự trong nhà trường, các nguồn lực ... nhằm thực hiện có hiệu quả mục tiêu, nhiệm vụ của nhà trường mầm non.*

1.2.2.5. Quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ

Quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ là những tác động có mục đích, có kế hoạch, phù hợp với quy luật khách quan của Hiệu trưởng đến giáo viên, nhân viên, học sinh và phụ huynh nhằm định hướng, tổ chức, điều chỉnh và kiểm soát quá trình phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ, giúp cho các hoạt động giáo dục trẻ và các hoạt động phối hợp giữa nhà trường và phụ huynh được diễn ra theo đúng mục đích và đạt được những mục tiêu mà người quản lý đã đề ra, nâng cao chất lượng giáo dục trẻ của nhà trường.

Quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình là một trong những nội dung quản lý của nhà trường. Việc quản lý tốt hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ sẽ giúp nâng cao uy tín của nhà trường, giúp nhà trường tạo được niềm tin nơi phụ huynh và địa phương tạo nên thương hiệu cho nhà trường. Việc quản lý tốt hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình còn

giúp Hiệu trưởng quản lý tốt các nguồn lực để góp phần xây dựng và phát triển nhà trường.

1.3. Hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở các trường mầm non

1.3.1. Vai trò của giáo dục nhà trường và giáo dục gia đình

1.3.1.1. Vai trò của giáo dục nhà trường

Giáo dục mầm non nằm trong hệ thống giáo dục quốc dân, được quy định trong Luật Giáo dục và được Quốc hội thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005 (Quốc hội, 2005).

Điều 46 của Điều lệ trường mầm non quy định về trách nhiệm của nhà trường (nhà trẻ, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập) có quy định, nhà trường phải chủ động đề xuất biện pháp với chính quyền địa phương, phối hợp với gia đình nhằm thống nhất kế hoạch phát triển nhà trường, các biện pháp giáo dục trẻ em; Nhà trường phải tuyên truyền phổ biến kiến thức khoa học nuôi dạy trẻ cho cha mẹ và cộng đồng; huy động các nguồn lực của cộng đồng chăm lo sự nghiệp giáo dục mầm non, góp phần xây dựng cơ sở vật chất, tạo điều kiện nâng cao chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ em (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2015).

Trường học là đơn vị cơ sở thuộc tổ chức giáo dục. Trường học ra đời, tồn tại và phát triển cùng sự phát triển của xã hội. Vai trò của nhà trường trong việc giáo dục trẻ đã thay cùng với sự phát triển của xã hội. Ngày xưa, trường học là nơi truyền tri thức cho người học nhưng cùng với sự phát triển của xã hội thì người học có thể tiếp thu tri thức từ nhiều nguồn khác nhau (truyền hình, báo chí, internet, mạng xã hội). Hiện nay, trường học là nơi để trẻ học làm người, tiếp thu kiến thức để phát triển, học giải mã các hiện tượng xung quanh trẻ và đặc biệt là trường học là nơi để trẻ sống hạnh phúc.

Nhà trường là môi trường giáo dục khoa học nhất vì nhà trường giảng dạy theo chương trình giáo dục khoa học, đội ngũ giáo viên đã qua đào tạo sư phạm. Nhà trường là giúp trẻ phát huy những điểm mạnh và khắc phục những điểm yếu của bản thân. Để thực hiện được điều đó thì nhà trường phải thực sự lấy trẻ làm

trung tâm trung mọi hoạt động vì mỗi đứa trẻ là một cá thể đặc biệt với những đặc điểm, khả năng và tính cách khác nhau.

Ngoài ra, nhà trường còn có vai trò tạo cho trẻ có môi trường để trải nghiệm các hoạt động ngoài xã hội, môi trường xã hội để trẻ được mở rộng thế giới hiểu biết của mình ra ngoài gia đình và nhà trường.

Tùy thuộc vào từng lứa tuổi của trẻ mà nhà trường sẽ có kế hoạch giảng dạy khác nhau. Đối với trẻ ở lứa tuổi mầm non, chương trình giáo dục được định hướng như sau:

- Chương trình giáo dục nhà trẻ nhằm giúp trẻ từ 3 tháng tuổi đến 3 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm - xã hội và thẩm mỹ (Bộ giáo dục và đào tạo, 2017). Nhà trường sẽ hình thành xúc cảm, tình cảm cho trẻ thông qua việc để trẻ giao tiếp trực tiếp với người lớn, đồng thời phát triển tư duy trực quan hành động của trẻ qua hoạt động với đồ vật.
- Chương trình giáo dục mẫu giáo nhằm giúp trẻ em từ 3 đến 6 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ, chuẩn bị cho trẻ và học ở tiểu học (Bộ giáo dục và đào tạo, 2017). Nhà trường giúp trẻ hình thành ngôn ngữ và hành vi ứng xử thông qua các hoạt động vui chơi hỗ trợ cho sự phát triển tư duy trực quan hình ảnh, và tư duy trực quan sơ đồ cho trẻ.

Nhà trường đảm nhận vai trò truyền bá, chuyển giao các kiến thức khoa học của thế hệ đi trước cho thế hệ sau, giúp trẻ có có được tri thức, đạo đức tốt đáp ứng nhu cầu của xã hội hiện đại.

Vai trò của nhà trường trong việc giáo dục trẻ rất quan trọng và cần thiết. Song để phát huy hết những gì mà giáo dục nhà trường có thể đem lại cho trẻ thì cần có sự tham gia tích cực của gia đình.

Điều 93, luật giáo dục có quy định về trách nhiệm của nhà trường trong việc phối hợp để giáo dục học sinh như sau: “Nhà trường có trách nhiệm chủ động phối hợp với gia đình và xã hội để thực hiện mục tiêu, nguyên lý giáo dục” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2005).

Nhà trường là nơi đề ra nội dung, phương pháp phối hợp. Nhà trường đóng vai trò chủ đạo trong việc thực hiện các hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ. Hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình giúp tạo sự thống nhất, đem lại kết quả tốt hơn trong công tác giáo dục trẻ.

1.3.1.2. Vai trò của giáo dục gia đình

Giáo dục gia đình là một bộ phận của hoạt động giáo dục tổng thể. Giáo dục gia đình là hoạt động giáo dục có mục đích nhằm hình thành cho cá nhân nhận thức, thái độ, hành vi ứng xử đúng đắn trong các mối quan hệ gia đình và ngoài xã hội.

Gia đình là môi trường đầu tiên trẻ được tiếp xúc, học hỏi và là nơi để lại những dấu ấn sâu sắc nhất đối với trẻ. Giáo dục gia đình có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với sự phát triển toàn diện của trẻ. Trong gia đình trẻ được dạy dỗ bằng tình yêu thương giữa các thành viên trong gia đình với nhau, trẻ học được cách ứng xử đa dạng và tự nhiên giữa ông bà, cha mẹ và con cái, học được cách giao tiếp, cách cư xử giữa các thành viên trong gia đình với nhau nhưng trên hết, mọi người trong gia đình đều rất mực yêu thương nhau và yêu trẻ. Các đồ dung trong gia đình rất đa dạng và phong phú là môi trường tốt để trẻ bước đầu khám phá và tìm tòi, học hỏi.

Cha mẹ là người đóng vai trò chính trong việc chăm sóc, giáo dục trẻ, là người thầy đầu tiên của trẻ trong việc giúp trẻ phát triển toàn diện. Trên cơ sở nắm được khả năng của trẻ, cha mẹ có thể giáo dục giúp trẻ phát triển hết tiềm năng vốn có của trẻ, đồng thời là người đầu tiên phát hiện ra một số dấu hiệu bất thường của trẻ để có sự can thiệp kịp thời.

Giáo dục gia đình cũng hướng đến việc phát triển toàn diện cho trẻ như: về giáo dục trí tuệ, cha mẹ dạy cho trẻ biết nói từ những từ đầu tiên "ba ba, ma ma" đến khi trẻ biết nói thành câu, dạy cho bé nhận biết những đồ vật, con vật, hiện tượng xung quanh bé…; về giáo dục thể chất, cha mẹ dạy trẻ cầm nắm, ngồi, bò, đi, đứng, chạy nhảy, leo trèo…; về giáo dục lao động, cha mẹ dạy bé biết tự xúc ăn, biết phụ mẹ, phụ ba làm những công việc vừa sức từ đó hình thành cho trẻ thói quen và tình yêu đối với lao động; về giáo dục thẩm mỹ, cha mẹ dạy trẻ biết yêu cái đẹp như dạy bé biết bỏ rác vào thùng để nơi mình sống luôn sạch đẹp. Khi đi đến những

nơi khác nhau, cha mẹ trò chuyện với trẻ về vẻ đẹp của những nơi đó. Mỗi sinh vật, đồ vật, cảnh vật đều có những vẽ đẹp riêng; về giáo dục tình cảm, gia đình dạy cho bé biết yêu thương ông bà, cha mẹ, anh em thể hiện qua các hành động chào hỏi, thái độ lễ phép của bé. Dạy bé biết yêu thương giúp đỡ những người xung quanh… Tóm lại, gia đình chính là môi trường giáo dục đầu tiên của trẻ, giúp trẻ hình thành những kỹ năng, kỹ xảo, thói quen, hành vi đầu tiên và góp phần trong việc giúp trẻ phát triển toàn diện.

Đối với lứa tuổi mầm non thì giáo dục gia đình càng có vai trò quan trọng hơn nữa trong việc giáo dục trẻ. Giáo dục gia đình mang tính chất thường xuyên, lâu dài. Nếu gia đình không có định hướng trong việc giáo dục trẻ thì đứa trẻ sẽ không phát huy được hết khả năng của mình. Việc định hướng phát triển phải dựa vào khả năng của trẻ điều này sẽ giúp trẻ cảm thấy an toàn và được yêu thương. Từ đó, trẻ sẽ phát triển tốt hơn.

Trong từng giai đoạn khác nhau của đứa trẻ (trẻ còn nhỏ ở với gia đình, khi trẻ đi học trường mầm non, khi học phổ thông, khi trưởng thành, lúc kết hôn hay cả khi trẻ trở thành cha mẹ) giáo dục gia đình sẽ thể hiện vai trò khác nhau. Ví dụ như khi trẻ còn nhỏ ở với gia đình thì tất cả mọi việc đều do gia đình giáo dục, định hướng phát triển cho trẻ. Khi bé bắt đầu đi học mầm non thì vai trò của gia đình trong việc giáo dục trẻ bắt đầu có sự thay đổi vì thời gian ở nhà của bé ít đi, môi trường giáo dục của bé được mở rộng hơn. Bé được quen với thầy cô và rất nhiều bạn mới, làm quen với cách chia sẻ, các chơi cùng bạn, làm quen với những kiến thức khoa học cơ bản, với những kỹ năng phù hợp độ tuổi …

Khi trẻ lớn lên, giáo dục trong gia đình chưa đủ để đáp ứng nhu cầu học tập, tìm hiểu và trải nghiệm của trẻ. Trẻ cần có môi trường học tập rộng lớn hơn, mở rộng các mối quan hệ của mình. Nhưng không vì thế mà gia đình phó mặc việc giáo dục cho nhà trường khi trẻ đi học.

Để việc giáo dục trẻ đạt kết quả tốt nhất thì cần có sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong giáo dục trẻ.

Theo điều 47, điều lệ trường mầm non quy định về trách nhiệm của gia đình trong việc phối hợp với nhà trường giáo dục trẻ

1. Thường xuyên liên hệ với nhà trường, nhà trẻ, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập để được thông báo kịp thời tình hình của trẻ em nhằm phối hợp trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

2. Tham gia các hoạt động của nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, nhà trường, nhà trẻ góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2015).

Điều 94, Luật Giáo dục quy định về trách nhiệm của gia đình trong việc giáo dục trẻ như sau: Cha mẹ hoặc người giám hộ có trách nhiệm nuôi dưỡng, giáo dục và chăm sóc, tạo điều kiện cho con em hoặc người được giám hộ được học tập, rèn luyện, tham gia các hoạt động của nhà trường ... cùng nhà trường nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục (Quốc hội, 2005).

Gia đình có vai trò vô cùng quan trọng, là trung tâm của hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ. Gia đình đóng vai trò chủ động trong việc thực hiện các hoạt động phối hợp giúp tạo sự thống nhất và đem lại kết quả tốt hơn trong giáo dục trẻ.

1.3.2. Mục đích hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ

Hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ nhằm mục đích như sau:

- Giúp cha mẹ trẻ có nhận thức đúng đắn về sự phối hợp giữa gia đình và trường mầm non trong giáo dục trẻ nhằm nâng cao trách nhiệm của gia đình đối với việc giáo dục trẻ (Nguyễn Thị Kim Anh, 2018).
- Giúp cha mẹ trẻ nắm bắt thông tin của con trong thời gian con ở trường mầm non và hiểu thêm về cá tính của con.
- Tạo sự thống nhất về quan điểm, nội dung, phương pháp giáo dục, giúp cho quá trình giáo dục trẻ đạt kết quả cao nhất (Tạ Thị Thanh An, 2013).
- Tạo mối liên hệ gắn kết giữa nhà trường và gia đình (Đinh Văn Mãi, 2018).

- Tạo ra nguồn sức mạnh tổng hợp nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục trẻ (Đinh Văn Mãi, 2018).

- Tạo điều kiện cho nhà trường thu hút được sự quan tâm, hỗ trợ của gia đình nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục trẻ (Đinh Văn Mãi, 2018).

- Xây dựng chương trình, cách thức giáo dục phù hợp từng trẻ vì mỗi trẻ là một cá thể đặc biệt với trình độ, khả năng khác nhau.

- Thực hiện công việc giáo dục trẻ mọi lúc, mọi nơi.

- Tổ chức các hoạt động giáo dục phong phú, đa dạng phù hợp với nhu cầu, đặc điểm của trẻ (Đinh Văn Mãi, 2018).

- Nhằm khắc phục những thiếu sót trong việc giáo dục trẻ từ phía nhà trường và gia đình.

- Nâng cao hoạt động của nhà trường.

- Để phụ huynh phối hợp cùng với nhà trường cũng cố các kiến thức, kỹ năng cần thiết cho trẻ khi về nhà.

- Giúp đỡ cha mẹ trẻ trong việc nuôi dạy con cái, bổ sung và đảm bảo thực hiện đầy đủ các chức năng giáo dục trẻ ở gia đình (Nguyễn Thị Kim Anh, 2018).

1.3.3. Nội dung hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ

Để trẻ được phát triển toàn diện thì đòi hỏi phải có sự phối hợp giáo dục từ hai phía, nhà trường và gia đình. Nhà trường và gia đình cần chủ động tham gia các hoạt động nhằm hỗ trợ cho nhau trong quá trình giáo dục trẻ.

Nội dung hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ là những công việc mà nhà trường và gia đình cần phối hợp thực hiện:

❖ Về phía nhà trường

- Nhà trường và gia đình phối hợp thực hiện chương trình giáo dục cho trẻ (Đinh Văn Mãi, 2018) vì mỗi trẻ là một cá thể đặc biệt nên nhà trường cần lưu ý trong việc xây dựng kế hoạch bài học nhất là đối với những bé đặc biệt (chậm nói, chú ý kém, tăng động…).

- Nhà trường xây dựng các kế hoạch cụ thể cho hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ (Hồ Văn Thơm, 2009).

- Hiệu trưởng phổ biến các kế hoạch phối hợp giữa nhà trường và gia đình đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường.

- Nhà trường và gia đình phối hợp trong việc tổ chức các ngày lễ hội, hội thi, sinh nhật của trẻ (Đinh Văn Mãi, 2018).

- Nhà trường thông báo kết quả học tập, rèn luyện của trẻ cho gia đình thường xuyên hoặc theo định kỳ (Tăng Thị Tuyết Trinh, 2016).

- Nhà trường tuyên truyền giúp cha mẹ trẻ nhận thức đúng về trách nhiệm phối hợp với nhà trường trong việc giáo dục trẻ (Tạ Thị Thanh An, 2013).

- Nhà trường tư vấn với cho phụ huynh kiến thức về chăm sóc, giáo dục trẻ (Tăng Thị Tuyết Trinh, 2016).

- Nhà trường cung cấp cho phụ huynh những tài liệu liên quan đến giáo dục trẻ tại gia đình (Đinh Văn Mãi, 2018).

- Cán bộ quản lý quan tâm, động viên, giúp đỡ giáo viên trong việc thực hiện công tác phối hợp với gia đình để giáo dục trẻ.

- Huy động khả năng, tiềm lực của gia đình vào công tác giáo dục trẻ (Tăng Thị Tuyết Trinh, 2016).

- Trong trường có thực hiện các pano, áp phích hay các bảng thông báo về những vấn đề cụ thể mà nhà trường và gia đình cần phối hợp trong giáo dục trẻ.

❖ Về phía gia đình

- Gia đình chủ động liên hệ với giáo viên, với nhà trường để nắm vững mục tiêu, nội dung giáo dục trẻ.

- Gia đình tham gia vào các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ do nhà trường tổ chức (Đinh Văn Mãi, 2018).

- Tham gia đóng góp ý kiến cho nhà trường trong việc giáo dục trẻ.

- Gia đình thường xuyên gặp gỡ, trao đổi với giáo viên tại lớp để nắm bắt tình hình học tập của trẻ.

- Gia đình thường xuyên trao đổi qua điện thoại với giáo viên phụ trách và nhà trường để biết về sinh hoạt và học tập của trẻ.

- Tham gia các buổi họp cha mẹ học sinh đầy đủ.

- Cha mẹ quan tâm theo dõi sổ liên lạc (sổ bé ngoan) của trẻ. Đọc và ký tên hoặc ghi ý kiến vào sổ khi nhà trường phát về.

- Gia đình giúp trẻ rèn luyện, cũng cố các kỹ năng, bài học mà trẻ đã học ở trường (Đinh Văn Mãi, 2018).

- Tham gia đóng góp xây dựng cơ sở vật chất để thực hiện các hoạt động giáo dục tại trường (Đinh Văn Mãi, 2018).

- Thực hiệc tốt các công việc của hội cha mẹ học sinh để hỗ trợ cho nhà trường trong việc chăm sóc, giáo dục trẻ.

- Tham gia các buổi tọa đàm, chuyên đề trong trường để chia sẻ kinh nghiệm giáo dục trẻ.

- Trao đổi, tuyên truyền giúp các cha mẹ học sinh khác hiểu về vai trò và tầm quan trọng của việc phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ.

- Cung cấp cho nhà trường các tài liệu bổ ích liên quan tới việc giáo dục trẻ (Đinh Văn Mãi, 2018).

1.3.4. Hình thức, phương pháp phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ

Tùy thuộc vào nội dung cần phối hợp và đối tượng tiếp nhận mà có sự lựa chọn các phương pháp, hình thức trao đổi cho phù hợp. Mỗi phương pháp, hình thức đều có ưu điểm và hạn chế riêng nên cần sử dụng linh hoạt các hình thức, phương pháp theo tình hình thực tế sao cho đạt được kết quả tốt nhất.

Phương pháp phối hợp bằng văn bản (Tăng Thị Tuyết Trinh, 2016)*:*

- Triển khai các văn bản, quy định của nhà nước về việc phối hợp giữa nhà trường và gia đình như điều lệ trường mầm non, Luật Giáo dục, Luật Hôn nhân và gia đình, điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh… (Tăng Thị Tuyết Trinh, 2016).

- Phổ biến kế hoạch phối hợp giữa nhà trường và gia đình cho tập thể nhà trường và phụ huynh (Tạ Thị Thanh An, 2013).

- Nhà trường sử dụng sổ liên lạc (sổ bé ngoan) để liên lạc, trao đổi với phụ huynh theo định kỳ mỗi tháng: giáo viên sẽ thông tin với phụ huynh về học tập, sinh hoạt, những nội dung trẻ chưa đạt được hay những tiến bộ của trẻ trong tháng (Đinh Văn Mãi, 2018).

- Nhà trường có thực hiện lịch tiếp phụ huynh vào những giờ cụ thể và công khai lịch tiếp phụ huynh trên bảng thông báo của trường.

- Thành lập ban đại diện học sinh của trường, của lớp. Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường có kế hoạch hoạt động cụ thể (Tăng Thị Tuyết Trinh, 2016).

- Nhà trường thực hiện hòm thư góp ý tại trường, phân công nhân sự thường xuyên kiểm tra và có sự hồi đáp kịp thời cho phụ huynh: Hình thức này sử dụng nhằm giúp phụ huynh trao đổi, góp ý với nhà trường những vấn đề nhạy cảm, khó nói trực tiếp.

Phương pháp dùng lời:

- Nhà trường gọi điện thoại trao đổi với gia đình về tình hình của trẻ (Đinh Văn Mãi, 2018).

- Ban giám hiệu thường xuyên gặp gỡ trao đổi với cha mẹ trẻ, có thể gặp trao đổi riêng, hoặc hỏi thăm tình trẻ vào buổi sáng và chiều khi gia đình đưa rước trẻ.

- Mời cha mẹ trẻ đến trường để trao đổi trực tiếp (Tạ Thị Thanh An, 2013): hình thức này thường được sử dụng khi nhà trường muốn trao đổi riêng với phụ huynh về những vấn đề nhạy cảm hay cần phụ huynh phối hợp trong một hoạt động nào đó.

- GV chủ động trao đổi với PH vào giờ đón, trả trẻ (Tạ Thị Thanh An, 2013): đây là hình thức phổ biến và thường xuyên nhất để phối hợp với PH trong giáo dục trẻ vì hình thứ này thuận tiện khi thực hiện và đem lại hiệu quả cao, giúp GV nắm bắt nhiều thông tin cần thiết về trẻ.

- Giáo viên phụ trách lớp có kế hoạch đi thăm gia đình trẻ (Tăng Thị Tuyết Trinh, 2016): giáo viên có kế hoạch đi thăm gia đình trẻ mỗi năm ít nhất một lần để tạo mối quan hệ tốt với gia đình và để hiểu rõ hơn về trẻ, tạo điều kiện thuận lợi khi lập kế hoạch giáo dục cho trẻ.

Phương pháp truyền thông (thông tin giữa nhà trường và gia đình) (Tạ Thị Thanh An, 2013)*:*

- Nhà trường tuyên truyền với cha mẹ trẻ các phương pháp, kiến thực khoa học về giáo dục trẻ, các nội dung cần phối hợp thông qua bảng tin trường, lớp (Tạ Thị Thanh An, 2013).

- Mời chuyên gia về trường trao đổi về phương pháp giáo dục trẻ (Tạ Thị Thanh An, 2013).

Phương pháp động viên, khuyến khích (Tạ Thị Thanh An, 2013):

- Nhà trường có hình thức khen thưởng, động viên, tuyên dương những cá nhân thực hiện tốt công tác phối hợp với phụ huynh trong giáo dục trẻ (Tạ Thị Thanh An, 2013).
- PH tham gia đóng góp về nhân lực, tài lực, vật lực tạo điều kiện cho nhà trường xây dựng tốt môi trường cho bé hoạt động và thực hiện tốt công tác chăm sóc, giáo dục trẻ.

Phương pháp tổ chức hoạt động:

- Nhà trường tổ chức các buổi họp cha mẹ học sinh theo định kỳ và thống nhất các nội dung phối hợp giữa nhà trường và gia đình bằng văn bản: thời gian và nội dung họp phụ huynh thường do nhà trường chủ động sắp xếp. Thông thường nhà trường thường họp phụ huynh và đầu năm học và cuối năm học (Hồ Văn Thơm, 2009).
- Nhà trường mời cha mẹ trẻ tham gia vào các hoạt động của nhà trường như các lễ hội, hội thi, dã ngoại …(Đinh Văn Mãi, 2018), với hình thức này nhà trường có thể vận động gia đình đóng góp thời gian, công sức, sáng kiến, vật chất cho nhà trường để các hoạt động giáo dục trẻ trong nhà trường ngày càng phong phú, hấp dẫn trẻ hơn.
- Nhà trường tổ chức báo cáo chương trình, nội dung giáo dục của nhà trường cho cha mẹ trẻ: hình thức này nhà trường thường thực hiện lồng ghép khi họp cha mẹ học sinh đầu năm.
- Nhà trường tổ chức các buổi giao lưu kinh nghiệm giáo dục với cha mẹ trẻ (Tạ Thị Thanh An, 2013).
- Tổ chức cho cha mẹ trẻ báo cáo điển hình ở lớp hoặc ở trường về cách giáo dục con và kinh nghiệm trong việc thực hiện phối hợp với nhà trường giáo dục con (Hồ Văn Thơm, 2009).

1.3.5. Kiểm tra, đánh giá hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ

Kiểm tra, đánh giá là một trong những công tác của người quản lý. Việc thực hiện thường xuyên và có hiệu quả công tác kiểm tra, đánh giá góp phần giúp người quản lý thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ, chất lượng giảng dạy của giáo viên và chất lượng của nhà trường.

Kiểm tra, đánh giá hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ giúp Hiệu trưởng đánh giá lại hiệu quả của việc thực hiện hoạt động phối hợp, công tác phối hợp của giáo viên, nhân viên nhà trường. Hoạt động phối hợp tốt chất lượng giáo dục trẻ sẽ được nâng cao hơn và mối quan hệ giữa nhà trường và gia đình sẽ tốt. Ngược lại, chất lượng giáo dục trẻ chưa tốt, cha mẹ chưa có sự quan tâm đúng mức đến việc giáo dục trẻ, một phần cũng là do việc thực hiện hoạt động phối hợp chưa tốt.

Tổng kết, đánh giá kịp thời sẽ giúp người người Hiệu trưởng điều chỉnh những điểm chưa tốt, những khâu còn yếu trong công tác phối hợp với gia đình giáo dục học sinh. Đồng thời khen thưởng, động viên kịp thời những cá nhân thực hiện tốt để tạo động lực giúp đội ngũ nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đưa chất lượng và uy tín nhà trường ngày càng nâng cao.

1.3.6. Các điều kiện thực hiện hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ

Để thực hiện tốt hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ cần có một số điều kiện sau đây:

- Hệ thống các văn bản, quy định của nhà nước về hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình (Tạ Thị Thanh An, 2013).
- Nhà trường bố trí thời gian hợp lý khi thực hiện các hoạt động phối hợp sao cho thuận tiện với thời gian của các thành viên trong trường và PH (Tạ Thị Thanh An, 2013).
- Các điều kiện về cơ sở vật chất của nhà trường phụ vụ cho hoạt động phối hợp (Tạ Thị Thanh An, 2013) như: loa phát thanh của trường, bảng tin trường, lớp, phòng tiếp phụ huynh, điện thoại …

- Nhà trường có dự trù nguồn kinh phí và huy động thêm kinh phí cho hoạt động phối hợp để giáo dục trẻ (Tạ Thị Thanh An, 2013).

Nhà trường đóng vai trò chủ đạo trong việc thực hiện các hoạt động phối hợp. Hiệu trưởng là người lập ra kế hoạch, chỉ đạo, phân công nhân sự thực hiện và kiểm tra kết quả.

Giáo viên nhà trường là lực lượng nòng cốt trong việc thực hiện công tác phối hợp với PH nhằm thống nhất nội dung, phương pháp giáo dục giữa nhà trường và gia đình, giúp trẻ được phát triển tốt hơn.

Gia đình đóng vai trò chủ động trong việc phối hợp. Gia đình cần nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm của mình, chủ động liên hệ với giáo viên để biết thêm về tình hình học tập, sinh hoạt của con ở trường.

1.4. Quản lý hoạt động động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở trường mầm non

1.4.1. Mục đích quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ

Quản lý hoạt động động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ nhằm mục đích:

- Định hướng cho giáo viên trong công tác phối hợp với phụ huynh.
- Có được mối quan hệ gắn kết giữa nhà trường và gia đình.
- Có được hiệu quả hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ.
- Giúp Hiệu trưởng quản lý tốt các nguồn lực của nhà trường.

1.4.2. Phân cấp quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ

Trong bất kỳ một tổ chức nào cũng cần có sự phân cấp quản lý. Việc phân cấp quản lý trong nhà trường nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động của nhà trường nói chung và hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ nói riêng được diễn ra hiệu quả, tránh chồng chéo, đảm bảo hoạt động quản lý kịp thời đáp ứng yêu cầu của đối tượng quản lý.

Phân cấp quản lý trong trường mầm non còn giúp cho CBQL nắm bắt, giải quyết công việc đúng quyền hạn, nâng cao năng lực, hiệu quả công tác quản lý. Để được như vậy thì CBQL cần nhận thức đúng bản chất của phân cấp từ hai phía cấp trên (cấp trao nhiệm vụ, quyền hạn, công việc) và cấp dưới (nhận nhiệm vụ, quyền hạn, và thực thi công việc). Mà cụ thể là CB, GV, NV nhà trường cần phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, thẩm quyền, trách nhiệm để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện các hoạt động trong nhà trường mầm non.

Quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của các thành viên trong trường được quy định trong điều lệ trường mầm non ban hành năm 2015 như sau:

> Điều 16. Hiệu trưởng là người chịu trách nhiệm tổ chức, quản lý các hoạt động và chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của nhà trường. Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền; Thực hiện xã hội hóa giáo dục, phát huy vai trò của nhà trường đối với cộng đồng.
>
> Điều 17. Phó Hiệu trưởng là người giúp việc cho Hiệu trưởng, chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng và trước pháp luật. Phó hiệu trưởng chịu trách nhiệm điều hành công việc do hiệu trưởng phân công; Điều hành hoạt động của nhà trường, nhà trẻ khi được hiệu trưởng ủy quyền;
>
> Điều 34. Giáo viên trong các cơ sở giáo dục mầm non là người làm nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em trong nhà trường.
>
> Khoản 4, điều 35. Giáo viên có nhiệm vụ tuyên truyền phổ biến kiến thức khoa học nuôi dạy trẻ em cho cha mẹ trẻ. Chủ động phối hợp với gia đình trẻ để thực hiện mục tiêu giáo dục trẻ em (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2015).

1.4.3. Chức năng quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ

1.4.3.1. Lập kế hoạch hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ

Hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong việc giáo dục trẻ cần có kế hoạch cụ thể. Nội dung của kế hoạch là các công việc cụ thể mà nhà trường chủ động thực hiện để phối hợp với phụ huynh.

Các bước thực hiện việc lập kế hoạch

- Khảo sát tình hình thực tế của nhà trường và phụ huynh tại địa phương để làm cơ sở cho công tác lập kế hoạch.

- Xác định mục tiêu và các nội dung của hoạt động phối hợp.

- Xác định các nguồn lực cần thiết cho việc thực hiện kế hoạch

- Xây dựng kế hoạch phối hợp giữa nhà trường và gia đình

- Thông qua kế hoạch trong hội đồng sư phạm nhà trường và lấy ý kiến đóng góp.

- Chỉnh sửa, hoàn thiện kế hoạch và công khai trong nhà trường.

Ban giám hiệu chỉ đạo và duyệt kế hoạch hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình của các lớp.

Nhà trường thành lập ban đại diện cha mẹ học sinh của trường và phối hợp xây dựng kế hoạch động của ban đại diện cha mẹ học sinh.

1.4.3.2. Tổ chức hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ

Hiệu trưởng dựa trên kế hoạch phối hợp của nhà trường xây dựng cơ cấu, thành lập ban chỉ đạo hoạt động, phân công, bố trí người phụ trách, giám sát hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình.

Hiệu trưởng triển khai kế hoạch đến tập thể nhà trường và phụ huynh, phân bổ kinh phí, thời gian thực hiện.

Hiệu trưởng phân công nhiệm vụ phù hợp với từng thành viên trong trường. Thống nhất về mục tiêu, nội dung phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ.

1.4.3.3. Chỉ đạo hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ

Hoạt động chỉ đạo của Hiệu trưởng trong quá trình thực hiện công tác phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ là rất cần thiết giúp cho hoạt động phối hợp được tiến hành một cách thường xuyên, liên tục, có hiệu quả đáp ứng nhu cầu công việc, đem lại hiệu quả cao trong công tác giáo dục trẻ.

Hiệu trưởng ra các quyết định phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong trường. Đồng thời hướng dẫn cách thức thực hiện các hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình cho từng bộ phận.

Hiệu trưởng hướng dẫn giải quyết những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện, điều chỉnh kịp thời những điểm chưa hợp lý trong kế hoạch; thiết lập cơ chế báo cáo, giám sát.

Động viên các bộ phận thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công.

Xây dựng các mối quan hệ phối hợp đa chiều.

Định kỳ sơ kết, đánh giá kết quả việc thực hiện kế hoạch.

1.4.3.4. Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch

Kiểm tra là một chức năng trong công tác quản lý. Trước tiên Hiệu trưởng cần xác định nội dung cần kiểm tra, các quy định, các tiêu chuẩn cụ thể để đánh giá việc thực hiện hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ.

Kiểm tra, đánh giá hoạt động phối hợp theo kế hoạch.

Hiệu trưởng phân công nhân sự để thực hiện công tác kiểm tra đánh giá hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ.

Đánh giá hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình thông qua kết quả giáo dục trẻ của giáo viên.

Đánh giá hoạt động phối hợp thông qua nhận xét của cấp trên, cha mẹ trẻ và các lực lượng xã hội.

Thường xuyên kiểm tra, theo dõi để điều chỉnh kịp thời hoạt động của giáo viên và các bộ phận trong việc phối hợp để kết quả ngày càng tốt và phù hợp hơn.

Có chế độ khen thưởng, động viên khi cá nhân, bộ phận thực hiện tốt việc phối hợp.

1.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ

1.5.1. Về phía nhà trường

Nhận thức của CBQL đối với hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ, nếu có nhận thức đúng thì CBQL sẽ có sự quan tâm trong từng khâu quản lý, từ xây dựng kế hoạch hoạt động phối hợp đến tổ chức, thực hiện và cuối cùng là kiểm tra đánh giá tạo nên những mắt xích liên kết chặt chẽ thì hoạt động phối hợp sẽ diễn ra nhịp nhàng, thống nhất và đạt mục tiêu đề ra với hiệu quả cao nhất (Tăng Thị Tuyết Trinh, 2016).

Ngoài ra, nhận thức của các GV, NV trong nhà trường về hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ cũng không kém phần quan trọng, từ nhận thức được tầm quan trọng của công tác phối hợp, GV, NV nhà trường sẽ ý thức được trách nhiệm của mình trong từng hoạt động phối hợp với một tinh thần tự giác trách nhiệm cao (Tăng Thị Tuyết Trinh, 2016).

Bên cạnh đó, sự quan tâm của giáo viên đối với trẻ cũng ảnh hưởng rất nhiều đến việc thực hiện công tác phối hợp với CMHS trong giáo dục trẻ.

Các hình thức phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ cũng đóng vai trò không kém, hình thức càng phong phú thì càng thu hút được sự tham gia của CMHS (Hồ Văn Thơm, 2009).

Nội dung kế hoạch hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ nếu phù hợp với thực tế địa phương, nhà trường, CMHS cũng sẽ là một trong những yếu tố giúp kế hoạch thực hiện dễ dàng và thành công hơn.

Việc quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ chưa đồng bộ .

Đội ngũ giáo viên có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất đáp ứng cho hoạt động phối hợp (Tạ Thị Thanh An, 2013).

Công tác hỗ trợ, tư vấn cho cha mẹ trẻ của nhà trường (Tạ Thị Thanh An, 2013).

1.5.2. Về phía gia đình

Nhận thức được vai trò của gia đình đối với hoạt động phối hợp với nhà trường trong việc giáo dục trẻ, từ đó CMHS sẽ chủ động hơn trong hoạt động phối hợp với nhà trường, tạo mối quan hệ tốt giữa CMHS và nhà trường. CMHS nhận thức không đúng vai trò của mình sẽ dẫn đến tình trạng phó thác trách nhiệm giáo dục trẻ cho nhà trường (Tăng Thị Tuyết Trinh, 2016).

Cách chăm sóc, giáo dục trẻ của gia đình không thống nhất với cách thức giáo dục trẻ của nhà trường (Tạ Thị Thanh An, 2013).

Lượng thông tin về giáo dục trẻ đến được với gia đình qua nhiều kênh khác nhau như: ti vi, sách báo, internet, mạng xã hội (Tạ Thị Thanh An, 2013).

Phụ huynh còn bận rộn với công việc ít có thời gian cho việc phối hợp và giáo dục trẻ tại nhà.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

Trong giáo dục mầm non, việc phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong việc giáo dục trẻ có ý nghĩa rất quan trọng, nhằm nâng cao chất lượng giáo dục trẻ. Sự phối hợp giữa nhà trường và gia đình không chỉ mang lại lợi ích cho nhà trường, cha mẹ trẻ, giáo viên mà mục đích cuối cùng là hướng tới lợi ích tốt nhất cho trẻ. Trẻ sẽ được sống trong bầu không khí yêu thương, quan tâm, chăm sóc thống nhất của gia đình và nhà trường. Chính vì vậy, nhà trường và gia đình cần thực hiện tốt công tác phối hợp nhằm tạo được sự liên kết và thống nhất giữa nhà trường và gia đình về nội dung, phương pháp giáo dục trẻ, tạo điều kiện thuận lợi để trẻ phát triển toàn diện.

Muốn nâng cao hiệu quả hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ thì không thể thiếu vai trò của người quản lý. Việc quản lý có hiệu quả hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình sẽ tạo điều kiện cho hoạt động phối hợp đạt hiệu quả tốt hơn, đáp ứng yêu cầu giáo dục và xã hội.

Trong chương một, đề tài đã đề cập đến: các khái niệm cơ bản, vai trò của nhà trường và gia đình trong việc giáo dục trẻ, vai trò, mục đích, nội dung, hình thức, phương pháp và các điều kiện để thực hiện hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ cũng như mục đích, chức năng quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ giúp cho người đọc có cái nhìn sâu sắc và cụ thể hơn về đề tài.

Chương 2. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG PHỐI HỢP GIỮA NHÀ TRƯỜNG VÀ GIA ĐÌNH TRONG GIÁO DỤC TRẺ Ở CÁC TRƯỜNG MẦM NON QUẬN 2, TP. HCM

2.1. Khái quát tình hình địa bàn nghiên cứu

2.1.1. Vị trí địa lý

Quận 2 là một trong năm quận nằm ở phía Đông Bắc TP. HCM, phía bắc giáp quận Thủ Đức; phía nam giáp sông Sài Gòn ngăn cách với Quận 7, sông Nhà Bè ngăn cách với Huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai; phía tây ngăn cách bởi sông Sài Gòn giáp với quận Bình Thạnh, Quận 1, Quận 4; phía đông giáp Quận 9 (Quận Ủy - Ủy Ban MTTQ Việt Nam Quận 2, 2017).

2.1.2. Tình hình kinh tế

Quận 2 được thành lập ngày 01 tháng 4 năm 1997 trên cơ sở tách ra từ 05 xã Bình Trưng, Thạnh Mỹ Lợi, Cát Lái, An Khánh và An Phú thuộc huyện Thủ Đức theo nghị định số 03/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 1997 của chính phủ. Quận 2 nằm ở phía đông của TP. HCM, trên tả ngạn sông Sài Gòn. Ngày đầu thành lập dân số Quận 2 là 86.000 người. Năm 2017, dân số Quận 2 lên đếm 147.168 người, tăng 61.168 người so với năm 1997 (Quận Ủy - Ủy Ban MTTQ Việt Nam Quận 2, 2017).

Sau 22 năm thành lập, Đảng bộ, chính quyền Quận 2 đã có nhiều chủ trương, giải pháp phù hợp để khắc phục những khó khăn và đạt được những kết quả quan trọng về kinh tế, xã hội, quốc phòng anh ninh.

Kinh tế Quận 2 tăng trưởng với tốc độ cao. Các khu công nghiệp, trung tâm thương mại và nhiều công trình dự án trọng điểm dần được hình thành, các cơ sở kinh doanh thương mại, dịch vụ tăng cao. Quận 2 từ một nền sản xuất nhỏ với kinh tế chính là nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp đã phát triển theo hướng dịch vụ, thương mại, công nghiệp.

2.1.3. Cơ sở hạ tầng

Ngày mới thành lập hệ thống giao thông đường bộ Quận 2 chỉ có 05 con đường chính với tổng chiều dài là 20km, còn lại chủ yếu là đường đất nhỏ. Đến nay,

Quận 2 đã sửa chữa, nâng cấp và mở rộng thêm nhiều tuyến đường mới phục vụ cho nhu cầu đi lại của người dân và tạo điều diện để phát triển kinh tế địa phương như: Đại lộ Đông tây, đường Võ Văn Kiệt, đường Đồng Văn Cống, đường cao tốc Long Thành - Dầu Giây, cầu vượt Cát Lái, cầu Thủ Thiêm, Phú mỹ, đường hầm Thủ Thiêm.

Các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đã và đang được tăng cường, nhất là các công trình giao thông, trường học, các cơ sở văn hóa được quan tâm đầu tư đưa vào sử dụng. Các trung tâm thương mại, nhà cao tầng đã và đang hình thành giúp đem lại diện mạo mới cho Quận 2

2.1.4. Văn hóa, xã hội

Quận 2 với diện tích tự nhiên là 5.017ha, chia làm 11 phường (hiện có 3 phường bị giải tỏa trắng đó là An Khánh, An Lợi Đông và Thủ Thiêm).

Quận 2 có tốc độ gia tăng dân số cơ học nhanh do dân cư về sinh sống tại các cao ốc, chung cư, công nhân làm việc tại các công trình... đặt ra nhiều thách thức cho công tác quản lý, chế độ chính sách, trường học cho trẻ, tệ nạn xã hội...

Cùng với sự phát triển của thành phố, Quận 2 đang dần đổi mới từng ngày. Tư mức xuất phát thấp và những thách thức hiện tại đòi hỏi Đảng bộ, chính quyền Quận 2 phải đẩy nhanh tiến độ đô thị hóa Quận 2. trong đó, chính sách đầu tư, phát triển giáo dục đào tạo được xem như một trong những nhiệm vụ, chương trình trọng điểm của Quận 2, chỉ tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ quận lần V nhiệm kỳ 2015 - 2020 đề ra phải xây mới 16 trường, bao gồm: 11 trường mầm non, 03 trường tiểu học, 02 trường trung học cơ sở; mỗi bậc học có từ 2- 3 trường đạt chuẩn quốc gia. Các công trình phục vụ cho việc vui chơi giải trí của người dân cũng được chú trọng như: trung tâm văn hóa, nhà thiếu nhi, trung tâm thương mại, rạp chiếu phim.

2.1.5. Giáo dục

2.1.5.1. Quy mô chung

Hệ thống trường học ở Quận 2 có nhiều loại hình khác nhau như: trường mầm non, nhà trẻ, trường tiểu học, trường trung học sơ sở, trung học phổ thông, trung cấp chuyên nghiệp, giáo dục thường xuyên, trường dạy nghề, trường cao đẳng (phân loại theo giai đoạn giáo dục) đáp ứng được nhu cầu học tập của người học.

Toàn quận có 147 đơn vị, trong đó: bậc Mầm non có 123 trường, bậc Tiểu học 12 trường và bậc Trung học cơ sở có 10 trường. Bên cạnh đó, quận còn có 02 đơn vị trực thuộc (trường Bồi dưỡng Giáo dục và trường Giáo dục chuyên biệt Thảo Điền) (phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 2, 2017).

Bậc mầm non Quận 2 có tổng số: 123 đơn vị, trong đó (Công lập 15 đơn vị, Ngoài công lập 70 trường mầm non tư thục và 38 nhóm lớp nhà trẻ và lớp mẫu giáo độc lập).

Bảng 2.1. Thống kê số trường tại Quận 2 tính đến năm học 2018 - 2019

Bậc học	Công lập	Ngoài công lập	Tổng số đơn vị
Mầm non	15	108 (70 trường, 38 nhóm lớp)	123
Tiểu học	11	01	12
Trung học cơ sở	09	01	10
Đơn vị trực thuộc	Trường chuyên biệt: 01	0	01
	Trường Bồi dưỡng giáo dục: 01	0	01
Tổng cộng	37	110	147

"Nguồn: phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 2"

Bảng 2.2. Thống kê số lớp, học sinh và nhân sự tại Quận 2 tính đến năm học 2018 - 2019

Bậc học		Số lớp	Số học sinh	Nhân sự		
				Ban giám hiệu	Giáo viên	Nhân viên
Mầm non	Công lập	138	4.064	43	285	174
	Ngoài công lập	511	8.308	79	768	757
Tiểu học	Công lập	308	12.797	26	501	97
	Ngoài công lập	31	488	02	53	/
Trung học cơ sở	Công lập	214	7.517	23	401	76
	Ngoài công lập	13	279	02	05	/
Đơn vị trực thuộc	Trường chuyên biệt	12	132	03	17	06
	Trường Bồi dưỡng giáo dục	/	/	03	05	04
Tổng cộng		1.227	33.585	181	2.035	1.114

"Nguồn: phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 2"

2.1.5.2. Khái quát về các trường mầm non công lập Quận 2

Quận 2 có 15 trường mầm non công lập chiếm tỉ lệ 12,2% các trường mầm non trên địa bàn Quận 2. Số lượng trẻ ra lớp trên địa bàn Quận 2 có 12.372 trẻ (trong đó trường mầm non công lập có 4.064 trẻ chiếm tỉ lệ 32,8).

Toàn quận có 15/15 trường mầm non công lập được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, tuy nhiên do công tác giải tỏa mặt bằng vì vậy, hiện nay trong toàn quận chỉ có 02 trường mầm non đạt Chuẩn quốc gia mức độ 1.

Bảng 2.3. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh các trường mầm non công lập Quận 2 tính đến năm học 2018 - 2019

STT	Trường	CBQL	GV	Nhân viên	Học sinh
1	Mầm non 19/5	3	19	12	257
2	Mầm non An Bình	3	9	4	90
3	Mầm non An Phú	3	18	13	275
4	Mầm non Bình An	3	24	11	381
5	Mầm non Bình Trưng Đông	3	21	8	306
6	Mầm non Cát Lái	2	22	12	287
7	Mầm non Hoa Hồng	3	13	10	166
8	Mầm non Họa Mi	3	18	11	279
9	Mầm non Măng Non	3	15	11	277
10	Mầm non Sen Hồng	3	19	13	219
11	Mầm non Sơn Ca	3	24	23	400
12	Mầm non Thạnh Mỹ Lợi	3	18	12	208
13	Mầm non Thảo Điền	3	20	8	248
14	Mầm non Vành Khuyên	3	22	11	269
15	Mầm non Vườn Hồng	2	23	15	392
Tổng cộng		43	285	174	4.054

"Nguồn: phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 2"

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên các trường mầm non công lập đã qua đào về chuyên môn nghiệp vụ theo quy định đáp ứng được nhu cầu làm việc ở các trường

Độ tuổi tuyển sinh trẻ ở các trường mầm non công lập Quận 2

- Tuyển sinh trẻ từ 6 tháng đến 24 tháng: 01 trường (Mầm non An Phú)
- Tuyển sinh trẻ từ 25 tháng đến 6 tuổi: 15 trường

Trong những năm gần đây, trình độ dân trí Quận 2 ngày càng nâng cao, phụ huynh ngày càng quan tâm nhiều hơn đến việc giáo dục trẻ ở độ tuổi mầm non. Nhưng bên cạnh đó cũng có không ít PH vì quá bận rộn với công việc nên để việc đưa đón cho ông bà, người giúp việc. Một số PH còn quan niệm trẻ còn nhỏ nên chưa cần quan tâm đến vấn đề giáo dục trẻ, giáo dục trẻ là nhiệm vụ của nhà trường...

Cơ sở vật chất các trường mầm non công lập ngày càng được đầu tư khang trang hơn từ nhiều nguồn kinh phí khác nhau và từ nguồn xã hội hóa giáo dục. Một số trường mầm non mới đang và sắp được xây dựng để kéo dần khoảng cách tỉ lệ tương quan giữa các trường công lập và ngoài công lập đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh.

2.2. Tổ chức nghiên cứu thực trạng

2.2.1. Mục đích nghiên cứu

Nhằm đánh giá đúng thực trạng quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở các trường mầm non Quận 2, TP. HCM. Xác định nhu cầu, nhận thức của PH và GV đối với hoạt động phối hợp. Xác định các mặt mạnh và hạn chế trong việc tổ chức hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ và quản lý nó ở các trường. Từ đó đề xuất một số biện pháp góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở các trường mầm non công lập Quận 2

2.2.2. Phương pháp nghiên cứu thực trạng

Đề tài sử dụng phối hợp các phương pháp nghiên cứu, trong đó phương pháp điều tra bằng bảng hỏi là phương pháp chính, các phương pháp nghiên cứu còn lại là các phương pháp bổ trợ.

2.2.2.1. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi

a. Mục đích, yêu cầu thiết kế bảng hỏi

Để tìm hiểu thực trạng quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở các trường mầm non Quận 2, TP. HCM, đề tài xây dựng công cụ nghiên cứu gồm 2 bảng khảo sát ý kiến dành cho CBQL - GV (gọi tắt CB - GV) và bảng khảo sát ý kiến dành cho cha mẹ học sinh (CMHS).

Công cụ nghiên cứu này dựa trên ba nguyên tắc: đảm bảo giá trị về mặt nội dung; đáng tin cậy về mặt thống kê; sử dụng các hình thức câu hỏi sao cho phù hợp với nội dung nghiên cứu và phù hợp với đặc điểm của khách thể nghiên cứu.

b. Quy trình thiết kế bảng hỏi

Công cụ nghiên cứu là một phiếu thăm dò được thực hiện qua ba giai đoạn:

- Giai đoạn 1: Điều tra thử bằng bảng thăm dò mở

Dựa trên cơ sở lý luận của đề tài, chúng tôi thiết kế bảng hỏi mở. Sau đó tiến hành phát thăm dò ý kiến ngẫu nhiên để thu thập những thông tin cần thiết làm định hướng cho việc xây dựng bảng hỏi chính thức của đề tài nghiên cứu.

- Giai đoạn 2: Thiết kế bảng hỏi

Từ kết quả thu được sau khi khảo sát bằng bảng thăm dò mở, cùng với những lý luận của đề tài, chúng tôi tiến hành xây dựng bảng hỏi thử. Bảng hỏi thử được đi khảo sát ý kiến để chỉnh sửa về hình thức và ngôn ngữ cho phù hợp với khách thể khảo sát. Cuối cùng, bảng hỏi được hoàn thiện dựa trên các góp ý của các khách thể khảo sát, đảm bảo về các phương diện hình thức, số lượng, nội dung, ngôn ngữ.

- Giai đoạn 3: Khảo sát chính thức

Tiến hành khảo sát chính thức trên nhóm khách thể chính CBQL, GV và nhóm khách thể bổ trợ CMHS trên địa bàn Quận 2, TP. HCM.

c. Nội dung bảng hỏi

❖ Bảng hỏi dành cho nhóm khách thể CBQL-GV Bảng hỏi chính thức được cấu trúc gồm 2 phần:

Phần A: Thông tin cá nhân của người trả lời: chức vụ đang đảm nhận, bằng cấp chuyên môn đã đạt được, thâm niên công tác.

Phần B: Phần nội dung chính gồm 16 câu hỏi (phụ lục 1)

❖ B

ảng

hỏi

dành

cho

nhóm

khách

thể

PH

Bảng

hỏi

được

cấu

trúc

gồm 2

phần:

Phần A: Thông tin cá nhân của người trả lời: nghề nghiệp, trình độ học vấn, số

con.

Phần B: Phần nội dung chính gồm 8 câu hỏi (phụ lục 2)

d. Cách cho điểm

Đối với các câu hỏi có 5 mức độ lựa chọn: điểm thấp nhất là 1, cao nhất là 5.

- Điểm trung bình chung (ĐTB chung) của câu = Tổng ĐTB của các nội dung có trong câu chia cho số các nội dung được khảo sát trong câu.

- ĐTB của từng biểu hiện thành phần = Tổng điểm của những người trả lời chia cho tổng số người trả lời

Các câu hỏi còn lại: đánh giá sự lựa chọn của CB-GV và CMHS ở từng câu hỏi theo hướng dẫn cụ thể và được đánh giá dựa trên tần số tìm được.

e. Cách quy điểm các mức độ cho thang đo

Bảng 2.4. Cách quy đổi điểm các mức độ cho thang đo

TT	Thang điểm	Mức độ

1	1 < ĐTB ≤ 1.8	Không cần thiết	Hoàn toàn không đồng ý	Không thực hiện	Không hiệu quả	Không quan tâm	Rất ít
2	1.8 < ĐTB ≤ 2.6	Ít cần thiết	Không đồng ý	Hiếm khi	Ít hiệu quả	Ít quan tâm	Ít
3	2.6 < ĐTB ≤ 3.4	Bình thường	Phân vân	Thỉnh thoảng	Bình thường	Bình thường	Trung bình
4	3.4 < ĐTB ≤ 4.2	Cần thiết	Đồng ý	Thường xuyên	Hiệu quả	Quan tâm	Nhiều
5	4.2 < ĐTB ≤ 5	Rất cần thiết	Hoàn toàn đồng ý	Rất thường xuyên	Rất hiệu quả	Rất quan tâm	Rất nhiều

✔ Đánh giá chung về nhận thức hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ

Câu 1: có 5 mức độ lựa chọn, điểm số thấp nhất (Min) là 1 và cao nhất (Max) là 5 điểm;

Câu 2: đáp án đúng nhất là B được cho là 1 điểm, các lựa chọn A và C chưa chính xác nên được quy là 0 điểm;

Câu 3: có 5 nội dung khảo sát, ứng với Min = 5; Max = 25;

Câu 4: có 10 nội dung, đáp án đúng được cho là 1 điểm, đáp án sai là 0 điểm;

Đánh giá chung nhận thức = Câu 1 + Câu 2 + Câu 3 + Câu 4 và được chia thành các mức độ dựa trên khoảng biến thiên liên tục.

Theo khoảng biến thiên từ 06 đến 41 chia làm 5 khoảng như sau:

- Thang điểm 06 - 13: Kém
- Thang điểm 14 - 20: Yếu
- Thang điểm 21 - 27: Trung bình
- Thang điểm 28 - 34: Khá
- Thang điểm 35 - 41: Tốt

✔ Đánh giá chung về thực trạng quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ

Câu 11: có 5 mức độ lựa chọn, điểm số thấp nhất (Min) là 1 và cao nhất (Max) là 5 điểm;

Câu 12: đáp án đúng nhất là C được cho là 1 điểm, các lựa chọn chưa chính xác (A, B, D) được quy là 0 điểm;

Câu 13: có 5 nội dung khảo sát, đáp án đồng ý được cho là 1 điểm, đáp án không đồng ý là 0 điểm;

Câu 14: gồm 2 phần khảo sát (mức độ thực hiện và hiệu quả thực hiện) mỗi phần có 25 nội dung với 5 mức độ lựa chọn, ứng với Min = 50; Max = 250;

Đánh giá chung thực trạng = Câu 11 + Câu 12 + Câu 13 + Câu 14 và được chia thành các mức độ dựa trên khoảng biến thiên liên tục.

Theo khoảng biến thiên từ 51 đến 261 chia làm 5 khoảng như sau:

- Thang điểm 51 - 93: Kém

- Thang điểm 94 - 135: Yếu

- Thang điểm 136 - 177: Trung bình

- Thang điểm 178 - 219: Khá

- Thang điểm 220 - 261: Tốt

2.2.2.2. Phương pháp phỏng vấn

a. Mục đích phỏng vấn

Khẳng định kết quả của phương pháp điều tra; khai thác sâu hơn thực trạng thực trạng quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở các trường mầm non Quận 2, TP. HCM.

b. Nguyên tắc phỏng vấn

- Phỏng vấn được tiến hành trong không khí thoải mái, cởi mở, tin cậy.

- Khách thể trình bày vấn đề một cách tự do, thoải mái.

- Người phỏng vấn cần khéo léo trong việc đặt câu hỏi, bắt đầu bằng những câu hỏi chung, khái quát, dễ trả lời để kích thích tư duy của đối tượng; kết hợp cả câu hỏi đóng và mở để thu thập thông tin; Cần có sự linh hoạt, mềm dẻo trong trình tự và nội dung phỏng vấn đã chuẩn bị theo tình huống cụ thể.

c. Nội dung phỏng vấn Phỏng vấn các vấn đề sau:

- Các hình thức GV đã thực hiện để phối hợp với PH trong giáo dục trẻ? Vì sao ưu tiên thực hiện hình thức đó?

- Hình thức/phương pháp mà GV phối hợp với PH trong giáo dục trẻ đạt hiệu quả nhất là gì? Vì sao?

- Gia đình thường làm gì để phối hợp với nhà trường trong giáo dục trẻ?

- Lợi ích của hoạt dộng phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ.

- Đánh giá của GV và PH về mức độ phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ.

- Nhà trường/gia đình cần làm gì để tăng cường hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ?

d. Cách thực hiện

- Chuẩn bị dàn ý nội dung cần phỏng vấn ra giấy, các phương tiện cần thiết cho quá trình phỏng vấn.

- Hẹn gặp khách thể và dự kiến nơi phỏng vấn khách thể.

- Tiến hành phỏng vấn theo kế hoạch, đảm bảo nguyên tắc phỏng vấn.

2.2.2.3. Phương pháp thống kê toán học

a. Mục đích

Sử dụng phương pháp thống kê toán học nhằm làm rõ hơn các giả thuyết nghiên cứu. Xử lý số liệu thu được từ phương pháp điều tra bằng bảng hỏi chính xác, có độ tin cậy cao, làm cơ sở để phân tích, bình luận. Tương quan của các chỉ số có thể giúp người nghiên cứu xác định những vấn đề cần được quan tâm, chú trọng để từ đó có những giải pháp khả thi, phù hợp với điều kiện thực tế.

b. Nội dung

Sử dụng phần mềm SPSS for Windows phiên bản 20.0 xử lý các thông tin thu được từ các phương pháp trên. Cụ thể: Sử dụng một số phép tính như: thống kê mô tả: tính tần số, thứ hạng, tỷ lệ phần trăm, trị số trung bình,...; thống kê phân tích: so sánh giá trị trung bình, các phép kiểm nghiệm thang đo, kiểm nghiệm mẫu,.. làm cơ sở để bình luận số liệu thu được từ phương pháp điều tra bằng bảng hỏi.

c. Cách thực hiện

Thống kê số liệu, nhập số liệu và xử lý số liệu theo phần mềm đã lựa chọn.

2.2.3. Vài nét về đối tượng khảo sát

Để nghiên cứu về thực trạng quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ, đề tài đã nghiên cứu tổng số 270 đối tượng, trong đó chúng tôi lựa chọn theo các tiêu chí về trình độ học vấn, nghề nghiệp, vị trí đang công tác, thâm niên công tác.

Mẫu khảo sát của đề tài gồm 90 CB-GV và 180 CMHS có trẻ đang học trên địa bàn Quận 2, TP. HCM. Một số thông tin cụ thể về mẫu khảo sát như sau:

Bảng 2.5. Vài nét về đối tượng khảo sát

Nhóm khách thể	Đặc điểm		Tần số	Tỷ lệ phần trăm (%)
CB-GV	Vị trí đảm nhận	Hiệu trưởng	7	7,8
		Phó hiệu trưởng	13	14,4
		Tổ trưởng chuyên môn	9	10,0
		Giáo viên	61	67,8
	Trình độ học vấn	Trung cấp	7	7,8
		Cao đẳng	12	13,3
		Đại học	70	77,8
		Sau đại học	1	1,1
	Thâm niên công tác	Dưới 5 năm	19	21,1
		Từ 6 -10 năm	18	20,0
		Từ 11 -15 năm	16	17,8
		Trên 15 năm	37	41,1
Cha mẹ học sinh	Nghề nghiệp	Lao động phổ thông	77	51,3
		Lao động tri thức	73	48,7
	Trình độ học vấn	Phổ thông	42	28,0
		Dưới Đại học	35	23,3
		Đại học	64	42,7
		Sau đại học	9	6,0
	Số con trong gia đình	1 con	58	38,7
		2 con	84	56,0
		Trên 2 con	8	5,3

Nhóm đối tượng khảo sát CB-GV:

- Tiêu chí về vị trí đảm nhận: khảo sát các vị trí đảm nhận trong nhà trường, trong đó hiệu trưởng có 7/90 (chiếm 7,8%), Phó hiệu trưởng có 13/90 (chiếm 14,4%), tổ trưởng chuyên môn có 9/90 (chiếm 10,0%) và giáo viên có 61/90 (chiếm 67,8%).

- Tiêu chí về trình độ học vấn: khảo sát ở tất cả trình độ, trong đó trung cấp có 7/90 CB-GV (chiếm 7,8%), cao đẳng có 12/90 CB-GV (chiếm 13,3%), đại học có 70/90 CB-GV (chiếm 77,8%) và sau đại học có 1/90 (chiếm 1,1%). Như vậy, phần lớn CB-GV được khảo sát tập trung chủ yếu ở trình độ cao đẳng và đại học.

- Tiêu chí về thâm niên công tác: khảo sát các mốc thâm niên khác nhau, trong đó thâm niên công tác dưới 5 năm có 19/90 CB-GV (chiếm 21,1%), từ 6 - 10 năm có 18/90 CB-GV (chiếm 20,0%), từ 11 - 15 năm có 16/90 CB-GV (chiếm 17,8%) và trên 15 năm có 37/90 CB-GV (chiếm 41,1%).

Nhóm đối tượng khảo sát cha mẹ học sinh:

- Tiêu chí về nghề nghiệp: khảo sát tất cả nghề nghiệp và được chia thành 2 nhóm nghề nghiệp cơ bản, trong đó nghề nghiệp lao động phổ thông có 77/150 CMHS (chiếm 51,3%) và lao động tri thức có 73/150 CMHS (chiếm 48,7%).

- Tiêu chí về trình độ học vấn: khảo sát ở tất cả trình độ, trong đó phổ thông có 42/150 CMHS (chiếm 28,0%), dưới đại học có 35/150 CMHS (chiếm 23,3%), đại học có 64/150 CMHS (chiếm 42,7%) và sau đại học có 9/150 CMHS (chiếm 6,0%).

- Tiêu chí về số con: 1 con có 58/150 (chiếm 38,7%), 2 con có 84/150 (chiếm 56,0%) và trên 2 con có 8/150 (chiếm 5,3%). Như vậy, nhóm khảo sát của đề tài về số con trong gia đình của cha mẹ học sinh tập trung chủ yếu là 2 con.

Với những thông tin nói trên từ hai nhóm đối tượng khảo sát của đề tài, có thể thấy sự đa dạng và phân tán về nghề nghiệp, trình độ học vấn, vị trí đảm nhận, thâm niên công tác, số con trong gia đình một cách khá phù hợp với hai nhóm đối trượng, cho thấy số liệu nghiên cứu có thể mang tính đại diện và tính khách quan ở một mức độ nhất định.

2.3. Thực trạng hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở các trường mầm non Quận 2, TP. HCM

2.3.1. Thực trạng nhận thức về vai trò của giáo dục nhà trường và giáo dục gia đình

Nhận thức của CB-GV về hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ là một nội dung khảo sát quan trọng trong việc tìm hiểu thực trạng hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở các

trường mầm non Quận 2, TP.HCM. Bởi trên nền tảng hiểu biết đúng đắn ban đầu về hoạt động phối hợp, người CB-GV sẽ bộc lộ qua thái độ phù hợp, từ đó có thể dẫn đến những biểu hiện ở hành vi tích cực của mình khi tổ chức các hoạt động phối hợp. Khi đề tài khảo sát nhận thức của CB-GV thu được kết quả như sau:

2.3.1.1. Thực trạng nhận thức về tính cần thiết của hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ

Để đánh giá mức độ nhận thức về tính cần thiết của hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ của CB-GV và CMHS, đề tài sử dụng câu 1 của phụ lục 1 và câu 1 của phụ lục 2 để khảo sát, kết quả thu được thể hiện qua bảng 2.6 như sau:

Bảng 2.6. Nhận thức về tính cần thiết của hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ

TT	Mức độ	CB-GV (n = 90)		Cha mẹ học sinh (n = 150)	
1	Không cần thiết	-	-	-	-
2	Ít cần thiết	-	-	-	-
3	Bình thường	-	-	19	12.7%
4	Cần thiết	35	38,9%	93	62,0%
5	Rất cần thiết	55	61,1%	38	25,3%
ĐTB		**4,61**		**4,13**	

Kết quả bảng 2.6 về thực trạng nhận thức tính cần thiết của hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ được đánh giá bởi CB-GV và CMHS với ĐTB tìm được lần lượt là 4,61 ứng với mức "rất cần thiết" và 4,13 ứng với mức "cần thiết" theo thang đo đã xác lập. Điều này cho thấy, dưới mỗi góc độ nhìn nhận vấn đề đưa ra khảo sát sẽ có kết quả khác nhau. Đây là cơ sở quan trọng để chúng ta tham khảo trên cơ sở đó có cách nhìn nhận vấn đề mang tính đa chiều hơn, khách quan hơn.

Phân tích ở nhóm khách thể CB-GV cho thấy có 55/90 ý kiến cho rằng việc phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ là "rất cần thiết" (chiếm 61,1%) và có 35/90 ý kiến lựa chọn mức cần thiết (chiếm 38,9%). Như vậy, toàn bộ nhóm khách thể CB-GV đã nhận thức được sự cần thiết của hoạt động phối hợp

trong giáo dục trẻ. Đây được xem là tín hiệu khả quan và thuận lợi cho nghiên cứu bởi CB-GV tại các trường MN trên địa bàn quận 2 bước đầu đã nhận ra được sự cần thiết của hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ. Kết quả thu được từ phỏng vấn cũng khá tương đồng: CBQL 2 chia sẻ *"GDMN là mắt xích đầu tiên của hệ thống giáo dục quốc dân. Mục đích của GDMN là sự phát triển toàn diện cho trẻ. Và để việc giáo dục trẻ được toàn diện thì việc phối hợp giữa nhà trường và gia đình là quan trọng và cần thiết cho việc giáo dục trẻ. Vì đó là một nguyên tắc cơ bản để giúp trẻ phát triển tốt nhất. Muốn giáo dục trẻ tốt đòi hỏi sự quan tâm đúng cách của nhà trường, gia đình và mọi người trong xã hội"*. CBQL 3 cho biết thêm *"Đây là hoạt động tối ưu và rất cần thiết. Vì sự phối hợp giữa nhà trường và gia đình tạo nên sự thống nhất về phương pháp chăm sóc, giáo dục trẻ một cách khoa học và đạt kết quả tốt nhất cho trẻ"*.

Khi khảo sát nhóm khách thể CMHS để có cái nhìn khách quan hơn thì kết quả thu được như sau: có đến 93/150 ý kiến lựa chọn mức "cần thiết" (chiếm 62,0%), 38/150 ý kiến đánh giá mức "rất cần thiết" (chiếm 25,3%). Cộng dồn hai mức tích cực này có đến 87,3% (chiếm hơn ¾ mẫu). Tuy nhiên, đây vẫn chưa phải là kết quả như mong đợi bởi vẫn còn 12,7% phụ huynh cho rằng việc phối hợp là "bình thường". Đây là con số không hề nhỏ và khiến chúng tôi muốn tìm hiểu sâu hơn. Qua nghiên cứu thống kê chúng tôi thu được kết quả như sau:

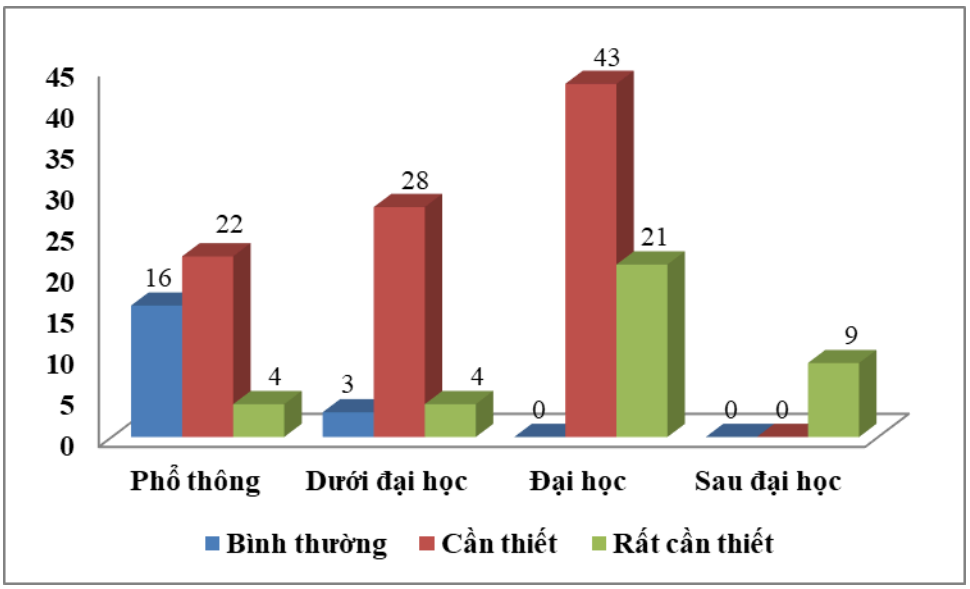

Biểu đồ 2.1. Nhận thức của CMHS về tính cần thiết của hoạt động phối hợp

Quan sát biểu đồ 2.1 cho thấy các ý kiến cho rằng hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ là bình thường tập trung chủ yếu ở những CMHS có trình độ phổ thông với 16/19 (chiếm 84,2%) và dưới đại học có 3/19 (chiếm 15,8%).

Qua phân tích số liệu thống kê giữa hai nhóm khách thể chúng tôi nhận thấy có sự khác nhau về điểm số đánh giá giữa hai nhóm khách thể. Điều này có thể lý giải do sự tiếp cận và nhìn nhận dưới góc độ khác nhau sẽ tạo nên sự không nhất quán trong đánh giá. Kết quả nghiên cứu sẽ khả quan hơn nếu các trường mầm non tại Quận 2 có chính sách và sự quan tâm nhiều hơn đến những CMHS có trình độ phổ thông và dưới đại học trong việc phối hợp giáo dục trẻ.

2.3.1.2. Thực trạng nhận thức về bản chất của hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ

Để có cái nhìn chi tiết hơn về nhận thức của CB-GV về hoạt động phối hợp, đề tài đã tiến hành khảo sát nhận thức của CB-GV về bản chất của hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ (câu 2, phiếu thăm dò ý kiến dành cho CBQL/GV). Kết quả được thể hiện chi tiết ở bảng sau:

Bảng 2.7. Nhận thức của CB-GV về bản chất của hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ (n = 90)

TT	Nội dung	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
1	A. Là hoạt động truyền đạt kiến thức, kỹ năng của nhà trường cho trẻ và gia đình củng cố các kiến thức, kỹ năng đã học tại nhà	20	22,2
2	B. Là hoạt động mà nhà trường và gia đình cùng nhau thực hiện theo mục đích chung đã đề ra nhằm giúp cho quá trình giáo dục trẻ được thống nhất và hướng đến mang lại lợi ích tốt nhất cho trẻ	59	65,6
3	C. Là gia đình và nhà trường cùng nhau thực hiện theo một kế hoạch để đạt được mục đích chung	11	12,2

Kết quả thống kê ở bảng 2.7 cho thấy có 59/90 CB-GV lựa chọn nội dung "Là hoạt động mà nhà trường và gia đình cùng nhau thực hiện theo mục đích chung đã

đề ra nhằm giúp cho quá trình giáo dục trẻ được thống nhất và hướng đến mang lại lợi ích tốt nhất cho trẻ" (chiếm 65,6%). Đây chính là nội dung chính xác nhất khi nói về bản chất của hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ và cũng là thuật ngữ mà đề tài sử dụng.

Kế đến, có 20/90 CB-GV lựa chọn nội dung "Là hoạt động truyền đạt kiến thức, kỹ năng của nhà trường cho trẻ và gia đình củng cố các kiến thức, kỹ năng đã học tại nhà" chiếm 22,2% và 12,2% ý kiến còn lại lựa chọn "Là gia đình và nhà trường cùng nhau thực hiện theo một kế hoạch để đạt được mục đích chung". Đây là hai nội dung tương đối chính xác nhưng chưa thật sự đầy đủ khi nói về bản chất của hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ.

Như vậy, có gần 2/3 mẫu nghiên cứu có nhận thức đúng đắn về bản chất của hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ, điều này đồng nghĩa là có hơn 1/3 mẫu nhận thức chưa chính xác và đầy đủ. Số liệu thống kê rất đáng quan tâm bởi con số 34,4% không hề nhỏ.

2.3.1.3. Thực trạng nhận thức về vai trò của hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ

Để tìm hiểu nhận thức của CB-CV về vai trò của hoạt động phối hợp (sử dụng câu 3, phụ lục 1), qua khảo sát đề tài đã thu được kết quả như sau:

Bảng 2.8. Nhận thức của CB-GV về vai trò của hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ

TT	Vai trò của hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ	Các mức độ (%)					ĐTB
		Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý	
1	Hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình giúp tạo sự thống nhất, đem đến kết quả tốt hơn trong giáo dục trẻ	-	2,2	1,1	42,2	54,4	4,49
2	Để phát huy hết những nội dung	-	2,2	-	58,9	38,9	4,34

TT	Vai trò của hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ	Các mức độ (%)					ĐTB
		Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý	
	giáo dục của nhà trường đối với trẻ đòi hỏi có sự tham gia tích cực từ gia đình						
3	Nhà trường đóng vai trò chủ đạo và gia đình đóng vai trò chủ động trong hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình	-	3,3	4,4	46,7	45,6	4,34
4	Gia đình có vai trò vô cùng quan trọng, là trung tâm của hoạt động phối hợp giữa gia đình và nhà trường	-	6,7	3,3	52,2	37,8	4,21
5	Nhà trường có vai trò vô cùng quan trọng, là trung tâm của hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình	-	8,9	-	57,8	33,3	4,16

Kết quả thống kê bảng 2.8 về thực trạng nhận thức của CB-GV về vai trò của hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ có ĐTB tìm được trải dài từ 4,16 đến 4,34, ứng từ mức đồng ý đến hoàn toàn đồng ý theo thang đo đã xác lập. Điều này có nghĩa là CB-GV ở các trường MN Quận 2, TP.HCM nhất trí với các vai trò mà đề tài đưa ra khảo sát.

Tiến hành phân tích chi tiết cho thấy, vai trò "Hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình giúp tạo sự thống nhất, đem đến kết quả tốt hơn trong giáo dục trẻ" nổi bật lên với ĐTB = 4,49, ứng với mức hoàn toàn đồng ý. Xem xét theo tỷ lệ phần trăm, có 42,2% CB-GV đồng ý và 54,4% ý kiến hoàn toàn đồng ý với vai trò này. Cộng dồn hai mức tích cực này có đến 96,6% CB-GV đồng ý và hoàn toàn đồng ý. Kết quả này không khiến chúng tôi bất ngờ bởi trong lý luận cũng như

trong thực tiễn giáo dục, sự thống nhất tác động giáo dục từ nhà trường và gia đình được xem là vấn đề có tính nguyên tắc đảm bảo cho mọi hoạt động giáo dục có điều kiện đạt hiệu quả tốt.

Hai vai trò kế đến có cùng điểm số là "Để phát huy hết những nội dung giáo dục của nhà trường đối với trẻ đòi hỏi có sự tham gia tích cực từ gia đình", "Nhà trường đóng vai trò chủ đạo và gia đình đóng vai trò chủ động trong hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình" với ĐTB = 4,34, ứng với mức hoàn toàn đồng ý. Xem xét dưới góc độ tỷ lệ phần trăm, hai vai trò này có tỷ lệ đồng ý và hoàn toàn đồng ý dao động từ 93,2% đến 97,8%. Thực tế cho thấy để thực hiện mục tiêu giáo dục trẻ toàn diện, cần phải coi trọng cả giáo dục nhà trường và giáo dục gia đình. Đây được xem là điểm đáng ghi nhận trong nghiên cứu.

Luật Giáo dục (2005) quy định ở điều 94 về trách nhiệm của gia đình trong việc giáo dục trẻ là "Mọi người trong gia đình có trách nhiệm xây dựng gia đình văn hóa, tạo môi trường thuận lợi cho việc phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ của con em; người lớn tuổi có trách nhiệm giáo dục, làm gương cho con em, cùng nhà trường nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục". Theo đó, "Gia đình có vai trò vô cùng quan trọng, là trung tâm của hoạt động phối hợp giữa gia đình và nhà trường". Vai trò này được CB-GV đánh giá ở mức hoàn toàn đồng ý với ĐTB = 4,21.

Vai trò có điểm số hạn chế nhất là "Nhà trường có vai trò vô cùng quan trọng, là trung tâm của hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình" với ĐTB = 4,16, ứng với mức đồng ý. Trong 5 vai trò được nêu ở câu hỏi khảo sát thì đây là phát biểu chưa đúng theo lý thuyết đã trình bày ở chương 1. Với điểm số thu được so với các phát biểu khác thì đây là một tín hiệu khá khả quan cho thấy người được khảo sát đã có nhìn nhận khá tốt. Tuy nhiên, mức độ không đồng ý với phát biểu trên chỉ có ĐTB = 8,9. Từ đó cho thấy mọi người còn có sự nhầm lẫn trong việc xác định vai trò trung tâm của hoạt động phối hợp là nhà trường hay gia đình.

Nhìn chung, đa phần CB-GV tại các trường MN trên địa bàn quận 2 có nhận thức khá tốt về những vai trò của hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ. Tuy nhiên, đây chưa phải là kết quả như mong đợi bởi có một bộ

phận nhỏ CB-GV (1,1% - 4,4%) vẫn còn phân vân và thậm chí không đồng ý (chiếm từ 2,2% - 8,9%) về các vai trò mà đề tài đưa ra khảo sát.

2.3.1.4. Thực trạng nhận thức về mục đích của hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ

Để để đánh giá nhận thức của 90 CB-GV về mục đích của hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ, chúng tôi tiến hành đặt câu hỏi "Theo Thầy/Cô mục đích phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ là gì?" (câu 4, phụ lục 1), kết quả thu được thể hiện ở bảng 2.9

Bảng 2.9. Nhận thức của CB-GV về mục đích của hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ (n = 90)

TT	Mục đích phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ	Đúng		Sai	
		Tần số (n)	Tỷ lệ (%)	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
1	Tạo mối liên hệ gắn kết giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ	87	96,7	3	3,3
2	Nhằm nâng cao trách nhiệm của gia đình đối với việc giáo dục trẻ	85	94,4	5	5,6
3	Tạo ra sức mạnh tổng hợp nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục trẻ	84	93,3	6	6,7
4	Thực hiện việc giáo dục trẻ mọi lúc, mọi nơi	84	93,3	6	6,7
5	Nhằm khắc phục những thiếu sót trong việc giáo dục trẻ từ phía nhà trường và gia đình	84	93,3	6	6,7
6	Tạo nên sự thống nhất trong việc giáo dục trẻ	84	93,3	6	6,7
7	Tổ chức các hoạt động giáo dục phong phú, đa dạng phù hợp với nhu cầu, đặc điểm của trẻ	75	83,3	15	16,7
8	Nhằm nâng cao sự quản lý của nhà trường	74	82,2	16	17,8
9	Xây dựng chương trình, cách thức giáo dục phù hợp với từng trẻ	73	81,1	17	18,9
10	Giúp nhà trường tranh thủ sự đóng góp của các mạnh thường quân và các công trình xã hội hóa giáo dục từ phụ huynh	63	70,0	27	30,0

Quan sát kết quả thống kê ở bảng 2.9 có thể thấy có đến 6/10 mục đích đưa ra khảo sát có tỷ lệ lựa chọn đúng chiếm trên 90,0%. Cụ thể:

- "Tạo mối liên hệ gắn kết giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ" với 87/90 CB-GV lựa chọn đúng, chiếm 96,7%, xếp thứ hạng 1;
- "Nhằm nâng cao trách nhiệm của gia đình đối với việc giáo dục trẻ" với 85/90 CB-GV lựa chọn đúng, chiếm 94,4%, xếp thứ hạng 2;
- "Tạo nên sự thống nhất trong việc giáo dục trẻ", "Tạo ra sức mạnh tổng hợp nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục trẻ", "Thực hiện việc giáo dục trẻ mọi lúc, mọi nơi", "Nhằm khắc phục những thiếu sót trong việc giáo dục trẻ từ phía nhà trường và gia đình" với cùng 84/90 ý kiến lựa chọn đúng, chiếm 93,3%, xếp thứ hạng 3.

Qua nghiên cứu lý luận ở Chương 1 có thể thấy, để việc chăm sóc và giáo dục trẻ tại các trường MN đạt kết quả như mong đợi thì không thể xem nhẹ hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình. Thực tế cũng cho thấy một khi giữa nhà trường và gia đình có mối liên hệ gắn kết với nhau sẽ đảm bảo sự thống nhất trong nhận thức cũng như hành động cùng một hướng, một mục đích, một tác động tổ hợp, đồng tâm. Từ đó, tạo nên sức mạnh tổng hợp giúp việc giáo dục trẻ có thể thực hiện một cách đồng bộ mọi lúc, mọi nơi. Có như vậy sẽ khắc phục được những thiếu sót trong việc giáo dục trẻ cả về phía nhà trường và gia đình. Có lẽ nhóm khách thể khảo sát cũng đồng quan điểm với đề tài vì thế có trên 9/10 mẫu khảo sát đồng ý với những mục đích trên cũng là điều dễ hiểu.

Các mục đích còn lại có tỷ lệ lựa chọn như sau:

- "Tổ chức các hoạt động giáo dục phong phú, đa dạng phù hợp với nhu cầu, đặc điểm của trẻ" với 75/90 CB-GV lựa chọn đúng, chiếm 83,3%, xếp thứ hạng 7;
- "Tổ chức các hoạt động giáo dục phong phú, đa dạng phù hợp với nhu cầu, đặc điểm của trẻ" với 74/90 CB-GV lựa chọn đúng, chiếm 82,2%, xếp thứ hạng 8;
- "Tổ chức các hoạt động giáo dục phong phú, đa dạng phù hợp với nhu cầu, đặc điểm của trẻ" với 73/90 CB-GV lựa chọn đúng, chiếm 81,1%, xếp thứ hạng 9;
- "Tổ chức các hoạt động giáo dục phong phú, đa dạng phù hợp với nhu cầu, đặc điểm của trẻ" với 63/90 CB-GV lựa chọn đúng, chiếm 70,0%, xếp vị trí cuối.

Đây được xem là những mục đích cơ bản và không thể bỏ qua mà đề tài hướng đến. Với tỷ lệ CB-GV nhận thức đúng dao động từ 70,0% đến 83,3% cũng là điểm đáng ghi nhận trong nghiên cứu. Tuy nhiên, đây vẫn chưa phải là kết quả như mong đợi bởi vẫn còn lượng nhất định CB-GV còn lựa chọn sai.

Như vậy, theo cái nhìn tổng thể thì CB-GV tại các trường MN trên địa bàn Quận 2, TP.HCM đã nhận thức khá tốt về các mục đích của hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong việc giáo dục trẻ. Nhận thức về mục đích của hoạt động phối hợp giữa nhà trường - gia đình là quan trọng, đặc biệt đối với người làm công tác quản lý. Nếu người CB-GV có nhận thức đầy đủ về vấn đề này thì hiệu quả của hoạt động phối hợp sẽ được nâng cao. Tuy nhiên, với kết quả này đề tài cần có quan tâm hơn nữa đến vấn đề nhận thức của CB-GV.

2.3.1.5. Đánh giá chung về nhận thức của CB-GV về hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ

Bảng 2.10 Nhận thức chung của CB-GV về hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ (n = 90)

TT	Thang điểm	Mức độ nhận thức	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
1	6 - 13	Kém	-	-
2	14 - 20	Yếu	2	2,2
3	21 - 27	Trung bình	1	1,1
4	28 - 34	Khá	27	30,0
5	35 - 41	Tốt	60	66,7

Quan sát kết quả thống kê bảng 2.10 cho thấy nhận thức chung của CB-GV ở các trường MN Quận 2, TP.HCM về hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ có sự phân bố nhất định về mức độ nhận thức (đạt từ mức yếu đến mức tốt). Để dễ hình dung, đề tài thể hiện kết quả này qua biểu đồ sau:

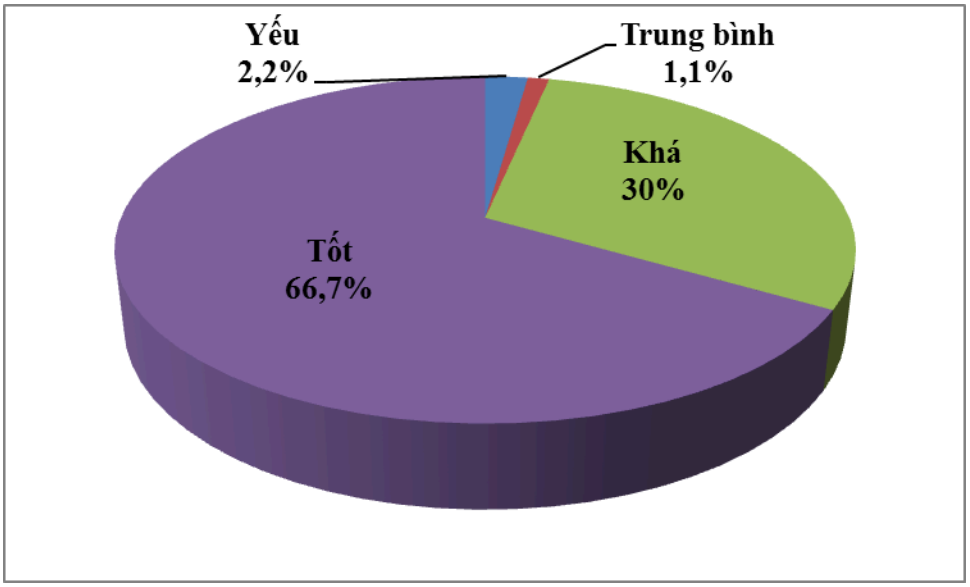

Biểu đồ 2.2. Nhận thức chung của CB-GV về hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ

Quan sát biểu đồ 2.2 về nhận thức chung của CBGV về hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ cho thấy, phần lớn CB-GV tập trung ở mức nhận thức khá tốt. Cộng đồn hai mức tích cực này có đến 96,7%. Đây được xem là tín hiệu đáng ghi nhận trong nghiên cứu. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận nhỏ CB-GV nhận thức về hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ chỉ dừng lại mức trung bình và yếu (trung bình chiếm 1,1% và 2,2% mức yếu). Tuy con số này không đáng kể nhưng ít nhiều sẽ cản trợ hiệu quả thực hiện các hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong việc giáo dục trẻ. Đây có thể là một trong những nguyên nhân làm cho sự phối hợp giữa nhà trường và gia đình hiện nay chưa có sự liên kết chặt chẽ, hiệu quả đạt được chưa cao. Vấn đề này sẽ được đề tài tiếp tực nghiên cứu kỹ hơn ở phần 2.3.5.

2.3.2. Thực trạng về thái độ của CB-GV đối với hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ

Nhằm tìm hiểu thái độ của CB-GV đối với hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ, đề tài đã tiến hành đặt câu hỏi "Thái độ của Thầy/Cô như thế nào đối với việc phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ?"(câu 5, phụ lục 1), kết quả thu được thể hiện ở bảng 2.11.

Bảng 2.11. Thái độ của CB-GV đối với hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ (n = 90)

TT	Mức độ	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)	ĐTB
1	Không quan tâm	-	-	**4,23**
2	Ít quan tâm	1	1,1	
3	Bình thường	5	5,6	
4	Quan tâm	56	62,2	
5	Rất quan tâm	28	31,1	

Kết quả thống kê bảng 2.11 cho thấy có đến 56/90 CB-GV có thái độ "quan tâm" đến hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ, chiếm 62,2% và có 28/90 CB-GV thể hiện thái độ "rất quan tâm" chiếm 31,1%. Cộng đồn hai thái độ tích cực này có đến 93,3% trên toàn mẫu.

Nhìn chung, CB-GV tại các trường MN trên địa bàn Quận 2, TP.HCM đã có sự quan tâm nhất định đến hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ. Đây được xem là một tín hiệu tốt và cần được phát huy hơn nữa. Tuy nhiên, đây vẫn chưa phải là kết quả như mong đợi và đâu đó vẫn còn 6,7% CB-GV tỏ thái độ "bình thường" và "ít quan tâm". Mặc dù con số này không phải là quá lớn nhưng nếu chúng ta không có sự quan tâm, tác động hợp lý sẽ tiềm ẩn nguy cơ ảnh hưởng đến hiệu quả tổ chức các hoạt động phối hợp

2.3.3. Thực trạng về hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ

2.3.3.1. Thực trạng mức độ liên hệ của gia đình với nhà trường trong giáo dục trẻ

Với mong muốn làm rõ mức độ phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong giáo dục trẻ tại tại các trường MN trên địa bàn Quận 2, TP.HCM hiện nay. Đề tài đã khảo sát CMHS qua câu hỏi số 2, phiếu thăm dò ý kiến dành cho cha mẹ học sinh và kết quả thu được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 2.12. Thực trạng liên hệ của gia đình với nhà trường trong giáo dục trẻ (n = 150)

TT	Nội dung	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)	Thứ hạng
1	A. Hằng ngày	58	38,7	1
2	B. Hàng tuần	50	33,3	2
3	C. Vào đầu và cuối năm học	13	8,7	4
4	D. Khi có vấn đề xảy ra hoặc khi cần thiết	29	19,3	3
5	E. Không thực hiện	0	0,0	-

Kết quả thống kê bảng 2.12 cho thấy mức độ liên hệ của gia đình với nhà trường trong giáo dục trẻ hiện nay chủ yếu là "hằng ngày" với 58/150 CMHS xác nhận (chiếm 38,7%) và 50/150 CMHS cho rằng họ liên hệ ở mức "hàng tuần" (chiếm 33,3%) . Cộng dồn hai mức tích cực này có 72,0% trên toàn mẫu. Nói một cách khác là có gần ¾ phụ huynh ở các trường MN Quận 2, TP.HCM đã thường xuyên và rất thường xuyên liên hệ với nhà trường trong việc phối hợp giáo dục trẻ. Điều này đồng nghĩa có một lượng CMHS nhất định vẫn còn chưa tích cực trong việc liên hệ với nhà trường. Cụ thể, có 13/150 ý kiến xác nhận họ liên hệ "Vào đầu và cuối năm học" (chiếm 8,7%) và thậm chí có 29/150 phụ huynh cho rằng liên hệ với nhà trường "Khi có vấn đề xảy ra hoặc khi cần thiết". Qua đây ta thấy mức độ liên hệ giữa gia đình với nhà trường chưa đáp ứng được thực tế cần thiết của sự phối hợp trong giáo dục trẻ. Qua phỏng vấn PH 1 cho biết "*Việc phối hợp giữa gia đình và nhà trường hiện nay hơi ít. Lý do của việc này cũng rất khách quan. Khách quan bởi vì bản thân phụ huynh như chúng tôi phải đi làm cũng không có nhiều thời gian để theo sát và phối hợp với cô*". Để tìm hiểu sâu hơn về vấn đề này, đề tài đã khảo sát những lý do mà gia đình thường phối hợp với nhà trường trong giáo dục trẻ và kết quả thu được ở bảng 2.13.

2.3.3.2. Thực trạng lý do gia đình phối hợp với nhà trường trong giáo dục trẻ

Để tìm hiểu lý do gia đình phối hợp với nhà trường trong giáo dục trẻ, đề tài đã tiến hành đặt câu hỏi cho CMHS như sau "Anh/chị vui lòng cho biết lý do gia đình phối hợp với nhà trường là gì?" (câu 3, phụ lục 2), với kết quả thu được:

Bảng 2.13. Lý do gia đình phối hợp với nhà trường trong giáo dục trẻ (n = 150)

TT	Lý do gia đình phối hợp với nhà trường	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)	Thứ hạng
1	Để nắm bắt thông tin về con khi ở trường MN	149	99,3	1
2	Để tạo mối liên hệ gắn kết giữa gia đình và nhà trường trong việc giáo dục trẻ	147	98,0	2
3	Để tạo ra sự thống nhất trong việc giáo dục trẻ	147	98,0	2
4	Phối hợp cùng giáo viên trong việc chăm sóc, giáo dục con	144	96,0	4
5	Để tìm hiểu thêm về cá tính của con	128	85,3	5
6	Hỗ trợ các hoạt động giáo dục trẻ của nhà trường	119	79,3	6
7	Để phối hợp cùng nhà trường cũng cố các kiến thức, kỹ năng cần thiết khi về nhà	100	66,7	7
8	Con cần có sự chăm sóc đặc biệt hơn các bạn	36	24,0	8

Quan sát kết quả thống kế bảng 2.13 cho thấy, những lý do thiết yếu để gia đình phối hợp với nhà trường trong giáo dục trẻ phân bố khá đa dạng. Trong đó, lý do được nhiều CMHS lựa chọn nhất là "Để nắm bắt thông tin về con khi ở trường MN" với 149/150 ý kiến chiếm 99,3%. Hai lý do kế đến có cùng tỷ lệ lựa chọn 98,0% là "Để tạo mối liên hệ gắn kết giữa gia đình và nhà trường trong việc giáo dục trẻ" và "Để tạo ra sự thống nhất trong việc giáo dục trẻ". Lý do kế đến là "Phối hợp cùng giáo viên trong việc chăm sóc, giáo dục con" với 144/150 CMHS lựa chọn chiếm 96,0%. Đây là 4 lý do nhận được sự lựa chọn khá cao từ CMHS, cụ thể chiếm hơn 90% ý kiến trên toàn mẫu. Kết quả thu được từ phỏng vấn PH 7 cho biết "*Vì thời gian bé ở trường cả ngày nên ít nhiều các cô sẽ nắm rõ sức khỏe, tâm lý của bé, bé có những thay đổi gì. Mình phối hợp với nhà trường để theo dõi các hoạt động ăn, nghỉ ngơi, học hành của con khi ở lớp*". Qua phân tích dữ liệu định tính và định lượng có thể thấy những mối quan tâm, lý do hàng đầu của CMHS là phối hợp với nhà trường để tạo mối liên hệ gắn kết, thống nhất trong giáo dục trẻ và để nắm tình hình của trẻ khi ở lớp.

Các lý do còn lại có tỷ lệ lựa chọn dao động từ 24,0% đến 85,3%. Trong đó, lý do có tỷ lệ lựa chọn thấp nhất là "Con cần có sự chăm sóc đặc biệt hơn các bạn" với 36/150 ý kiến chiếm 24,0%. PH 6 cho biết thêm "*Mặc dù ở trường có những giờ học chung dành cho tất cả các bé nhưng mỗi đứa trẻ là một cá thể riêng biệt, chúng khác nhau về thể chất, đặc điểm nhận thức, đời sống tâm lý, tình cảm xã hội, hoàn cảnh sống… Do đó với những trường hợp đặc biệt bé phát triển chậm hơn các bạn, như bé nhà tôi thì cần có sự quan tâm nhiều hơn từ phía GV*". Kết quả này phản ánh đúng thực tế bởi quy luật về tính không đồng đều của sự phát triển tâm lý của trẻ đã chỉ ra trong quá trình phát triển, mỗi đứa trẻ trải qua con đường phát triển theo cách riêng của mình với những tốc độ, nhịp độ, khuynh hướng riêng. Sự phát triển không đồng đều đó thể hiện ở chỗ có những trẻ giai đoạn phát triển xuất hiện sớm hoặc chậm hơn so với những trẻ khác. Với những trẻ đặc biệt hoặc có sự phát triển trí tuệ chậm hơn các bạn thì việc phụ huynh cần GV có sự quan tâm đặc biệt cũng là nhu cầu thiết thực.

Tóm lại, có nhiều lý do để CMHS phối hợp với nhà trường trong giáo dục trẻ. Trong đó, lý do lớn nhất được gần như toàn mẫu lựa chọn là để nắm bắt thông tin về con khi ở trường MN và lý do thấp nhất là con cần có sự chăm sóc đặc biệt hơn các bạn.

2.3.3.3. Thực trạng thực hiện các nội dung phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ

Để đánh giá việc CB-GV thực hiện các nội dung phối hợp với cha mẹ trẻ, đề tài đã khảo sát CB-GV qua câu hỏi số 6, phiếu khảo sát ý kiến dành cho CBQL/GV, kết quả thể hiện qua bảng 2.14.

Bảng 2.14. Thực trạng CB-GV thực hiện các nội dung phối hợp với cha mẹ trẻ

TT	Nội dung nhà trường phối hợp với gia đình trong giáo dục trẻ	Các mức độ (%)					ĐTB
		Không bao giờ	Hiếm khi	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Rất thường xuyên	
1	Định kỳ hoặc thường xuyên thông báo cho gia đình học sinh kết quả học tập, rèn luyện của con em họ	-	-	8,9	52,2	38,9	4,30
2	Phối hợp thực hiện chương trình giáo dục trẻ	1,1	2,2	5,6	63,3	27,8	4,14
3	Tổ chức thực hiện các kế hoạch phối hợp giữa nhà trường và gia đình	-	2,2	17,8	47,8	32,2	4,10
4	Có pano, áp phích hoặc thông báo tại trường về những vấn đề cụ thể mà nhà trường và gia đình cần phối hợp trong việc giáo dục trẻ	2,2	1,1	11,1	55,6	30,0	4,10
5	Tư vấn cho phụ huynh kiến thức về chăm sóc, giáo dục trẻ	-	-	22,2	52,2	25,6	4,03
6	Quan tâm, động viên, giúp đỡ giáo viên trong công tác phối hợp với gia đình để giáo dục học sinh	-	-	26,7	48,9	24,4	3,98
7	Xác định cho gia đình hiểu rõ nhiệm vụ, chức năng giáo dục của gia đình, tạo điều kiện để cha mẹ nhận thức đúng về trách nhiệm phối hợp với nhà trường	-	3,3	15,6	61,1	20,0	3,98
8	Phổ biến các kế hoạch phối hợp giữa nhà trường và gia đình đến toàn thể cán bộ-giáo viên-nhân	-	-	28,9	54,4	16,7	3,88

TT	Nội dung nhà trường phối hợp với gia đình trong giáo dục trẻ	Các mức độ (%)					ĐTB
		Không bao giờ	Hiếm khi	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Rất thường xuyên	
	viên nhà trường						
9	Huy động khả năng, tiềm lực của gia đình vào công tác giáo dục học sinh	2,2	12,2	18,9	53,3	13,3	3,63
10	Cung cấp cho phụ huynh những tài liệu liên quan đến giáo dục trẻ tại gia đình	-	4,4	42,2	41,1	12,2	3,61

Kết quả ĐTB ở bảng 2.14 trải dài từ 3,61 đến 4,30, ứng từ mức thường xuyên đến rất thường xuyên theo thang đo đã xác lập. Với kết quả này cho thấy các CB-GV tại các trường MN trên địa bàn Quận 2, TP.HCM thường xuyên thực hiện các nội dung phối hợp với cha mẹ trẻ. Trong đó, nội dung được thực hiện thường xuyên nhất là "Định kỳ hoặc thường xuyên thông báo cho gia đình học sinh kết quả học tập, rèn luyện của con em họ" với ĐTB = 4,30, ứng với mức rất thường xuyên. Xem xét dưới góc độ tỷ lệ phần trăm cho thấy, có đến 91,1% ý kiến xã nhận họ thường xuyên và rất thường xuyên thực hiên nội dung này (mức thường xuyên chiếm 52,2% và rất thường xuyên chiếm 38,9%). Đây được xem là tín hiệu khả quan bởi việc thông báo cho CMHS biết về tình hình học tập, rèn luyện của trẻ tại trường một phần mang tính chất bắt buộc, thiết lập mối liên hệ khắng khít với phụ huynh; mặt khác giúp phụ huynh hiểu rõ hơn về tình hình của con để từ đó giúp việc giáo dục trẻ trở nên toàn diện hơn. Các nội dung phối hợp còn lại có ĐTB dao động từ 3,61 đến 4,14, đều đạt mức thường xuyên theo thang đo đã xác lập. Nhìn chung, về phía nhà trường các CB-GV đã thực hiện khá tốt các nội dung phối hợp trên. Tuy nhiên, ở nội dung "Cung cấp cho phụ huynh những tài liệu liên quan đến giáo dục trẻ tại gia đình" có đến 42,2% CB-GV xác nhận họ chỉ thỉnh thoảng thực hiện và 4,4% cho rằng hiếm khi thực hiện. Con số này buộc những người làm công tác quản lý quan tâm nhiều hơn đến việc cung cấp cho phụ huynh những tài liệu về giáo dục trẻ

tại gia đình. Ngoài ra, ở hai nội dung "Phổ biến các kế hoạch phối hợp giữa nhà trường và gia đình đến toàn thể cán bộ - giáo viên - nhân viên nhà trường" và "Quan tâm, động viên, giúp đỡ giáo viên trong công tác phối hợp với gia đình để giáo dục học sinh" có tỷ lệ thỉnh thoảng thực hiện lần lượt 28,9%; 26,7% (chiếm hơn ¼ mẫu).

Qua số liệu thống kê bảng 2.14 cho thấy về phía nhà trường, một bộ phận không ít CB-GV có nhận thức chưa sâu sắc và đầy đủ về hoạt động phối hợp giữa nhà trường - gia đình, nhiều nội dung phối hợp chưa được quan tâm thực hiện. Việc thực hiện còn rất hạn chế ở một số nội dung phối hợp sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng, hiệu quả của sự phối hợp.

Để có cái nhìn khách quan hơn về thực trạng này, đề tài cũng tiến hành nghiên cứu trên nhóm khách thể CMHS (câu 4, phụ lục 2). Kết quả thu được được thể hiện chi tiết ở bảng sau:

Bảng 2.15. Thực trạng cha mẹ trẻ thực hiện các nội dung phối hợp với nhà trường

TT	Nội dung gia đình phối hợp với nhà trường trong giáo dục trẻ	Các mức độ (%)					ĐTB
		Không bao giờ	Hiếm khi	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Rất thường xuyên	
1	Đọc và ký tên hoặc ghi ý kiến vào sổ liên lạc (sổ bé ngoan) của con	-	-	17,3	49,3	33,3	4,16
2	Gia đình thường xuyên gặp gỡ, trao đổi với giáo viên tại lớp để nắm bắt tình hình học tập của con	-	-	30,0	56,0	14,0	3,84
3	Gia đình chủ động liên hệ với giáo viên, với nhà trường để nắm vững mục tiêu, nội dung giáo dục trẻ	-	4,0	22,0	64,7	9,3	3,79
4	Tham gia các buổi họp cha mẹ học sinh	-	7,3	27,3	48,7	16,7	3,75
5	Tham gia gia đóng góp xây dựng	-	6,7	36,7	36,7	20,0	3,70

TT	Nội dung gia đình phối hợp với nhà trường trong giáo dục trẻ	Các mức độ (%)					ĐTB
		Không bao giờ	Hiếm khi	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Rất thường xuyên	
	cơ sở vật chất để thực hiện các hoạt động giáo dục tại nhà trường						
6	Rèn luyện, cũng cố các kỹ năng, bài học mà trẻ đã học tại trường	-	9,3	30,7	46,0	14,0	3,65
7	Tham gia các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ do nhà trường tổ chức	-	8,7	40,0	46,7	4,7	3,47
8	Thực hiện tốt các công việc của hội cha mẹ học sinh để hổ trợ nhà trường	2,0	9,3	50,0	24,0	14,7	3,40
9	Gia đình thường xuyên trao đổi qua điện thoại với giáo viên phụ trách và nhà trường để biết về sinh hoạt và học tập của con	-	-	22,0	47,3	30,7	3,09
10	Tham gia đóng góp ý kiến cho nhà trường về việc giáo dục trẻ	11,3	16,7	41,3	24,0	6,7	2,98
11	Giúp các cha mẹ học sinh khác hiểu về vai trò và tầm quan trọng của việc phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ	28,0	16,0	29,3	18,7	8,0	2,63
12	Tham gia các buổi tọa đàm, chuyên đề trong trường để chia sẻ kinh nghiệm	23,3	26,0	23,3	25,3	2,0	2,57
13	Cung cấp cho nhà trường các tài liệu bổ ích liên quan tới việc giáo dục trẻ và việc phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ	30,0	28,0	29,3	10,7	2,0	2,27

Quan sát kết quả thống kê về mức độ CMHS thực hiện các nội dung phối hợp giữa nhà trường trong giáo dục trẻ có ĐTB tìm được trải dài từ 2,27 đến 4,16, ứng từ mức không bao giờ đến thường xuyên theo thang đo đã xác lập. Điều này cho thấy, mức độ thực hiện các nội dung phối hợp có sự phân tán nhất định. Dữ liệu thống kê còn cho thấy ở từng nội dung phối hợp khác nhau có mức độ thực hiện khác nhau, cụ thể:

- Mức hiếm khi có 1 nội dung "Cung cấp cho nhà trường các tài liệu bổ ích liên quan tới việc giáo dục trẻ và việc phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ" với ĐTB = 2,27. Xem xét về tỷ lệ phần trăm cho thấy, tỷ lệ lựa chọn cao nhất tập trung ở mức không bao giờ với 30,0%, hiếm khi chiếm 28,0%, thỉnh thoảng chiếm 29,3%. Cộng dồn ba mức tiêu cực này có đến 87,3% trên toàn mẫu. Kết quả này không khiến đề tài bất ngờ bởi thứ nhất - đa phần phụ huynh tại các trường MN hiện nay đa phần là lao động phổ thông chiếm 51,3%, trình độ dưới đại học chiếm trên ½ mẫu; thứ 2 - việc tiếp cận những tài liệu liên quan đến việc giáo dục trẻ và phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ là một điều cũng không dễ dàng. Chính vì lẽ đó, CMHS xác nhận họ không bao giờ cung cấp tài liệu cho nhà trường cũng là điều hợp lý.

- Mức thỉnh thoảng có 5/13 nội dung:

+ "Thực hiện tốt các công việc của hội cha mẹ học sinh để hỗ trợ nhà trường" với ĐTB = 3,40;

+ "Gia đình thường xuyên trao đổi qua điện thoại với giáo viên phụ trách và nhà trường để biết về sinh hoạt và học tập của con" với ĐTB = 3,09;

+ "Tham gia đóng góp ý kiến cho nhà trường về việc giáo dục trẻ" với ĐTB = 2,98;

+ "Giúp các cha mẹ học sinh khác hiểu về vai trò và tầm quan trọng của việc phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ" với ĐTB = 2,63;

+ "Tham gia các buổi tọa đàm, chuyên đề trong trường để chia sẻ kinh nghiệm" với ĐTB = 2,57.

Các nội dung còn lại được thực hiện ở mức thường xuyên với ĐTB dao động từ 3,47 đến 4,16.

Kết quả thống kê ở bảng 2.15 đã cho thấy tình trạng thực hiện các nội dung để phối hợp với nhà trường theo đánh giá của CMHS bộc lộ nhiều hạn chế, đa phần phụ huynh phối hợp với nhà trường trong việc "Đọc và ký tên hoặc ghi ý kiến vào sổ liên lạc (sổ bé ngoan) của con" với ĐTB = 4,16; "gia đình thường xuyên gặp gỡ, trao đổi với giáo viên tại lớp để nắm bắt tình hình học tập của con" với ĐTB = 3,84. Tuy nhiên, đây mới chỉ là hoạt động phối hợp cơ bản với nhà trường chứ chưa thể hiện đầy đủ các nội dung phối hợp giữa gia đình với nhà trường trong công tác giáo dục trẻ.

Kết hợp kết quả thống kê bảng 2.14 và 2.15 cho thấy, có rất nhiều nội dung để nhà trường và gia đình phối hợp với nhau trong việc giáo dục trẻ. Số liệu thống kê còn cho thấy, theo cái nhìn tổng thể thì mức độ phối hợp từ phía CMHS thể hiện sự hạn chế hơn so với phía CB-GV. Lý giải điều này có thể xuất phát từ góc độ tiếp cận và nhận thức khác nhau giữa hai nhóm khách thể. Với kết quả thống kê trên, thiết nghĩ đề tài cần có biện pháp tác động đến hai nhóm khách thể để mức độ thực hiện các nội dung phối hợp được thường xuyên và trở nên đều tay hơn. Và hơn hết phải đảm bảo điều kiện việc phối hợp trong giáo dục trẻ phải được diễn ra từ 2 phía.

2.3.3.4. Thực trạng thực hiện các hình thức phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ

Thực trạng CB-GV thực hiện các hình thức phối hợp với cha mẹ trẻ được CB-GV và CMHS đánh giá qua câu 7, phụ lục 1 và câu 5, phụ lục 2, kết quả như sau:

Bảng 2.16. Thực trạng CB-GV thực hiện các hình thức phối hợp với cha mẹ trẻ

(Đơn vị tính: ĐTB)

TT	Các hình thức	Mức độ thực hiện		Hiệu quả thực hiện	
		CB-GV	CMHS	CB-GV	CMHS
1	Tổ chức các buổi họp cha mẹ học sinh theo định kỳ và thống nhất các nội dung phối hợp giữa nhà trường và gia đình bằng biên bản	4,17	4,11	4,08	3,69
2	Thành lập ban đại diện cha mẹ học sinh	4,36	4,22	4,20	4,03

TT	Các hình thức	Mức độ thực hiện		Hiệu quả thực hiện	
		CB-GV	CMHS	CB-GV	CMHS
	của lớp, của trường				
3	Nhà trường có thực hiện lịch tiếp phụ huynh vào những giờ cụ thể và công khai lịch tiếp phụ huynh trên bảng thông báo của trường	3,80	4,09	3,69	3,77
4	Nhà trường trao đổi với gia đình qua hình thức gọi điện thoại	3,86	4,13	3,77	3,65
5	Ban giám hiệu thường xuyên gặp gỡ, trao đổi với cha mẹ trẻ	3,80	3,20	3,72	2,96
6	Nhà trường sử dụng sổ liên lạc (sổ bé ngoan) để liên lạc, trao đổi với phụ huynh theo định kỳ mỗi tháng	4,63	4,39	4,53	4,23
7	Mời cha mẹ học sinh đến trường để trao đổi trực tiếp	3,60	3,77	3,57	3,60
8	Mời cha mẹ trẻ tham gia vào các hoạt động của nhà trường như: lễ hội, hội thi, dã ngoại …	3,82	3,75	3,81	3,62
9	Tuyên truyền với cha mẹ trẻ về phương pháp, kiến thức khoa học về giáo dục trẻ thông qua bảng tin trường, lớp	4,39	3,71	4,27	3,54
10	Tổ chức báo cáo chương trình và nội dung giáo dục của nhà trường cho cha mẹ trẻ	3,51	2,89	3,30	2,70
11	Tổ chức giao lưu, trao đổi kinh nghiệm giáo dục với cha mẹ trẻ	3,11	2,41	3,00	2,25
12	Tổ chức cho mẹ trẻ báo cáo điển hình ở lớp (ở trường) về cách giáo dục con	2,80	2,33	2,71	2,16
13	Mời chuyên gia về trường trao đổi về	2,33	2,15	2,26	1,82

TT	Các hình thức	Mức độ thực hiện		Hiệu quả thực hiện	
		CB-GV	CMHS	CB-GV	CMHS
	phương pháp giáo dục trẻ				
14	Giáo viên phụ trách lớp có kế hoạch thăm gia đình trẻ	3,00	3,43	2,97	3,03
15	Giáo viên chủ động trao đổi với phụ huynh vào giờ đón, trả trẻ	4,51	4,43	4,47	4,31
16	Hòm thư góp ý	3,70	2,86	3,60	2,48
17	Phụ huynh đóng góp tạo điều kiện về chật chất và tinh thần cho nhà trường	3,73	3,47	3,68	3,39
18	Phổ biến kế hoạch phối hợp giữa nhà trường và gia đình	4,00	4,01	3,97	3,63
19	Triển khai các văn bản, quy định của nhà nước về việc phối hợp giữa nhà trường và gia đình	3,82	2,82	3,77	2,53

Quan sát kết quả thống kê bảng 2.16 về mức độ thực hiện các hình thức phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ cho thấy có 2/19 hình thức được cả 2 nhóm khách thể CB-GV và CMHS đánh giá mức độ thực hiện đạt mức rất thường xuyên và rất hiệu quả. Đó là "Nhà trường sử dụng sổ liên lạc (sổ bé ngoan) để liên lạc, trao đổi với phụ huynh theo định kỳ mỗi tháng" (điểm số MĐ lần lượt là 4,63; 4,39 và HQ lần lượt là 4,53; 4,23) và "Giáo viên chủ động trao đổi với phụ huynh vào giờ đón, trả trẻ" (MĐ lần lượt là 4,52; 4,43 và HQ lần lượt 4,47; 4,31). Khi được hỏi Anh/Chị thường làm gì để phối hợp với nhà trường trong giáo dục trẻ, PH 3 chia sẻ: "*Tôi thường xuyên gặp trực tiếp và hỏi thăm cô về tình hình sinh hoạt, học tập trên lớp của bé để có gì hỗ trợ thêm cho giáo viên trong việc giáo dục trẻ*". PH 5 cũng có ý kiến tương tự: "*Mỗi sáng đến lớp gửi bé, chiều đón bé về tôi thường hỏi thăm cô là hôm nay bé có ăn tốt không, ngủ có ngoan không, học hành như thế nào. Đồng thời, khi bé ở nhà bé chịu hát, chịu học thế nào thì tôi cũng trình bày cho cô nghe*".

Hình thức kế đến là "Tuyên truyền với cha mẹ trẻ về phương pháp, kiến thức khoa học về giáo dục trẻ thông qua bảng tin trường, lớp" được CB-GV đánh giá là thực hiện rất thường xuyên và rất hiệu quả với điểm số MĐ là 4,39 và HQ là 4,27. Qua phỏng vấn CBQL 3 cho biết "*Đơn vị chúng tôi ưu tiên thực hiện hình thức trao đổi thông tin trực tiếp và thông qua bảng tuyên truyền của trường, lớp. Bởi vì khi được gặp trực tiếp cả về phía phụ huynh cũng như GV có cơ hội trao đổi tình hình sinh hoạt, học tập của trẻ ở lớp cũng như ở nhà. Đồng thời khi phụ huynh đưa con đến lớp sẽ dễ dàng xem bảng tin để cập nhật thông tin, thông báo của nhà trường, lớp*". Ở hình thức này CMHS lại cho rằng là thực hiện ở mức thường xuyên, đạt mức hiệu quả với điểm số MĐ là 3,71 và HQ là 3,54. Một hình thức khác cũng được CB-GV và CMHS đánh giá khá tương đồng với hình thức vừa phân tích đó là "Thành lập ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp, của trường". Cụ thể, CB-GV đánh giá là thực hiện rất thường xuyên và rất hiệu quả với điểm số MĐ là 4,39 và HQ là 4,27. Còn ở nhóm khách thể CMHS thì đánh giá ở thường xuyên và đạt hiệu quả với điểm số MĐ là 3,71 và HQ là 3,54. Phân tích đến đây có thể thấy dưới mỗi góc độ tiếp cận khác nhau thì CB-GV và CMHS sẽ có đánh giá khác nhau.

Điểm đáng lưu ý trong nghiên cứu là hình thức "Mời chuyên gia về trường trao đổi về phương pháp giáo dục trẻ" được cả 2 nhóm khách thể CB-GV và CMHS đánh giá là không bao giờ thực hiện và không có hiệu quả với điểm số MĐ tìm được lần lượt là 2,33; 2,15 và HQ lần lượt là 2,26; 1,82. Đây được cho là nội dung được thực hiện hạn chế nhất.

Các hình thức tiếp theo được CB-GV đánh giá thực hiện dưới mức thường xuyên và dưới mức hiệu quả là "Tổ chức giao lưu, trao đổi kinh nghiệm giáo dục với cha mẹ trẻ" (MĐ là 3,11, HQ là 3,00) và "Tổ chức cho mẹ trẻ báo cáo điển hình ở lớp (ở trường) về cách giáo dục con" (MĐ là 2,80, HQ là 2,33). Hai hình thức này cũng được CMHS đánh giá tương tự. Hình thức kế đến được CB-GV đánh giá là "Giáo viên phụ trách lớp có kế hoạch thăm gia đình trẻ" (MĐ là 3,00, HQ là 2,97). Riêng theo đánh giá của CMHS thì các hình thức sau cũng được thực hiện dưới mức thường xuyên và dưới mức hiệu quả đó là "Tổ chức báo cáo chương trình và nội dung giáo dục của nhà trường cho cha mẹ trẻ" (MĐ là 3,20, HQ là 2,96); "Tổ

chức báo cáo chương trình và nội dung giáo dục của nhà trường cho cha mẹ trẻ" (MĐ là 2,89, HQ là 2,70); "Hòm thư góp ý" (MĐ là 2,86, HQ là 2,45), "Triển khai các văn bản, quy định của nhà nước về việc phối hợp giữa nhà trường và gia đình" (MĐ là 2,82, HQ là 2,53).

Các hình thức phối hợp còn lại được CB-GV và CMHS đánh giá thực hiện ở mức thường xuyên và đạt hiệu quả.

Qua phân tích trên giúp đề tài kết luận rằng, thứ nhất - có sự phân tán nhất định về mức độ thực hiện và hiệu quả thực hiện các hình thức phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong việc giáo dục trẻ; thứ 2 - dưới mỗi góc độ tiếp cận khác nhau có sự đánh giá khác nhau khác nhau, nhìn chung điểm số đánh giá từ phía CMHS có phần hạn chế hơn nhóm khách thể CB-GV; thứ 3 - hai hình thức được đánh giá thực hiện tốt nhất hiện nay là Nhà trường sử dụng sổ liên lạc (sổ bé ngoan) để liên lạc, trao đổi với phụ huynh theo định kỳ mỗi tháng và Giáo viên chủ động trao đổi với phụ huynh vào giờ đón, trả trẻ; thứ 4 - các nhà quản lý nếu muốn việc phối hợp trong giáo dục trẻ được tốt hơn cần quan tâm đặc biệt đến việc Mời chuyên gia về trường trao đổi về phương pháp giáo dục trẻ; thứ 5 - các nhà quản lý cần quan tâm đến các hình thức được đánh giá ở mức không an toàn (dưới mức thường xuyên và dưới mức hiệu quả), hãy xem xét và sử dụng dữ liệu thống kê trên để có biện pháp phối hợp tốt hơn.

2.3.3.5. Thực trạng thực hiện các phương pháp phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ

Nhằm tìm hiểu mức độ và hiệu quả thực hiện các phương pháp phối hợp của CB-GV với CMHS, đề tài đã khảo sát với câu hỏi "Thầy/Cô vui lòng đánh giá các phương pháp mà nhà trường phối hợp với gia đình trong việc giáo dục trẻ" (câu 8, phụ lục 1), "Nhà trường nơi con Anh/Chị theo học đã áp dụng phương pháp nào để phối hợp với gia đình?" (câu 6, phụ lục 2), kết quả thu về thể hiện qua bảng 2.17.

Bảng 2.17. Thực trạng thực hiện các phương pháp phối hợp với cha mẹ trẻ

(Đơn vị tính: ĐTB)

TT	Các phương pháp	Mức độ thực hiện		Hiệu quả thực hiện	
		CB-GV	CMHS	CB-GV	CMHS
1	Phối hợp bằng lời	4,32	4,37	4,19	4,24
2	Truyền thông (thông tin giữa nhà trường và cha mẹ trẻ)	4,16	4,05	4,04	3,80
3	Tổ chức hoạt động	3,77	3,91	3,70	3,53
4	Phối hợp bằng văn bản	3,62	3,67	3,42	3,46
5	Động viên, khuyến khích	3,74	3,77	3,66	3,43

Quan sát kết quả thống kê về mức độ thực hiện các phương pháp phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ của nhóm khách thể CB-GV có ĐTB tìm được trải dài từ 3,62 đến 4,32, và nhóm CMHS có ĐTB tìm được trải dài từ 3,67 đến 4,37 đều đạt từ mức thường xuyên đến rất thường xuyên. Dữ liệu thống kê còn cho thấy điểm số đánh giá về các phương pháp phối hợp giữa hai nhóm khách thể chênh lệch không đáng kể (từ 0,05 - 0,14). Rõ ràng điểm số này không tạo nên sự khác biệt trong cách đánh giá giữa 2 nhóm khách thể. Theo kết quả thống kê, "Phối hợp bằng lời" là phương pháp được cả 2 nhóm cho rằng học thực hiện ở mức rất thường xuyên. Các phương pháp còn lại được cả 2 nhóm khách thể đánh giá đạt mức thường xuyên. Trong đó "Phối hợp bằng văn bản" là hình thức được thực hiện thấp nhất với ĐTB tìm được lần lượt là 3,62; 3,67.

Quan sát kết quả thống kê về hiệu quả thực hiện các phương pháp phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ của nhóm khách thể CB-GV có ĐTB tìm được trải dài từ 3,42 đến 4,19 ứng với mức hiệu quả, và nhóm CMHS có ĐTB tìm được trải dài từ 3,46 đến 4,24 đều đạt từ mức hiệu quả đến rất hiệu quả. Với kết quả này cho thấy việc thực hiện các phương pháp phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ tại các trường MN trên địa bàn Quận 2, TP.HCM hiện nay đã đạt được những kết quả nhất định. Trong đó, phương pháp được CB-GV và CMHS đánh giá là thực hiện hiệu quả nhất là "Phối hợp bằng lời" với ĐTB tìm

được lần lượt là 4,19 - mức hiệu quả và 4,24 - mức rất hiệu quả, điểm số này tạo nên sự khác biệt về mức độ đánh giá. Kết quả thu được từ phỏng vấn CBQL 5 cho thấy "*Nhà trường thường áp dụng hình thức bảng tuyên truyền của lớp, trường; loa phát thanh buổi sáng, buổi chiều. Công tác tôi cho rằng có hiệu quả nhất là trao đổi trực tiếp giữa phụ huynh với giáo viên. Bởi nhiều khi thông tin được chúng tôi cập nhật trên bảng thông báo có không ít phụ huynh lúc xem lúc không hoặc thậm chí có phụ huynh không bao giờ xem. Thế nên việc trao đổi trực tiếp theo tôi là hình thức thiết thực và hiệu quả nhất*". Các phương pháp còn lại được cả 2 nhóm khách thể đánh giá đạt mức hiệu quả với điểm số dao động từ 3,42 đến 4,04. Trong đó phương pháp "Phối hợp bằng văn bản" là hình thức có hiệu quả thực hiện thấp nhất với ĐTB tìm được lần lượt là 3,42 và 2,46. Thực tế cho thấy việc phối hợp bằng văn bản thường mang tính hàn lâm, hình thức, khi soạn thảo văn bản phải tuân theo một số khuôn mẫu nhất định và phụ thuộc vào khả năng trình bày văn bản. Vì thế việc phối hợp bằng văn bản là hình thức được thực hiện hạn chế nhất và hiệu quả thực hiện thấp nhất cũng là điều dễ hiểu.

2.3.3.6. Thực trạng thực hiện việc kiểm tra, đánh giá hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ

Qua khảo sát câu hỏi số 9, phiếu thăm dò ý kiến dành cho CBQL/GV, thu được kết quả như sau:

Bảng 2.18. Thực trạng thực hiện việc kiểm tra, đánh giá hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình (n = 90)

TT	Mức độ thực hiện	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)	ĐTB
1	Không bao giờ	-	-	**3,94**
2	Hiếm khi	2	2,2	
3	Thỉnh thoảng	20	22,2	
4	Thường xuyên	49	54,4	
5	Rất thường xuyên	19	21,1	

Quan sát kết quả ĐTB ở bảng 2.18 là 3,94, ứng với mức thường xuyên theo thang đo đã xác lập. Điều này có nghĩa là việc kiểm tra, đánh giá hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình hiện nay tại các trường MN trên địa bàn Quận 2, TP.HCM được thường xuyên thực hiện. Theo đó tỷ lệ phần trăm thực hiện chủ yếu rơi vào mức thường xuyên chiếm 54,4% (chiếm hơn ½ mẫu), tỷ lệ đánh giá ở mức rất thường xuyên chiếm 21,1%. Cộng dồn hai mức tích cực này có 75,5% (chiếm hơn ¾ mẫu). Việc kiểm tra, đánh giá hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình đóng vai trò vô cùng quan trọng, đây được xem là cơ sở tối cần thiết để người CBQL và GV MN xem xét lại những mặt đã làm được cũng như những hạn chế trong quá trình thực hiện. Trên cơ sở đó phát huy điểm mạnh, rút kinh nghiệm điểm yếu để việc phối hợp được diễn ra tốt hơn. Tuy nhiên, vẫn còn gần ¼ mẫu thực hiện không tích cực. Cụ thể, 22,2% ý kiến xác nhận chỉ đạt mức thỉnh thoảng và 2,2% cho rằng hiếm khi thực hiện.

2.3.3.7. Đánh giá về điều kiện để thực hiện hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ

Sử dụng câu 10, trong phiếu khảo sát dành cho CBQL/GV, thu được kết quả như sau:

Bảng 2.19. Đánh giá về điều kiện để thực hiện hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình (n = 90)

TT	Nội dung	Tần số	Tỷ lệ (%)
1	Bố trí thời gian hợp lý cho hoạt động phối hợp	89	98,9
2	Cơ sở vật chất của nhà trường phục vụ cho hoạt động phối hợp	87	96,7
3	Các văn bản quy định của nhà nước	86	95,6
4	Huy động các nguồn lực khác nhau từ các mạnh thường quân, cha mẹ học sinh	80	88,9
5	Kinh phí để thực hiện các hoạt động phối hợp	76	84,4

Kết quả thống kê bảng 2.19 cho thấy 5/5 điều kiện đưa ra khảo sát nhận được tỷ lệ lựa chọn từ 84,4% đến 98,9%. Điều này có nghĩa đa phần khách thể được khảo sát đã quan tâm đến các điều kiện cần có cho hoạt động phối hợp. Trong các điều

kiện đưa ra khảo sát, điều kiện nhận được sự quan tâm hàng đầu của CB-GV là "Bố trí thời gian hợp lý cho hoạt động phối hợp" với 89/90 ý kiến lựa chọn chiếm 98,9%. Điều kiện kế đến là "Cơ sở vật chất của nhà trường phục vụ cho hoạt động phối hợp" với 87/90 lựa chọn chiếm 96,7% và "Các văn bản quy định của nhà nước" với 86/90 lựa chọn chiếm 95,6%. Đây là ba điều kiện có tỷ lệ lựa chọn chiếm trên 9/10 mẫu. Với kết quả thống kê trên có thể cho phép nhận định rằng, trong cái nhìn tổng thể CB-GV đã có sự quan tâm nhất định đến những yếu tố đảm bảo về thời gian, không gian và cơ sở pháp lý để việc phối hợp được diễn ra một cách thuận lợi nhất. Đây được xem là điểm sáng trong nghiên cứu. Điều kiện có tỷ lệ lựa chọn thấp nhất là "Kinh phí để thực hiện các hoạt động phối hợp" với 76/90 CB-GV lựa chọn (chiếm 84,4%). Mặc dù đây là nội dung có tỷ lệ lựa chọn thấp nhất nhưng vẫn đạt trên mức ¾ mẫu. Thực tế cho thấy, để quản lý bất kỳ một tổ chức nào thì người quản lý cũng không thể thiếu ba yếu tố: nhân lực, vật lực, tài lực. Lẽ đương nhiên, quản lý hoạt động phối hợp cũng không thể thiếu ba yếu tố trên. Ba yếu tố này tác động và chi phối lẫn nhau. Đơn cử trong điều kiện này, yếu tố tài lực sẽ chi phối, góp phần đảm bảo yếu tố cơ sở vật chất để hoạt động phối hợp được diễn ra tốt nhất.

Nhìn chung tất cả các điều kiện được đưa ra khảo sát để thực hiện hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ đều nhận được sự đánh giá khá cao từ phía CB-GV (đều trên ¾ mẫu). Như vậy, phần lớn CB-GV đã dành sự quan tâm nhất định đến các điều kiện để thực hiện hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ. Kết quả thống kê trên được xem là cơ sở quan trọng để các nhà quản lý nghiên cứu và đảm bảo các điều kiện để thực hiện hoạt động phối hợp trong thực tiễn.

2.4. Thực trạng về quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở các trường mầm non Quận 2, TP. HCM

2.4.1. Thực trạng đánh giá về tầm quan trọng của việc quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ

Để đánh giá về tầm quan trọng của việc quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình, đề tài đã khảo sát CB-GV qua câu hỏi "Thầy/Cô đánh giá như

thế nào về tầm quan trọng của việc quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ?" (câu 11, phụ lục 1) và thu được kết quả:

Bảng 2.20. Đánh giá về tầm quan trọng của việc quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình (n = 90)

TT	Mức độ quan trọng	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)	ĐTB
1	Không quan trọng	-	-	4,43
2	Ít quan trọng	1	1,1	
3	Bình thường	1	1,1	
4	Quan trọng	46	51,1	
5	Rất quan trọng	42	46,7	

Kết quả thống kê bảng 2.20 cho thấy có 46/90 CB-GV cho rằng việc quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình là quan trọng, chiếm 51,1% (chiếm hơn 1/2 mẫu nghiên cứu) và có 42/90 ý kiến lựa chọn mức rất quan trọng chiếm 46,7%. Như vậy, có đến 97,8% ý kiến trên toàn mẫu của đề tài nhận thức được tầm quan trọng của việc quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình. Kết quả thu được từ phỏng vấn cũng khá tương đồng: CBQL 2 chia sẻ "*Việc quản lý hoạt động phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong giáo dục trẻ giữ vị trí quan trọng hàng đầu. Bởi nếu hoạt động phối hợp này không ăn khớp với nhau sẽ làm cho hiệu quả giáo dục đi ngược lại với mong muốn, gây cản trở trong việc hình thành nhân cách trẻ*". CBQL 4 cho biết thêm "*Trong trường MN có rất nhiều hoạt động khác nhau như: hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng, hoạt động giáo dục, phòng chống dịch bệnh… nhưng tất cả các hoạt động đều cần có sự phối hợp giữa nhà trường và gia đình. Công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ giữa vị trí rất quan trọng. Vì thực hiện tốt hoạt động này sẽ giúp trẻ phát triển một cách toàn diện, đồng thời nhà trường còn hoàn thành tốt nhiệm vụ*". Đây được xem là tín hiệu khả quan và thuận lợi cho nghiên cứu bởi CB-GV tại các trường MN trên địa bàn Quận 2, TP.HCM bước đầu đã nhận ra được vai trò thật sự quan trọng của việc quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn 1,1% CB-GV cho rằng việc quản lý hoạt động này là bình thường, và cũng có 1,1% ý kiến cho rằng ít quan trọng. Mặc dù tỷ

lệ lựa chọn 2 mức tiêu cực này không quá lớn (chiếm 2,2%) nhưng nó có thể trở thành một trong những yếu tố gây ra sự cản trở nhất định đến quá trình quản lý.

2.4.2. Thực trạng đánh giá về phân cấp quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ

Đề tài sử dụng câu 12, phiếu thăm dò ý kiến dành cho CBQL/GV để tìm hiểu Thực trạng về phân cấp quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình.

Bảng 2.21. Thực trạng về phân cấp quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình (n = 90)

TT	Người quản lý hoạt động phối hợp	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
1	Do Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng quản lý	24	26,7
2	Tùy theo công việc mà Hiệu trưởng quản lý hay phân công cho Phó hiệu trưởng quản lý	59	65,6
3	Do Hiệu trưởng quản lý	6	6,7
4	Do Phó hiệu trưởng quản lý	1	1,1

Kết quả thống kê bảng 2.21 cho thấy phần lớn CB-GV cho rằng "Tùy theo công việc mà Hiệu trưởng quản lý hay phân công cho Phó hiệu trưởng quản lý" với 59/90 ý kiến lựa chọn chiếm 65,6%. Đánh giá này có thể xuất phát từ thực tế công tác quản lý hiện nay và thể hiện sự linh hoạt trong thao tác quản lý. Tuy nhiên, đánh giá này chỉ mang tính tương đối. Đánh giá kế đến là "Do Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng quản lý" với 24/90 ý kiến lựa chọn chiếm 26,7%. Khoa học quản lý giáo dục chỉ ra rằng mọi hoạt động quản lý trong nhà trường nói chung và hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ nói riêng đều thuộc do người hiệu trưởng quản lý. Theo đó, nếu người hiệu trưởng và phó hiệu trưởng cùng quản lý sẽ dẫn đến sự chồng chéo, dễ dàng đổ cho nhau về nhiệm vụ phối hợp mỗi khi sự phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong việc giáo dục trẻ chưa được tốt. Điều này ít nhiều kiềm hãm hiệu quả quản lý.

Kết quả nghiên cứu còn cho thấy chỉ có 6,7% ý kiến lựa chọn chính xác nhất về sự phân cấp trong quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình là "Do Hiệu trưởng quản lý". Kết quả này thật sự là điều đáng xem xét bởi con số đánh giá chính xác chiếm chưa được 1/10 mẫu. Điều này bộc lộ sự hạn chế nhất định về hiểu

biết của CB-GV về sự phân cấp trong quản lý. Đây được xem là một tồn tại cần có biện pháp tác động để hiệu quả quản lý được nâng cao.

2.4.3. Thực trạng đánh giá về mục đích của việc quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ

Để tìm hiểu đánh giá của CB-GV tại các trường MN trên địa bàn Quận 2, TP/HCM về mục đích của việc quản lý hoạt động phối hợp, đề tài tiến hành đặt câu hỏi "*Thầy/Cô có thể cho biết mục đích quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ?*" (câu 13, phụ lục 1), kết quả thu được như sau:

Bảng 2.22. Đánh giá về mục đích của việc quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình (n = 90)

TT	Mục đích quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình	Tần số	Tỷ lệ (%)	Thứ hạng
1	Nhằm tăng cường mối quan hệ gắn kết giữa nhà trường và gia đình	86	95,6	1
2	Tăng cường hiệu quả hoạt động phối hợp giữa nhà trường với gia đình trong việc giáo dục trẻ	83	92,2	2
3	Giúp định hướng cho giáo viên trong công tác phối hợp với cha mẹ trẻ	81	90,0	3
4	Nhằm tăng cường điều hành các hoạt động của giáo viên với cha mẹ trẻ trong công tác giáo dục học sinh	77	85,6	4
5	Giúp quản lý tốt các nguồn lực của nhà trường	74	82,2	5

Quan sát kết quả thống kê bảng 2.22 cho thấy, nổi bật lên và đứng vị trí đầu tiên là mục đích "Nhằm tăng cường mối quan hệ gắn kết giữa nhà trường và gia đình" với 86/90 ý kiến lựa chọn chiếm 95,6%. Kết quả này khá tương đồng với đánh giá của CB-GV ở bảng 2.9. Phân tích đến đây có thể thấy, mục đích hàng đầu của hoạt động phối hợp và quản lý hoạt động phối hợp tại các trường MN trên địa bàn Quận 2, TP.HCM hiện nay là tạo mối liên hệ gắn kết giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ. Thực tế cho thấy khi giữa nhà trường và gia đình có sự liên kết chặt chẽ với nhau thì hiệu quả hoạt động phối hợp sẽ được nâng cao và từ đó kéo theo việc giáo dục trẻ cũng được toàn diện hơn. Theo đó, mục đích "Tăng

cường hiệu quả hoạt động phối hợp giữa nhà trường với gia đình trong việc giáo dục trẻ" được đánh giá ở vị trí tiếp theo với 83/90 CB-GV đồng ý. Mục đích kế đến được 90,0% ý kiến lựa chọn là "Giúp định hướng cho giáo viên trong công tác phối hợp với cha mẹ trẻ".

Hai mục đích còn lại là "Nhằm tăng cường điều hành các hoạt động của giáo viên với cha mẹ trẻ trong công tác giáo dục học sinh", "Giúp quản lý tốt các nguồn lực của nhà trường" có tỷ lệ lựa chọn lần lượt là 85,6% và 82,2%. Đây được xem là hai mục đích cần có, đồng thời cũng là lợi ích cơ bản mà hoạt động quản lý sự phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ mang lại. Tuy nhiên, còn một lượng mẫu nhất định (từ 14,4% đến 17,8%) chưa nhận ra được mục đích của việc quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình. Nói khác đi, bên cạnh những CB-GV có tầm hiểu biết tốt thì vẫn còn một lượng nhỏ CB-GV bộc lộ sự hạn chế trong đánh giá của mình. Thực tế cho thấy, nếu người CBQL và người GV MN nhận ra được những mục đích này thì sẽ giúp họ thực hiện và chỉ đạo thực hiện tốt hơn trong thực tiễn. Bởi yếu tố nhận thức đúng đắn và đầy đủ về mục đích của việc quản lý hoạt động phối hợp ban đầu sẽ định hướng họ hành động tốt hơn. Vấn đề này sẽ được tiếp tục nghiên cứu tìm hiểu chi tiết ở phần sau về thực trạng thực hiện các chức năng quản lý.

Để tìm hiểu thực trạng thực hiện các nội dung quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ, đề tài đã khảo sát qua câu hỏi số 14, phụ lục 1 và kết quả thể hiện qua bảng 2.23, 2.24, 2.25, 2.26 và 2.27 như sau

2.4.4. Thực trạng lập kế hoạch quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ

Bảng 2.23. Thực trạng lập kế hoạch quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình (Đơn vị tính: ĐTB)

TT	Nội dung lập kế hoạch quản lý	Mức độ thực hiện		Hiệu quả thực hiện	
		ĐTB	Thứ hạng	ĐTB	Thứ hạng
1	Xây dựng kế hoạch phối hợp giữa nhà trường và gia đình	4,32	1	4,24	1

TT	Nội dung lập kế hoạch quản lý	Mức độ thực hiện		Hiệu quả thực hiện	
		ĐTB	Thứ hạng	ĐTB	Thứ hạng
2	Nhà trường thành lập Ban đại diện Cha mẹ học sinh và phối hợp xây dựng kế hoạch hoạt động của ban đại diện cha mẹ học sinh của trường	4,30	2	4,23	2
3	Xác định mục tiêu và các nội dung của hoạt động phối hợp	4,19	3	4,18	3
4	Chỉnh sửa, hoàn thiện kế hoạch và công khai trong nhà trường	4,16	4	4,06	5
5	Thông qua kế hoạch trong hội đồng sư phạm nhà trường và lấy ý kiến đóng góp	4,13	5	4,08	4
6	Xác định nguồn lực cần thiết cho việc thực hiện kế hoạch	4,03	6	3,96	6
7	Khảo sát tình hình thực tế của nhà trường và phụ huynh tại địa phương	4,00	7	3,81	8
8	Chỉ đạo và duyệt kế hoạch hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình của các lớp	3,96	8	3,92	7

Kết quả ĐTB ở bảng 2.23 về mức độ thực hiện các nội dung trong lập kế hoạch quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trải dài từ 3,96 đến 4,32, ứng từ mức thường xuyên đến rất thường xuyên. Và ĐTB về hiệu quả thực hiện dao động từ 3,81 đến 4,24, ứng từ mức hiệu quả đến rất hiệu quả. Kết quả nghiên cứu này giúp kết luận rằng trong việc xây dựng kế hoạch quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ tại các trường MN trên địa bàn Quận 2, TP.HCM đã được thực hiện và đạt kết quả khá tốt.

Phân tích chi tiết cho thấy, nổi bật lên và có ĐTB cao nhất là nội dung "Xây dựng kế hoạch phối hợp giữa nhà trường và gia đình" với mức độ thực hiện và hiệu quả thực hiện lần lượt là 4,32; 4,24, ứng với mức rất thường xuyên và rất hiệu quả. Dưới góc độ khoa học quản lý thì mục đích cuối cùng việc lập kế hoạch trong quản lý là làm sao xây dựng được kế hoạch quản lý. Với kết quả này, có thể kết luận rằng

các CBQL tại các trường MN trên địa bàn Quận 2, TP.HCM đã dành khá nhiều sự quan tâm và thực hiện khá tốt việc này. Minh chứng cụ thể là từ việc làm này là "Nhà trường thành lập Ban đại diện Cha mẹ học sinh và phối hợp xây dựng kế hoạch hoạt động của ban đại diện cha mẹ học sinh của trường" với điểm số MĐ và HQ lần lượt là 4,30; 4,23, cũng ứng với mức rất thường xuyên và rất hiệu quả. Đây chính là 2 thao tác được đánh giá là thực hiện tốt nhất.

Các thao tác còn lại được thực hiện hiệu quả ở mức thường xuyên, cụ thể:

Xác định mục tiêu và các nội dung của hoạt động phối hợp" với MĐ là 4,19 và HQ là 4,18, xếp thứ 3. Trong công tác lập kế hoạch nếu như người CBQL xác định đúng mục tiêu, nội dung thì sẽ định hướng cho họ thực hiện những mục tiêu đã đề ra và hoạch định được những biện pháp có tính khả thi, phù hợp với quan điểm, đường lối theo từng giai đoạn phát triển và đặc biệt là đảm bảo về mặt nội dung, sự chi tiết và khoa học trong công tác lập kế hoạch. Theo cái nhìn tổng thể điểm số MĐ và HQ của thao tác này tiệm cận mức rất thường xuyên, rất hiệu quả. Đây được xem là hiệu ứng khá tốt và cần được phát huy hơn nữa.

Đứng vị trí thứ 4, thứ 5 là hai nội dung "Thông qua kế hoạch trong hội đồng sư phạm nhà trường và lấy ý kiến đóng góp" với MĐ là 4,13 và HQ là 4,08; "Chỉnh sửa, hoàn thiện kế hoạch và công khai trong nhà trường" với MĐ là 4,16 và HQ là 4,06. Đây là hai nội dung quan trọng trong chức năng quản lý. Chúng ta đều biết việc lập kế hoạch trong quản lý thuộc về người lãnh đạo là điều tất yếu. Tuy nhiên, nếu trong công tác lập kế hoạch có sự tham gia của các lực lượng liên quan, lấy ý kiến đóng góp và dựa trên đó để hoàn thiện thì kế hoạch sẽ được nâng cao hơn về chất, quan trọng hơn hết là phát huy được sự phối hợp trong tổ chức. Với kết quả này cũng là điều đáng ghi nhận.

Nội dung kế đến là "Xác định nguồn lực cần thiết cho việc thực hiện kế hoạch" với MĐ là 4,13 và HQ là 4,08, xếp thứ 6. Việc xác định các nguồn lực là cơ sở ban đầu tạo nền tảng giúp người quản lý phân công, phân nhiệm rõ ràng trong các hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình.

Hai nội dung còn lại là "Khảo sát tình hình thực tế của nhà trường và phụ huynh tại địa phương" và "Chỉ đạo và duyệt kế hoạch hoạt động phối hợp giữa nhà

trường và gia đình của các lớp" có điểm số hạn chế hơn so với các thao tác đã phân tích ở trên. Điều này cho thấy, nếu muốn công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ đạt hiệu quả cao hơn và gắn liền với thực tiễn và thì cần quan tâm hơn nữa đến hai thao tác này.

Nhìn chung việc lập kế hoạch quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ tại các trường MN trên địa bàn Quận 2, TP.HCM đã đạt được kết quả nhất định ở việc xây dựng kế hoạch quản lý và thành lập được Ban đại diện Cha mẹ học sinh.

2.4.5. Thực trạng tổ chức thực hiện hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ

Những hoạt động trong chức năng tổ chức hoạt động phối hợp thể hiện sự phân phối và sắp xếp nguồn nhân lực theo những cách thức nhất định để đảm bảo thực hiện tốt các mục tiêu quản lý đã đề ra, xây dựng cấu trúc tổ chức và cơ chế quản lý tại đơn vị. Qua khảo sát, đề tài thu được kết quả như sau:

Bảng 2.24. Thực trạng tổ chức thực hiện hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình (Đơn vị tính: ĐTB)

TT	Nội dung tổ chức thực hiện	Mức độ thực hiện		Hiệu quả thực hiện	
		ĐTB	Thứ hạng	ĐTB	Thứ hạng
1	Thống nhất về mục tiêu, nội dung phối hợp giữa nhà trường và gia đình	4,12	1	4,01	1
2	Phân công nhiệm vụ phù hợp với từng thành viên trong trường	4,09	2	4,00	2
3	Triển khai kế hoạch và phân bổ kinh phí, thời gian thực hiện	3,96	3	3,84	3
4	Xây dựng cơ cấu, thành lập ban chỉ đạo.	3,83	4	3,80	4
5	Phân công, bố trí người phụ trách, giám sát hoạt động phối hợp	3,83	4	3,73	5

Kết quả thống kê ĐTB ở bảng 2.24 về mức độ thực hiện và hiệu quả thực hiện các nội dung trong chức năng tổ chức quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trải dài từ 3,73 đến 4,12, đều đạt mức thường xuyên và hiệu quả theo thang đo đã xác lập.

Phân tích chi tiết cho thấy, nội dung có ĐTB cao nhất là "Thống nhất về mục tiêu, nội dung phối hợp giữa nhà trường và gia đình" với điểm số MĐ là 4,12 và HQ là 4,01. Đây là việc làm ở mỗi đầu năm học trong buổi đại hội cha mẹ học sinh nhằm tạo nên sự thống nhất trong việc giáo dục trẻ, đồng thời tạo ra sức mạnh tổng hợp nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục trẻ. Mục tiêu phối hợp càng rõ ràng, nội dung phối hợp càng cụ thể thì hiệu quả đạt được càng cao. Kết quả này phần nào được phản ánh từ sự đánh giá ở bảng 2.9. Theo cái nhìn tổng thể đây được xem là một tín hiệu tích cực và cần được người CBQL phát huy để công tác tổ chức quản lý hoạt động phối hợp đạt được kết quả như mong đợi.

Nội dung đứng vị trí thứ 2 là "Phân công nhiệm vụ phù hợp với từng thành viên trong trường" với điểm số MĐ là 4,09 và HQ là 4,00. Đây là một khía cạnh quan trọng trong khoa học quản lý. Bởi một khi người GVMN, nhân viên trong nhà trường được phân công, phân nhiệm phù hợp với năng lực thì tinh thần làm việc của họ được thúc đẩy từ đó hiệu quả quản lý hoạt động cũng tịnh tiến theo.

Kế đến là nội dung "Triển khai kế hoạch và phân bổ kinh phí, thời gian thực hiện" với điểm số MĐ là 3,96 và HQ là 3,84. Kết quả này cho thấy kế hoạch hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình được phổ biến khá rộng rãi đến GVMN, nhân viên tại các trường MN. Việc phổ biến kế hoạch sẽ giúp cá nhân có liên quan nắm được phương hướng công tác quản lý trong từng thời gian, từ đó có những định hướng và hành động cụ thể cho đơn vị và bản thân mình. Thao tác này khi được thực hiện sẽ giúp người quản lý kiểm soát kế hoạch được diễn ra đúng tiến độ và kế hoạch ban đầu.

Hai nội dung còn lại "Xây dựng cơ cấu, thành lập ban chỉ đạo" và "Phân công, bố trí người phụ trách, giám sát hoạt động phối hợp" có điểm số MĐ và HQ hạn chế hơn so với các nội dung đã phân tích. Hai nội dung này bám sát đến việc phân công bố trí người chỉ đạo, phụ trách và giám sát quá trình phối hợp. Đây là hai nội dung

không hề đơn giản mà nó thể hiện năng lực và tầm nhìn của người quản lý. Thế nên với mức thực hiện thường xuyên và mang lại hiệu quả cũng là điều đáng ghi nhận.

Nhìn chung, việc tổ chức thực hiện hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ tại các trường MN trên địa bàn Quận 2, TP.HCM đã đạt được kết quả nhất định nhưng chưa cao.

2.4.6. Thực trạng chỉ đạo thực hiện hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ

Bảng 2.25. Thực trạng chỉ đạo thực hiện hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình (Đơn vị tính: ĐTB)

TT	Nội dung chỉ đạo thực hiện	Mức độ thực hiện		Hiệu quả thực hiện	
		ĐTB	Thứ hạng	ĐTB	Thứ hạng
1	Hướng dẫn cách thức thực hiện các hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình cho từng bộ phận	3,98	1	3,93	1
2	Hướng dẫn, điều hành kịp thời; thiết lập cơ chế báo cáo, giám sát, động viên	3,91	2	3,84	2
3	Ra các quyết định phân công nhiệm vụ cụ thể	3,91	2	3,79	4
4	Xây dựng các mối quan hệ phối hợp đa chiều	3,89	4	3,84	2
5	Định kỳ sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch	3,81	5	3,76	5

Kết quả thống kê bảng 2.25 về mức độ thực hiện và hiệu quả thực hiện các nội dung trong chức năng chỉ đạo hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình có ĐTB tìm được dao động từ 3,77 đến 3,98. đều đạt mức thường xuyên và hiệu quả theo thang đo đã xác lập. Điều này cho thấy chức năng chỉ đạo trong công tác quản lý hoạt động phối hợp hiện nay được thực hiện tương đối trong thực tiễn.

Phân tích chi tiết có thể thấy việc "Hướng dẫn cách thức thực hiện các hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình cho từng bộ phận" là nội dung được đánh giá hàng đầu với điểm số MĐ là 3,98 và HQ là 3,93. Xét ở góc độ quản lý, việc hướng dẫn thực hiện các văn bản, kế hoạch của nhà trường trong hoạt động quản lý phối hợp có tính bắt buộc. Để đội ngũ GV, nhân viên trong nhà trường có thể nắm bắt chính xác và thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, họ rất cần có sự hướng dẫn rõ ràng, cụ thể từ người quản lý. Kết quả trên đây chứng minh rằng việc tuân thủ thao tác hướng dẫn cho cấp dưới được người quản lý nhận thức và thực hiện khá tốt.

Hai nội dung kế đến có cùng điểm số về hiệu quả thực hiện là "Hướng dẫn, điều hành kịp thời; thiết lập cơ chế báo cáo, giám sát, động viên" (MĐ là 3,91 và HQ là 3,84) và "Xây dựng các mối quan hệ phối hợp đa chiều" (MĐ là 3,89 và HQ là 3,84). hoạt động này không thể tự dưng có được mà phải dựa trên hành lang an toàn từ công tác chỉ đạo, từ việc nhận thức tích cực của người quản lý. Rõ ràng việc chỉ đạo thực hiện tổ chức báo cáo, giám sát, động viên cũng như xây dựng các mối quan hệ đa chiều đã mang lại hiệu quả. Tuy nhiên, với mục tiêu ngày càng hoàn thiện, nâng cao công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình thì các nhà quản lý cần tích cực trong công tác chỉ đạo hơn nữa.

Nội dung được đánh giá thực hiện hạn chế nhất là "Định kỳ sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch" với điểm số MĐ là 3,81 và HQ là 3,76. Việc chỉ đạo sơ kết, tổng kết quá trình thực hiện mang tính cơ chế không thể xem nhẹ và có tác dụng là bước tiền đề để thực hiện chức năng kiểm tra, đánh giá. Điều này cho thấy, để nâng cao chất lượng quản lý hoạt động phối hợp đòi hỏi CBQL phải năng động, thường xuyên sơ kết, tổng kết quá trình thực hiện đưa ra những chủ trương, quyết định hợp lý.

Nhìn chung, việc chỉ đạo thực hiện hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ tại các trường MN trên địa bàn Quận 2, TP.HCM khá đều tay khi điểm số chênh lệch 0,17 điểm. Qua phân tích trên cho phép nhận định việc thực hiện các nội dung chỉ đạo hoạt động phối hợp của nhà quản lý đạt mức "chấp nhận được", chứ chưa thực sự gọi là "tốt".

2.4.7. Thực trạng kiểm tra, đánh giá việc quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ

Bảng 2.26. Thực trạng kiểm tra, đánh giá hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình (Đơn vị tính: ĐTB)

TT	Nội dung kiểm tra, đánh giá	Mức độ thực hiện		Hiệu quả thực hiện	
		ĐTB	Thứ hạng	ĐTB	Thứ hạng
1	Xác định nội dung cần kiểm tra	4,26	1	4,22	1
2	Kiểm tra, đánh giá hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình theo kế hoạch	3,77	2	3,51	2
3	Đánh giá hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình thông qua kết quả giáo dục trẻ của giáo viên	3,73	3	3,70	3
4	Thường xuyên kiểm tra, theo dõi để điều chỉnh kịp thời hoạt động của giáo viên và các bộ phận trong việc phối hợp để kết quả ngày càng tốt và phù hợp hơn	3,74	4	3,66	4
5	Phân công nhân sự để thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá	3,71	5	3,50	6
6	Quy định các tiêu chuẩn cụ thể để đánh giá việc thực hiện hoạt động phối hợp	3,58	6	3,73	5
7	Đánh giá hoạt động phối hợp thông qua nhận xét của cấp trên, cha mẹ trẻ và các lực lượng xã hội	3,22	7	3,09	7

Kết quả thống kê ở bảng 2.26 về mức độ thực hiện các nội dung trong chức năng kiểm tra đánh giá hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trải dài từ 3,22 đến 4,26, ứng từ mức thỉnh thoảng đến rất thường xuyên. Và ĐTB về hiệu quả

thực hiện dao động từ 3,09 đến 4,22, ứng từ mức trung bình đến rất hiệu quả. Kết quả nghiên cứu còn cho thấy ở từng nội dung khác nhau sẽ có điểm số, mức độ khác nhau, cụ thể:

- Mức thực hiện rất thường xuyên và rất hiệu quả có 1 nội dung đó là "Xác định nội dung cần kiểm tra" với điểm số MĐ là 4,26 và HQ là 4,22. Nội dung này nổi bật lên và đứng vị trí đầu tiên về mức độ lẫn hiệu quả. Việc xác định nội dung kiểm tra, đánh giá một mặt sẽ giúp người quản lý không bỏ sót những nội dung có liên quan đồng thời giúp quá trình kiểm tra được trọn vẹn hơn.

- Mức thực hiện thường xuyên và đạt mức hiệu quả có đến 5/7 nội dung:

+ "Kiểm tra, đánh giá hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình theo kế hoạch" với điểm số MĐ là 3,77 và HQ là 3,50;

+ "Đánh giá hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình thông qua kết quả giáo dục trẻ của giáo viên" với điểm số MĐ là 3,73 và HQ là 3,70;

+ "Thường xuyên kiểm tra, theo dõi để điều chỉnh kịp thời hoạt động của giáo viên và các bộ phận trong việc phối hợp để kết quả ngày càng tốt và phù hợp hơn" với điểm số MĐ là 3,74 và HQ là 3,66;

+ "Phân công nhân sự để thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá" với điểm số MĐ là 3,71 và HQ là 3,50;

+ "Quy định các tiêu chuẩn cụ thể để đánh giá việc thực hiện hoạt động phối hợp" với điểm số MĐ là 3,58 và HQ là 3,73.

Trên đây là 5 thao tác quan trọng và không thể thiếu trong quá trình kiểm tra, đánh giá. Trong khoa học quản lý các thao tác này cần được thực hiện một cách nghiêm túc, chính xác và không được buông lỏng. Bởi nếu như một mắt xích quản lý không đảm bảo sẽ ảnh hưởng đến cả hệ thống. Việc thực hiện các thao tác này một phần sẽ tạo nên "hành lang" tiêu chuẩn để người quản lý, cũng như những cá nhân có liên quan căn cứ vào đó mà thực hiện đúng với mục đích đề ra ban đầu; phần khác khi có người phụ trách và thường xuyên theo dõi thì quá trình này sẽ đảm bảo tính khách quan hơn. Việc xây dựng, hoàn thiện các tiêu chí kiểm tra đánh giá hay cải tiến cách thức đánh giá của cán bộ quản lý nếu được thực hiện thường xuyên, hợp lý sẽ giúp cho việc thực hiện kế hoạch phối hợp được khách quan, chặt

chẽ và đảm bảo hơn. Với kết quả trên cho thấy CB-GV tại các trường MN trên địa bàn Quận 2, TP.HCM đã thực hiện ở mức tương đối.

- Mức thực hiện thỉnh thoảng và hiệu quả ở mức trung bình là nội dung "Đánh giá hoạt động phối hợp thông qua nhận xét của cấp trên, cha mẹ trẻ và các lực lượng xã hội" với điểm số MĐ là 3,22 và HQ là 3,09. Việc thực hiện thao tác này sẽ giúp việc kiểm tra đánh giá được đa chiều và mang tính khách quan hơn không vướng vào chủ quan duy ý chí. Đây là điều cần quan tâm vì một mắt xích quan trọng góp phần vào hiệu quả công tác quản lý lại chưa được chú trọng.

Kết quả nghiên cứu trên giúp kết luận rằng trong việc kiểm tra, đánh giá hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình hiện nay khá đa dạng và thiếu đều tay. Đây không phải là một thực trạng đáng khích lệ đối với những người coi trọng công tác quản lý hoạt động phối hợp. Vấn đề này thực sự cần được chú ý khi đề xuất các biện pháp tác động nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ.

2.4.8. Đánh giá về thực trạng thực hiện các chức năng quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ

Bảng 2.27. Đánh giá về thực trạng thực hiện các chức năng quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình (Đơn vị tính: ĐTB)

TT	Các chức năng quản lý	Mức độ		Hiệu quả	
		ĐTB	Thứ hạng	ĐTB	Thứ hạng
1	Lập kế hoạch quản lý hoạt động phối hợp	4,14	1	4,06	1
2	Tổ chức thực hiện hoạt động phối hợp	3,97	2	3,88	2
3	Chỉ đạo thực hiện hoạt động phối hợp	3,90	3	3,83	3
4	Kiểm tra, đánh giá hoạt động phối hợp	3,72	4	3,63	4

Đánh giá chung các chức năng quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ cho thấy, ĐTB mức độ thực hiện trải dài từ 3,72 đến 4,14, đều đạt mức thường xuyên và ĐTB hiệu quả trải dài từ 3,63 đến 4,06, đều ứng với mức hiệu quả theo thang điểm chuẩn.

Tuy nhiên, quan sát kết quả thống kê bảng 2.27 cho thấy mức độ thực hiện và hiệu quả thực hiện bốn chức năng quản lý trên thật sự chưa đồng bộ. Trong đó chức năng được thực hiện tốt nhất là lập kế hoạch và chức năng kiểm tra, đánh giá thể hiện sự hạn chế nhất định của mình so với các chức năng còn lại. Thực tế này là một điều đáng để tìm hiểu và nghiên cứu bởi kiểm tra và đánh giá là một trong những hoạt động không thể tránh khỏi nếu chúng ta muốn thực hiện một công việc có kế hoạch, có chiến lược lâu dài và giai đoạn sau đạt kết quả tốt hơn giai đoạn trước. Đối với một hoạt động mang tính phối hợp việc kiểm tra đánh giá càng phải là một yêu cầu gay gắt. Điều này phần nào phản ánh kinh nghiệm thực tế trong quá trình phối hợp trong thời gian qua chưa cao. Chỉ báo nghiên cứu quan trọng này giúp đề tài có thêm cơ sở đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ. Vấn đề này được trình bày chi tiết ở chương sau.

Theo cái nhìn tổng thể thì điểm số hiệu quả thực hiện các chức năng luôn thấp hơn so với mức độ thực hiện. Ở khía cạnh khác, có thể thấy điểm số giữa mức độ và hiệu quả có sự chênh lệch nhất định từ 0,07 điểm đến 0,09 điểm. Điều này cho thấy từ mức độ thực hiện đến hiệu quả thực hiện có khoảng cách nhất định. Thực trạng này đòi hỏi những nhà quản lý cần quan tâm hơn nữa, cần có những giải pháp thích hợp để rút ngắn khoảng cách này.

2.4.9. Đánh giá chung về thực trạng quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ

Bảng 2.28. Đánh giá chung về thực trạng quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình (n = 90)

TT	Thang điểm	Mức độ	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
1	51 - 93	Kém	-	-
2	94 - 135	Yếu	1	1,1
3	136 - 177	Trung bình	5	5,6
4	178 - 219	Khá	71	78,9
5	220 - 261	Tốt	13	14,4

Quan sát kết quả thống kê bảng 2.28 cho thấy thực trạng quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở các trường MN Quận 2, TP.HCM hiện nay có sự phân bố nhất định về các mức độ. Phần lớn CB-GV đánh giá đạt mức khá chiếm 78,9% (chiếm hơn ¾ mẫu), kế đến là mức tốt với 14,4%. Cộng đồn hai mức tích cực này có đến 93,3%. Đây được xem là tín hiệu khá khả quan của đề tài. Tuy nhiên, vẫn còn 6,7% khách thể còn lại đánh giá rơi vào mức trung bình yếu (trung bình chiếm 5,6% và yếu chiếm 1,1%). Tuy con số đánh giá thực trạng chung rơi vào mức tiêu cực không đáng kể nhưng liệu rằng với gần 1/10 mẫu không đảm bảo các hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong việc giáo dục trẻ thì rất khó đảm bảo giáo dục trẻ toàn diện được thành công và ít nhiều sẽ không đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục MN.

Xuất phát từ thực trạng đáng quan tâm trên, đề tài tiến hành khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong việc giáo dục trẻ. Kết quả được trình bày chi tiết ở mục 2.5 với bảng 2.30 và 2.31.

2.4.10.Mối tương quan giữa nhận thức của CB-GV với thực trạng quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ

Bảng 2.29: Kết quả mối tương quan giữa nhận thức của CB-GV với thực trạng quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ

Mối tương quan giữa nhận thức với thực trạng quản lý hoạt động phối hợp	Tương quan Pearson		
	Giá trị tương quan	Xác suất ý nghĩa	Kết luận
	0,652	0,048	Tương quan thuận có ý nghĩa

Kết quả kiểm nghiệm mối tương quan Pearson giữa nhận thức của CB-GV với thực trạng quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở các trường MN Quận 2, TP.HCM thể hiện sự tương quan thuận có ý nghĩa (Sig. = 0,048 < 0,05). Với hệ số tương quan r = 0,652 cho thấy mối liên hệ ở mức tương quan mạnh.

Kết quả thống kê trên cho phép nhận định giữa nhận thức và khả năng thực hiện các thao tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ có mối tương quan với nhau. Điều này có nghĩa là khi các CB-GV có nhận thức tốt và đầy đủ hoạt động phối hợp thì sẽ thường xuyên thực hiện các nội dung, thao tác quản lý hoạt động này, sẽ mang lại kết quả tích cực và ngược lại.

2.5. Kết quả nghiên cứu các yếu tốt ảnh hưởng đến quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ

Qua quá trình khảo sát và xử lý số liệu đề tài thấy mức độ ảnh hưởng của các nguyên nhân đến thực trạng quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ là khá lớn, có nguyên nhân từ phía nhà trường và cả nguyên nhân xuất phát từ gia đình trẻ. Đề tài đã khảo sát CB-GV qua câu 15, trong bảng hỏi dành cho CB-GV: "Thầy/Cô vui lòng đánh giá các yếu tố gây ảnh hưởng đến việc quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ?" và kết quả thu được thể hiện qua bảng 2.30 và 2.31.

2.5.1. Các yếu tố từ phía nhà trường

Bảng 2.30. Thực trạng các yếu tố từ nhà trường ảnh hưởng đến quản lý hoạt động phối hợp (n = 90)

TT	Các yếu tố từ phía nhà trường	Tần số	Tỷ lệ người được khảo sát trả lời ở mức nhiều và rất nhiều (%)	Thứ hạng
1	Nhận thức của đội ngũ cán bộ - giáo viên - nhân viên về hoạt động phối hợp chưa đồng bộ	72	80,0	1
2	Các hình thức phối hợp giữa nhà trường và gia đình chưa thu hút sự quan tâm của cha mẹ trẻ	65	72,2	2
3	Nội dung kế hoạch hoạt động phối hợp	54	60,0	3

TT	Các yếu tố từ phía nhà trường	Tần số	Tỷ lệ người được khảo sát trả lời ở mức nhiều và rất nhiều (%)	Thứ hạng
	chưa đi vào chiều sâu			
4	Việc quản lý hoạt động còn mang tính hình thức	37	41,1	4
5	Giáo viên đi thăm gia đình trẻ còn hạn chế	35	38,9	5
6	Việc hỗ trợ tư vấn cho cha mẹ trẻ chưa thường xuyên	22	24,4	6
7	Giáo viên chưa chú trọng đến việc phối hợp với gia đình trong việc giáo dục trẻ	15	16,7	7

Theo phần nghiên cứu lý luận chương 1, nhà trường có vai trò chủ đạo trong sự phối hợp giữa nhà trường và gia đình, vì vậy CB-GV cần tích cực, chủ động phối hợp với gia đình tạo sự gắn kết giữa nhà trường với gia đình, không làm tốt điều này đã làm ảnh hưởng nhiều đến công tác quản lý hoạt động phối hợp.

Quan sát kết quả thống kê bảng 2.30 về thực trạng các yếu tố từ nhà trường ảnh hưởng đến quản lý hoạt động phối hợp cho thấy: Nguyên nhân được lựa chọn hàng đầu là "Nhận thức của đội ngũ cán bộ - giáo viên - nhân viên về hoạt động phối hợp chưa đồng bộ" với 72/90 ý kiến lựa chọn chiếm 80,0% (chiếm hơn ¾ mẫu). Đây là hệ quả của nguyên nhân nhận thức chưa đúng của một số CB-GV về công tác phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong việc giáo dục trẻ (bảng 2.6; 2.7; 2.8; 2.9). Hai nguyên nhân kế đến được trên ½ mẫu nghiên cứu lựa chọn là "Các hình thức phối hợp giữa nhà trường và gia đình chưa thu hút sự quan tâm của cha mẹ trẻ" và "Nội dung kế hoạch hoạt động phối hợp chưa đi vào chiều sâu" với tỷ lệ lựa chọn lần lượt là 72,2% và 60,0%. Trên đây là ba nguyên nhân được đánh giá ảnh hưởng lớn đến công tác quản lý hoạt động phối hợp. Các nguyên nhân này gây sức ép không hề nhỏ lên CBQL, người GV MN trong công tác phối hợp. Các

nguyên nhân còn lại có tỷ lệ lựa chọn từ 16,7% đến 41,1%. Đây là những dữ liệu quan trọng để đề tài đề ra biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý.

2.5.2. Các yếu tố từ phía gia đình

Bảng 2.31. Thực trạng các yếu tố từ gia đình ảnh hưởng đến quản lý hoạt động phối hợp (n = 90)

TT	Các yếu tố từ phía gia đình	Tần số	Tỷ lệ người được khảo sát trả lời ở mức nhiều và rất nhiều (%)	Thứ hạng
1	Phụ huynh chưa biết, chưa hiểu hoặc chưa nhận thức đầy đủ về hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ	73	81,1	1
2	Cách chăm sóc, giáo dục trẻ của gia đình không thống nhất với nhà trường	62	68,9	2
3	Cha mẹ thiếu sự chủ động liên lạc, phối hợp chặt chẽ với GV trong việc chăm sóc và giáo dục trẻ	41	45,6	3
4	Nhiều gia đình tồn tại suy nghĩ giáo dục trẻ là trách nhiệm của nhà trường	33	36,7	4
5	Cha mẹ của trẻ quan niệm rằng ở tuổi MN vấn đề giáo dục không quan trọng bằng chăm sóc	39	43,3	5

Kết quả khảo sát từ bảng 2.31 về các yếu tố từ gia đình ảnh hưởng đến quản lý hoạt động phối hợp có thể nhận thấy nguyên nhân đầu tiên được đề cập đến nhiều nhất là "Phụ huynh chưa biết, chưa hiểu hoặc chưa nhận thức đầy đủ về hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ" với 73/90 ý kiến lựa chọn (chiếm 81,1% trên mẫu). Đối chiếu với kết quả nghiên cứu bảng 2.6 về nhận thức

của CMHS thì đây được xem là nguyên nhân lớn nhất từ phía gia đình gây ảnh hưởng đến công tác phối hợp là có cơ sở.

Đứng vị trí thứ 2 là nguyên nhân "Cách chăm sóc, giáo dục trẻ của gia đình không thống nhất với nhà trường" với 62/90 ý kiến lựa chọn chiếm 68,9%. Đây là hệ quả của việc nhận thức chưa đúng hoạt động phối hợp với nhà trường, họ chưa hiểu được quá trình giáo dục là cần có cả ba môi trường đặc biệt là sự cần thiết phải phối hợp giữa nhà trường và gia đình.

Ba nguyên nhân còn lại là "Cha mẹ thiếu sự chủ động liên lạc, phối hợp chặt chẽ với GV trong việc chăm sóc và giáo dục trẻ", "Nhiều gia đình tồn tại suy nghĩ giáo dục trẻ là trách nhiệm của nhà trường", "Cha mẹ của trẻ quan niệm rằng ở tuổi MN vấn đề giáo dục không quan trọng bằng chăm sóc" với tỷ lệ lựa chọn lần lượt là 45,6%; 36,7%; 43,3%. Thực tế cho thấy, nếu CMHS nhận thức chưa đúng đắn và đầy đủ thì rất dễ dẫn đến sự thiếu chủ động liên lạc, phối hợp chặt chẽ với GV trong việc chăm sóc và giáo dục trẻ; thậm chí không ít trường hợp khoán trắng cho nhà trường trong việc giáo dục trẻ. Điều này gây ảnh hưởng đến việc phát huy tác dụng của công tác phối hợp.

Qua phân tích kết quả bảng 2.30 và 2.31 có thể thấy, có rất nhiều nguyên nhân ảnh hưởng đến công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ. Trong đó, các nguyên nhân được trên ½ mẫu lựa chọn là phụ huynh chưa biết, chưa hiểu hoặc chưa nhận thức đầy đủ về hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ; nhận thức của đội ngũ cán bộ - giáo viên - nhân viên về hoạt động phối hợp chưa đồng bộ; các hình thức phối hợp giữa nhà trường và gia đình chưa thu hút sự quan tâm của cha mẹ trẻ; cách chăm sóc, giáo dục trẻ của gia đình không thống nhất với nhà trường; và nội dung kế hoạch hoạt động phối hợp chưa đi vào chiều sâu. Khắc phục được những nguyên nhân trên sẽ giúp đội ngũ CB-GV nâng cao chất lượng quản lý và hiệu quả thực hiện cao hơn.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

Kết quả nghiên cứu thực trạng về quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở các trường MN Quận 2, TP.HCM hiện nay như sau:

- Phần lớn CB-GV tại các trường MN trên địa bàn Quận 2 nhận thức khá tốt và có sự quan tâm nhất định đến hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận nhỏ CB-GV nhận thức về hoạt động này chỉ dừng lại mức trung bình yếu và tỏ thái độ bình thường, thậm chí ít quan tâm.

- Kết quả nghiên cứu thực trạng về hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ cho thấy có gần ¾ CMHS đã thường xuyên, rất thường xuyên liên hệ với nhà trường trong việc phối hợp giáo dục trẻ và lý do phối hợp được nhiều CMHS lựa chọn nhất là "Để nắm bắt thông tin về con khi ở trường MN" chiếm gần toàn mẫu (99,3%). Nghiên cứu còn cho thấy có rất nhiều nội dung để nhà trường và gia đình phối hợp với nhau trong việc giáo dục trẻ. Và theo cái nhìn tổng thể thì mức độ phối hợp từ phía CMHS thiếu tích cực hơn so với phía CB-GV. Hai hình thức được thực hiện tốt nhất hiện nay là: nhà trường sử dụng sổ liên lạc (sổ bé ngoan) để liên lạc, trao đổi với phụ huynh theo định kỳ mỗi tháng; giáo viên chủ động trao đổi với phụ huynh vào giờ đón, trả trẻ. Và phương pháp phối hợp bằng lời được CB-GV và CMHS cho rằng là hiệu quả nhất.

- Kết quả nghiên cứu thực trạng quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ cho thấy: còn dao động từ 14,4% đến 17,8% người được khảo sát chưa nhận ra được mục đích của việc quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình. Và một kết quả cần quan tâm là chỉ có 6,7% ý kiến lựa chọn chính xác nhất về sự phân cấp trong quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình là "Do Hiệu trưởng quản lý". Nghiên cứu còn cho thấy mức độ thực hiện và hiệu quả thực hiện bốn chức năng quản lý trên thật sự chưa đồng đều. Trong đó, việc thực hiện chức năng kiểm tra, đánh giá còn hạn chế so với các chức năng còn lại. Đây được xem là những tồn tại cần có biện pháp tác động để hiệu quả quản lý hoạt động phối hợp được nâng cao.

- Kết quả nghiên cứu các nguyên nhân ảnh hưởng đến thực trạng cho thấy có rất nhiều nguyên nhân ảnh hưởng đến công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ. Một số nguyên nhân đáng chú ý là phụ huynh chưa biết, chưa hiểu hoặc chưa nhận thức đầy đủ về hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ; nhận thức của đội ngũ cán bộ - giáo viên - nhân viên về hoạt động phối hợp chưa đồng bộ… Chỉ báo này đóng vai trò quan trọng giúp đề tài nghiên cứu đề xuất biện pháp và phần này được trình bày chi tiết ở phần tiếp theo.

Chương 3. BIỆN PHÁP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG PHỐI HỢP GIỮA NHÀ TRƯỜNG VÀ GIA ĐÌNH TRONG GIÁO DỤC TRẺ Ở CÁC TRƯỜNG MẦM NON QUẬN 2, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

3.1. Cơ sở đề xuất biện pháp

Việc xây dựng các biện pháp quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở các trường MN Quận 2, TP.HCM cần được nghiên cứu và được đề ra một cách có cơ sở khoa học. Đề tài nghiên cứu này tìm ra các biện pháp nhằm khắc phục những hạn chế trong thực trạng quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ trên những cơ sở sau đây:

3.1.1. Cơ sở lý luận

Lúc còn sinh thời Bác Hồ đã nói "trẻ em hôm nay, thế giới ngày mai". Việc giáo dục trẻ em là trách nhiệm của cha mẹ, nhà trường và xã hội trong đó gia đình và nhà trường là hai môi trường quan trọng nhất trong việc giáo dục trẻ mầm non vì độ tuổi của trẻ còn rất nhỏ chưa có điều kiện tiếp xúc nhiều với môi trường xã hội mà chủ yếu là môi trường gia đình và môi trường nhà trường.

Việc phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình trong giáo dục trẻ nhằm giúp tạo sự thống nhất về nội dung, phương pháp, khắc phục những thiếu sót trong quá trình giáo dục, đa dạng các môi trường giáo dục. Để hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ đạt được kết quả như mong muốn đòi hỏi công tác quản lý hoạt động này phải được thực hiện thường xuyên, khoa học và có hiệu quả.

3.1.2. Cơ sở pháp lý

Công tác phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong việc chăm sóc và giáo dục trẻ rất cần thiết, công tác này luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm thể hiện qua việc đã ban hành nhiều văn bản liên quan đến vấn đề này như:

- Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 về ban hành điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo có hướng dẫn tổ chức và hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh, làm cầu nối giữa

cha mẹ trẻ với nhà trường, hỗ trợ nhà trường trong việc vận động phụ huynh tham gia thực hiện tốt các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.

- Thông tư số 36/2011/TT-BDGĐT ngày 17 tháng 8 năm 2011 về ban hành chương trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên mầm non của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có rất nhiều modun liên quan đến việc phối hợp và tư vấn vho phụ huynh trong chăm sóc giáo dục trẻ như modun 10, 11, 12.

- Quyết định số 04/VBHN-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2015 về Ban hành điều lệ trường mầm non của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo trong đó có quy định về trách nhiệm của nhà trường, nhà trẻ, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập và trách nhiệm của gia đình trong việc phối hợp để chăm sóc giáo dục trẻ tại điều 46, 47.

- Luật Giáo dục của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 38/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 tại điều 93 đã quy định "Nhà trường có trách nhiệm chủ động phối hợp với gia đình và xã hội để thực hiện mục tiêu, nguyên lý giáo dục".

- Chương trình giáo dục mầm non của Bộ giáo dục và đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 về hướng dẫn thực hiện chương trình nêu rõ việc phối hợp giữa cơ sở GDMN với gia đình và cộng đồng trong chăm sóc, giáo dục trẻ là một trong những nhiệm vụ khi thực hiện chương trình giáo dục mầm non.

- Thông tư 26//TT-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018 quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tại tiêu chí 11, tiêu chuẩn 4, điều 7 về "Phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng" có quy định giáo viên phải "tham gia tổ chức, thực hiện việc xây dựng, phát triển mối quan hệ hợp tác với cha, mẹ hoặc người giám hộ trẻ em và cộng đồng để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em và bảo vệ quyền trẻ em".

- Thông tư số 25/2018/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018 ban hành quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non tại tiêu chí 15, tiêu chuẩn 4, điều 7

về "Phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình, xã hội" có nêu "Phối hợp với cha mẹ trẻ em hoặc người giám hộ của trẻ em và các bên liên quan tổ chức thực hiện chương trình và kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và thực hiện quyền trẻ em; công khai, minh bạch các thông tin về kết quả thực hiện chương trình và kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em và xây dựng môi trường giáo dục của nhà trường".

- Chỉ thị số 71/2008/CT-BGDĐT ngày 23 tháng 12 năm 2008 về tăng cường phối hợp nhà trường, gia đình và xã hội trong công tác giáo dục trẻ em, học sinh , sinh viên trong đó nêu rõ "đối với các trường mầm non cần tập trung: trao đổi thông tin thường xuyên giữa nhà trường với gia đình; kết hợp tuyên truyền, phổ biến kiến thức khoa học nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; xử lý kịp thời các vấn đề liên quan đến chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em trong trường học".

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4 tháng 11 năm 2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công ngiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

- Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2017 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Chương trình Giáo dục mầm non. Chương trình Giáo dục mầm non được xem là căn cứ để triển khai và chỉ đạo công tác chăm sóc - giáo dục trẻ trong các cơ sở giáo dục mầm non trong cả nước.

Từ những cơ sở pháp lý trên có thể nhận thấy hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ đã, đang được quan tâm và triển khai. Trên đây là những căn cứ pháp lý làm nền tảng cho việc đề xuất xây dựng các biện pháp quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở các trường MN Quận 2, TP.HCM.

Việc quản lý tốt hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ sẽ góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ của Đảng và Nhà nước đã giao.

3.1.3. Cơ sở thực tiễn

Phân tích thực trạng hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ và quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo

dục trẻ ở các trường mầm non công lập Quận 2, TP. HCM qua phiếu thăm dò ý kiến và phỏng vấn trực tiếp, đề tài nhận thấy các trường mầm non công lập Quận 2 đã đạt được một số kết quả nhất định trong công tác phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ, đa số CBQL, GV và PH đều nhận thức tốt về mức độ cần thiết của hoạt động phối hợp nhà trường, gia đình, tầm quan trọng của việc quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình. Nhưng bên cạnh đó vẫn còn một số hạn chế và bất cập như: các nội dung phối hợp chưa được nhà trường và gia đình thực hiện đầy đủ, thường xuyên và đồng bộ; các hình thức phối hợp nhà trường, gia đình chưa được phong phú; công tác xây dựng kế hoạch còn nhiều hạn chế, đa số các trường mầm non chưa có kế hoạch cụ thể mà chỉ đề ra một số công việc cần làm; nhận thức của đội ngũ giáo viên về công tác phối hợp gia đình, nhà trường chưa đồng bộ; công tác kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch còn nhiều bất cập.Vì thế cần đẩy mạnh hơn nữa công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình để nâng cao chất lượng giáo dục trẻ, giúp trẻ phát triển một cách tốt nhất.

Căn cứ vào cơ sở lý luận đã trình bày ở chương 1, xuất phát từ thực trạng quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở một số trường mầm non công lập Quận 2 đã phân tích ở chương 2, đồng thời, để thực hiện tốt công tác của người quản lý, công tác giáo dục trẻ, công tác phối hợp với gia đình nhằm đáp ứng yêu cầu của giáo dục mầm non trong giai đoạn hiện nay, đề tài đề xuất một số biện pháp góp phần thực hiện tốt công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ nhằm giải quyết thực tiễn đã khảo sát và đáp ứng nhu cầu phát triển giáo dục. Việc xác định các biện pháp sát thực tế, hợp lý sẽ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường đáp ứng yêu cầu đổi mới GDMN trong giai đoạn hiện nay.

3.2. Các nguyên tắc đề xuất biện pháp

3.2.1. Nguyên tắc đảm đảo tính mục tiêu

Khi thực hiện nghiên cứu, đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ cần phải dựa trên cơ sở lý luận đã nghiên cứu ở chương 1 và cơ sở thực tiễn đã khảo sát,

đánh giá ở chương 2 để các biện pháp được đề xuất đảm bảo đạt được mục tiêu mà đề tài hướng tới.

Để đảm bảo tính mục tiêu các biện pháp cần:

- Bám sát mục tiêu của đề tài là nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình nói riêng, công tác tác của người quản lý nói chung.

- Các biện pháp hướng đến thực hiện những mục đích cụ thể xoay quanh mục tiêu.

- Tất cả các biện pháp đưa ra đều giúp cho mục tiêu được thực hiện một cách thuận lợi nhất.

3.2.2. Nguyên tắc đảm bảo tính thực tiễn

Nguyên tắc này dựa trên nhận thức luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Theo Bác, "thống nhất lý luận và thực tiễn là nguyên tắc căn bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Thực tiễn không có lý luận hướng dẫn thì thành thực tiễn mù quáng. Lý luận không liên hệ với thực tiễn là lý luận suông" (Hồ Chí Minh - Toàn tập, 2011). Nói khác đi, các biện pháp được đưa ra phải xuất phát từ thực tiễn, lấy thực tiễn làm cơ sở.

Mức độ hiệu quả của các biện pháp phụ thuộc rất lớn vào việc biện pháp đó có phù hợp với thực tiễn hay không. Chính vì vậy, các biện pháp khi được đề xuất phải có khả năng thực hiện trong thực tiễn công tác quản lý. Hay nói cách khác, các biện pháp được đề xuất phải phù hợp với thực tiễn công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở các trường mầm non công lập Quận

2. nghĩa là các biện pháp phải phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội, hoàn cảnh cụ thể, thực trạng của các trường mầm non và xu thế phát triển chung của xã hội.

Các biện pháp được đề xuất phải phản ánh được đặc điểm của hoạt động phối hợp và quản lý hoạt động phối hợp của nhà trường như sự mềm dẻo, phong phú và phức tạp của việc thực hiện các nội dung, hình thức phối hợp, vai trò và tính chủ động của phụ huynh.

3.2.3. Nguyên tắc đảm bảo tính hiệu quả

Biện pháp đưa ra phải thực sự phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế của nhà trường của phụ huynh và của địa phương thì mới mang lại hiệu quả. Các biện pháp vừa mang tính thời sự, vừa phải đáp ứng được những yêu cầu trong thời gian tới trên cơ sở tuân thủ nghiêm ngặt các qui chế của ngành giáo dục, đồng thời mang tính cụ thể, hiệu quả làm cho các biện pháp trở nên có ý nghĩa trong thực tiễn.

Hiệu quả của các biện pháp mang lại là giúp nâng cao hiệu quả công tác quản lý hoạt động phối hợp nhà trường, gia đình, tạo mối liên kết chặt chẽ với PH, nâng cao chất lượng giáo dục trẻ của các trường mầm non công lập Quận 2, TP. HCM

3.2.4. Nguyên tắc đảm bảo tính khả thi

Mục đích cuối cùng của các biện pháp quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở các trường MN Quận 2, TP.HCM được lựa chọn là phải tạo ra hiệu quả cao nhất trong những điều kiện thực tế có thể. Để đạt được điều này, khi xây dựng các biện pháp phải đảm bảo quy trình với các bước tiến hành cụ thể, rõ ràng và chính xác từ việc xác định ý nghĩa, nội dung và điều kiện để tiến hành các biện pháp để không vướng mắc khi triển khai.

Biện pháp đảm bảo tính khả thi nghĩa là phải dựa trên những hạn chế và điểm mạnh của nhà trường, của PH, những kết quả đạt được cũng như tồn tại trong công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ. Có khả năng áp dụng một cách thuận lợi giúp nâng cao chất lượng công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ theo đặc thù của từng trường.

Các giải pháp phải thể hiện rõ tính ưu việt sau khi đã phân tích kỹ lưỡng điều kiện thực tế. Các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ được khảo sát tính cần thiết và khả thi khi trước khi áp dụng trong thực tiễn để đảm bảo sao cho hiệu quả mang lại phải cao.

Các nguyên tắc trên có mối quan hệ hữu cơ, gắn bó mật thiết, tác động qua lại lẫn nhau nên trong quá trình thực hiện không được xem nhẹ nguyên tắc nào.

3.3. Các biện pháp

3.3.1. Nâng cao nhận thức của CBQL, GV và CMHS về hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ

Qua khảo sát tình hình thực tế bằng phiếu thăm dò ý kiến cho thấy một số GV và CMHS chưa nhận thức đúng đắn về tính cần thiết, vai trò, mục đích, bản chất của hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ dẫn đến thái độ còn thờ ơ, né tránh, chưa mặn mà với các hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình. Do đó, để quản lý tốt hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình thì CBQL trước hết phải nâng cao nhận thức của bản thân, GV và CMHS, cần làm cho mọi người hiểu rằng giáo dục trẻ không phải là trách nhiệm riêng của nhà trường, của giáo viên hay là của PH mà sự phát triển của trẻ là sự tổng hòa của nhiều môi trường, nhiều mối quan hệ khác nhau, trong đó nhà trường và gia đình là môi trường quan trọng nhất đối với sự phát triển của trẻ mầm non. Từ đó, mọi người sẽ ý thức được trách nhiệm của mình, tạo động lực giúp mọi người thực hiện các hoạt động phối hợp tích cực, hăng hái và đạt kết quả tốt hơn.

3.3.1.1. Mục tiêu của biện pháp

Mục đích của biện pháp này chính là nâng cao nhận thức, làm cho CBQL, giáo viên và CMHS hiểu rõ vai trò và tầm quan trọng của hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ để từ đó mọi người chủ động, tích cực hơn trong việc phối hợp để cùng nhau giáo dục trẻ.

Xuất phát từ nhận thức đúng đắn về hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ thì CBQL mới có những quyết sách hợp lý cho hoạt động phối hợp giữa nhà trường, gia đình, GV và PH mới có những việc làm cụ thể, phù hợp để thực hiện tốt công tác phối hợp.

Yếu tố nhận thức còn là cơ sở để tập hợp sức mạnh của tập thể, phát huy tính chủ động và tích cực của GV, CMHS trong hành động vì mục tiêu chung. Đây còn là biện pháp mở đường cho việc thực hiện những biện pháp khác.

3.3.1.2. Nội dung của biện pháp

Tổ chức tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của CBQL, GV, CMHS về vai trò, tầm quan trọng của hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ.

Quản lý tốt các hoạt động, các nội dung tuyên truyền đến PH.

Tạo trang web, tài khoản facebook, tài khoản zalo của nhà trường, phân công nhân sự phụ trách cập nhật thông tin về các hoạt động chăm sóc, giáo dục của nhà trường. Phản hồi, giải đáp các thắc mắc của phụ huynh kịp thời; thiết kế các tờ rơi, tài liệu trong đó có nội dung, phương pháp giáo dục trẻ, những việc cần phối hợp với PH trong giáo dục trẻ, mức độ cần thiết và ảnh hưởng của công tác phối hợp đối với sự phát triển của trẻ để phát cho phụ huynh; các nội dung chuyển tải đến PH qua sổ liên lạc (sổ bé ngoan) cần cụ thể theo đặc điểm, tâm lý của từng trẻ. Qua đó giúp nhà trường thông tin đến phụ huynh một cách nhanh chóng, kịp thời, tăng cường mối liên kết nhà trường - gia đình trong giáo dục trẻ, đáp ứng nhu cầu của phụ huynh và nhu cầu của xã hội hiện tại, từ đó PH và GV sẽ hiểu rõ hơn về tầm quan trọng của công tác phối hợp, những ích lợi mà công tác phối hợp đem lại và sẽ dần thay đổi nhận thức về hoạt động này.

Thực hiện các buổi chuyên đề, nói chuyện, trao đổi, thảo luận với phụ huynh về công tác phối hợp, các nội dung cần phối hợp trong giáo dục trẻ.

3.3.1.3. Cách thức thực hiện biện pháp

Xuất phát từ quan điểm "nhận thức là cơ sở của thái độ và hành vi", chúng tôi cho rằng để tạo một nhận thức rõ nét của các cấp lãnh đạo trong vấn đề này, cần thực hiện các nội dung sau:

Để nâng cao nhận thức cho đội ngũ GV, NV và CMHS về hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ thì người CBQL trước tiên phải am hiểu và thấy được tầm quan trọng của hoạt động này để từ đó tuyên truyền, giải thích cho GV, NV và CMHS hiểu về tầm quan trọng, sự cần thiết của công tác phối hợp; vai trò, trách nhiệm của nhà trường, gia đình trong giáo dục trẻ; mục tiêu, bản chất của hoạt động phối hợp... Qua đó, GV sẽ tích cực hơn trong việc xây dựng các kế hoạch, biện pháp phối hợp với PH, PH thường xuyên tham gia các hoạt động

cùng nhà trường, thường xuyên trao đổi thông tin về trẻ với GV giúp cho hoạt động giáo dục trẻ đạt kết quả tốt hơn.

Bên cạnh đó, muốn nâng cao nhận thức cho CMHS thì trước tiên phải cho họ thấy tầm quan trọng của GDMN, của việc giáo dục trẻ từ sớm vì còn một số bộ phận không nhỏ PH cho rằng trường MN chỉ là nơi chăm trẻ, trông trẻ hay việc giáo dục trẻ chỉ bắt đầu từ tiểu học… nhà trường nên tuyên truyền, cung cấp cho PH một số tài liệu chứng minh tầm quan trọng của GDMN đối với sự phát triển của trẻ. Khi PH đã hiểu về tầm quan trọng của giáo dục trẻ MN thì sẽ phối hợp tốt với GV để giáo dục trẻ vì PH nào cũng mong muốn điều tốt nhất cho con em của mình.

Nhà trường cập nhật các đầu sách, các văn bản về giáo dục nhà trường, giáo dục gia đình, hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình lên tủ sách giáo viên, lên thư viện trực tuyến của nhà trường. Vận động CB, GV, NV mỗi tháng đọc ít nhất một đầu tài liệu.

Ngay từ đầu năm học Hiệu trưởng cần có kế hoạch cụ thể về hoạt động phối hợp với phụ huynh trong giáo dục dục trẻ để phổ biến cho toàn thể GV, NV trong các buổi họp hội đồng sư phạm nhà trường cũng như phổ biến cho phụ huynh biết trong buổi họp Ban đại diện cha mẹ học sinh và cha mẹ học sinh toàn trường để từ đó giúp cho mọi người có cái nhìn tổng thể về hoạt động phối hợp nhà trường, gia đình.

Nhà trường thường xuyên công khai các hoạt động của mình lên trang web của nhà trường, cập nhật các văn bản liên quan đến công tác phối hợp với phụ huynh trong giáo dục trẻ, cập nhật những bài báo liên quan đến việc chăm sóc và giáo dục trẻ. Công khai cách đăng nhập vào trang web cho phụ huynh biết qua buổi họp đầu năm, qua bảng tuyên truyền của nhà trường.

Lập trang facebook của nhà trường và cập nhật thông tin, hoạt động của nhà trường lên trang. Phân công người phụ trách trang để trả lời, giải đáp các mắc của phụ huynh kịp thời, chính xác. Đây là một kênh thông tin liên lạc giúp phụ huynh dễ dàng theo dõi các hoạt động của nhà trường

Tạo tài khoản Zalo của từng lớp với sự tham gia của CBQL để giúp PH dễ dàng trao đổi cùng giáo viên chủ nhiệm về tình hình của bé trên lớp, tuy nhiên CBQL cũng cần chú ý theo dõi để tránh tình trạng đi sai mục đích của nhà trường.

Nhà trường thực hiện thiết kế các tờ rơi, tài liệu theo từng tháng hoặc theo từng quý trong đó có nội dung, phương pháp giáo dục trẻ, những việc cần phối hợp với PH trong giáo dục trẻ, mức độ cần thiết và ảnh hưởng của công tác phối hợp đối với sự phát triển của trẻ để phát cho phụ huynh.

Các công việc nêu trên sẽ giúp phụ huynh nắm bắt được các hoạt động của nhà trường một cách nhanh chóng, giúp PH hiểu được tầm quan trọng cuả công tác phối hợp, giúp nhà trường thông tin đến toàn thể PH trong cùng một lúc, giúp nhà trường và PH trao đổi các tài liệu, kiến thức khoa học về nuôi dạy con ở lứa tuổi mầm non qua các bài đăng trên trang.

Tuy nhiên, các hình thức tuyên truyền trên chưa giúp PH biết rõ về đặc điểm của con mình vì đó là những vấn đề riêng tư không tiện trao đổi trên các trang xã hội. Do đó, nhà trường nên thực hiện quán triệt cùng giáo viên về việc đổi mới cách ghi sổ liên lạc (sổ bé ngoan) của trẻ (các nội dung trao đổi trong sổ cần cụ thể theo đặc điểm của từng bé, những nội dung bé đã đạt được trong tháng hay những thay đổi tích cực và tiêu cực của bé).

Nhà trường có thể thực hiện hình thức họp PH theo thời gian hẹn trước với gia đình (mỗi gia đình khoảng 10-30 phút), hình thức này tuy tốn rất nhiều thời gian nhưng bù lại thông tin về con em của PH được giữ kín (nhất là đối với những trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt), GV và PH có thời gian trao đổi cụ thể hơn về đặc điểm, thói quen của bé ở nhà hay tình hình học tập, rèn luyện của bé khi ở trường. Từ đó, nhà trường và gia đình sẽ gần gũi và hiểu nhau hơn, hiểu về trẻ hơn để có biện pháp giáo dục trẻ tốt hơn.

Tạo điều kiện để cha mẹ trẻ tham gia vào các hoạt động của nhà trường từ đó cha mẹ trẻ sẽ hiểu rõ hơn về các hoạt động của trẻ, của nhà trường.

Có hình thức nêu gương, cám ơn những phụ huynh đã nhiệt tình tham gia vào các hoạt động của nhà trường

Thông qua việc thực hiện nhiều hình thức nêu trên sẽ giúp cho PH và GV hiểu rõ hơn về tầm quan trọng của công tác phối hợp, những ích lợi mà công tác phối hợp đem lại và sẽ dần thay đổi nhận thức về hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ.

Trong các buổi họp hội đồng sư phạm nhà trường có thể lồng ghép tuyên dương các GV, NV thực hiện tốt công tác phối hợp với PH và tổ chức cho GV, NV đó chia sẻ kinh nghiệm thực hiện để mọi người cùng học tập.

3.3.1.4. Điều kiện thực hiện biện pháp

Đưa công tác nâng cao nhận thức cho đội ngũ CB, GV, NV và CMHS vào kế hoạch chung của nhà trường để có kế hoạch thực hiện chi tiết, thường xuyên.

Cần có sự đồng thuận, hưởng ứng tích cực từ tập thể giáo viên trường và các bậc phụ huynh. Để có sự thống nhất trong việc giáo dục trẻ, nhà trường vừa phải không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện vừa phải phối hợp chặt chẽ với gia đình.

Phụ huynh phải ý thức việc phối hợp giữa gia đình và nhà trường có vai trò và tác động vô cùng quan trọng trong quá trình phát triển của trẻ. Giáo dục con cái trong gia đình không phải chỉ là việc riêng tư của bố mẹ, mà còn là trách nhiệm đạo đức và nghĩa vụ công dân của những người làm cha mẹ.

Tài liệu, văn bản có nội dung về giáo dục nhà trường, giáo dục gia đình, tầm quan trọng của hoạt động phối hợp nhà trường, gia đình trong giáo dục trẻ phong phú, gần với điều kiện thực tế và mang tính ứng dụng cao.

Dự trù kinh phí, bố trí nhân sự, thời gian để thực hiện các hoạt động giúp nâng cao nhận thức của CB, GV, NV và CMHS trong công tác phối hợp nhà trường, gia đình trong giáo dục trẻ.

Khen thưởng, động viên, khuyến khích các cá nhân thực hiện tốt công tác phối hợp.

3.3.2. Xây dựng kế hoạch quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình

Một trong những khó khăn khi thực hiện công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình là nhà trường thường không có kế hoạch cụ thể, chi tiết

mà chỉ đề ra một số công việc cần làm thông qua kế hoạch năm của nhà trường như: thực hiện họp cha mẹ học sinh vào đầu và cuối năm học để thông báo tình hình vui chơi, học tập của trẻ; Nhà trường thường xuyên liên hệ với phụ huynh… khiến cho người thực hiện không biết mình phải làm gì, làm ra sao và làm đến đâu để đạt kết quả.

Xây dựng kế hoạch trong quản lý, điều hành công việc sẽ giúp cho người quản lý xác định mục tiêu, mức độ ưu tiên, nội dung thực hiện hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình nhằm đảm bảo tính hệ thống, tính định hướng của các hoạt động, tránh sự tùy tiện khi thực hiện. Vì vậy, CBQL cần xây dựng các kế hoạch quản lý trong đó có kế hoạch quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ có các nội dung, hình thức và phương pháp thực hiện cụ thể.

Kế hoạch quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ không nên quá phức tạp, có thể là một kế hoạch riêng biệt cũng có thể là một phần của kế hoạch năm học của nhà trường nhưng phải mang tính cụ thể, thực tế, khoa học, khả thi và phải phù hợp với nhà trường .

3.3.2.1. Mục tiêu của biện pháp

Xây dựng kế hoạch là công tác thường xuyên và quan trọng của người quản lý. Xây dựng kế hoạch phối hợp có nội dung, biện pháp, hình thức cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường giúp người quản lý định hướng cho công tác của mình, nắm rõ những công việc cần làm mà không tốn nhiều công sức.

Xây dựng kế hoạch sẽ giúp cho công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ được thực hiện một cách bài bản, khoa học và trở thành một hoạt động thường xuyên của nhà trường. Khi xây dựng kế hoạch CBQL sẽ hiểu rõ hơn về PH, những điểm mạnh và hạn chế của nhà trường để từ đó giúp nhà trường thống nhất các hoạt động và ngày càng phát triển.

Kế hoạch quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ là căn cứ để từng bộ phận, từng giáo viên xây dựng kế hoạch phối hợp cụ thể với phụ huynh trong giáo dục trẻ nhằm thực hiện tốt mục tiêu giáo dục đã đề ra.

Việc xây dựng kế hoạch quản lý có vai trò tạo ra "cánh cửa" thực hiện những chức năng sau chính vì vậy chức năng này càng chi tiết, rõ ràng, chính xác và hiệu quả bao nhiêu thì các chức năng sau sẽ dễ thực hiện có hiệu quả bấy nhiêu.

3.3.2.2. Nội dung của biện pháp

Kế hoạch quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình là tiền đề mở đường cho việc thực hiện các chức năng quản lý và cho việc thực hiện các biện pháp khác một cách khoa học.

Kế hoạch quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình cần được xây dựng theo từng năm học để phù hợp với tình hình thực tế của từng năm. Tuy nhiên, trước khi xây dựng kế hoạch quản lý hoạt động phối hợp theo từng năm học thì CBQL cần xây dựng kế hoạch chiến lược của nhà trường với tầm nhìn khoảng 5 năm để có một định hướng rõ ràng trong việc hướng các hoạt động của nhà trường phát triển theo đúng hướng, đạt một tầm cao mới. Trong kế hoạch chiến lược cần xác định rõ tầm nhìn và sứ mạng của nhà trường để làm kim chỉ nam cho mọi hoạt động.

Kế hoạch quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ cần dựa trên các văn bản quy định của pháp luật, mục tiêu của GDMN, mục tiêu cần đạt của độ tuổi, tình hình thực tế của phụ huynh và địa phương. Trong kế hoạch cần xác định mục tiêu cần đạt, hình thức, phương pháp phối hợp, nội dung phối hợp là gì và nhiệm vụ cụ thể cho từng bộ phận.

- Đối với CBQL: nghiên cứu tình hình; lập kế hoạch hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ; triển khai kế hoạch trong hội đồng trường; phân công nhiệm vụ cụ thể, hướng dẫn thực hiện lập kế hoạch hoạt động phối hợp cho các lớp, cung cấp các tài liệu cần thiết cho giáo viên, phụ huynh; công khai lịch tiếp dân; giải đáp các thắc mắc của phụ huynh kịp thời; tổ chức đa dạng các hoạt động để thu hút sự tham gia của phụ huynh vào các hoạt động giáo dục của nhà trường; tham mưu với cấp trên để bổ sung cơ sở vật chất phụ vụ cho công tác phối hợp; phối hợp cùng Ban đại diện cha mẹ học sinh xây dựng kế hoạch hoạt động của Ban đại diện …

- Đối với giáo viên: lập kế hoạch hoạt động phối hợp giữa giáo viên ở lớp với phụ huynh trong giáo dục trẻ; thường xuyên trao đổi với PH để tìm hiểu về đặc điểm tâm sinh lý của trẻ để có kế hoạch giáo dục phù hợp cho từng trẻ phục vụ cho việc giảng dạy với phương châm lấy trẻ làm trung tâm; phối hợp với PH trong việc tổ chức các ngày lễ hội, sinh nhật cho trẻ; thường xuyên thông báo tình hình của trẻ khi ở trường cho phụ huynh; tư vấn cho phụ huynh những kiến thức về chăm sóc, giáo dục trẻ; phối hợp với phụ huynh trong việc hình thành các kỹ năng, thói quen học tập tốt cho trẻ…

- Đối với công nhân viên trong trường: luôn ân cần niềm nở khi giao tiếp với PH; sẵng sàng hỗ trợ PH khi PH có thắc mắc, khó khăn; hỗ trợ gúp hình thành các thói quen tốt cho trẻ trong trường..

- Đối với Ban đại diện cha mẹ học sinh: tích cực tham gia các hoạt động giáo dục của nhà trường; hỗ trợ giải thích, vận động các phụ huynh trong trường tham gia các hoạt động của nhà trường; cung cấp các tài liệu về giáo dục trẻ, về chăm sóc trẻ… (nếu có).

Kế hoạch quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ khi xây dựng phải đảm bảo tính khoa học, đúng quy trình và có mối quan hệ chặt chẽ với các hoạt động khác trong nhà trường, phải phù hợp với điều kiện thực tế của trường và đáp ứng nhiệm vụ giáo dục được đề ra

Nội dung kế hoạch càng cụ thể, càng chi tiết thì khi thực hiện càng thuận lợi và đạt hiệu quả cao hơn.

3.3.2.3. Cách thức thực hiện biện pháp

Tham khảo kế hoạch quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ của các nước khác, của các trường bạn để học tập tích lũy kinh nghiệm, ứng dụng những điều sáng tạo, đổi mới phù hợp với nhà trường khi lập kế hoạch.

Khi xây dựng kế hoạch quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ CBQL cần thực hiện theo các bước của quy trình lập kế hoạch nhằm đảm bảo kế hoạch được lập ra khoa học, phù hợp và mang tính khả thi khi thực hiện như:

- Khảo sát tình hình thực tế của nhà trường và phụ huynh tại địa phương để nắm bắt các thông tin cần thiết phục vụ cho công tác xây dựng kế hoạch quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ

- Xác định mục tiêu của hoạt động phối hợp muốn hướng đến và các nội dung cần phối hợp của nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ.

- Xác định các nguồn lực cần thiết cho việc thực hiện kế hoạch: nguồn lực về con người, tài chính, thời gian…

- Xây dựng kế hoạch phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ: kế hoạch phải có mối quan hệ chặt chẽ với các hoạt động khác của nhà trường và nhằm góp phần giúp nhà trường đạt được mục tiêu đã đề ra. Các nội dung, hình thức, phương pháp thực hiện được nêu rõ trong kế hoạch

- Thông qua kế hoạch hoạt động phối hợp trong hội đồng sư phạm nhà trường và lấy ý kiến đóng góp cho kế hoạch.

- Tham khảo ý kiến đóng góp của CMHS về nội dung phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ.

- CBQL chỉnh sửa, hoàn thiện kế hoạch hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ theo những ý kiến đóng góp đã chắt lọc, đã thu được.

- Công khai, phổ biến kế hoạch hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong hội đồng sư phạm nhà trường.

Công khai những nội dung, hình thức, biện pháp cần sự phối hợp của PH và nhà trường trong giáo dục trẻ trên bảng tin của nhà trường.

Hiệu trưởng chỉ đạo và duyệt kế hoạch phối hợp giữa nhà trường và gia đình của các lớp.

3.3.2.4. Điều kiện thực hiện biện pháp

Hệ thống văn bản để làm căn cứ, cơ sở cho việc thực hiện lập kế hoạch cũng như việc xác định các nội dung, cách thức phối hợp.

Việc xây dựng kế hoạch hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ phải dựa trên điều kiện khác quan chứ không nên do ý kiến chủ quan của người lập kế hoạch.

Sự phối hợp chặt chẽ và đồng bộ của CBQL, GV, NV và PH của nhà trường trong việc thực hiện các hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình.

Sự nhìn nhận đúng đắn của CBQL về công tác lập kế hoạch cũng như việc phối hợp giữa nhà trường, gia đình trong giáo dục trẻ.

Sự tham gia tích cực của các lực lượng lượng phối hợp khi thực hiện lấy ý kiến xây dựng kế hoạch. Hiệu trường cần tôn trọng ý kiến đóng góp của mọi người, chắt lọc, lựa chọn những ý kiến phù hợp, sáng tạo để giúp kế hoạch hoàn thiện hơn.

Cần có sự hướng dẫn cho các thành viên trong trường xây dựng kế hoạch hoạt động cho bản thân, bộ phận phụ trách để công tác phối hợp nhà trường, gia đình trong giáo dục trẻ được thống nhất, đồng bộ.

3.3.3. Đổi mới việc tổ chức, chỉ đạo hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ

3.3.3.1. Mục tiêu của biện pháp

Đổi mới việc tổ chức, chỉ đạo hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động phối hợp nhà trường, gia đình; phân công nhiệm vụ phù hợp với từng thành viên trong trường, hướng dẫn cách thức thực hiện các hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ; kịp thời điều chỉnh những vấn đề bất hợp lý và những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện cho phù hợp với mục tiêu đã đề ra; xây dựng các mối quan hệ phối hợp đa chiều trong việc giáo dục trẻ.

Nhà trường tổ chức đa dạng các hoạt động phối hợp với vai trò chủ đạo sẽ giúp cho hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình phong phú, tăng cường mối liên kết và thu hút sự quan tâm của PH đến các hoạt động của nhà trường nói chung và hoạt động giáo dục trẻ nói riêng từ đó góp phần nâng cao nhận thức và sự quan tâm của PH đến hoạt động giáo dục trẻ của nhà trường, nâng cao nhận thức của đội ngũ GV về tầm quan trọng của hoạt động phối hợp qua việc thực hiện các hoạt động phối hợp và giúp nhà trường tranh thủ các nguồn lực từ phụ huynh để nâng cao chất lượng giáo dục trẻ của nhà trường.

Biện pháp này giúp hoàn thiện lại bộ máy tổ chức trong hoạt động quản lý hoạt động phối hợp để thực hiện mục tiêu, kế hoạch đề ra. Một bộ máy đồng bộ và

vững mạnh thì mới có thể tổ chức công việc có hiệu quả dựa trong sự phân công lao động hợp lý của người quản lý. Đồng thời công tác chỉ đạo có vai trò theo dõi, giám sát việc thực hiện kế hoạch trong quản lý hoạt động phối hợp đối với các bộ phận và cá nhân trong việc giáo dục trẻ.

Từ đó, tạo ra "cầu nối" giữa lãnh đạo nhà trường - người GVMN - CMHS. Các cầu nối này sẽ giúp các đối tượng trao đổi thông tin, phản ánh những khó khăn, đề xuất các biện pháp,... góp phần nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ.

3.3.3.2. Nội dung của biện pháp

Phân công nhiệm vụ phù hợp với từng thành viên trong trường ngay từ đầu năm học.

Hướng dẫn GV, các bộ phận cách thức thực hiện các hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ.

Nhà trường triển khai kế hoạch, theo dõi quá trình thực hiện và kịp thời điều chỉnh những vấn đề bất hợp lý và những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện cho phù hợp với mục tiêu đã đề ra.

Nhà trường chủ động tổ chức các hoạt động phối hợp nhằm thu hút sự quan tâm của gia đình đối với công tác giáo dục trẻ của nhà trường.

Thường xuyên đổi mới hình thức tổ chức hoạt động tạo điều kiện cho PH tham dự các hoạt động ở trường cùng trẻ.

Tổ chức báo cáo các chuyên đề về phương pháp giáo dục trẻ và phối hợp nhà trường, gia đình trong giáo dục trẻ.

Nâng cao hiệu quả việc thực hiện hòm thư góp ý của nhà trường: Nếu thực hiện tốt đây sẽ là một kênh thông tin để giúp nhà trường có những ý tưởng mới khi thực hiện, khắc phục được những hạn chế trong tổ chức hoạt động. Vì thực thực tế có những điều sẽ khó nói và khó góp ý trực tiếp khi trao đổi.

Vận động nguồn nhân lực, tài lực, sáng kiến của phụ huynh trong tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ.

3.3.3.3. Cách thức thực hiện biện pháp

Để hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ được chặt chẽ, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và thu hút được sự quan tâm của PH thì ngay từ đầu năm học Hiệu trưởng nên có kế hoạch phân công nhiệm vụ phù hợp với chuyên môn, sở trường, công việc của từng thành viên trong trường, ra các quyết định về phân công nhiệm vụ cụ thể để từ đó mọi người sẽ nắm được nhiệm vụ, công việc mình cần thực hiện, có trách nhiệm hơn trong công việc, từ đó kết quả thực hiện hoạt động phối hợp sẽ tốt hơn.

CBQL cần có kế hoạch cụ thể về các hoạt động phối hợp sẽ tổ chức trong năm, thời gian, hình thức tổ chức, phân công nhân sự rõ ràng đối với từng hoạt động cụ thể.

Thường xuyên trao đổi và cập nhật các thông tin từ nhiều nguồn khác nhau về cách thức tổ chức các hoạt động phối hợp với PH trong giáo dục trẻ để tạo sự đổi mới, phong phú trong các hoạt động của nhà trường.

Nhà trường chủ động tổ chức các hoạt động phối hợp với gia đình và tạo điều kiện cho phụ huynh và tham dự như: một ngày cùng bé (phụ huynh sẽ vào trường tham gia các hoạt dộng cùng con, nhìn con sinh hoạt, ăn, ngủ), tổ chức thao giảng, tổ chức các hội thi cho trẻ (an toàn giao thông, bé vui vận động, bé nhanh trí), tổ chức các lễ hội, các ngày hội gia đình, mời các chuyên gia về báo cáo hay có thể nhờ PH báo cáo (nếu trong trường có PH có chuyên môn về vấn đề chăm sóc, giáo dục trẻ, hiểu được tầm quan trọng của việc phối hợp nhà trường, gia đình trong giáo dục trẻ)… PH khi được tham gia rất nhiều các hoạt động ở trường cùng con sẽ hiểu hơn về công việc của người giáo viên mầm non, thấy được những gì mà cô và nhà trường đã làm cho bé từ đó sẽ thông cảm và có thể chung tay cùng nhà trường trong những hoạt động tiếp theo vì mục đích cuối cùng nhà trường và gia đình đều hướng tới là tạo môi trường thuận lợi nhất cho sự phát triển năng lực và phẩm chất của bé. Hiện nay, có một số trường còn ngại khi cho PH vào tham quan trong các giờ hoạt động vì sợ bé khóc khi gặp người lạ, vì sợ tạo áp lực cho GV … nhưng lại quên rằng PH chính là một trong những nguồn lực, những yếu tố giúp công tác chăm sóc,

giáo dục trẻ thuận lợi hơn, giúp nhà trường nâng cao điều kiện về cơ sở vật chất và nâng cao uy tín nhà trường.

Công khai hình thức thực hiện hòm thư góp ý của nhà trường trong buổi họp PH đầu năm. GV cần phổ biến cho PH hiểu về ý nghĩa khi thực hiện và nhà trường luôn trân trọng mọi ý kiến đóng góp xây dựng nhà trường của PH. Đặt hòm thư góp ý ở vị trí phù hợp, phân công nhân sự thường xuyên kiểm tra và có sự hồi đáp, giải quyết phù hợp với từng góp ý.

Để quản lý hiệu quả hoạt động phối hợp giữa nhà trường và đình trong giáo dục trẻ, Hiệu trưởng cần tăng cường chỉ đạo các bộ phận thực hiện tốt các hoạt động phối hợp. Hướng dẫn GV, các bộ phận cách thức thực hiện các hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ.

Hiệu trưởng triển khai kế hoạch phối hợp đến toàn thể CB, GV, NV và CMHS theo từng giai đoạn. CBQL theo dõi quá trình thực hiện và kịp thời điều chỉnh những vấn đề bất hợp lý và những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện cho phù hợp với mục tiêu đã đề ra.

Để các hoạt động phối hợp trong nhà trường được phong phú, đa dạng thì kinh phí cũng là một yếu tố cần quan tâm. Trong các buổi họp Ban đại diện CMHS, Hiệu trưởng cần khéo léo vận động nguồn nhân lực, tài lực, sáng kiến của phụ huynh trong việc phối hợp tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ.

3.3.3.4. Điều kiện thực hiện biện pháp

Nhà trường cần có kế hoạch hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ theo từng năm học với nội dung, biện pháp, hình thức, nhân sự thực hiện cụ thể phù hợp với điều kiện thực tế.

Tinh thần học hỏi, cầu tiến, nhiệt huyết của CBQL, GV, nhân viên nhà tường.

Sự hợp tác của phụ huynh trong các hoạt động của nhà trường.

CBQL nhà trường cần quán triệt, chỉ đạo các bộ phận, giáo viên, nhân viên trong trường thực hiện tốt công tác phối hợp với gia đình trong giáo dục trẻ.

Kinh phí để thực hiện các hoạt động phối hợp với gia đình trong giáo dục trẻ.

Chuyên gia báo cáo phải là người có kinh nghiệm trong công tác phối hợp với phụ huynh cả về lý thuyết lẫn thực tiễn để giúp người nghe dễ tiếp thu.

3.3.4. Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ

3.3.4.1. Mục tiêu của biện pháp

Kiểm tra, đánh giá là một trong những công tác quan trọng của người quản lý. Kiểm tra, đánh giá hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ giúp Hiệu trưởng đánh giá lại hiệu quả của kế hoạch phối hợp, của việc tổ chức các hoạt động phối hợp, công tác phối hợp của giáo viên, nhân viên nhà trường làm cơ sở để điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp và làm tiền đề cho các hoạt động tiếp theo.

Tổng kết, đánh giá kịp thời sẽ giúp người người Hiệu trưởng điều chỉnh những điểm chưa tốt, những khâu còn yếu trong công tác phối hợp với gia đình trong giáo dục trẻ. Đồng thời khen thưởng, động viên kịp thời những cá nhân thực hiện tốt để tạo động lực giúp đội ngũ nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đưa chất lượng và uy tín nhà trường ngày càng nâng cao.

Nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động phối hợp sẽ giúp cho chất lượng hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ được nâng cao, được thực hiện theo đúng kế hoạch, đúng mục tiêu đã đề ra.

3.3.4.2. Nội dung của biện pháp

Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá thường xuyên và theo định kỳ về hoạt động phối hợp với PH trong giáo dục trẻ. Kế hoạch bao gồm: mục tiêu kiểm tra, nội dung, thời gian kiểm tra và nhân sự tham gia hoạt động kiểm tra đánh giá. Tổ chức thực hiện nghiêm túc kế hoạch kiểm tra đánh giá đã đề ra.

Tăng cường kiểm tra, đánh giá đội ngũ GV, NV trong việc thực hiện hoạt động phối hợp với gia đình. Thực hiện sơ kết, tổng kết đánh giá về hiệu quả của hoạt động phối hợp để thấy được những thuận lợi và hạn chế trong quá trình thực hiện. Từ đó đề ra các biện pháp để điều chỉnh, khắc phục những hạn chế, yếu kém trong công tác phối hợp, phát huy những yếu tố thuận lợi và nhân rộng các điển hình tốt trong công tác phối hợp.

Có biện pháp động viên, khen thưởng kịp thời những cá nhân thực hiện tốt.

3.3.4.3. Cách thức thực hiện biện pháp

Khác với các hoạt động dạy học, hoạt động chăm sóc trẻ hay hoạt động tài chính của nhà trường, hoạt động phối hợp giữa nhà trường với gia đình trong giáo dục trẻ rất đa dạng, liên quan đến nhiều hoạt động, nhiều mối quan hệ khác nhau và thường không có chuẩn đánh giá nhất định cho mọi hoạt động. Do đó, để kiểm tra hoạt động này Hiệu trưởng cần có kế hoạch, tiêu chí cụ thể cho từng hoạt động. Tiêu chí có thể định tính, có thể định lượng như qua kết quả giáo dục trẻ, qua hồ sơ sổ sách của GV, của trẻ, qua hoạt động thực tiễn, qua sự phản ánh của PH…

Ngay từ đầu năm học, Hiệu trưởng cần xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá các hoạt động của nhà trường, trong đó có việc kiểm tra, đánh giá hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ. Kế hoạch có các nội dung và tiêu chí kiểm tra cụ thể.

Phân công nhân sự để thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động phối hợp giữa nhà trường, gia đình trong giáo dục trẻ.

Tiến hành kiểm tra, đánh giá hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình theo kế hoạch. Công bố kết quả kiểm tra, đánh giá hoạt động phối hợp nhà trường, gia đình trong các buổi họp hội đồng sư phạm nhà trường. Rút kinh nghiệm sau mỗi lần kiểm tra, cần nêu cụ thể những hạn chế để tìm ra biện pháp khắc phục và điều chỉnh bên cạnh đó cũng nêu những kết quả đạt được và những điển hình tốt để tạo động lực và rút kinh nghiệm về sau.

Xây dựng các tiêu chí thi đua khen thưởng về việc thực hiện công tác phối hợp với phụ huynh trong giáo dục trẻ sẽ tạo động lực cho CB, GV, NV hăng hái thi đua thực hiện tốt công tác. Các tiêu chí thi đua đưa ra cần cụ thể, rõ ràng như:

- Để phụ huynh phản ánh về công tác chăm sóc, giáo dục trẻ, công tác giao tiếp với phụ huynh tùy từng trường hợp trừ 1 - 2 điểm/lần, vi phạm lần 2 viết kiểm điểm, vi phạm lần 3 không xét lao động tiên tiến trong năm.
- CB, GV NV nhà trường phải luôn ân cần, niềm nở khi giao tiếp với phụ huynh, nhiệt tình giải đáp các thắc mắc của PH liên quan đến chuyên môn, nhiệm vụ của mình, không có các hành vi, lời nói đi ngược lại mục tiêu chung của nhà trường, vi phạm trừ 1 điểm/lần, lần 2 trừ 2 điểm/lần, lần 3 viết kiểm điểm.

- Giáo viên thực hiện tốt các hoạt động phối hợp với phụ huynh trong giáo dục trẻ (trao đổi ân cần, niềm nở với PH trong giờ đón trả trẻ, cập nhật bảng tuyên truyền hằng ngày, ghi sổ bé ngoan cụ thể theo đặc điểm của từng bé, được phụ huynh khen ngợi …), được thưởng 300.00đ/quý.

- Trong năm học nếu GV, NV không bị phụ huynh phản ánh về các hoạt động liên quan đến công tác của mình sẽ được khen thưởng 500.00đ/năm …

Tùy vào tình hình thực tế, tài chính của từng trường mà Hiệu trưởng sẽ xây dựng các tiêu chí thi đua, khen thưởng cho phù hợp để tạo không khí thi đua sôi nổi giúp đội ngũ thực hiện tốt công tác phối hợp với gia đình trong giáo dục trẻ.

Có thể kết hợp việc đánh giá hiệu quả thực hiện công tác phối hợp với gia đình trong giáo dục trẻ khi xét thi đua tháng theo quy trình: cá nhân tự đánh giá, tổ chuyên môn và đồng nghiệp nhận xét, góp ý, hội đồng thi đua đánh giá.

3.3.4.4. Điều kiện thực hiện biện pháp

Kế hoạch kiểm tra, đánh giá của nhà trường.

Quyết định thành lập ban kiểm tra, đánh giá hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ.

Các tiêu chí, tiêu chuẩn cụ thể để đánh giá. Hoạt động kiểm tra, đánh giá phải dựa trên nguyên tắc khách quan và công bằng.

Đa dạng hóa hình thức kiểm tra, theo định kỳ hoặc đột xuất bằng nhiều kênh thông tin khác nhau để nắm bắt chính xác tình hình hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình. Từ đó, điều chỉnh những vấn đề chưa hợp lý, kịp thời nhắc nhở, động viên cá nhân có liên quan thực hiện tốt hơn;

Tiến hành kiểm tra, đánh giá phải theo kế hoạch và có tổng kết, rút kinh nghiệm cũng như đề ra biện pháp điều chỉnh sai lệch sau mỗi lần kiểm tra, đánh giá

Quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế thi đua khen thưởng.

Kinh phí thực hiện khen thưởng.

Bầu không khí thi đua sôi nổi trong nhà trường về việc thực hiện nhiệm vụ của tất cả CBQL, GV, nhân viên trong trường.

3.3.5. Đảm bảo các điều kiện hỗ trợ công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở các trường mầm non

3.3.5.1. Mục tiêu của biện pháp

Để hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình được diễn ra thuận lợi, đúng mục tiêu và đem lại hiệu quả cao thì cần phải có những điều kiện, môi trường để hỗ trợ cho công tác nêu trên.

Biện pháp này nhằm góp phần đảm bảo các điều kiện để hỗ trợ cho công tác quản lý hoạt động phối hợp được thuận lợi hơn, khắc phục những yếu tố gây ảnh hưởng đến công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ qua kết quả khảo sát đã thể hiện.

Đây cũng là biện pháp nhằm động viên, nâng cao tinh thần, trình độ của đội ngũ CB, GV, NV nhà trường có tác dụng hỗ trợ cho hoạt động phối hợp diễn ra thuận lợi và có kết quả cao.

3.3.5.2. Nội dung của biện pháp

Xây dựng và ban hành hệ thống các văn bản về hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình đảm bảo hành lang pháp lý có tính thống nhất, thực tiễn và khả thi.

Tăng cường cơ sở vật chất của nhà trường, triển khai ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ. Nâng cấp đường truyền mạng, tạo môi trường làm việc điện tử hiện đại giúp nâng cao năng lực quản lý điều hành công việc của CBQL, tăng cường xử lý các văn bản, hồ sơ một cách nhanh chóng hơn.

Tích cực huy động nguồn kinh phí cho hoạt động phối hợp để giáo dục trẻ từ các tổ chức, cá nhân ngoài nhà trường như: các mạnh thường quân, các công ty, xí nghiệp đóng gần nhà trường…

Nâng cao nhận thức cho đội ngũ CB, GV, NV về sự cần thiết phải luôn bồi dưỡng và tự bồi dưỡng để bổ sung các kiến thức phục vụ cho công tác chuyên môn của bản thân, đáp ứng nhu cầu giáo dục đã đề ra. Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên, nhân viên nhà trường.

Có chính sách hỗ trợ cho các GV, NV học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ nhằm đáp ứng nhu cầu công việc, đồng thời có chế độ đãi ngộ, khuyến khích, khen thưởng kịp thời đối với GV, NV nhà trường thực hiện tốt công tác phối hợp với gia đình trong giáo dục trẻ.

Tạo môi trường làm việc thuận lợi cho đội ngũ CB, GV, NV nhà trường, đáp ứng đủ và cao hơn những điều kiện và yêu cầu công việc cần có. Trong đó, các quy tắc, quy định của nhà trường phải rõ ràng, phù hợp và đúng luật. Môi trường làm việc mang tính cạnh tranh nhưng lại rất công bằng, thân thiện, ở đó mọi thành viên được đánh giá đúng khả năng và những gì họ đóng góp cho nhà trường. Từ đó, giúp truyền cảm hứng, nâng cao hiệu suất làm việc cho đội ngũ CB, GV, NV nhà trường.

Sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí từ quỹ khuyến học, kinh phí hỗ trợ từ ban đại diện CHMS, các mạnh thường quân cho hoạt động phối hợp.

Lựa chọn những PH có trình độ, nhiệt tình trong công việc để bầu vào ban đại diện CHMS của trường, của lớp từ đó dễ dàng lan tỏa tinh thần hăng hái và thái độ tích cực đến những PH khác, tuyên truyền, giải thích, vận động những PH trong trường hỗ trợ nhà trường trong công tác phối hợp.

3.3.5.3. Cách thức thực hiện biện pháp

Nhà trường bố trí thời gian thực hiện các hoạt động phối hợp hợp lý, thuận tiện với thời gian của các thành viên trong trường và PH.

Nhà trường thực hiện nâng cấp đường truyền mạng, đầu tư máy vi tính cho các lớp để GV có điều kiện thực hiện việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác giảng dạy. CB, GV thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong việc trao đổi, cung cấp các thông tin cho phụ huynh qua tin nhắn điện thoại, qua nhóm zalo của lớp, của Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường. Phân công nhân sự thường xuyên cập nhật các tin tức, hoạt động của trẻ, của trường lên website, lên trang facebook của nhà trường để nhà trường và phụ huynh có sự trao đổi cập nhật tin tức lẫn nhau. Bên cạnh đó, nhà trường cũng thực hiện kết nối với các trường khác thông qua mail, facebook để trao đổi chuyên môn, học tập kinh nghiệm và hỗ trợ cùng nhau khi cần.

Tạo điều kiện cho đội ngũ giáo viên, nhân viên tham gia các lớp bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, ứng xử, giao tiếp sư phạm từ đó có thêm kinh nghiệm, kiến

thức để phục vụ cho công tác và cho hoạt động phối hợp với PH để giáo dục trẻ. Qua đó, sẽ thu hút được cha mẹ trẻ tham gia vào các hoạt động phối hợp

Xây dựng tủ sách chuyên môn và thư viện điện tử của nhà trường, thường xuyên cập nhật các đầu sách, các văn bản liên quan đến hoạt động phối hợp gia đình, nhà trường, giáo dục gia đình, giáo dục nhà trường, phương pháp giáo dục trẻ…Các văn bản ủa nhà nước về công tác phối hợp là cơ sở để giúp người CBQL thực hiện các hoạt động theo đúng quy định, giúp GV, PH hiểu rõ hơn về tầm quan trọng và mức độ cần thiết của công tác phối hợp từ đó sẽ thực hiện tốt hơn.

Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề tại trường để GV trao đổi kinh nghiệm cùng nhau về hoạt động phối hợp với gia đình trong giáo dục trẻ giúp tích lũy kinh nghiệm để thực hiện công việc tốt hơn

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học để tạo điều kiện cho giáo viên thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy, nhiệm vụ phối hợp với PH, nhiệm vụ căm sóc trẻ …

Xây dựng tập thể sư phạm đoàn kết, tôn trọng, yêu thương, hợp tác cùng nhau. Cán bộ quản lý luôn quan tâm, khuyến khích GV, nhân viên kịp thời.

Bố trí công việc phù hợp với chuyên môn và sở trường của từng thành viên trong trường.

Nhà trường có kế hoạch cụ thể cho GV, NV đi đào tạo, đào tạo lại tại các cơ sở giáo dục, tạo điều kiện cho GV, NV tham gia các khóa tập huấn ngắn hạn để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Có chế độ đãi ngộ phù hợp, kịp thời, tương xứng với công việc của GV, NV.

Nếu mọi GV, NV đều có nhận thức đúng đắn, có khả năng giao tiếp sư phạm tốt, có thái độ tích cực với hoạt động phối hợp cùng PH để giáo dục trẻ, có môi trường làm việc thuận lợi được bố trí công tác phù hợp, có các phương tiện thực hiện đầy đủ... sẽ hăng hái thực hiện công tác phối hợp đem lại kết quả, hiệu quả cao thì người CBQL cũng sẽ thuận lợi hơn công công tác quản lý của mình.

Bên cạnh đó, ngay từ đầu năm học, CBQL cần quán triệt với GV các lớp trong việc lựa chọn PH để bầu vào ban đại diện CMHS của lớp, của trường vì đây cũng là

một trong những điều kiện để hỗ trợ cho công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ được thuận lợi hơn.

3.3.5.4. Điều kiện thực hiện biện pháp

Các văn bản, quy định của pháp luật.

Kinh phí hỗ trợ cho GV, NV học nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kinh phí trang bị sách, tài liệu, tổ chức chuyên đề.

Tầm nhìn của người CBQL trong việc lập kế hoạch, định hướng, tổ chức các hoạt động, bố trí nhân sự …

Môi trường làm việc khoa học, đoàn kết, vui vẻ.

Thái độ của PH đối với tầm quan trọng của GDMN và hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ.

3.4. Mối liên hệ giữa các biện pháp

Biện pháp quản lý là những tác động của nhà quản lý đến khách thể quản lý một cách có hiệu quả để thực hiện các nhiệm vụ quản lý đã đề ra. Luận văn "Quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở các trường mầm non Quận 2, TP. HCM" đã đề xuất năm biện pháp quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ. Mỗi biện pháp đều có mục đích, nội dung, cách thức thực hiện, các điều kiện thực hiện riêng và mỗi biện pháp sẽ mang lại những hiệu quả nhất định trong việc phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ tại các trường mầm non công lập Quận 2, TP. HCM.

Trong năm biện pháp đã đề xuất thì biện pháp 1 "Nâng cao nhận thức của CBQL, GV và CMHS về hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ " là biện pháp mở đường cho việc thực hiện những biện pháp khác vì yếu tố nhận thức luôn là yếu tố nền móng. Biện pháp 2 "Xây dựng kế hoạch quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình" sẽ giúp người quản lý chủ động trong công tác phối hợp, biết mình sẽ làm gì, cần làm gì và làm như thế nào để đạt kết quả tốt nhất. Biện pháp 3 "Đổi mới việc tổ chức, chỉ đạo hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ" sẽ giúp cho hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình phong phú, tăng cường mối liên kết và thu hút sự quan tâm của PH đến các hoạt động của nhà trường nói chung và hoạt động giáo dục trẻ nói riêng

từ đó góp phần nâng cao nhận thức và sự quan tâm của PH đến hoạt động giáo dục trẻ của nhà trường, nâng cao nhận thức của đội ngũ GV về tầm quan trọng của hoạt động phối hợp qua việc thực hiện các hoạt động phối hợp. Biện pháp 4 "Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ" giúp xác định lại nhận thức, thái độ của đội ngũ nhà trường đối với công tác phối hợp với gia đình trong giáo dục trẻ, đảm bảo việc thực hiện các kế hoạch, các hoạt động phối hợp được diễn ra theo đúng tiến độ và điều chỉnh kịp thời những điểm chưa hợp lý. Biện pháp 5 "Đảm bảo các điều kiện hỗ trợ công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở các trường mầm non" đây là biện pháp nhằm động viên, nâng cao tinh thần, trình độ của đội ngũ CB, GV, NV trong trường góp phần thực hiện tốt các nhiệm vụ về công tác phối hợp với gia đình trong giáo dục trẻ.

Các biện pháp trên không không thực hiện riêng lẻ mà có mối quan hệ chặt chẽ, thống nhất, bổ sung, hỗ trợ lẫn nhau tạo thành những mắc xích vô cùng quan trọng ở các khâu, các công đoạn của quá trình quản lý, không có biện pháp nào là vạn năng mà người quản lý phải linh hoạt, sáng tạo khi vận dụng, kết hợp các biện pháp nhằm đem lại hiệu quả quản lý tốt nhất. Do đó, khi sử dụng các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ người quản lý cần vận dụng một cách linh hoạt, sáng tạo tùy vào điều kiện thực tế của đơn vị và đối tượng tác động để đem lại hiệu quả cao nhất, tạo điều kiện thuận lợi giúp trẻ phát triển toàn diện. Vì vậy mức độ thực hiện và hiệu quả của các biện pháp phụ thuộc rất nhiều vào trình độ, năng lực và khả năng vận dụng của người quản lý.

3.5. Khảo sát tính cần thiết và khả thi của của một số biện pháp nâng cao chất lượng công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ

3.5.1. Mô tả cách thức khảo sát

3.5.1.1. Công cụ khảo sát

Công cụ khảo sát là một phiếu hỏi dành cho CBQL và GVMN đang công tác tại các trường MN trên địa bàn Quận 2, TP.HCM, phiếu hỏi này gồm ba phần: mục

đích khảo sát; phần thông tin cá nhân và biện pháp khảo sát. Phần biện pháp khảo sát được cấu trúc gồm 2 câu hỏi:

- Câu 1: Tìm hiểu tính cần thiết của các biện pháp nâng cao chất lượng công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ.
- Câu 2: Tìm hiểu tính khả thi của các biện pháp nâng cao chất lượng công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ.

Tất cả các biện pháp đưa ra khảo sát đều có năm mức độ và người trả lời chỉ được chọn một mức độ duy nhất.

3.5.1.2. Cách tính điểm bảng hỏi

a. Cách cho điểm

Mỗi câu hỏi đưa ra khảo sát đều có 5 mức độ lựa chọn: điểm thấp nhất là 1, cao nhất là 5, chia làm 5 mức theo khoảng biến thiên liên tục.

ĐTB của câu = Tổng điểm của các nội dung câu hỏi có trong câu chia cho số các nội dung khảo sát trong câu.

b. Cách xử lý và thực hiện

Sau khi thu về phiếu thăm dò ý kiến, sử dụng phần mềm SPSS for Windows phiên bản 22.0 để tiến hành thống kê: tính điểm trung bình cho tất cả các biện pháp khảo sát. Mặt khác còn tiến hành tính tỷ lệ phần trăm cho mỗi mức độ của từng biện pháp đã đề xuất.

Bảng 3.1. Cách quy đổi điểm các mức độ cho thang đo

Thang điểm	Mức độ	
	Cần thiết	**Khả thi**
1,0 < ĐTB ≤ 1,8	Không cần thiết	Không khả thi
1,8 < ĐTB ≤ 2,6	Ít cần thiết	Ít khả thi
2,6 < ĐTB ≤ 3,4	Bình thường	Bình thường
3,4 < ĐTB ≤ 4,2	Cần thiết	Khả thi
4,2 < ĐTB ≤ 5,0	Rất cần thiết	Rất khả thi

3.5.2. Vài nét về khách thể nghiên cứu

Để tiến hành khảo nghiệm tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp nâng cao chất lượng công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình

trong giáo dục trẻ, chúng tôi đã nghiên cứu tổng số 86 khách thể, trong đó chúng tôi lựa chọn theo các tiêu chí về chức vụ đảm nhận, trình độ chuyên môn và thâm niên công tác. Một số thông tin cụ thể về mẫu khảo sát được thể hiện ở bảng 3.2.

Bảng 3.2. Vài nét về khách thể tham gia khảo sát

TT	Đặc điểm		Tần số	Tỷ lệ (%)
1	Chức vụ đảm nhận	Hiệu trưởng	4	4,7
		Phó hiệu trưởng	12	14,0
		Tổ trưởng chuyên môn	7	8,1
		Giáo viên	63	73,3
2	Trình độ chuyên môn	Trung cấp	9	10,5
		Cao đẳng	11	12,8
		Đại học	65	75,6
		Sau đại học	1	1,2
	Thâm niên công tác	Dưới 5 năm	12	14,0
		Từ 6 -10 năm	26	30,2
		Từ 11 -15 năm	17	19,8
		Trên 15 năm	31	36,0

- Tiêu chí về chức vụ đảm nhận: Nghiên cứu trên tất cả các nhóm đối tượng đang công tác tại các trường Mầm non trên địa bàn Quận 2, TP.HCM, trong đó Hiệu trưởng có 7/86 (chiếm 8,1%), Phó hiệu trưởng có 12/86 (chiếm 14,0), Tổ trưởng chuyên môn có 4/86 (chiếm 4,7%) và giáo viên có đến 63/86 (chiếm 73,3%).

- Tiêu chí về trình độ: Khảo sát ở tất cả trình độ, trong đó trung cấp có 9/86 chiếm 10,5%, cao đẳng có 11/86 chiếm 12,8%, đại học có 65/86 chiếm 75,6% và sau đại học có 1/86 chiếm 1,2%. Như vậy, phần lớn người được khảo sát có trình độ đại học là chủ.

- Tiêu chí về thâm niên công tác: Khảo sát các mốc thâm niên khác nhau, trong đó thâm niên công tác dưới 5 năm có 12/86 chiếm 144,0%, từ 6 - 10 năm có 26/86 chiếm 30,2%, từ 11 - 15 năm có 17/86 chiếm 19,8% và trên 15 năm có 31/86 chiếm 36,0%.

Với phạm vi nghiên cứu của đề tài và qua những thông tin nói trên, có thể thấy số liệu nghiên cứu có thể mang tính đại diện và tính khách quan ở một mức độ nhất định.

3.5.3. Khảo sát tính cần thiết một số biện pháp nâng cao chất lượng công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ

Bảng 3.3: Mức độ cần thiết của một số biện pháp nâng cao chất lượng công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ (Đơn vị tính: ĐTB)

Nội dung biện pháp	Mức độ cần thiết					ĐTB	Xếp hạng
	Không cần thiết	Ít cần thiết	Phân vân	Cần thiết	Rất cần thiết		
1. Nâng cao nhận thức của CBQL, GV và CMHS về hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ	-	-	1,2%	32,6%	66,3%	4,65	1
2. Xây dựng kế hoạch quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ	-	-	-	36,0%	64,0%	4,64	2
5. Đảm bảo các điều kiện hỗ trợ công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở các trường mầm non	-	-	-	48,8%	51,2%	4,51	3
3. Đổi mới việc tổ chức, chỉ đạo hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ	-	-	-	54,7%	45,3%	4,45	4
4. Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ	-	-	-	57,0%	43,0%	4,43	5
ĐTB chung						**4,54**	

Kết quả thống kê bảng 3.3 có ĐTB chung là 4,54, ứng với mức rất cần thiết theo thang đo đã xác lập. Kết quả thống kê này cho phép khẳng định rằng các biện pháp đề xuất thực sự rất cần thiết trong hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở các trường MN Quận 2, TP.HCM hiện nay.

Phân tích chi tiết cho thấy, biện pháp có điểm số cao nhất là "Nâng cao nhận thức của CBQL, GV và CMHS về hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ" với ĐTB = 4,65, ứng với mức rất cần thiết. Khoa học về tâm lý học cho thấy, nhận thức được xem là một trong những yếu tố quan trọng trong sự hình thành và phát triển nhân cách của mỗi con người, là cơ sở của thái độ và hành vi. Theo đó, nếu người CBQL, GV và CMHS có nền tảng hiểu biết đúng đắn ban đầu về hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ thì họ sẽ bộc lộ qua thái độ và hành vi tích cực của mình trong việc phối hợp. Đây được xem là biện pháp mở đường cho việc thực hiện những biện pháp khác. Có lẽ vì thế mà biện pháp này có đến 98,8% người được khảo sát đánh giá ở mức cần thiết và rất cần thiết (mức cần thiết chiếm 32,6% và mức rất cần thiết chiếm 66,3%) cũng là điều dễ hiểu.

Với điểm số chênh lệch không đáng kể 0,01 điểm, biện pháp được đánh giá rất cần thiết kế đến là "Xây dựng kế hoạch quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ" với ĐTB = 4,64, cũng ứng với mức rất cần thiết. Biện pháp này được 36,0% ý kiến đánh giá là cần thiết và rất cần thiết là 64,0%. Rõ ràng, toàn mẫu khảo sát đã đánh giá biện pháp này từ mức cần thiết trở lên. Chúng tôi cho rằng đây là một biện pháp rất cần thiết, bởi việc xây dựng kế hoạch quản lý được xem là chức năng đầu tiên trong quá trình quản lý nói chung và quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ nói riêng. Biện pháp này sẽ giúp người quản lý phác họa được "bức tranh" quản lý trường mầm non, giúp họ có cái nhìn tổng thể đối với các vấn đề mà họ phải triển khai trong hoạt động phối hợp. Đồng thời còn có vai trò tạo tiền đề cho việc thực hiện những chức năng khác trong quá trình quản lý. Thực tế cho thấy, nếu công tác xây dựng kế hoạch càng chi tiết thì các chức năng quản lý hoạt động phối hợp càng dễ thực hiện.

Đứng vị trí thứ 3 trong bảng xếp hạng là biện pháp "Đảm bảo các điều kiện hỗ trợ công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở các trường mầm non" với ĐTB = 4,51, ứng với mức rất cần thiết. Thực tế cho thấy, để công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở các trường mầm non đạt hiệu quả cao thì một bộ máy quản lý kiện toàn có nhận thức, có kế hoạch hoạt động vẫn chưa đủ mà nó còn đòi hỏi các điều kiện hỗ trợ công tác quản lý hoạt động phối hợp phải được đảm bảo. Xem xét tỷ lệ phần trăm, có 100% ý kiến đánh giá biện pháp này đạt từ mức cần thiết trở lên (mức cần thiết chiếm 48,8% và mức rất cần thiết chiếm 51,2%). Điều này đã thuyết phục chúng tôi đưa ra nhận định rằng đây là biện pháp căn cơ và quan trọng cần được triển khai để người CBQL, GV và CMHS có điều kiện hơn nữa trong việc thực hiện tốt các hoạt động phối hợp trong giáo dục trẻ đáp ứng yêu cầu đổi mới dạy và học trong tình hình hiện nay.

Hiệu quả quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ phụ thuộc vào bốn yếu tố: đội ngũ nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, đầu vào và công tác quản lý. Trong đó, công tác quản lý giữ vai trò quan trọng vì trong điều kiện đội ngũ nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, đầu vào như nhau, nơi đâu quản lý tốt thì nơi đó có chất lượng tốt hơn. Việc đổi mới việc tổ chức, chỉ đạo hoạt động phối hợp sẽ tạo ra một điểm mới trong công tác quản lý nhằm đáp ứng nhu cầu đổi mới căn bản và toàn diện GDMN hiện nay. Vì thế, yêu cầu đặt ra phải "Đổi mới việc tổ chức, chỉ đạo hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ" (ĐTB = 4,45, rất cần thiết) là hoàn toàn có cơ sở và khả dĩ. Biện pháp này được toàn mẫu khảo sát đánh giá đạt mức cần thiết trở lên (mức cần thiết chiếm 54,7% và mức rất cần thiết chiếm 45,3%). Kết quả nghiên cứu này hoàn toàn thuyết phục chúng tôi và đây được xem là chỉ báo để đề tài tiếp tục nghiên cứu tính khả thi.

Biện pháp còn lại "Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ" có điểm số hạn chế nhất (ĐTB = 4,43) nhưng cũng đạt mức đánh giá rất cần thiết. Thực hiện biện pháp này sẽ giúp CBQL đánh giá công tác quản lý hoạt động phối hợp được chính xác và hợp lý hơn từ đó có những điều chỉnh kịp thời góp phần nâng cao hiệu quả quản lý. Đồng thời,

biện pháp này sẽ giúp người quản lý rà soát lại được những công việc đã thực hiện, đồng thời cung cấp thông tin phục vụ cho công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở các trường MN Quận 2, TP.HCM trong tương lai gần. Rõ ràng, yêu cầu này là yêu cầu rất chính đáng mà nhóm khách thể xác định rất rõ ràng và dứt khoát.

Với kết quả này, đây sẽ là những biện pháp rất cần thiết cho công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ đáp ứng đáp ứng nhu cầu đổi mới căn bản và toàn diện GDMN ở các trường MN Quận 2, TP.HCM mà những người lãnh đạo, những cá nhân có trách nhiệm cần quan tâm thực hiện.

Bên cạnh việc khảo sát tính cần thiết của một số biện pháp nâng cao chất lượng công tác quản lý hoạt động phối hợp, chúng tôi cũng tiến hành khảo sát tính khả thi để tìm ra các con số định lượng giúp CBQL cân nhắc ưu tiên áp dụng từng biện pháp và có thể chủ động hơn trong quá trình thực hiện tại đơn vị.

3.5.4. Khảo sát tính khả thi của một số biện pháp nâng cao chất lượng công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ

Kết quả nghiên cứu tính khả thi của một số biện pháp quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ được thể hiện ở bảng 3.4 như sau:

Bảng 3.4. Mức độ khả thi của một số biện pháp nâng cao chất lượng công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ
(Đơn vị tính: ĐTB)

Nội dung biện pháp	Mức độ khả thi					ĐTB	Xếp hạng
	Không khả thi	Ít khả thi	Phân vân	Khả thi	Rất khả thi		
1. Nâng cao nhận thức của CBQL, GV và CMHS về hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ	-	-	-	54,7%	45,3%	4,45	1

Nội dung biện pháp	Mức độ khả thi					ĐTB	Xếp hạng
	Không khả thi	Ít khả thi	Phân vân	Khả thi	Rất khả thi		
5. Đảm bảo các điều kiện hỗ trợ công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở các trường mầm non	-	-	1,2%	69,8%	29,1%	4,28	2
2. Xây dựng kế hoạch quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ	-	2,3%	1,2%	70,9%	25,6%	4,20	3
3. Đổi mới việc tổ chức, chỉ đạo hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ	1,2%	2,3%	4,7%	66,3%	25,6%	4,13	4
4. Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ	-	3,5%	7,0%	66,3%	23,3%	4,09	5
ĐTB chung						**4,23**	

Kết quả thống kê bảng bảng 3.4 về tính khả thi của các biện pháp đề xuất có ĐTB trải dài từ 4,09 đến 4,45, ứng từ mức khả thi đến rất khả thi theo thang đo đã xác lập. Theo số liệu cho thấy thì có những biện pháp được đánh giá là khả thi rất cao nhưng cũng có biện pháp vẫn còn một lượng nhất định người trả lời còn phân vân, đắn đo về tính khả thi của nó.

Phân tích chi tiết cho thấy, nổi bật với ĐTB = 4,45 là biện pháp "Nâng cao nhận thức của CBQL, GV và CMHS về hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ", ứng với mức rất khả thi theo thang đo đã xác lập. Đây là biện pháp được đánh giá cao nhất về tính khả thi. Xem xét dưới góc độ tỷ lệ phần

trăm cho thấy, 100% mẫu khảo sát đánh giá biện pháp này đạt từ mức khả thi trở lên (54,7% ý kiến lựa chọn mức cần thiết và rất cần thiết chiếm 45,3%). Với kết quả này, chúng tôi tin chắc rằng việc nâng cao nhận thức của CBQL, GV và CMHS về hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ là có thể thực thi. Bởi xét theo thuyết nhận thức - hành vi đã chỉ ra rằng chính tư duy (nhận thức) quyết định phản ứng (hành vi) chứ không phải do tác nhân kích thích quyết định. Theo đó, yếu tố nhận thức đúng đắn của CBQL, GV và CMHS về hoạt động phối hợp sẽ là thành tố quan trọng dẫn đến các thao tác tổ chức các hoạt động phối hợp trong giáo dục trẻ có phù hợp hay không.

Đứng vị trí thứ 2 trong bảng xếp hạng là "Đảm bảo các điều kiện hỗ trợ công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở các trường mầm non" với ĐTB = 4,28, cũng ứng với mức rất khả thi. Khoa học quản lý đã chỉ ra rằng để quản lý bất kỳ một tổ chức nào thì người quản lý cũng không thể thiếu các yếu tố cơ bản về nhân lực - vật lực - tài lực. Đây được xem là những điều kiện giữ vai trò hỗ trợ đắc lực cho công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ. Chính vì lẽ đó, có đến 69,8% ý kiến đánh giá ở mức cần thiết và mức rất cần thiết chiếm 29,1%. Cộng dồn hai mức khả thi tích cực này có đến 98,9% trên toàn mẫu. Với kết quả này, chúng ta có thể tin tưởng rằng đây là một biện pháp sẽ mang lại những hiệu quả tích cực nếu được các cấp quản lý quan tâm thực hiện một cách nghiêm túc.

Việc lập các kế hoạch phục vụ cho công tác quản lý là một điều cực kỳ quan trọng trong công tác quản lý hoạt động Xây dựng kế hoạch quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ. Việc làm này sẽ định hướng cho người quản lý khi thực hiện nhiệm vụ của mình. Tuy nhiên, có thể nói việc lập kế hoạch để phục vụ cho công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ không phải dễ bởi chúng đòi hỏi ở người quản lý phải có trình độ chuyên môn, năng lực và cả kỹ năng lập kế hoạch nữa. Biện pháp "Xây dựng kế hoạch quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ" được đánh giá ở mức khả thi (ĐTB = 4,20). Với kết quả thu được thì rõ

ràng việc lập kế hoạch của người quản lý cần được chú trọng phát huy hơn nữa bởi điểm số biện pháp này tiệm cận với mức rất khả thi.

Xếp vị trí thứ 4 về tính khả thi là biện pháp "Đổi mới việc tổ chức, chỉ đạo hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ" với ĐTB = 4,13, ứng với mức khả thi. Hiệu quả quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ phụ thuộc vào bốn yếu tố: đội ngũ nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, đầu vào và công tác quản lý. Trong đó, công tác quản lý giữ vai trò quan trọng vì trong điều kiện đội ngũ nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, đầu vào như nhau, nơi đâu quản lý tốt thì nơi đó có chất lượng tốt hơn. Việc đổi mới việc tổ chức, chỉ đạo hoạt động phối hợp sẽ tạo ra một điểm mới trong công tác quản lý nhằm đáp ứng nhu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục Mầm non hiện nay. Đây cũng là một trách nhiệm, một yêu cầu đối với những cán bộ phụ trách công tác này. Tuy nhiên, theo đánh giá thì còn một lượng nhỏ người khảo sát vẫn còn phân vân về tính khả thi (chiếm 4,7%), và 2,3% ý kiến đánh giá rơi vào mức ít khả thi và thậm chí không khả thi có 1,2%. Kết quả này không như mong đợi nhưng được đánh giá là có thể thực hiện được. Chúng tôi hy vọng rằng những người quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ sẽ thực sự "cân nhắc" và có sự chuẩn bị thật chu đáo khi vận dụng những biện pháp này trong thực tiễn.

Để khắc phục những tồn tại trong công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ trong thời gian qua, nhằm đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao của việc đổi mới căn bản, toàn diện của Giáo dục và Đào tạo trong những năm tới, việc "Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ" là rất cần thiết. Ở một khía cạnh khác, việc kiểm tra, đánh giá được xem là chức năng cuối cùng trong bốn chức năng quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ. Biện pháp này giúp người quản lý đối chiếu với kế hoạch ban đầu đề ra từ đó tạo tiền đề cho một quy trình quản lý mới (kế hoạch hoá). Tuy nhiên, khi khảo sát về tính khả thi thì biện pháp này được đánh giá ở mức khả thi và có điểm số hạn chế nhất so với các biện pháp đã phân tích. Xem xét dưới góc độ tỷ lệ phần trăm cho thấy, có 7,0% ý kiến lựa chọn mức ít khả thi, mức không khả thi chiếm 3,5%. Kết quả này cho

chúng ta thấy được về sự thiếu "tin tưởng" của hơn 1/10 mẫu khảo sát về tính khả thi của biện pháp trên. Do đó, chúng tôi, các cấp quản lý cũng như các cá nhân có liên quan cần xem xét để nâng cao tính khả thi của biện pháp này.

Trên đây là kết quả nghiên cứu về tính cần thiết và tính khả thi của một số biện pháp quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ. Nhìn chung, các biện pháp đề xuất đều được đánh giá từ mức cần thiết và khả thi trở lên. Đây được xem như là điều kiện cần và đủ để vận dụng vào công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ. Điều quan trọng là vận dụng "mềm dẻo" như thế nào để các biện phát huy tối đa hiệu quả của nó. Điều đó phụ thuộc vào năng lực và kỹ năng của người cán bộ làm công tác quản lý tại các trường MN.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 3

Dựa trên cơ sở thực trạng quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở các trường MN Quận 2, TP.HCM cũng như các nguyên nhân ảnh hưởng đến thực trạng. Đề tài đã đề xuất một số biện pháp sau:

- Nâng cao nhận thức của CBQL, GV và CMHS về hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ;
- Xây dựng kế hoạch quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ;
- Đổi mới việc tổ chức, chỉ đạo hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ;
- Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ;
- Đảm bảo các điều kiện hỗ trợ công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở các trường mầm non;

Kết quả nghiên cứu về tính cần thiết của một số biện pháp đề xuất cho thấy, tất cả các biện pháp đề tài đưa ra khảo sát đều được đánh giá là rất cần thiết theo thang đo đã xác lập với ĐTB trải dài từ 4,43 đến 4,65. Điều này có nghĩa là các biện pháp đưa ra khảo sát thật sự rất cần thiết đối với công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở các trường MN Quận 2, TP.HCM hiện nay.

Kết quả nghiên cứu về tính khả thi cho thấy, các biện pháp đưa ra khảo sát có ĐTB trải dài từ 4,09 đến 4,45, tương ứng đạt từ mức khả thi đến rất khả thi theo thang đo đã xác lập. Trong đó, hai biện pháp được cho rằng là rất khả thi là "Nâng cao nhận thức của CBQL, GV và CMHS về hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ" và "Đảm bảo các điều kiện hỗ trợ công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở các trường mầm non".

Các biện pháp quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ đều có mối quan hệ và tác động lẫn nhau. Biện pháp này khi thực hiện là điều kiện, là cơ sở để thực hiện biện pháp kia. Do đó, các CBQL, nhà lãnh đạo

trường mầm non không thể thực hiện riêng lẻ từng biện pháp mà cần thực hiện một cách đồng bộ, thống nhất nhằm phát huy tối đa nguồn lực của chúng. Tuy nhiên, tùy theo tình thực tiễn cũng như những điều kiện có liên quan người lãnh đạo có thể lựa chọn một số biện pháp phù hợp trong những biện pháp đã đề xuất.

KẾT LUẬN - KHUYẾN NGHỊ

4.1. Kết luận

Qua nghiên cứu lý luận, thực tiễn, phân tích thực trạng, các biện pháp quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ, đề tài rút ra một số kết luận như sau:

- Giáo dục trẻ muốn đạt kết quả tốt thì đòi hỏi phải có sự phối, kết hợp của nhiều lực lượng, nhiều môi trường khác nhau. Đối với trẻ mầm non thì môi trường có tác động đến sự phát triển của trẻ nhiều nhất đó là gia đình và nhà trường. Do đó, hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ là một hoạt động cần thiết. Để cho hoạt động phối hợp đạt hiệu quả cao và đi đúng mục tiêu thì phải quản lý nó là điều tất yếu. Quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình là một trong những những nhiệm vụ của công tác của người quản lý.
- Hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ đòi hỏi cần có sự thống nhất về mục đích, nội dung, phương pháp giáo dục để phát huy những mặt mạnh, khắc phục và hạn chế những điểm yếu của giáo dục nhà trường và giáo dục gia đình nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp để nâng cao chất lượng giáo dục trẻ hướng đến đạt được mục tiêu đã đề ra.
- Hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình giúp tạo thành cầu nối để hoạt động giáo dục trẻ không chỉ là hoạt động của nhà trường, trong nhà trường mà có thể diễn ra mọi lúc, mọi nơi, có sự kết hợp của nhiều lực lượng khác nhau nhằm đem lại hiệu quả cao nhất.
- Khi khảo sát thực trạng quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở một số trường MN công lập Quận 2, TP. HCM, đề tài nhận thấy, phần lớn CB-GV có nhận thức khá tốt, có sự quan tâm nhất định đến hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ; đa số phụ huynh thường xuyên liên hệ với nhà trường trong việc phối hợp giáo dục trẻ để "nắm bắt thông tin về con khi ở trường mầm non"; tuy nhiên, các hình thức phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ còn chưa phong phú và thực hiện thường xuyên. Hai hình thức phối hợp thực hiện tốt nhất đó là "nhà trường sử dụng sổ liên lạc (sổ bé ngoan) để liên lạc, trao đổi với phụ huynh theo định kỳ mỗi tháng" và

“giáo viên chủ động trao đổi với phụ huynh vào giờ đón, trả trẻ”; bên cạnh đó, một số CB-GV chưa nhận ra được mục đích của việc quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình, còn nhầm lẫn trong việc phân cấp quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình; mức độ và hiệu quả thực hiện bốn chức năng quản lý còn chưa đồng bộ.

- Thực trạng quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở các trường MN Quận 2, TP. HCM cũng như các nguyên nhân ảnh hưởng đến thực trạng đã khảo sát và phân tích ở chương 2 cho thấy giả thuyết khoa học được nêu ra trong đề tài đã đạt được những kết quả khả quan và được minh chứng cụ thể qua những số liệu (bảng 2.23, 2.24, 2.24, 2.26 và nhất là bảng 2.27. Đánh giá về thực trạng thực hiện các chức năng quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình). Từ đó, đề tài đã đề xuất 5 biện pháp nhằm nâng cao việc quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở các trường MN Quận 2, TP. HCM đó là: Nâng cao nhận thức của CBQL, GV và CMHS về hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ; Xây dựng kế hoạch quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ; Đổi mới việc tổ chức, chỉ đạo hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ; Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ; Đảm bảo các điều kiện hỗ trợ công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở các trường mầm non. Qua khảo sát tính cần thiết và khả thi của các biện pháp cho thấy các biện pháp được đưa ra khảo sát đều được đánh giá là cần thiết và khả thi đối với công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ.

- Các biện pháp được đề xuất có mối quan hệ, tác động qua lại lẫn nhau. Do đó, khi áp dụng vào trong thực tiễn công việc CBQL nhà trường cần linh động chọn lựa biện pháp theo tình hình thực tiễn của đơn vị và phối hợp thực hiện một cách đồng bộ, thống nhất, sáng tạo để phát huy tối đa hiệu quả của các biện pháp.

Đề tài hy vọng những biện pháp đã được đề xuất sẽ nhận được sự quan tâm của CBQL, được vận dụng vào thực tế công việc góp một phần nhỏ vào việc nâng cao chất lượng giáo dục trẻ ở các trường MN Quận 2, TP. HCM

4.2. Khuyến nghị

4.2.1. Đối với các cơ quan quản lý Nhà nước về Giáo dục và Đào tạo

Bộ Giáo dục và Đào tạo nên ban hành những văn bản quy định rõ ràng về hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình và quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình giúp các lực lượng tham gia có cơ sở pháp lý, có những định hướng nhất định cho việc thực hiện công tác phối hợp cũng như có những hiểu biết về công tác này tạo điều kiện thuận lợi khi triển khai thực hiện phối hợp.

Bộ Giáo dục và Đào tạo nên quy định về thời gian thực tập, kiến tập, chú trọng đào tạo về kỹ năng sư phạm trong chương trình đào tạo giáo viên mầm non, nhất là đối với các trường nghề để giúp sinh viên tích lũy kinh nghiệm thực tế, tạo hành trang và tâm thế tốt khi ra trường.

Sở Giáo dục và Đào tạo TP. HCM nên đưa ra một số nhiệm vụ về công tác phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong việc chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ năm học nhằm tăng cường khâu quản lý hoạt động phối hợp góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trẻ.

Trong triển khai kế hoạch thường kỳ của Sở, Phòng Giáo dục và Đào tạo cần có nội dung chỉ đạo về công tác phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ.

Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 2 ngoài việc tổ chức rút kinh nghiệm và báo cáo điển hình về công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ, công tác xây dựng trường chuẩn ... cần có thêm báo cáo về công tác phối hợp giữa nhà trường và gia đình mà cụ thể là phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong việc giáo dục trẻ để các trường có thể học hỏi, rút kinh nghiệm thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động này.

4.2.2. Đối với CBQL các trường MN

Cần xác lập quan điểm quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ như một trách nhiệm quan trọng trong việc triển khai chương trình giáo dục mầm non mới và có những động thái để chỉ đạo đội ngũ GVMN cũng như toàn bộ công nhân viên nhà trường.

Hằng năm, cần xây dựng kế hoạch cụ thể về hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ để chủ động trong các hoạt động phối hợp của nhà trường và nâng cao chất lượng giáo dục trẻ.

Tổ chức thực hiện đa dạng và có hiệu quả nhiều hình thức phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động phối hợp, thu hút sự quan tâm của phụ huynh đến hoạt động giáo dục của nhà trường.

Có kế hoạch bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho giáo viên về công tác phối hợp với phụ huynh trong giáo dục trẻ.

Cung cấp các tài liệu về công tác phối hợp với gia đình trong giáo dục trẻ để CB-GV trao dồi kiến thức, tích lũy kinh nghiệm khi thực hiện.

Cần thực hiện tốt công tác kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm trong việc thực hiện công tác phối hợp với gia đình giáo dục trẻ để làm cơ sở đánh giá, khen thưởng và xây dựng kế hoạch cho năm học sau.

Tuyên dương các điển hình thực hiện tốt công tác phối hợp để tạo động lực cho CB-GV-NV ngày càng thực hiện tốt hơn và có nhiều sáng kiến trong việc thực hiện.

4.2.3. Đối với giáo viên

Cần nhận thức rõ vai trò, ý nghĩa của công tác phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ đối với công tác giảng dạy và kết quả phát triển của trẻ. Đồng thời cũng cần nghiên cứu thêm Đề án GDMN, chuẩn giáo viên mầm non, các thông tư, chỉ thị, kế hoạch và chương trình GDMN.

Giáo viên cần chủ động xây dựng mối quan hệ tốt với phụ huynh, lắng nghe ý kiến đóng góp của phụ huynh, sẵng sàng tư vấn khi phụ huynh có nhu cầu và thông tin đến phụ huynh về tình hình của trẻ bằng nhiều hình thức khác nhau một cách kịp thời.

Giáo viên cần thường xuyên liên lạc với gia đình trẻ để tìm hiểu về đặc điểm tâm sinh lý, thói quen của trẻ để có kế hoạch và biện pháp giáo dục với từng trẻ đáp ứng yêu cầu giáo dục theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm.

Giáo viên cần tùy vào điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của phụ huynh và đặc điểm nơi trường đóng mà có hình thức, biện pháp phối hợp phù hợp để đem lại hiệu quả cao nhất.

Luôn ân cần, niềm nở khi giao tiếp với PH. Tự giác bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để phục vụ cho công tác được giao.

4.2.4. Đối với Ban đại diện cha mẹ học sinh

Tích cực tham gia các hoạt động của nhà trường.

Tuyên truyền, vận động những phụ huynh trong trường tham gia các hoạt động giáo dục trẻ của nhà trường để việc chăm sóc, giáo dục trẻ ngày càng tốt hơn.

Hỗ trợ tổ chức các hoạt động cùng với nhà trường.

4.2.5. Đối với gia đình (phụ huynh)

Tuyệt đối tránh tư tưởng cho rằng việc chăm sóc và giáo dục trẻ là trách nhiệm của nhà trường nên khoán trắng việc giáo dục trẻ cho nhà trường. Thay vào đó, phụ huynh cần thường xuyên liên hệ với nhà trường để nắm về tình hình của con khi ở trường và chủ động trao đổi với giáo viên của lớp về đặc điểm tâm sinh lý, thói quen của trẻ để giúp giáo viên hiểu hơn về trẻ và có kế hoạch giáo dục phù hợp với trình độ và khả năng của trẻ.

Cần thống nhất mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục giữa nhà trường và gia đình để tránh tình trạng "trống đánh xuôi, kèn thổi ngược" gây hoang mang cho trẻ.

Hỗ trợ cùng với nhà trường giúp hình thành các kỹ năng, thói quen cho quen trẻ khi ở nhà.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII (1996). *Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai ngày 16 tháng 12 năm 1996 về định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000.*

Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4 tháng 11 năm 2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công ngiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.*

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2008). *Chỉ thị số 71/2008/CT-BGDĐT ngày 23 tháng 12 năm 2008 về tăng cường phối hợp nhà trường, gia đình và xã hội trong công tác giáo dục trẻ em, học sinh , sinh viên.*

Bộ giáo dục và đào tạo. (2017). *Chương trình giáo dục mầm non*. Hà Nội. Nxb Giáo dục Việt Nam.

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2008). *Quyết định số 02/2008/QĐ-BGDĐT ngày 22 tháng 01 năm 2008 quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.*

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2011). *Thông tư số 36/2011/TT-BDGĐT ngày 17 tháng 8 năm 2011 về ban hành chương trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên mầm non.*

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2011). *Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 về ban hành điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh*.

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2015). *Quyết định số 04/VBHN-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2015 về Ban hành điều lệ trường mầm non.*

Bùi Minh Hiển (chủ biên). Vũ Ngọc Hải, Đặng Quốc Bảo. *Quản lý giáo dục*. TP. HCM: Nxb Đại học Sư phạm.

Công Nhật (theo BBC). (2006). *Anh: đề cao vai trò của cha mẹ trong việc giáo dục trẻ.* Báo Tuổi trẻ.

Đào Thanh Âm. (2004). *Giáo dục học mầm non*. Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.

Đặng Quốc Bảo (1999), *Khoa học tổ chức và quản lý*, Nxb. Thống kê, Hà Nội, tr.12

Đinh Văn Mãi. (2018). *Phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong giáo dục - chăm sóc trẻ mầm non*. Thông tin khoa học giáo dục nhà trường và thực tiễn giáo dục, số 22 tháng 6 năm 2018. TP. HCM: trường cao đẳng sư phạm Trung ương TP. HCM. tr. 52-62.

Đinh Văn Vang. (2008). *Giáo trình Giáo dục học mầm non*. Hà Nội: Nxb Giáo dục.

https://www.familyeducation.com/school/supporting-your-ld-child/elementary-school-foundation-academic-success

Hoàng Hải Quế. (2018). *Phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.* Tạp chí Giáo dục Trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An, số đặc biệt kỳ 1 tháng 5 năm 2018, trang 138-142.

Hoàng Thị Dinh, Nguyễn Thị Thanh Giang, Bùi Thị Kim Tuyến, Lương Thị Bình, Nguyễn Thị Quyên, Bùi Thị Lâm, Hoàng Thị Thu Hương. (2017). *Hướng dẫn thực hành áp dụng quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm trong trường mầm non*. Hà Nội: Nxb Giáo dục Việt Nam, tr.21-27.

Hoàng Thị Thu Hương. *Tư vấn về chăm sóc, giáo dục mầm non*. Tài liệu Bồi dưỡng thường xuyên.

Hồ Chí Minh - Toàn tập. *Tập 8*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội. 2011.

Hồ Văn Thơm. (2009). *Thực trạng quản lý sự phối hợp giữa nhà trường-gia đình trong công tác giáo dục học sinh ở các trường trung học phổ thông huyện Cần Đước, tỉnh Long An*. Luận văn Thạc sĩ giáo dục học. Chuyên ngành Quản lý giáo dục. Trường ĐHSP TP.HCM. Thành phố Hồ Chí Minh.

Huỳnh Văn Sơn, Lê Thị Hân (chủ biên), Trần Thị Thu Mai, Nguyễn Thị Uyên Thy. (2016). *Giáo trình tâm lý học đại cương*. TP. HCM: Nxb Đại học Sư phạm TP. HCM.

Harold Koontz, Cyril O'Donnell, Heinz Weihrich. (1992). *Những vấn đề cốt yếu của quản lý*. Hà Nội: Nxb Khoa học và Kỹ thuật.

Lê Bích Ngọc. *Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non*. Tài liệu bồi dưỡng thường xuyên.

Lương Thị Bình, Nguyễn Thị Quyên. *Phương pháp tư vấn về chăm sóc, giáo dục mầm non cho các bậc cha mẹ có con 3-36 tháng*. Tài liệu Bồi dưỡng thường xuyên.

Nguyễn Quốc Chí, Nguyễn Thị Mỹ Lộc (2004), *Cơ sở khoa học quản lý,* ĐH Quốc gia Hà Nội.

Nguyễn Sỹ Thư. Tài liệu môn học Đổi mới giáo dục và quản lý nhà trường.

Nguyễn Thị Ánh Tuyết. (2005). *Giáo dục mầm non những vấn đề lý luận và thực tiễn*. Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.

Nguyễn Thị Hòa. (2013). *Giáo dục học mầm non*. Nxb Đại học Sư phạm.

Nguyễn Thị Kim Anh. (2018). *Hình thức phối hợp giữa cha mẹ với trường mầm non trong chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non có rối loạn phổ tự kỉ*. Thông tin khoa học giáo dục nhà trường và thực tiễn giáo dục, số 21 tháng 2 năm 2018. TP. HCM: trường cao đẳng sư phạm trung ương TP. HCM. tr. 1-8.

Nguyễn Thị Kim Hoa. (2018). *Hợp tác với cha mẹ trẻ trong chăm sóc giáo dục trẻ mầm non*. Thông tin khoa học giáo dục nhà trường và thực tiễn giáo dục, số 21 tháng 2 năm 2018. TP. HCM: trường cao đẳng sư phạm trung ương TP. HCM. tr. 9-13.

Nguyễn Thị Mỹ Lộc (2013), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về lãnh đạo và quản lý giáo dục trong thời kỳ đổi mới,* Nxb Văn hóa-Thông tin.

Nguyễn Thị Mỹ Lộc (chủ biên). Đặng Quốc Bảo, Nguyễn Trọng Hậu, Nguyễn Quốc Chí, Nguyễn Sỹ Thư. (2012). *Quản lý giáo dục một số vấn đề lý luận và thức tiễn*. Hà Nội: Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

Nguyễn Thị Sinh Thảo. Phối hợp với gia đình để giáo dục trẻ mầm non. Tài liệu bồi dưỡng thường xuyên.

Nguyễn Văn Lê (1982), *Khoa học quản lý nhà trường,* Nxb TP. HCM.

Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 2. (2017). *Kế hoạch năm học Bậc học mầm non năm 2018 - 2019*.

Quận Ủy - Ủy Ban MTTQ Việt Nam Quận 2. (2017). *Kỷ yếu 20 năm thành lập và phát triển Quận 2 - 01/4/1997 - 01/4/2017*.

Quốc Hội. (2005). *Luật Giáo dục* của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 38/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005.

Quốc hội. 2014). *Luật hôn nhân và gia đình* của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 52/2014/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2014.

Tạ Thị Thanh An. (2013). *Thực trạng quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình ở các trường mầm non Quận 3 thành phố Hồ Chí Minh*. Luận văn Thạc sĩ giáo dục học. Chuyên ngành Quản lý giáo dục. Trường ĐHSP TP.HCM. Thành phố Hồ Chí Minh.

F.W. Taylor. (1991). *Những nguyên tắc quản lý một cách khoa học*. Matxcova.

Tăng Thị Tuyết Trinh. (2016). *Quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình ở các trường Trung học cơ sở ngoài công lập tại Quận 7 thành phố Hồ Chí Minh*. Luận văn Thạc sĩ khoa học giáo dục. Chuyên ngành Quản lý giáo dục. Trường ĐHSP TP.HCM. Thành phố Hồ Chí Minh.

https://tennguoidepnhat.net/2012/05/11/noi-chuyen-tai-hoi-nghi-can-bo-dang-nganh-giao-duc-6-1957/ (Sách Hồ Chủ tịch bàn về giáo dục, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1962, tr.168-172)

http://www.tudiendanhngon.vn/

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Phiếu thăm dò ý kiến dành cho Cán bộ quản lý/ giáo viên 2
Phụ lục 2: Phiếu thăm dò ý kiến dành cho Cha mẹ học sinh 16
Phụ lục 3: Câu hỏi phỏng vấn dành cho Cán bộ quản lý 23
Phụ lục 4: Câu hỏi phỏng vấn dành cho Giáo viên 25
Phụ lục 5: Câu hỏi phỏng vấn dành cho Cha mẹ học sinh 27
Phụ lục 6: Phiếu thăm dò ý kiến dành cho Cán bộ quản lý/ giáo viên (khảo sát tính cần thiết và khả thi của các biện pháp) 28
Phụ lục 7: Một số bảng SPSS 31
Phụ Lục 8: Bảng tổng hợp ý kiến trẻ lời phòng vấn.....

Phụ lục 1

PHIẾU THĂM DÒ Ý KIẾN

(Dành cho Cán bộ quản lý/giáo viên)

Kính gửi quý Thầy/Cô!

Tôi đang thực hiện đề tài ***"Quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở các trường mầm non Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh"***. Xin Quý Thầy/Cô vui lòng cho ý kiến về các câu hỏi dưới đây bằng cách đánh dấu (X) vào ô lựa chọn thích hợp hoặc ghi câu trả lời ngắn về một số vấn đề tôi nêu dưới đây.

Tôi cam kết những ý kiến của quý Thầy/Cô chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu của đề tài, không nhằm mục đích nào khác. Tôi rất mong nhận được sự hỗ trợ của quý Thầy/Cô.

Trân trọng cảm ơn quý Thầy/Cô!

PHẦN A. TÌM HIỂU THÔNG TIN CÁ NHÂN

Thầy/Cô vui lòng cho biết thông tin cá nhân sau:

□ Chức vụ Thầy/Cô đang đảm nhận:

☐ Hiệu trưởng ☐ Phó hiệu trưởng ☐ Tổ trưởng chuyên môn ☐ Giáo viên

□ Bằng cấp chuyên môn Thầy/Cô đã đạt được:

☐ Trung cấp ☐ Cao đẳng ☐ Đại học ☐ Sau Đại học

□ Thâm niên công tác của quý Thầy/Cô trong ngành Giáo dục:

☐ Dưới 5 năm ☐ 6 - 10 năm ☐ 11 - 15 năm ☐ Trên 15 năm

PHẦN B. NỘI DUNG KHẢO SÁT

Câu 1: Thầy/Cô đánh giá như thế nào về mức độ cần thiết của hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở các trường mầm non?

☐ Không cần thiết ☐ Ít cần thiết ☐ Bình thường ☐ Cần thiết ☐ Rất cần thiết

Câu 2: Theo Thầy/Cô hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở các trường mầm non là gì?

A. ☐ Là hoạt động truyền đạt kiến thức, kỹ năng của nhà trường cho trẻ và gia đình giúp cũng cố các kiến thức, kỹ năng đã học tại nhà.

B. ☐ Là hoạt động mà nhà trường và gia đình cùng nhau thực hiện theo mục đích chung đã đề ra nhằm giúp cho quá trình giáo dục trẻ được thống nhất và hướng đến mang lại lợi ích tốt nhất cho trẻ.

C. ☐ Là gia đình và nhà trường cùng nhau thực hiện theo một kế hoạch để đạt được mục đích chung.

Câu 3: Theo Thầy/Cô về vai trò của hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ?

TT	Vai trò hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ	Các mức độ				
		Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
1	Gia đình có vai trò vô cùng quan trọng, là trung tâm của hoạt động phối hợp giữa gia đình và nhà trường	☐	☐	☐	☐	☐
2	Để phát huy hết những nội dung giáo dục của nhà trường đối với trẻ đòi hỏi có sự tham gia tích cực từ gia đình	☐	☐	☐	☐	☐
3	Nhà trường có vai trò vô cùng quan trọng, là trung tâm của hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình	☐	☐	☐	☐	☐
4	Hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình giúp tạo sự thống nhất, đem đến kết quả tốt hơn trong giáo dục trẻ	☐	☐	☐	☐	☐
5	Nhà trường đóng vai trò chủ đạo và gia đình đóng vai trò chủ động trong hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ	☐	☐	☐	☐	☐

Câu 4: Theo Thầy/Cô mục đích phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ là gì?

TT	Mục đích phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ	Đúng	Sai
1	Tạo nên sự thống nhất trong việc giáo dục trẻ	☐	☐
2	Tạo mối liên hệ gắn kết giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ	☐	☐
3	Tạo ra sức mạnh tổng hợp nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục trẻ	☐	☐
4	Giúp nhà trường tranh thủ sự đóng góp của các mạnh thường quân và các công trình xã hội hóa giáo dục từ phụ huynh	☐	☐
5	Xây dựng chương trình, cách thức giáo dục phù hợp với từng trẻ	☐	☐
6	Thực hiện việc giáo dục trẻ mọi lúc, mọi nơi	☐	☐
7	Tổ chức các hoạt động giáo dục phong phú, đa dạng phù hợp với nhu cầu, đặc điểm của trẻ	☐	☐
8	Nhằm khắc phục những thiếu sót trong việc giáo dục trẻ từ phía nhà trường và gia đình	☐	☐
9	Nhằm nâng cao sự quản lý của nhà trường	☐	☐
10	Nhằm mục đích nâng cao trách nhiệm của gia đình đối với việc giáo dục trẻ	☐	☐

Câu 5: Thái độ của Thầy/Cô như thế nào đối với việc phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ?

☐ ☐ ☐ ☐ ☐

Không quan tâm Ít quan tâm Bình thường Quan tâm Rất quan tâm

Câu 6: Thầy/Cô có thể cho biết những nội dung phối hợp giữa nhà trường và gia đình mà đơn vị mình đã thực hiện.

TT	Nội dung phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ	Các mức độ				
		Không bao giờ	Ít khi	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Rất thường xuyên
1	Phối hợp thực hiện chương trình giáo dục trẻ	☐	☐	☐	☐	☐
2	Phổ biến các kế hoạch phối hợp giữa	☐	☐	☐	☐	☐

	nhà trường và gia đình đến toàn thể cán bộ-giáo viên-nhân viên nhà trường					
3	Phối hợp trong việc tổ chức các ngày lễ, ngày hội hoặc tổ chức ngày sinh nhật cho trẻ …	☐	☐	☐	☐	☐
4	Định kỳ hoặc thường xuyên thông báo cho gia đình học sinh kết quả học tập, rèn luyện của con em họ	☐	☐	☐	☐	☐
5	Xác định cho gia đình hiểu rõ nhiệm vụ, chức năng giáo dục của gia đình, tạo điều kiện để cha mẹ nhận thức đúng về trách nhiệm phối hợp với nhà trường	☐	☐	☐	☐	☐
6	Tư vấn cho phụ huynh kiến thức về chăm sóc, giáo dục trẻ	☐	☐	☐	☐	☐
7	Cung cấp cho phụ huynh những tài liệu liên quan đến trẻ tại giáo dục gia đình	☐	☐	☐	☐	☐
8	Quan tâm, động viên, giúp đỡ giáo viên trong công tác phối hợp với gia đình để giáo dục học sinh	☐	☐	☐	☐	☐
9	Huy động khả năng, tiềm lực của gia đình vào công tác giáo dục học sinh	☐	☐	☐	☐	☐
10	Có pano, áp phích hoặc thông báo tại trường về những vấn đề cụ thể mà nhà trường và gia đình cần phối hợp trong việc giáo dục trẻ	☐	☐	☐	☐	☐
11	Ý kiến khác: …….. …… ……	☐	☐	☐	☐	☐

Câu 7: Thầy/Cô vui lòng đánh giá các hình thức nhà trường phối hợp với gia đình trong việc giáo dục trẻ:

Mức độ thực hiện Điểm 1: Không thực hiện Điểm 2: Ít khi Điểm 3: Thỉnh thoảng Điểm 4: Thường xuyên Điểm 5: Rất thường xuyên

Kết quả thực hiện Điểm 1: Không hiệu quả Điểm 2: Ít hiệu quả Điểm 3: Bình thường Điểm 4: Hiệu quả Điểm 5: Rất hiệu quả

TT	Các hình thức phối hợp giữa nhà trường và gia đình	Mức độ thực hiện					Kết quả thực hiện				
		1	2	3	4	5	1	2	3	4	5
1	Tổ chức các buổi họp cha mẹ học sinh theo định kỳ và thống nhất các nội dung phối hợp giữa nhà trường và gia đình bằng biên bản	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
2	Thành lập ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp, của trường	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
3	Nhà trường có thực hiện lịch tiếp phụ huynh vào những giờ cụ thể và công khai lịch tiếp phụ huynh trên bảng thông báo của trường	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
4	Nhà trường trao đổi với gia đình qua hình thức gọi điện thoại	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
5	Ban giám hiệu thường xuyên gặp gỡ, trao đổi với cha mẹ trẻ	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
6	Nhà trường sử dụng sổ liên lạc (sổ bé ngoan) để liên lạc, trao đổi với phụ huynh theo định kỳ mỗi tháng	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐

7	Mời cha mẹ học sinh đến trường để trao đổi trực tiếp	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐

8	Mời cha mẹ trẻ tham gia vào các hoạt động của nhà trường như: lễ hội, hội thi, dã ngoại…	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
9	Tuyên truyền với cha mẹ trẻ về phương pháp, kiến thức khoa học về giáo dục trẻ thông qua bảng tin trường, lớp	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
10	Tổ chức báo cáo chương trình và nội dung giáo dục của nhà trường cho cha mẹ trẻ	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
11	Tổ chức giao lưu, trao đổi kinh nghiệm giáo dục với cha mẹ trẻ	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
12	Tổ chức cho mẹ trẻ báo cáo điển hình ở lớp (ở trường) về cách giáo dục con	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
13	Mời chuyên gia về trường trao đổi về phương pháp giáo dục trẻ	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
14	Giáo viên phụ trách lớp có kế hoạch thăm gia đình trẻ	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
15	Giáo viên chủ động trao đổi với phụ huynh vào giờ đón, trả trẻ	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
16	Hòm thư góp ý	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
17	Phụ huynh đóng góp tạo điều kiện về vật chất và tinh thần cho nhà trường	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
18	Phổ biến kế hoạch phối hợp giữa nhà trường và gia đình	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
19	Triển khai các văn bản, quy định của nhà nước về việc phối hợp giữa nhà trường và gia đình	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐

Câu 8: Thầy/Cô vui lòng đánh giá các phương pháp mà nhà trường phối hợp với gia đình trong việc giáo dục trẻ:

Mức độ thực hiện Điểm 1: Không thực hiện Điểm 2: Ít khi Điểm 3: Thỉnh thoảng Điểm 4: Thường xuyên Điểm 5: Rất thường xuyên

Kết quả thực hiện Điểm 1: Không hiệu quả Điểm 2: Ít hiệu quả Điểm 3: Bình thường Điểm 4: Hiệu quả Điểm 5: Rất hiệu quả

TT	Các phương pháp phối hợp giữa nhà trường và gia đình	Mức độ thực hiện					Kết quả thực hiện				
		1	2	3	4	5	1	2	3	4	5
1	Phương pháp phối hợp bằng văn bản	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
2	Phương pháp dùng lời	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
3	Phương pháp truyền thông (thông tin giữa nhà trường và cha mẹ trẻ)	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
4	Phương pháp động viên, khuyến khích	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
5	Phương pháp tổ chức hoạt động	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐

Câu 9: Theo Thầy/Cô việc kiểm tra, đánh giá hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình được thực hiện như thế nào?

☐ Không bao giờ ☐ Ít khi ☐ Thỉnh thoảng ☐ Thường xuyên ☐ Rất thường xuyên

Câu 10: Theo Thầy/Cô điều kiện để thực hiện hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ?

TT	Nội dung	Đồng ý	Không đồng ý
1	Bố trí thời gian hợp lý cho hoạt động phối hợp	☐	☐
2	Cơ sở vật chất của nhà trường phục vụ cho hoạt động phối hợp	☐	☐
3	Các văn bản quy định của nhà nước	☐	☐
4	Huy động các nguồn lực khác nhau từ các mạnh thường quân, cha mẹ học sinh	☐	☐
5	Kinh phí để thực hiện các hoạt động phối hợp	☐	☐
6	Ý kiến khác: …… ……..	☐	☐

Câu 11: Thầy/Cô đánh giá như thế nào về tầm quan trọng của việc quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ?

☐ ☐ ☐ ☐ ☐

Không quan trọng Ít quan trọng Bình thường Quan trọng Rất quan trọng

Câu 12: Theo Thầy/Cô việc quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình do ai thực hiện?

A. ☐ Do Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng quản lý

B. ☐ Tùy theo công việc mà Hiệu trưởng quản lý hay phân công cho Phó hiệu trưởng quản lý

C. ☐ Do Hiệu trưởng quản lý

D. ☐ Do Phó hiệu trưởng quản lý

Câu 13: Thầy/Cô có thể cho biết mục đích quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ?

TT	Nội dung	Đồng ý	Không đồng ý
1	Nhằm tăng cường mối quan hệ gắn kết giữa nhà trường và gia đình	☐	☐
2	Giúp định hướng cho giáo viên trong công tác phối hợp với cha mẹ trẻ	☐	☐
3	Nhằm tăng cường điều hành các hoạt động của giáo viên với cha mẹ trẻ trong công tác giáo dục học sinh	☐	☐
4	Tăng cường hiệu quả hoạt động phối hợp giữa nhà trường với gia đình trong việc giáo dục trẻ	☐	☐
5	Giúp quản lý tốt các nguồn lực của nhà trường	☐	☐
6	Ý kiến khác: …… ……..	☐	☐

Câu 14: Thầy/Cô vui lòng cho biết mức độ thực hiện và hiệu quả thực hiện các nội dung quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ tại đơn vị mình?

Mức độ thực hiện Điểm 1: Không thực hiện Điểm 2: Ít khi Điểm 3: Thỉnh thoảng Điểm 4: Thường xuyên Điểm 5: Rất thường xuyên

Kết quả thực hiện Điểm 1: Không hiệu quả Điểm 2: Ít hiệu quả Điểm 3: Bình thường Điểm 4: Hiệu quả Điểm 5: Rất hiệu quả

TT	Nội dung	Các mức độ					Kết quả thực hiện				
		1	2	3	4	5	1	2	3	4	5
1. Lập kế hoạch quản lý phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ											
1.1	Khảo sát tình hình thực tế của nhà trường và phụ huynh tại	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐

	địa phương										
1.2	Xác định mục tiêu và các nội dung của hoạt động phối hợp	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
1.3	Xác định nguồn lực cần thiết cho việc thực hiện kế hoạch	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
1.4	Xây dựng kế hoạch phối hợp giữa nhà trường và gia đình	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
1.5	Thông qua kế hoạch trong hội đồng sư phạm nhà trường và lấy ý kiến đóng góp	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
1.6	Chỉnh sửa, hoàn thiện kế hoạch và công khai trong nhà trường	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
1.7	Chỉ đạo và duyệt kế hoạch hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình của các lớp	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
1.8	Nhà trường thành lập Ban đại diện Cha mẹ học sinh và phối hợp xây dựng kế hoạch hoạt động của ban đại diện cha mẹ học sinh của trường	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
2. Tổ chức thực hiện hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ											
2.1	Xây dựng cơ cấu, thành lập ban chỉ đạo.	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
2.2	Phân công, bố trí người phụ trách, giám sát hoạt động phối hợp	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
2.3	Phân công nhiệm vụ phù hợp	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐

	với từng thành viên trong trường										
2.4	Triển khai kế hoạch và phân bổ kinh phí, thời gian thực hiện	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
2.5	Thống nhất về mục tiêu, nội dung phối hợp giữa nhà trường và gia đình	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
3. Chỉ đạo thực hiện hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ											
3.1	Ra các quyết định phân công nhiệm vụ cụ thể	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
3.2	Hướng dẫn cách thức thực hiện các hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình cho từng bộ phận	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
3.3	Hướng dẫn, điều hành kịp thời; thiết lập cơ chế báo cáo, giám sát, động viên	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
3.4	Xây dựng các mối quan hệ phối hợp đa chiều	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
3.5	Định kỳ sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
4. Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ											
4.1	Xác định nội dung cần kiểm tra	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
4.2	Phân công nhân sự để thực	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐

	hiện công tác kiểm tra, đánh giá										
4.3	Quy định các tiêu chuẩn cụ thể để đánh giá việc thực hiện hoạt động phối hợp	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
4.4	Kiểm tra, đánh giá hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình theo kế hoạch	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
4.5	Đánh giá hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình thông qua kết quả giáo dục trẻ của giáo viên	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
4.6	Đánh giá hoạt động phối hợp thông qua nhận xét của cấp trên, cha mẹ trẻ và các lực lượng xã hội	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
4.7	Thường xuyên kiểm tra, theo dõi để điều chỉnh kịp thời hoạt động của giáo viên và các bộ phận trong việc phối hợp để kết quả ngày càng tốt và phù hợp hơn	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐

Câu 15: Thầy/Cô vui lòng đánh giá các yếu tố gây ảnh hưởng đến việc quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ?

TT	Các yếu tố gây ảnh hưởng đến quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ	Các mức độ				
		Rất ít	Ít	Trung bình	Nhiều	Rất nhiều
1. Về phía nhà trường						
1.1	Nhận thức của đội ngũ cán bộ - giáo viên - nhân viên về hoạt động phối hợp chưa đồng bộ	☐	☐	☐	☐	☐
1.2	Giáo viên chưa chú trọng đến việc phối hợp với gia đình trong việc giáo dục trẻ	☐	☐	☐	☐	☐
1.3	Giáo viên đi thăm gia đình trẻ còn hạn chế	☐	☐	☐	☐	☐
1.4	Các hình thức phối hợp giữa nhà trường và gia đình chưa thu hút sự quan tâm của cha mẹ trẻ	☐	☐	☐	☐	☐
1.5	Nội dung kế hoạch hoạt động phối hợp chưa đi vào chiều sâu	☐	☐	☐	☐	☐
1.6	Việc quản lý hoạt động còn mang tính hình thức	☐	☐	☐	☐	☐
1.7	Việc hỗ trợ tư vấn cho cha mẹ trẻ chưa thường xuyên	☐	☐	☐	☐	☐
1.8	Ý kiến khác: …….. …… ……	☐	☐	☐	☐	☐
2. Về phía gia đình						
2.1	Phụ huynh chưa biết, chưa hiểu hoặc chưa nhận thức đầy đủ về hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình	☐	☐	☐	☐	☐

	trong giáo dục trẻ					
2.2	Cách chăm sóc, giáo dục trẻ của gia đình không thống nhất với nhà trường	☐	☐	☐	☐	☐
2.3	Cha mẹ thiếu sự chủ động liên lạc, phối hợp chặt chẽ với giáo viên trong việc chăm sóc và giáo dục trẻ	☐	☐	☐	☐	☐
2.4	Nhiều gia đình tồn tại suy nghĩ giáo dục trẻ là trách nhiệm của nhà trường	☐	☐	☐	☐	☐
2.5	Cha mẹ của trẻ quan niệm rằng ở tuổi mầm non vấn đề giáo dục không quan trọng bằng chăm sóc	☐	☐	☐	☐	☐
2.6	Ý kiến khác: …….. …… ……	☐	☐	☐	☐	☐

Câu 16: Theo quý Thầy/Cô, nhà trường và gia đình cần làm gì để hoạt động phối hợp giáo dục trẻ đạt hiệu quả cao hơn?

Nhà trường: ……..

……..

……..

……..

……

. Gia đình:

……..

……..

……..

……..

……..

Xin chân thành cảm ơn và chúc sức khỏe quý Thầy/Cô.

Phụ lục 2

PHIẾU THĂM DÒ Ý KIẾN

(Dành cho Cha mẹ học sinh)

Kính gửi quý Cha mẹ học học sinh!

Tôi đang thực hiện đề tài ***"Quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở các trường mầm non Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh"***. Xin quý Cha mẹ học sinh vui lòng cho ý kiến về các câu hỏi dưới đây bằng cách đánh dấu (X) vào ô lựa chọn thích hợp hoặc ghi câu trả lời ngắn về một số vấn đề tôi nêu dưới đây.

Tôi cam kết những ý kiến của quý Cha mẹ học sinh chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu của đề tài, không nhằm mục đích nào khác. Tôi rất mong nhận được sự hỗ trợ của quý Cha mẹ học sinh.

Trân trọng cảm ơn quý Cha mẹ học sinh!

PHẦN A. TÌM HIỂU THÔNG TIN CÁ NHÂN

Anh/chị vui lòng cho biết thông tin cá nhân sau:

- Nghề nghiệp của Anh/Chị: ……..
- Trình độ học vấn của Anh/Chị:

  ☐ Phổ thông ☐ Dưới đại học ☐ Đại học ☐ Sau Đại học
- Anh/chị có mấy người con:

  ☐ 1 con ☐ 2 con ☐ Trên 2 con

PHẦN B. NỘI DUNG KHẢO SÁT

Câu 1: Theo Anh/Chị hoạt động phối hợp giữa gia đình với nhà trường có cần

thiết trong giáo dục trẻ?

☐ Không cần thiết ☐ Ít cần thiết ☐ Bình thường ☐ Cần thiết ☐ Rất cần thiết

Câu 2: Anh/ chị vui lòng cho biết mức độ liên hệ của gia đình với nhà trường nơi con mình đang học?

A. ☐ Hằng ngày

B. ☐ Hàng tuần

C. ☐ Vào đầu và cuối năm học

D. ☐ Khi có vấn đề xảy ra hoặc khi cần thiết

E. ☐ Không thực hiện

Câu 3: Anh/chị vui lòng cho biết lý do gia đình phối hợp với nhà trường là gì?

TT	Nội dung	Đồng ý	Không đồng ý
1	Để nắm bắt thông tin về con khi ở trường mầm non	☐	☐
2	Để tìm hiểu thêm về cá tính của con	☐	☐
3	Để tạo mối liên hệ gắn kết giữa gia đình và nhà trường trong việc giáo dục trẻ	☐	☐
4	Phối hợp cùng giáo viên trong việc chăm sóc, giáo dục con	☐	☐
5	Để phối hợp cùng nhà trường cũng cố các kiến thức, kỹ năng cần thiết khi về nhà	☐	☐
6	Để tạo ra sự thống nhất trong việc giáo dục trẻ	☐	☐
7	Hỗ trợ các hoạt động giáo dục trẻ của nhà trường	☐	☐
8	Con cần có sự chăm sóc đặc biệt hơn các bạn	☐	☐
9	Ý kiến khác: …… ……..	☐	☐

Câu 4: Anh/chị đã thực hiện những nội dung nào để phối hợp với nhà trường trong việc giáo dục trẻ?

TT	Nội dung gia đình phối hợp với nhà trường trong việc giáo dục trẻ	Các mức độ				
		Không bao giờ	Ít khi	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Rất thường xuyên
1	Gia đình chủ động liên hệ với giáo viên, với nhà trường để nắm vững mục tiêu, nội dung giáo dục trẻ	☐	☐	☐	☐	☐
2	Tham gia các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ do nhà trường tổ chức	☐	☐	☐	☐	☐
3	Gia đình thường xuyên gặp gỡ, trao đổi với giáo viên tại lớp để nắm bắt tình	☐	☐	☐	☐	☐

	hình học tập của con					
4	Gia đình thường xuyên trao đổi qua điện thoại với giáo viên phụ trách và nhà trường để biết về sinh hoạt và học tập của con	☐	☐	☐	☐	☐
5	Tham gia các buổi họp cha mẹ học sinh	☐	☐	☐	☐	☐
6	Đọc và ký tên hoặc ghi ý kiến vào sổ liên lạc (sổ bé ngoan) của con	☐	☐	☐	☐	☐
7	Rèn luyện, cũng cố các kỹ năng, bài học mà trẻ đã học tại trường	☐	☐	☐	☐	☐
8	Tham gia gia đóng góp xây dựng cơ sở vật chất để thực hiện các hoạt động giáo dục tại nhà trường	☐	☐	☐	☐	☐
9	Tham gia đóng góp ý kiến cho nhà trường về việc giáo dục trẻ	☐	☐	☐	☐	☐
10	Thực hiện tốt các công việc của hội cha mẹ học sinh để hỗ trợ nhà trường	☐	☐	☐	☐	☐
11	Tham gia các buổi tọa đàm, chuyên đề trong trường để chia sẻ kinh nghiệm	☐	☐	☐	☐	☐
12	Giúp các cha mẹ học sinh khác hiểu về vai trò và tầm quan trọng của việc phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ	☐	☐	☐	☐	☐
13	Cung cấp cho nhà trường các tài liệu bổ ích liên quan tới việc giáo dục trẻ và việc phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ	☐	☐	☐	☐	☐
14	Ý kiến khác: …….. ……	☐	☐	☐	☐	☐

Câu 5: Nhà trường nơi con Anh/Chị theo học đã sử dụng hình thức nào để phối hợp với gia đình?

Mức độ thực hiện Điểm 1: Không thực hiện Điểm 2: Ít khi Điểm 3: Thỉnh thoảng Điểm 4: Thường xuyên Điểm 5: Rất thường xuyên

Kết quả thực hiện Điểm 1: Không hiệu quả Điểm 2: Ít hiệu quả Điểm 3: Bình thường Điểm 4: Hiệu quả Điểm 5: Rất hiệu quả

TT	Các hình thức phối hợp giữa nhà trường với gia đình	Mức độ thực hiện					Kết quả thực hiện				
		1	2	3	4	5	1	2	3	4	5
1	Tổ chức các buổi họp cha mẹ học sinh theo định kỳ và thống nhất các nội dung phối hợp giữa nhà trường và gia đình bằng biên bản	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
2	Thành lập ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp, của trường	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
3	Nhà trường có thực hiện lịch tiếp phụ huynh vào những giờ cụ thể và công khai lịch tiếp phụ huynh trên bảng thông báo của trường	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
4	Nhà trường trao đổi với gia đình qua hình thức gọi điện thoại	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
5	Ban giám hiệu thường xuyên gặp gỡ, trao đổi với cha mẹ trẻ	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐

6	Nhà trường sử dụng sổ liên lạc (sổ bé ngoan) để liên lạc, trao	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐

	đổi với phụ huynh theo định kỳ mỗi tháng										
7	Mời cha mẹ học sinh đến trường để trao đổi trực tiếp	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
8	Mời cha mẹ trẻ tham gia vào các hoạt động của nhà trường như: lễ hội, hội thi, dã ngoại …	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
9	Tuyên truyền với cha mẹ trẻ về phương pháp, kiến thức khoa học về giáo dục trẻ thông qua bảng tin trường, lớp	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
10	Tổ chức báo cáo chương trình và nội dung giáo dục của nhà trường cho cha mẹ trẻ	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
11	Tổ chức giao lưu, trao đổi kinh nghiệm giáo dục với cha mẹ trẻ	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
12	Tổ chức cho mẹ trẻ báo cáo điển hình ở lớp (ở trường) về cách giáo dục con	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
13	Mời chuyên gia về trường trao đổi về phương pháp giáo dục trẻ	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
14	Giáo viên phụ trách lớp có kế hoạch thăm gia đình trẻ	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
15	Giáo viên chủ động trao đổi với phụ huynh vào giờ đón, trả trẻ	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐

16	Hòm thư góp ý	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
17	Vận động phụ huynh đóng góp tạo điều kiện về vật chất và tinh thần cho nhà trường	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
18	Phổ biến kế hoạch phối hợp giữa nhà trường và gia đình	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
19	Triển khai các văn bản, quy định của nhà nước về việc phối hợp giữa nhà trường và gia đình	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐

Câu 6: Nhà trường nơi con Anh/Chị theo học đã áp dụng phương pháp nào để phối hợp với gia đình?

Mức độ thực hiện Điểm 1: Không thực hiện Điểm 2: Ít khi Điểm 3: Thỉnh thoảng Điểm 4: Thường xuyên Điểm 5: Rất thường xuyên

Kết quả thực hiện Điểm 1: Không hiệu quả Điểm 2: Ít hiệu quả Điểm 3: Bình thường Điểm 4: Hiệu quả Điểm 5: Rất hiệu quả

TT	Các phương pháp phối hợp giữa nhà trường và gia đình	Mức độ thực hiện					Kết quả thực hiện				
		1	2	3	4	5	1	2	3	4	5
1	Phương pháp phối hợp bằng văn bản	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
2	Phương pháp dùng lời	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
3	Phương pháp truyền thông (thông tin giữa nhà trường và cha mẹ trẻ)	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
4	Phương pháp động viên, khuyến khích	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐

5	Phương pháp tổ chức hoạt động	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐

Câu 7: Theo anh/chị để nâng cao hiệu quả hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong việc giáo dục trẻ, nhà trường cần hỗ trợ, cung cấp những thông tin gì cho gia đình? *(có thể có nhiều lựa chọn)*

A. ☐ Mục đích, nội dung, cách thức phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ

B. ☐ Mục đích, nội dung, nhiệm vụ giáo dục trẻ của nhà trường

C. ☐ Đặc điểm sinh lý của trẻ mầm non theo từng giai đoạn cụ thể

D. ☐ Những kiến thức khoa học về giáo dục trẻ tại gia đình

E. ☐ Ý kiến khác: ……

Câu 8: Theo quý Anh/Chị, gia đình và nhà trường cần làm gì để hoạt động phối hợp giáo dục trẻ đạt hiệu quả cao hơn?

Gia đình: ……..

……..

……..

……..

……..

Nhà trường: ……..

……..

……..

……..

……..

Xin chân thành cảm ơn và chúc sức khỏe quý Anh/Chị.

Phụ lục 3

CÂU HỎI PHỎNG VẤN

(Dành cho Cán bộ quản lý)

Phần A. Thông tin cá nhân

- Họ và tên: …….
- Đơn vị công tác: ……...
- Vị trí đang đảm nhận: ……..

Phần B: Nội dung phỏng vấn

Câu 1: Theo Cô hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ có cần thiết không? Vì sao?

……

……

……

……

……

Câu 2: Theo Cô việc quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ giữ vị trí như thế nào? Vì sao?

……

……

……

……

……

Câu 3: Theo đánh giá của Cô, cha/mẹ trẻ nhận thức như thế nào về vai trò, trách nhiệm của mình đối với hoạt động phối hợp trong giáo dục trẻ? Vì sao?

……

……

……

……

……

Câu 4: Theo đánh giá của Cô, đội ngũ cán bộ - giáo viên - nhân viên của nhà trường có nhận thức như thế nào về hoạt động phối hợp trong giáo dục trẻ?

……

……

……

……

……

Câu 5: Cô có thể cho biết các hình thức phối hợp giữa nhà trường và gia đình mà đơn vị đã triển khai thực hiện? Vì sao ưu tiên thực hiện hình thức đó?

……

……

……

……

……

Câu 6: Cô có thể cho biết các phương pháp phối hợp giữa nhà trường và gia đình mà đơn vị đã áp dụng thực hiện? Vì sao ưu tiên phương pháp đó?

……

……

……

……

……

Câu 7: Theo Cô, cần làm gì để quản lý tốt hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình tại đơn vị của mình?

……

……

……

……

……

Xin chân thành cảm ơn, chúc Cô và gia đình nhiều sức khỏe và thành công!

Phụ lục 4

CÂU HỎI PHỎNG VẤN *(Dành cho Giáo viên)*

Phần A. Thông tin cá nhân

- Họ và tên: …….
- Đơn vị công tác: ……...
- Vị trí đang đảm nhận: ……..

Phần B: Nội dung phỏng vấn

Câu 1: Cô có thể cho biết, các hình thức Cô đã thực hiện để phối hợp với phụ huynh trong việc giáo dục trẻ? Vì sao ưu tiên thực hiện hình thức đó?

……

……

……

……

……

Câu 2: Theo đánh giá của Cô, trong những hình thức phối hợp mà Cô đã thực hiện, hình thức nào hiệu quả nhất? Vì sao?

……

……

……

……

……

Câu 3: Cô có thể cho biết, các phương pháp Cô đã thực hiện để phối hợp với phụ huynh trong việc giáo dục trẻ? Vì sao ưu tiên phương pháp đó?

……

……

……

……

……

Câu 4: Theo đánh giá của Cô, trong các phương pháp phối hợp mà Cô đã thực hiện thì phương pháp nào hiệu quả nhất? Vì sao?

……

……

……

……

……

Câu 5: Theo Cô hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình giúp ích gì cho việc giáo dục trẻ tại đơn vị?

……

……

……

……

……

Câu 6: Theo nhận xét của Cô, hoạt động phối hợp giữa gia đình với nhà trường trong giáo dục trẻ diễn ra ở mức độ nào?

……

……

……

……

……

Câu 7: Theo Cô, nhà trường cần làm gì để tạo điều kiện cho giáo viên thực hiện tốt hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ?

……

……

……

……

……

Xin chân thành cảm ơn Cô, chúc cô và gia đình nhiều sức khỏe và thành công!

Phụ lục 5

CÂU HỎI PHỎNG VẤN

(Dành cho Cha mẹ học sinh)

Phần A: Thông tin cá nhân

- Họ và tên: …….
- Con Anh/Chị đang học lớp: …… Trường: ……..

Phần B: Nội dung phỏng vấn

Câu 1: Theo Anh/chị, vì sao trong giáo dục trẻ cần có sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường?

……

……

……

……

……

Câu 2: Anh/Chị thường làm gì để phối hợp với nhà trường trong việc giáo dục trẻ?

……

……

……

……

……

Câu 3: Anh/Chị đánh giá như thế nào về mức độ phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong việc giáo dục trẻ hiện nay?

……

……

……

……

……

Xin chân thành cảm ơn, chúc Anh/Chị và gia đình nhiều sức khỏe và thành công!

Phụ lục 6

PHIẾU THĂM DÒ Ý KIẾN

(Dành cho cán bộ quản lý và giáo viên)

Kính gửi quý Thầy/Cô!

Cuộc thăm dò này nhằm nghiên cứu về tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở các trường mầm non Quận 2, TP. HCM. Chúng tôi mong đợi nhận được sự hỗ trợ nhiệt tâm của quý Thầy/Cô trong cuộc thăm dò này bằng cách đánh dấu (X) vào ô lựa chọn thích hợp trong bảng khảo sát dưới đây.

Tôi cam kết những ý kiến của quý Thầy/Cô chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu của đề tài và không nhằm mục đích nào khác.

Trân trọng cảm ơn quý Thầy/Cô!

PHẦN A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

Thầy/Cô vui lòng cho biết thông tin cá nhân sau:

- Đơn vị công tác: ……
- Chức vụ Thầy/Cô đang đảm nhận:

  ☐ Hiệu trưởng ☐ Phó hiệu trưởng ☐ Tổ trưởng chuyên môn ☐ Giáo viên
- Bằng cấp chuyên môn Thầy/Cô đã đạt được:

  ☐ Trung cấp ☐ Cao đẳng ☐ Đại học ☐ Sau Đại học
- Thâm niên công tác của quý Thầy/Cô trong ngành Giáo dục:

  ☐ Dưới 5 năm ☐ 6 - 10 năm ☐ 11 - 15 năm ☐ Trên 15 năm

PHẦN B. NỘI DUNG KHẢO SÁT

Câu 1. Quý Thầy/Cô đánh giá như thế nào về <u>mức độ cần thiết</u> của các biện pháp nâng cao chất lượng công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ?

Nội dung biện pháp	Mức độ cần thiết				
	Không cần thiết	**Ít cần thiết**	**Phân vân**	**Cần thiết**	**Rất cần thiết**
1. Nâng cao nhận thức của CBQL, GV và CMHS về hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ	☐	☐	☐	☐	☐
2. Xây dựng kế hoạch quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình	☐	☐	☐	☐	☐
3. Đổi mới việc tổ chức, chỉ đạo hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ	☐	☐	☐	☐	☐
4. Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ	☐	☐	☐	☐	☐
5. Đảm bảo các điều kiện hỗ trợ công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở các trường mầm non	☐	☐	☐	☐	☐

Câu 2. Quý Thầy/Cô đánh giá như thế nào về <u>mức độ khả thi</u> của các biện pháp nâng cao chất lượng công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ?

Nội dung biện pháp	Mức độ khả thi				
	Không khả thi	Ít khả thi	Phân vân	Khả thi	Rất khả thi
1. Nâng cao nhận thức của CBQL, GV và CMHS về hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ	☐	☐	☐	☐	☐
2. Xây dựng kế hoạch quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình	☐	☐	☐	☐	☐
3. Đổi mới việc tổ chức, chỉ đạo hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ	☐	☐	☐	☐	☐
4. Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ	☐	☐	☐	☐	☐
5. Đảm bảo các điều kiện hỗ trợ công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ ở các trường mầm non	☐	☐	☐	☐	☐

Xin chân thành cảm ơn và chúc sức khỏe quý Thầy/Cô.

Phụ lục 7

MỘT SỐ BẢNG SPSS

CHƯƠNG 2:

Nhóm CB-GV

C1

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Can thiet	35	38.9	38.9	38.9
	Rat can thiet	55	61.1	61.1	100.0
	Total	90	100.0	100.0	

Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
C3.1	90	1	5	4.19	.873
C3.2	90	1	5	4.32	.700
C3.3	90	1	5	4.13	.889
C3.4	90	1	5	4.47	.737
C3.5	90	1	5	4.32	.805
Valid N (listwise)	90				

C3.1

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Hoan toan khong dong y	2	2.2	2.2	2.2
	Khong dong y	4	4.4	4.4	6.7
	Phan van	3	3.3	3.3	10.0
	Dong y	47	52.2	52.2	62.2
	Hoan toan dong y	34	37.8	37.8	100.0
	Total	90	100.0	100.0	

C3.2

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Hoan toan khong dong y	2	2.2	2.2	2.2
	Dong y	53	58.9	58.9	61.1
	Hoan toan dong y	35	38.9	38.9	100.0
	Total	90	100.0	100.0	

C3.3

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Hoan toan khong dong y	2	2.2	2.2	2.2
	Khong dong y	6	6.7	6.7	8.9
	Dong y	52	57.8	57.8	66.7
	Hoan toan dong y	30	33.3	33.3	100.0
	Total	90	100.0	100.0	

C3.4

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Hoan toan khong dong y	2	2.2	2.2	2.2
	Phan van	1	1.1	1.1	3.3
	Dong y	38	42.2	42.2	45.6
	Hoan toan dong y	49	54.4	54.4	100.0
	Total	90	100.0	100.0	

C3.5

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Hoan toan khong dong y	2	2.2	2.2	2.2
	Khong dong y	1	1.1	1.1	3.3
	Phan van	4	4.4	4.4	7.8
	Dong y	42	46.7	46.7	54.4
	Hoan toan dong y	41	45.6	45.6	100.0
	Total	90	100.0	100.0	

C5

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	It quan tam	1	1.1	1.1	1.1
	Binh thuong	5	5.6	5.6	6.7
	Quan tam	56	62.2	62.2	68.9
	Rat quan tam	28	31.1	31.1	100.0
	Total	90	100.0	100.0	

Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
C8.1a	90	1	5	3.62	.990
C8.2a	90	3	5	4.32	.615
C8.3a	90	1	5	4.16	.702
C8.4a	90	1	5	3.74	.829
C8.5a	90	1	5	3.77	.835
Valid N (listwise)	90				

Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
C8.1b	90	1	5	3.42	1.027
C8.2b	90	2	5	4.19	.685
C8.3b	90	1	5	4.04	.792
C8.4b	90	1	5	3.66	.863
C8.5b	90	1	5	3.70	.841
Valid N (listwise)	90				

C9

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Hiem khi	2	2.2	2.2	2.2
	Thinh thoang	20	22.2	22.2	24.4
	Thuong xuyen	49	54.4	54.4	78.9
	Rat thuong xuyen	19	21.1	21.1	100.0
	Total	90	100.0	100.0	

C12

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	A. Do Hieu truong va Pho hieu truong quan lý	24	26.7	26.7	26.7
	Tuy theo cong viec ma Hieu truong quan ly hay phan cong...	59	65.6	65.6	92.2
	Do Hieu truong quan ly	6	6.7	6.7	98.9
	Do Pho hieu truong quan lý	1	1.1	1.1	100.0
	Total	90	100.0	100.0	

Nhóm CMHS

C1

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Binh thuong	19	12.7	12.7	12.7
	Can thiet	93	62.0	62.0	74.7
	Rat can thiet	38	25.3	25.3	100.0
	Total	150	100.0	100.0	

C2

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Hang ngay	58	38.7	38.7	38.7
	Hang tuan	50	33.3	33.3	72.0
	Vao dau va cuoi nam hoc	13	8.7	8.7	80.7
	Khi co van de xay ra hoac khi can thiet	29	19.3	19.3	100.0
	Total	150	100.0	100.0	

C3.1

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Dong y	140	93.3	93.3	93.3
	Khong dong y	3	2.0	2.0	95.3
	4	7	4.7	4.7	100.0
	Total	150	100.0	100.0	

C3.2

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Dong y	128	85.3	85.3	85.3
	Khong dong y	22	14.7	14.7	100.0
	Total	150	100.0	100.0	

C3.3

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Dong y	147	98.0	98.0	98.0
	Khong dong y	3	2.0	2.0	100.0
	Total	150	100.0	100.0	

C3.4

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Dong y	144	96.0	96.0	96.0
	Khong dong y	6	4.0	4.0	100.0
	Total	150	100.0	100.0	

C3.5

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Dong y	100	66.7	66.7	66.7
	Khong dong y	50	33.3	33.3	100.0
	Total	150	100.0	100.0	

C3.6

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Dong y	147	98.0	98.0	98.0
	Khong dong y	3	2.0	2.0	100.0
	Total	150	100.0	100.0	

C3.7

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Dong y	119	79.3	79.3	79.3
	Khong dong y	31	20.7	20.7	100.0
	Total	150	100.0	100.0	

C3.8

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Dong y	36	24.0	24.0	24.0
	Khong dong y	114	76.0	76.0	100.0
	Total	150	100.0	100.0	

Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
C5.1a	150	1	5	4.11	.815
C5.2a	150	2	5	4.22	.722
C5.3a	150	1	5	4.09	.859
C5.4a	150	2	5	4.13	.780
C5.5a	150	1	5	3.20	.990
C5.6a	150	4	5	4.39	.490
C5.7a	150	1	5	3.77	1.050
C5.8a	150	1	5	3.75	.955
C5.9a	150	1	5	3.71	1.364
C5.10a	150	1	5	2.89	1.520
C5.11a	150	1	4	2.41	1.124
C5.12a	150	1	5	2.33	1.398
C5.13a	150	1	5	2.15	1.250
C5.14a	150	1	5	3.43	1.138
C5.15a	150	3	5	4.43	.727
C5.16a	150	1	5	2.86	1.204
C5.17a	150	1	5	3.47	.974
C5.18a	150	3	5	4.01	.645
C5.19a	150	1	5	2.82	1.118
Valid N (listwise)	150				

Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
C5.1b	150	1	5	3.69	.876
C5.2b	150	2	5	4.03	.649
C5.3b	150	1	5	3.77	.763
C5.4b	150	2	5	3.65	.804
C5.5b	150	1	5	2.96	.989
C5.6b	150	3	5	4.23	.625
C5.7b	150	1	5	3.60	1.099
C5.8b	150	1	5	3.62	1.008
C5.9b	150	1	5	3.54	1.314
C5.10b	150	1	5	2.70	1.365
C5.11b	150	1	4	2.25	1.105
C5.12b	150	1	5	2.16	1.316
C5.13b	150	1	4	1.82	1.093
C5.14b	150	1	5	3.03	1.341
C5.15b	150	1	5	4.31	.955
C5.16b	150	1	5	2.48	1.241
C5.17b	150	1	5	3.39	.947
C5.18b	150	1	5	3.63	1.059
C5.19b	150	1	5	2.53	1.202
Valid N (listwise)	150				

Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
C6.1a	150	2	5	3.67	.967
C6.2a	150	3	5	4.37	.562
C6.3a	150	3	5	4.05	.622
C6.4a	150	2	5	3.77	.763
C6.5a	150	2	5	3.91	.838
Valid N (listwise)	150				

Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
C6.1b	150	1	5	3.46	1.115
C6.2b	150	3	5	4.24	.598
C6.3b	150	3	5	3.80	.666
C6.4b	150	2	5	3.43	.781
C6.5b	150	1	5	3.53	.825
Valid N (listwise)	150				

C7.a

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Dong y	98	65.3	65.3	65.3
	Khong dong y	52	34.7	34.7	100.0
	Total	150	100.0	100.0	

C7.b

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Dong y	54	36.0	36.0	36.0
	Khong dong y	96	64.0	64.0	100.0
	Total	150	100.0	100.0	

C7.c

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Dong y	105	70.0	70.0	70.0
	Khong dong y	45	30.0	30.0	100.0
	Total	150	100.0	100.0	

C7.d

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Dong y	70	46.7	46.7	46.7
	Khong dong y	80	53.3	53.3	100.0
	Total	150	100.0	100.0	

CHƯƠNG 3

CT1: Nang cao nhan thuc cua CBQL, GV va CMHS ve hoat dong phoi hop...

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Phan van	1	1.2	1.2	1.2
	Can thiet	28	32.6	32.6	33.7
	Rat can thiet	57	66.3	66.3	100.0
	Total	86	100.0	100.0	

CT2: Xay dung ke hoach quan ly hoat dong phoi hop giua nha truong va gia dinh

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Can thiet	31	36.0	36.0	36.0
	Rat can thiet	55	64.0	64.0	100.0
	Total	86	100.0	100.0	

CT3: Doi moi viec to chuc, chi dao hoat dong phoi hop...

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Can thiet	47	54.7	54.7	54.7
	Rat can thiet	39	45.3	45.3	100.0
	Total	86	100.0	100.0	

CT4: Tang cuong cong tac kiem tra, danh gia hoat dong phoi hop...

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Can thiet	49	57.0	57.0	57.0
	Rat can thiet	37	43.0	43.0	100.0
	Total	86	100.0	100.0	

CT5: Dam bao cac dieu kien ho tro cong tac quan ly hoat dong phoi hop...

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Can thiet	42	48.8	48.8	48.8
	Rat can thiet	44	51.2	51.2	100.0
	Total	86	100.0	100.0	

KT1: Nang cao nhan thuc cua CBQL, GV va CMHS ve hoat dong phoi hop...

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Kha thi	47	54.7	54.7	54.7
	Rat kha thi	39	45.3	45.3	100.0
	Total	86	100.0	100.0	

KT2: Xay dung ke hoach quan ly hoat dong phoi hop giua nha truong va gia dinh

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	It kha thi	2	2.3	2.3	2.3
	Phan van	1	1.2	1.2	3.5
	Kha thi	61	70.9	70.9	74.4
	Rat kha thi	22	25.6	25.6	100.0
	Total	86	100.0	100.0	

KT3: Doi moi viec to chuc, chi dao hoat dong phoi hop...

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Khong kha thi	1	1.2	1.2	1.2
	It kha thi	2	2.3	2.3	3.5
	Phan van	4	4.7	4.7	8.1
	Kha thi	57	66.3	66.3	74.4
	Rat kha thi	22	25.6	25.6	100.0
	Total	86	100.0	100.0	

KT4: Tang cuong cong tac kiem tra, danh gia hoat dong phoi hop...

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	It kha thi	3	3.5	3.5	3.5
	Phan van	6	7.0	7.0	10.5
	Kha thi	57	66.3	66.3	76.7
	Rat kha thi	20	23.3	23.3	100.0
	Total	86	100.0	100.0	

KT5: Dam bao cac dieu kien ho tro cong tac quan ly hoat dong phoi hop...

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Phan van	1	1.2	1.2	1.2
	Kha thi	60	69.8	69.8	70.9
	Rat kha thi	25	29.1	29.1	100.0
	Total	86	100.0	100.0	

Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
CT1: Nang cao nhan thuc cua CBQL, GV va CMHS ve hoat dong phoi hop...	86	3	5	4.65	.503
CT2: Xay dung ke hoach quan ly hoat dong phoi hop giua nha truong va gia dinh	86	4	5	4.64	.483
CT3: Doi moi viec to chuc, chi dao hoat dong phoi hop...	86	4	5	4.45	.501
CT4: Tang cuong cong tac kiem tra, danh gia hoat dong phoi hop...	86	4	5	4.43	.498
CT5: Dam bao cac dieu kien ho tro cong tac quan ly hoat dong phoi hop...	86	4	5	4.51	.503
KT1: Nang cao nhan thuc cua CBQL, GV va CMHS ve hoat dong phoi hop...	86	4	5	4.45	.501
KT2: Xay dung ke hoach quan ly hoat dong phoi hop giua nha truong va gia dinh	86	2	5	4.20	.570
KT3: Doi moi viec to chuc, chi dao hoat dong phoi hop...	86	1	5	4.13	.700
KT4: Tang cuong cong tac kiem tra, danh gia hoat dong phoi hop...	86	2	5	4.09	.662
KT5: Dam bao cac dieu kien ho tro cong tac quan ly hoat dong phoi hop...	86	3	5	4.28	.477
Valid N (listwise)	86				

Phụ lục 8

BẢNG TỔNG HỢP Ý KIẾN TRẢ LỜI PHỎNG VẤN

CÁN BỘ QUẢN LÝ

Câu hỏi	Đơn vị	Mã hóa	Nội dung trả lời
Theo Cô hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ có cần thiết không? Vì sao?	Trường VK	CBQL 2	Việc phối hợp giữa nhà trường và gia đình là quan trọng và cần thiết cho việc giáo dục trẻ vì đó là nguyên tắc cơ bản để giúp trẻ phát triển tốt nhất. Giáo dục trẻ tốt đòi hỏi sự quan tâm đúng cách của nhà trường, gia đình và mọi người trong xã hội
	Trường TĐ	CBQL 3	Đây là hoạt động tối ưu và cần thiết. Vì giúp nắm bắt được đặc điểm, tâm sinh lý, điều kiện sống, môi trường sống của trẻ, trẻ đang sống với ai? Nhu cầu, công việc của ba mẹ trẻ như thế nào? Từ đó đưa ra được các biện pháp tối ưu giúp trẻ phát triển toàn diện nhất.
	Trường TML	CBQL 4	Hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình rất quan trọng là một hoạt động trong nhà trường mầm non hiện nay. Việc kết hợp giữa nhà trường và gia đình nhằm chia sẻ những kinh nghiệm, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình giáo dục trẻ và tạo ra những nguồn lực về vật chất và tinh thần để hỗ trợ nhà trường trong công tác giáo dục trẻ.
	Trường CL	CBQL 5	Hoạt động phối hợp giữa hà trường và gia đình rất cần thiết. Vì việc kết hợp giữa nhà trường và phụ huynh tạo sự thống nhất về phương pháp giáo dục, nội dung để tuyên truyền cho phụ huynh những kiến thức về nuôi con khoa học, những biện pháp để giáo dục con ở nhà cùng với nhà trường để kết quả đạt được tốt hơn.
Theo Cô việc quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ giữ vị trí như thế nào? Vì	Trường VK	CBQL 2	Việc quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ giữ vị trí quan trọng hàng đầu vì nếu hoạt động phối hợp này không ăn khớp với nhau sẽ làm cho hiệu quả giáo dục bị đi ngược lại với mong muốn, gây cản trở trong việc hình thành nhân cách trẻ.
	Trường TĐ	CBQL 3	Theo tôi công tác này giữ vị trí hàng đầu vì nó giúp nắm bắt được đặc điểm tâm sinh lý của trẻ từ đó đưa ra được các biện pháp đồng thời chỉ đạo cho giáo viên đưa ra những biện pháp cho học trò thích ứng với nhu cầu của trẻ, xem trẻ cần gì và những kỹ năng gì mình cần hỗ trợ cho trẻ nhằm giúp trẻ được chăm sóc, giáo dục tốt hơn.

sao?	Trường TML	CBQL 4	Trong nhà trường mầm non có rất nhiều hoạt động khác nhau như: hoạt động phối hợp với phụ huynh, hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng, hoạt động giáo dục, hoạt động phòng chống dịch bệnh … nhưng tất cả các hoạt động này đều cần có sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường. Vì những hoạt động này đều hướng tới mục đích cuối cùng là tạo ra môi trường tốt nhất cho trẻ hoạt động cho nên phối hợp giữa nhà trường và gia đình là rất quan trọng.
	Trường CL	CBQL 5	Việc quản lý công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình là việc rất quan trọng. Vì khi mình quản lý được vấn đề đó thì việc tuyên truyền, giáo dục đến phụ huynh, việc thống nhất các phương pháp giáo dục giữa nhà trường với phụ huynh sẽ đạt hiệu quả cao giúp tạo sự thống nhất thì kết quả mới tốt
Theo đánh giá của Cô, cha/mẹ trẻ nhận thức như thế nào về vai trò, trách nhiệm của mình đối với hoạt động phối hợp trong giáo dục trẻ? Vì sao?	Trường VK	CBQL 2	Một số bậc phụ huynh còn xem nhà trường là môi trường giáo dục duy nhất cho trẻ, thường hay đỗ lỗi cho nhà trường hoặc đỗ lỗi cho xã hội. Cách nuôi dạy trẻ ở gia đình đôi khi còn "trống đánh xuôi, kèn thổi ngược"
	Trường TĐ	CBQL 3	Cha mẹ là người luôn luôn quan tâm và giữ trách nhiệm chính với trẻ. Thực tế trường tôi, phần đông cha mẹ đi làm và để con em mình cho ông bà, người giúp việc chăm sóc cho nên những việc phối hợp thể hiện vai trò, trách nhiệm của phụ huynh đối với nhà trường chỉ đạt khoảng 80%.
	Trường TML	CBQL 4	Đối với trường mầm non Thạnh Mỹ Lợi, phụ huynh đa phần là dân tái định cư Thủ Thiêm. 2/3 phụ huynh thường ở nhà, không có việc làm ổn định. 1/3 phụ huynh có việc làm ổn định. Nhưng tất cả phụ huynh đều quan tâm đến hoạt động giáo dục của trẻ bằng những biện pháp như đầu giờ đón trẻ hay khi trả trẻ phụ huynh hỏi thăm cô hôm nay ở trường bé học gì, làm gì.
	Trường CL	CBQL 5	Mấy năm trước thì phụ huynh phó mặc cho trường, thời gian sau này thì thấy phụ huynh cũng nhận thức rõ được tầm quan trọng trong sự phối hợp thì phụ huynh có sự phối hợp chặt chẽ với mình hơn, có sự trao đổi nhiều hơn như trao đổi giữa giáo viên với phụ huynh về cách dạy con sao cho tốt, thì phụ huynh nhận thức rõ được tầm quan trọng của việc phối hợp, đưa công tác giáo dục ngày càng tốt hơn. Do công tác truyền thông thì người ta cũng nắm và cập

			nhật được. Hơn nữa, trình độ dân trí ở trong dân ngày càng cao nên việc nhận thức được vấn đề quan trọng giữa phối hợp nhà trường, gia đình trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ ngày càng có kết quả tốt hơn
Theo đánh giá của Cô, đội ngũ cán bộ - giáo viên - nhân viên của nhà trường có nhận thức như thế nào về hoạt động phối hợp trong giáo dục trẻ?	Trường VK	CBQL 2	Một bộ phận không nhỏ giáo viên ở trường chỉ tập trung cho chất lượng học tập, xem nhẹ giáo dục, đổ lỗi cho gia đình và xã hội, chưa thấy được tầm quan trọng của mối quan hệ "dạy chữ, dạy người"
	Trường TĐ	CBQL 3	100% đội ngũ giáo viên, nhân viên nhà trường đều nhận thức rất tốt về công tác phối hợp giáo dục trẻ. Nhờ có sự phối hợp mà giáo viên nắm bắt được đặc điểm của học trò mình để đưa ra những hoạt động giáo dục riêng vì mỗi bé mỗi vẻ, mỗi tâm sinh lý riêng để giáo dục tốt hơn
	Trường TML	CBQL 4	Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường đều nhận thấy hoạt động phối hợp giữa phụ huynh và nhà trường đóng vai trò rất quan trọng trong việc giáo dục học sinh. Ở trường có các bảng tin trường, lớp để trao đổi với phụ huynh. Cần phối hợp với phụ huynh điều gì thì các cô có thể thông báo trên bảng tin hoặc trao đổi trực tiếp.
	Trường CL	CBQL 5	Giáo viên cũng nhận thức được tầm quan trọng trong công tác phối hợp giữa cô với phụ huynh. Tôi nhận thấy giáo viên có ý thức hơn trong việc tuyên truyền đến phụ huynh về công tác chăm sóc, giáo dục trẻ. Giáo viên cũng hướng dẫn cho phụ huynh biết được những kiến thức cơ bản để giáo dục con.
Cô có thể cho biết các hình thức phối hợp giữa nhà trường và gia đình mà đơn vị đã triển khai thực hiện? Vì sao ưu tiên thực hiện hình thức đó?	Trường VK	CBQL 2	- Thực hiện bảng tuyên truyền, thay đổi nội dung mỗi tuần. - Thông qua các buổi họp phụ huynh trong năm, trao đổi trong giờ đón trả trẻ, đặt tủ thư góp ý - Trưng bày sản phẩm của trẻ, tổ chức chuyên đề
	Trường TĐ	CBQL 3	Hình thức phối hợp giữa nhà trường và gia đình mà trường tôi đã thực hiện là: thực hiện bảng tuyên truyền trường, lớp; Tổ chức các buổi họp; giáo viên trực tiếp trao đổi với phụ huynh; thực hiện sổ liên lạc hàng tháng gửi về. Tôi ưu tiên thực hiện các hình thức trên vì đó là những hình thức dễ dàng và tiện lợi nhất để thông tin đến phụ huynh. Khi phụ huynh đưa con đến trường sẽ dễ dàng xem bảng tin để cập nhật những thông tin, thông báo của

			trường, lớp. khi phụ huynh đưa con đến lớp sẽ trao đổi với giáo viên tại lớp những vấn đề cần thiết.
	Trường TML	CBQL 4	Các hình thức phối hợp như bằng bảng tin, trao đổi trực tiếp, thông qua các lễ hội, chuyên đề giáo dục sẽ mời phụ nhuynh đến trường xem con mình học được những gì và những kỹ năng cần thiết cho trẻ ở trường mầm non là gì. Vì nhà trường học sinh không đông nên không có kinh phí để mơi báo cáo viên. Nhưng nhà trường lịch tiếp dân, phòng tư vấn cho học sinh nên phụ huynh có điều gì vướng mắc có để đến gặp để trao đổi
	Trường CL	CBQL 5	Thứ nhất là bảng tuyên truyền của lớp, của trường; loa phát thanh buổi sáng, buổi chiều. Công tác có hiệu quả hiệu quả nhất là trao đổi trực tiếp giữa phụ huynh và giáo viên vì viết bảng thông báo nhiều lúc phụ huynh cũng không xem. Việc trao đổi trực tiếp là thiết thực nhất.
Cô có thể cho biết các phương pháp phối hợp giữa nhà trường và gia đình mà đơn vị đã áp dụng thực hiện? Vì sao ưu tiên phương pháp đó?	Trường VK	CBQL 2	- Bằng biên bản các buổi họp PHHS, các văn bản triển khai, chỉ đạo củ cấp trên, số liên lạc. - Phương pháp tuyên truyền dưới mọi hình thức - Thành lập hội CMHS - Kiểm tra, đánh giá, khen thưởng
	Trường TĐ	CBQL 3	Đầu năm, khi bán đơn nhập học, trường tôi có tổ chức một buổi họp cho tất cả phụ huynh. Tôi sẽ nêu ra những gì cần thiết cho lứa tuổi mầm non khi đi học, những tâm lý phụ huynh cần chuẩn bị cho bé khi đến trường như thế nào, trình bày những khó khăn trong trường, phương pháp phụ huynh cần hỗ trợ, hợp tác với nhà trường trong quá trình con mình theo học để việc chăm sóc giáo dục trẻ được tốt hơn. Tôi ưu tiên trên nhất là phương pháp nói chuyện, là, thành một buổi tọa đàm giữa nhà trường và phụ huynh để phụ huynh nắm được lịch sinh hoạt của nhà trường để cùng nhà trường chăm sóc, giáo dục trẻ. Mặc dù sau này phụ huynh không có điều kiện đưa con đến lớp thì cũng nắm được những vấn đề cần thiết trong quá trình trẻ đế trường.
	Trường TML	CBQL 4	Nhà trường sử dụng các phương pháp trực tiếp như trao đổi trực tiếp với phụ huynh. Các phương pháp gián tiếm như sổ bé ngoan, bảng tuyên tuyền, loa phát thanh, tờ bướm, tờ rơi. Vì những phương pháp này phù hợp với điều kiện thực tế tại trường và cũng phù hợp với phụ huynh.

	Trường CL	CBQL 5	Phương pháp dùng lời luôn được bản thân tôi và tập thể nhà trường ưu tiên thực hiện vì nó thiết thực và dễ thực hiện
Theo Cô, cần làm gì để quản lý tốt hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình tại đơn vị của mình?	Trường VK	CBQL 2	Tạo điều kiện phù hợp với trình độ phát triển về kinh tế và văn hóa của địa phương, trình độ nhận thức của mỗi gia đình, thời gian thuận tiện có nhiệm vụ gắn kết, phối hợp cùng nhau trong giáo dục trẻ.
	Trường TĐ	CBQL 3	Đây là hoạt động không phải 1 ngày mà phải xuyên suốt từ đầu năm học đến cuối năm học, nên tôi phải chỉ đạo cho giáo viên lúc nào cũng có sự trao đổi với phụ huynh để có vấn đề gì thì giáo viên là người trực tiếp lên nói chuyện với Ban giám hiệu, để Ban giám hiệu xem những gì tốt sẽ phát huy và những gì còn vướng mắc thì mình điều chỉnh cho tốt.
	Trường TML	CBQL 4	Đối với nhà trường thì Ban giám hiệu có 3 người, mỗi người phụ trách về một mảng khác nhau như một người phụ trách về chuyên môn, một người phụ trách về bán trú và một người phụ trách chung nhưng tất cả đều phải phối hợp tốt với nhau để hoạt động của nhà trường nói chung và hoạt động phối hợp với phụ huynh nói riêng diễn ra tốt đẹp
	Trường CL	CBQL 5	Để việc quản lý phối hợp giữa nhà trường và gia đình đạt kết quả tốt thì theo kinh nghiệm của chị, buổi sáng mình cần đi thăm các lớp xem việc trao đổi giữa phụ huynh và các lớp có tốt không. Thứ hai là kiểm tra các bảng thông tin tuyên truyền, các bài phát thanh của loa tuyên truyền để đảm bảo nội dung phù hợp.

GIÁO VIÊN

Câu hỏi	Đơn vị	Mã hóa	Nội dung trả lời
Cô có thể cho biết, các hình thức Cô đã thực hiện để phối hợp với phụ huynh trong việc giáo	Trường AP	GV 1	Tôi thường thực hiện 2 hình thức. Thứ nhất là bảng tuyên truyền, thứ hai là giao tiếp trực tiếp với phụ huynh. Vì mình cần tuyên truyền cho phụ huynh những gì mình dạy trong ngày hoặc những gì mình muốn truyền đạt cho phụ huynh thì mình sẽ dán lên bảng tuyên truyền. Nếu phụ huynh có điều chưa hiểu hoặc phụ huynh muốn tìm hiểu về con thì mình và phụ huynh sẽ trao đổi trực tiếp với nhau
	Trường	GV 3	Hình thức đã thực hiện; Giao tiếp, thông qua bảng tuyên

dục trẻ? Vì sao ưu tiên thực hiện hình thức đó?	TĐ		truyền. Vì hai hình thức này trực tiếp, thường xuyên hơn các hình thức khác như: gọi điện thoại cho phụ huynh
	Trường TML	GV 4	Tôi phối hợp với phụ huynh bằng cách đầu năm tôi sẽ họp phụ huynh học sinh để phổ biến về chương trình học của các bé trong năm, cũng như sự phối hợp trong việc chăm sóc giáo dục trẻ trong một năm học của các bé. Từ đó, phụ nhuynh và và giáo viên có sự phối hợp rất chặt chẽ để chăm sóc, giáo dục trẻ tốt hơn. Ngoài ra trong quá trình dạy, tôi sẽ trao đổi với phụ huynh từng trẻ về đặc điểm của từng bé để đề ra những phương pháp giáo dục, những mục tiêu giáo dục trẻ phù hợp hơn.
	Trường SH	GV 6	Phối hợp với phụ huynh trong việc giáo dục trẻ có các hình thức như: trao đổi với phụ huynh qua giờ đón trả trẻ, tuyên truyền với phụ huynh qua bảng tuyên truyền, qua sổ bé ngoan. Vì những giờ đón trả trẻ mình mới gặp được phụ huynh và nếu mình không thể gặp được nhiều phụ huynh cùng một lúc thì phụ huynh có thể coi qua bảng tuyên truyền, nếu có gì thắc mắc phụ huynh hỏi thì mình sẽ trả lời.
Theo đánh giá của Cô, trong những hình thức phối hợp mà Cô đã thực hiện, hình thức nào hiệu quả nhất? Vì sao?	Trường AP	GV 1	Hình thức hiệu quả nhất đó là trực tiếp giao tiếp với phụ huynh. Khi mình trực tiếp trao đổi thì phụ huynh sẽ ghi nhớ nhiều hơn là chỉ đọc lướt qua trên bảng tuyên truyền.
	Trường TĐ	GV 3	Hình thức trao đổi trực tiếp với phụ huynh là hiệu quả nhất. Vì khi trao đổi trực tiếp với phụ huynh sẽ nhanh và hiệu quả hơn. Còn khi tuyên truyền qua bảng tin, bảng tuyên truyền thì có phụ huynh đọc, có phụ huynh không đọc.
	Trường TML	GV 4	Theo tôi, việc trao đổi trực tiếp hiệu quả hơn. Vì khi mình họp phụ huynh thì lúc đó mình chỉ có một khoảng thời gian nhất định nào đó để trao đổi phụ huynh nên mình không thể nắm bắt thông tin từng trẻ. Khi trao đổi trực tiếp mình sẽ nắm thông tin trao đổi của từng trẻ cụ thể hơn, chính xác hơn.Từ đó đôi sẽ đề ra mục tiêu giáo dục phù hợp hơn
	Trường SH	GV 6	Hình thức đạt hiệu quả cao nhất là hình thức trò chuyện với phụ huynh trong giờ đón, trả trẻ. Vì phụ huynh trao đổi trực tiếp với mình sẽ dễ hơn qua bảng tuyên truyền vì một số phụ huynh cũng không để ý đến nội dung mình ghi.

Cô có thể cho biết, các phương pháp Cô đã thực hiện để phối hợp với phụ huynh trong việc giáo dục trẻ? Vì sao ưu tiên phương pháp đó?	Trường AP	GV 1	Chủ yếu là sử dụng phương pháp dùng lời khi giao tiếp với phụ huynh. Ngoài ra, tôi còn sử dụng phương pháp truyền đạt như truyền đạt qua học trò, qua bảng tuyên truyền, qua thông tin trên tờ bướm, qua những buổi họp phụ huynh.
	Trường TĐ	GV 3	Chủ yếu tôi dùng biện pháp đàm thoại và dùng lời. Vì hằng ngày trực tiếp gặp phụ huynh nên dễ dàng áp dụng để nắm được tâm tư, tâm lý của trẻ để giáo dục trẻ tốt hơn.
	Trường TML	GV 4	Hằng tháng tôi sẽ phối hợp với phụ huynh bằng cách tuyên truyền qua bảng tin. Nếu phụ huynh có hỏi vấn đề gì thì tôi sẽ trao đổi trực tiếp với phụ huynh.
	Trường SH	GV 6	Tôi thường thực hiện phương pháp tuyên truyền, vận động. Ngoài ra, tôi còn dùng phương pháp dùng lời, trực quan, giao bài về cho trẻ.
Theo đánh giá của Cô, trong các phương pháp phối hợp mà Cô đã thực hiện thì phương pháp nào hiệu quả nhất? Vì sao?	Trường AP	GV 1	Phương pháp hiệu quả nhất là phương pháp dùng lời để giao tiếp trực tiếp với phụ huynh. Vì truyền tải được nhiều nội dung đến phụ huynh. Khi mình giao tiếp và nhờ phụ huynh phối hợp với mình trong việc giáo dục trẻ, nếu phụ huynh thấy hợp lý sẽ về làm cho con như rèn thêm cho bé kỹ năng biết tự thay đồ, cầm viết tô màu …
	Trường TĐ	GV 3	Phương pháp dùng lời và đàm thoại là hiệu quả nhất. Vì 2 phương pháp nó hỗ trợ cho nhau và trực tiếp với phụ huynh nên hiệu quả hơn những phương pháp khác.
	Trường TML	GV 4	Theo tôi. Phương pháp trao đổi trực tiếp với phụ huynh là hiệu quả hơn Vì qua bảng tuyên truyền nhiều khi phụ huynh chưa hình dung được về phương pháp. Khi trao đổi trực tiếp thì phụ huynh không hiểu gì thì tôi có thể trao đổi và hướng dẫn phụ huynh để hỗ trợ cùng cô cũng cố cho trẻ khi ở nhà
	Trường SH	GV 6	Phương pháp dùng lời để trò chuyện, đàm thoại với phụ huynh là hiệu quả nhất. Vì nó trực tiếp và mình nắm được nhiều thông tin về trẻ.
Theo Cô hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình	Trường AP	GV 1	Hoạt động phối hợp giữa phụ huynh với nhà trường và giữa phụ huynh ới giáo viên sẽ giúp cho cô giáo dục trẻ tiến bộ hơn, giúp cô rút ra được những phương pháp dạy trẻ tốt hơn.
	Trường TĐ	GV 3	Hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình có giúp ích cho việc giáo dục trẻ. Vì giữa nhà trường và gia đình

giúp ích gì cho việc giáo dục trẻ tại đơn vị?			có sự phối hợp với nhau thì giáo dục cho bé sẽ tốt và thuận lợi hơn. Hoạt động phối hợp sẽ giúp nhà trường nắm rõ về bé và phụ huynh nắm được đặc điểm của nhà trường để có sự lựa chọn trường cho bé theo học.
	Trường TML	GV 4	Công tác phối hợp giữa nhà trường và gia đình giúp ích rất nhiều. Tạo điều kiện cho cô có thời gian, phương tiện để hiểu trẻ hơn giúp đạt mục tiêu giáo dục đề ra
	Trường SH	GV 6	Việc phối hợp giữa nhà trường và gia đình rất quan trọng. Vì mình trao đổi những gì trẻ chưa đạt được với phụ huynh để phụ huynh phối hợp rèn thêm cho trẻ khi ở nhà. Nếu công tác phối hợp tốt sẽ giúp mình hoàn thành tốt công tác giáo dục của mình.
Theo nhận xét của Cô, hoạt động phối hợp giữa gia đình với nhà trường trong giáo dục trẻ diễn ra ở mức độ nào?	Trường AP	GV 1	Theo tôi thấy hoạt động phối hợp giữa gia đình và nhà trường chỉ đạt mức độ khá
	Trường TĐ	GV 3	Hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình tại trường đạt mức tốt
	Trường TML	GV 4	Theo đánh giá của tôi thì hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình tại đơn vị đạt mức 98 – 99%
	Trường SH	GV 6	Đạt mức khá
Theo Cô, nhà trường cần làm gì để tạo điều kiện cho giáo viên thực hiện tốt hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ?	Trường AP	GV 1	Nhà trường nên tạo điều kiện cho giáo viên học thêm lớp giao tiếp khéo léo với phụ huynh, giúp phụ huynh vừa dễ tiếp nhận vừa hợp lòng, hợp ý phụ huynh. Vì không phải giáo viên nào cũng có kỹ năng giao tiếp khéo, hợp lòng phụ huynh.
	Trường TĐ	GV 3	Nhà trường cần tạo điều kiện cho giáo viên có thời gian trao đổi với phụ huynh khi phụ huynh có nhu cầu. vì nhà trường quy định buổi sáng nên hạn chế trao đổi với phụ huynh lâu quá sẽ ảnh hưởng đến việc quản trẻ và cho trẻ ăn, có việc gì thì trao đổi vào buổi chiều. Tạo điều kiện về thời gian như thế nào? cho phép giáo viên trao đổi nhiều hơn vào buổi sáng thay vì 5 – 10 phút như hiện tại vì nhiều lúc nói không hết vấn đề cần thiết.
	Trường TML	GV 4	Theo tôi như vậy đã được. Vì thời gian phụ huynh sắp xếp vào họp 1 năm 2 lần tôi thấy đã tạm ổn. Thời gian đầu để biết về những nội dung giáo dục con như thế nào. Cuối năm phụ huynh sẽ nghe

			cô tổng kết lại con mình đã đạt được những gì, phụ huynh phối hợp với nhà trường và cô giáo ra sao. Ngoài ra, trong suốt năm học nhà trường có tổ chức lễ hội phụ huynh sẽ được trải nghiệm, tham gia cùng con. Hầu như tháng nào trường cũng có tổ chức lễ hội, phụ huynh sẽ vào xem on học hành ra sao, ăn uống thế nào, phụ huynh hiểu được công việc của cô và cũng an tâm hơn khi gửi con ở trường.
	Trường SH	GV 6	Nhà trường nên tạo những buổi nói chuyện về tâm lý con cái cho phụ huynh hiểu được. Khi tổ chức thì nên tổ chức chung để tất cả mọi người có thể cùng tham gia một lúc.

CHA MẸ HỌC SINH

Câu hỏi	Đơn vị	Mã hóa	Nội dung trả lời
Theo chị, vì sao trong giáo dục trẻ cần có sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường?	Trường AP	PH 1	Phối hợp giữa gia đình và nhà trường để thống nhất cách giáo dục trẻ trên lớp và ở nhà cho đồng bộ giúp trẻ phát triển tốt hơn
	Trường TĐ	PH 3	Để cho bé phát triển tốt hơn
	Trường CL	PH 5	Phối hợp giữa gia đình và nhà trường là cần thiết Phải có sự phối hợp để việc dạy dỗ con được tốt. Mình phải theo dõi các hoạt động ăn, nghỉ ngơi, học hành của bé. Khi bé ở lớp thì cô dạy, khi bé về nhà thì ông bà, bố mẹ nuôi, xem sức khỏe, tình trạng thế nào để hai bên theo dõi thì bé mới phát triển tốt.
	Trường SH	PH 6	Vì mỗi trẻ là một cá thể riêng biệt. Ở trường tuy có những giờ học chung nhưng mỗi trẻ sẽ khác nhau và bố mẹ là người hiểu con mình nhất. Mẹ nắm được đặc điểm của con mình và nói với cô về đặc điểm của bé để việc giáo dục bé được tốt hơn.
	Trường BA	PH 7	Tôi thấy thời gian mình gửi con ở trường thì thời gian con thức rất nhiều. Con chơi ở lớp cùng với các cô. Còn thời gian ở nhà bé chỉ được chơi ít cùng với bố mẹ rồi đến giờ ăn và đi ngủ. Thời gian bé ở trường cả ngày thì các cô cũng nắm rõ sức khỏe, tâm lý của bé, bé có những thay đổi gì. Phụ huynh cần có sự trao đổi với giáo viên để biết được tình hình của con khi ở lớp cũng như các cô biết được tình hình của con khi về nhà. Cần có sự phối hợp gia đình và nhà trường để giáo dục bé tốt hơn. Bé có

			những biểu hiện thái độ gì thì phụ huynh biết để can thiệp kịp thời hay giáo viên biết để giáo dục trẻ.
Chị thường làm gì để phối hợp với nhà trường trong việc giáo dục trẻ?	Trường AP	PH 1	Tôi thường đọc các bảng tin về các bài học trên lớp xem trong tuần nhiệm vụ của bé cần làm gì. Về nhà có thời gian tôi cho bé làm theo hoặc về nhà thấy bé nhỏ hay hát các bài hát cô dạy trên lớp tôi cũng hát theo con hoặc trò chuyện hỏi con xem hôm nay con học bài gì trên lớp
	Trường TĐ	PH 3	Tôi thường gặp trực tiếp và thường xuyên hỏi thăm cô về sinh hoạt trong trường của bé để có gì hỗ trợ thêm cho giáo viên
	Trường CL	PH 5	Mỗi sáng đến lớp gửi bé, tối đón bé về thì tôi hỏi cô là bé có ăn tốt không, bé ngủ tốt không, bé học hành như thế nào. Về nhà bé chịu hát, chịu học như thế nào thì mình cũng trình bày cho cô nghe.
	Trường SH	PH 6	Bản thân tôi cuối mỗi buổi học, tôi thường hỏi thăm cô hôm đó bé học những gì, con ăn uống như thế nào. Về nhà mình sẽ hỏi lại để xem mức độ con tiếp thu như thế nào. Tôi luôn động viên con đi học rất vui nên bé nhà mình không ngại đi học. Ngày nào mình cũng hỏi cô việc ăn uống, học tập trên trường của bé, bé có tham gia các lớp ngoại khóa không.
	Trường BA	PH 7	Tôi hay xem bảng thông báo của lớp để xem cô dạy bé những gì như chào hỏi, bài thơ, bài hát gì thì mình nhìn vào đó và về dạy cho bé thêm khi ở nhà để tránh trường hợp là ở lớp cô dạy còn về nhà thì mình quá nuông chiều con làm cho on có tính ỷ lại.
Chị đánh giá như thế nào về mức độ phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong việc giáo dục trẻ hiện nay?	Trường AP	PH 1	Việc phối hợp giữa gia đình và nhà trường hiện nay hơi ít. Lý do của việc này cũng rất khách quan. Khách quan bởi vì bản thân phụ huynh phải đi làm cũng không có nhiều thời gian để theo sát và phối hợp với cô. Vấn đề này không hẳn là tại ai nhưng thực chất là vấn đề phối hợp chưa được chặt chẽ và đa dạng lắm. Vấn đề phối hợp là phải từ cả 2 phía nhà trường và gia đình.
	Trường TĐ	PH 3	Đã thực hiện tốt. cô thường xuyên trao đổi với phụ huynh về sinh hoạt và học tập
	Trường CL	PH 5	Tôi thấy tốt. Vì trước đây bé chưa đi học thì bé nghịch lắm, ăn uống, giấc ngủ của bé không được đều đặn. Từ lúc đi học đến giờ, tôi thấy bé ngủ đúng giấc, ăn ngon, ăn đúng giờ giấc, tăng cân, thấy bé biết được nhiều thứ, thấy bé khôn ngoan ra nhiều. Sự phối hợp với nhà trường rất

			tốt. Có thế thì chị mới an tâm và gửi cháu.
	Trường SH	PH 6	Mức độ phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong việc giáo dục trẻ có sự khác nhau giữa các trường, ví dụ như mô hình các trường công lập và tư thục sẽ khác nhau. Ở trường tư thục cháu mình học thì mỗi ngày đều có ghi lại lịch trình làm việc của bé. Nhưng tôi nghĩ không phải ai cũng quan tâm và đọc, do tùy từng phụ huynh. Ở các trường công lập, nếu mình hỏi thì các cô sẽ trả lời, bản thân mình thì ngày nào cũng hỏi nhưng nếu để chủ động thì các cô không đủ thời gian cho việc đó. Tuy nhiên, không phải phụ huynh nào cũng hỏi như vậy, thường là chỉ trao đổi theo tháng hoặc theo tuần. Theo mình sổ liên lạc của bé nên thực hiện theo tuần vì ghi theo tháng thì nó rất chung chung. Qua đó, giúp phụ huynh nắm bắt tình hình của con nhiều hơn.
	Trường BA	PH 7	Nếu về bản thân mình, tôi nghĩ mình phối hợp với các cô giáo khoảng 80 – 90% vì mình rất quan tâm đến con. Mình đồng ý với cách dạy của trường nên mình phối hợp rất tốt. Còn những phụ huynh khác người ta cũng chú trọng việc phối hợp nhà trường, gia đình vì bây giờ gia đình nào cũng ít con mà ai cũng phải đi làm, phải gửi con cho các thầy cô nên mình nghĩ ai cũng phải phối hợp để con họ phát triển tốt.